

VŨ ĐỨC HUYNH

TỔNG LUẬN VỀ TƯỚNG PHÁP

Tướng Pháp là một môn khoa học
có tính “nhân quả” và hiện thực



THẠC SỸ VŨ ĐỨC HUYNH

Biên soạn

TỔNG LUẬN VỀ TƯỚNG PHÁP



NHÀ XUẤT BẢN HẢI PHÒNG

LỜI NÓI ĐẦU

Con người còn tàng chứa nhiều điều bí mật trong chính bản thân. Nhiều môn khoa học đi sâu nghiên cứu như: y học, tam, sinh lý, gen v.v... cũng đã và đang lôi cuốn sự tò mò, niềm đam mê của bao người. Song nhiều môn khoa gọi là “thần bí” trong đó có tướng pháp đã ra đời từ hàng nghìn năm và trải qua bao thăng trầm: ngừng phát, nó vẫn tồn tại; lưu truyền qua bao thời đại. Nó luôn luôn cuốn hút sự tò mò của con người.

Sau khi đã đọc nhiều, học nhiều ở các vị tiền bối kiến thức uyên thâm, cuốn sách này được chúng tôi biên soạn với phương pháp tổng luận để phát huy thành quả nghiên cứu của các bậc cao nhân một cách hệ thống, khoa học, logic dễ đọc, dễ hiểu, nhằm thỏa mãn phần nào ý muốn tìm hiểu, ứng dụng của bạn đọc.

Không thể nói đến sự hoàn hảo của bất kỳ tác phẩm nào, nên rất mong sự đóng cảm và lương thứ của bạn đọc về các khuyết điểm của cuốn sách.

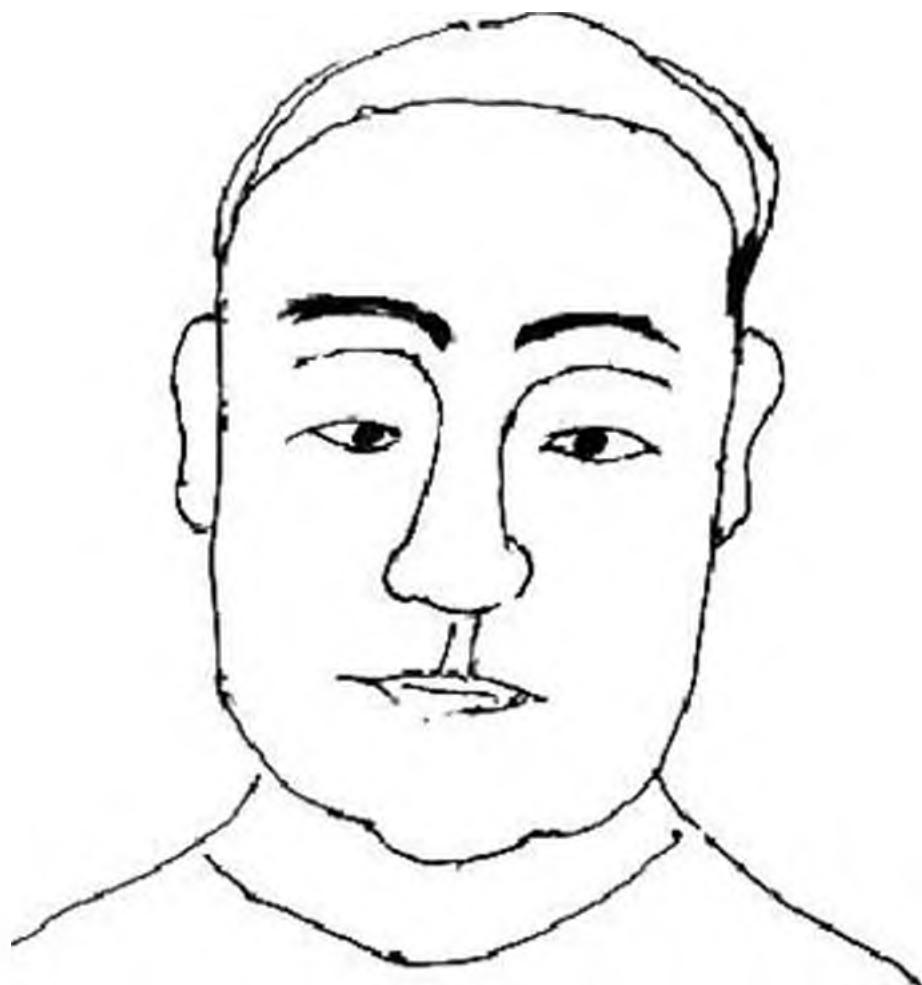
Xin cảm ơn tác giả của các cuốn sách tham khảo và các bạn đã góp phần để tác phẩm có thể ra mắt bạn đọc.

Vũ Đức Huynh



CHƯƠNG I

KHÁI LUẬN VỀ TƯỚNG PHÁP



I. TƯỚNG MẠO.

1. Người sinh ra có hình thể, diện mạo ngay từ lúc chào đời “3 tiếng khóc”.

Hình thể, diện mạo, định hình dần cùng với nhân cách: bản chất, cử chỉ, tâm tính, hành động v.v...

Hình thể và diện mạo gắn chặt với những đức tính làm cho quan niệm cần phải tìm hiểu nó. Bởi vậy mà từ hàng nghìn năm trước công nguyên, ở nhiều nơi trên trái đất, những nhà “tiên tri”, “thức giả” đã đề cập một phương cách xem xét và



phán đoán bản tính con người qua hình thể và diện mạo. Sự hoàn chỉnh dần cách thức nhận xét đã ra đời môn tướng pháp với một tương lý khoa học.

2. Từ chõ truyền miệng nhau đến làm thành những câu phú (thời Ma-y tiên sinh khoảng 965) đến những câu thơ, ca dao cho dễ nhớ như: “Đàn ông không râu bất nghi; Đàn bà không vú lấy gì nuôi con” hay “Mắt trăng giã, môi thâm xì trai thì bất nghĩa, gái mi sát chồng” v.v...

Đấy, tướng hình suy ra nhân cách. Nó có được từ phương pháp điều tra và tổng hợp chứ không phải vu vơ không căn cứ.

II. SÚC VẬT, CỎ CÂY CŨNG CÓ HÌNH TƯỚNG.

1. Không phải trên trái đất chỉ có con người có hình thể, diện mạo mới có bản tính. Các loại vật cũng có bản tính cỏ cây cũng “kén đất”. Từ xưa đã có quan niệm rằng: Người có linh hồn. Súc vật có sinh hồn. Cỏ cây có giác hồn. Khi đã có “hồn” thì có tính cách. Hồn từ hình mà biểu hiện (biểu hiện ra ngoài). Cái gọi là nhân cách, súc cách, giác cách là do thiên (tại trời) tạo. “Cha mẹ sinh con, trời sinh tính”. Không phải cái gì không giải thích được thì ta đều đổ tại “Trời”. Hoặc gò ép lý giải vô đoán.

2. Đối với sự khó hiểu - huyền bí, ta chỉ cần nghĩ rằng: hình thế nào thì tính thế vậy. Tính thế nào thì hình lộ ra như vậy. Quan niệm như thế thì “Tướng pháp” không phải thứ mà ta gọi là khoa học huyền bí. Mà ngược lại nó có tính “nhân quả” và hiện thực. Hãy lấy cái “quả” để xét cái “nhân” bằng phương pháp điều tra, tổng hợp rất thực tế và khoa học. Hãy cứ chấp nhận một cách “thông hiểu” như vậy để đừng gán cho khoa Tướng pháp là khoa học huyền bí.



III. TƯỚNG PHÁP LÀ NGHIÊN CỨU VỀ THỰC THẾ.

1. Ngày xưa cha ông ta đã có câu: “Trông mặt mà bắt hình dong; Nước suýt có béo thì lòng mới ngon”. Như vậy ta thấy rằng từ một thực thể nhìn thấy “trông mặt” và “nước suýt” (nước luộc lòng) thì hiểu được bản chất con người hay cái “chất” ngon của lòng.

2. Điều đó cho ta một nhận thức: Khoa Tướng pháp đâu phải thứ “huyền bí”. Tướng pháp là nghiên cứu những thực thể, phân loại sắp xếp bằng phương pháp điều tra, tổng hợp quy nạp các thực thể đó rồi đối chiếu vào quá trình sống thực, trải nghiệm; để có được những thông tin về bản tính, thái độ, tình cảm, cuộc sống cá thể: Giàu, nghèo, thông minh, ngu đần, hạnh phúc và bất hạnh, hiền lành và gian xảo, chân thành hay mưu mô, thiện tâm và ác độc, khổ và sướng, thọ và yếu, nhàn hạ hay vất vả, khỏe mạnh hay ốm đau, sang trọng hay tầm thường, kiêu ngạo hay khiêm tốn, thật thà và dối trá v.v...

Những cặp phạm trù tương phản trên đều có thể liên quan tới hình thể và diện mạo. Tính sắc xuất hay tính đồng đẳng đều đưa đến những kết quả hữu ích. Những người ngồi ở tĩnh điện - văn phòng chuyên tâm nghiên cứu tướng lý đã dày công đúc kết từ hàng nghìn năm.

3. Những người thực hành tướng pháp vận dụng lý thuyết vào thực tế và kiểm chứng đúng sai cũng đã trải qua thực nghiệm hàng trăm năm. Công sức của hai nhóm tướng pháp không phải bỏ ra để làm một việc vô bổ. Mà họ làm để giúp ích cho xã hội và con người trong một phạm vi nào đó và cho chính bản thân họ.



IV. TƯỚNG LÝ CÓ QUAN HỆ VỚI NHIỀU MÔN, KHOA HỌC.

1. Khoa tướng pháp có tướng lý làm cơ sở lý luận. Có được lý luận mới thực sự khoa học. Tướng lý nghiên cứu sâu xa nguồn gốc phát sinh, những cơ sở và luận cứ khoa học mới đúng vững.

2. Tướng lý không đứng riêng lẻ một mình mà nó thừa hưởng nhiều kiến thức bổ trợ của các lý thuyết cơ bản của nhiều khoa, nhiều môn khác. Bởi vậy nói tướng lý có liên quan đến học thuyết âm dương, đến kiến thức Ngũ hành (Trung Hoa). Tướng lý liên quan tới Y lý, cả Đông y lẫn Tây y. Đông y có Y lý và Đông y với tướng pháp bổ trợ cho nhau từ hàng trăm năm. Các lương y bắt bệnh dùng đến tướng pháp qua hình thể, sắc diện (quan, vấn, mạch...). Tướng pháp lại từ hình thể, sắc diện mà luận ra bệnh trạng. Ông Vị Tẩu đời Tống (Trung Hoa năm 420) không chỉ giỏi tướng pháp mà thạo đông y đã từng cho rằng tướng lý là một cánh tay giúp y thuật.

3. Tây y cũng đã rút ra rằng: nhiều bệnh tật được thể hiện ra bên ngoài làm thay đổi sắc thể; biến đổi hình thể nhiều bộ phận liên quan. Bác sỹ người Áo những năm nửa đầu thế kỷ 20 tên là Joself Renald cũng đã cho rằng sự biến đổi hình dạng và màu sắc của một số bộ phận trên có thể có liên quan tới tình trạng bất thường của một số cơ quan nội tạng v.v... (bệnh cảnh).

Như vậy, phương pháp suy luận và kiểm chứng thực tế giải phẫu và bệnh lý đã làm nhiều y gia có nhận thức đúng về sự liên quan giữa y lý và tướng lý.

4. Tướng lý là cơ sở ứng nghiệm của khoa học hình sự. Đã từ xa xưa khi mà trình độ học vấn của loài người còn hạn chế. Số người biết đọc, biết viết không nhiều. Khi giao dịch văn tự



ra đời, các nhà xã hội đã nhờ sự gợi ý của các nhà tướng - lý mà phương pháp “điểm chỉ” vào văn tự được ứng dụng.

5. Khi nghiên cứu tướng lý các tướng thuật gia thấy rằng có nhiều bộ phận trên có thể người thuộc “tiên thiên” và “bất biến” (mới sinh ra đã vậy) và (không thay đổi suốt đời).

Một bộ phận trong số đó là vân (văn) ngón tay người. Vì thế nó được coi là một trong điều kiện để bảo lưu minh chứng. Vấn đề thứ hai là hàng tỷ người không ai có vân tay giống ai. Vì thế là điều kiện thứ hai đã bảo chứng.

Với 2 điều kiện rất cơ bản ấy mà phương pháp điểm chỉ thay cho chữ ký đã được ứng dụng. Và bây giờ vẫn đang được sử dụng trong việc lưu giữ “chứng minh thư”.

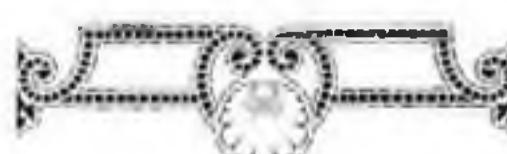
Thời đại số phát triển, vân ngón tay đang được ứng dụng rộng rãi ở các nước tiên tiến trên các thẻ nhớ, thẻ bảo mật, thẻ nhận dạng v.v...

Ngoài ứng dụng như đã nêu, ngày nay trong công tác hình sự, tướng pháp cũng giúp ích đắc lực trong công tác điều tra. Những điều tra viên có kiến thức tướng pháp sẽ là một lợi thế ban đầu cho hướng điều tra phá án.

6. Trong xã hội cái gọi là “linh cảm” từ một thực thể hình dạng, diện mạo, sắc khí để cảm nhận một điều gì đó. Cái đó chính là đã sử dụng tướng lý.

Sau này, con người được “nhân bản” như trong các phim khoa học viễn tưởng hiện hành, không rõ vân tay có giống nhau giữa hai con người chính và người “nhân bản” hay không!? Nếu viễn tưởng thành hiện thực.

Song, tôi thiết nghĩ “nhân bản” cũng giống “phiên bản” photôcopy thì đâu có khó nhận ra. Dẫu cho khoa học phát triển như viễn tưởng thì khó thay thế tạo hóa (trời) mà tạo ra người như ý muốn.



7. Tưởng lý với tâm, sinh lý.

1) Tưởng lý không tách rời kiến thức tâm, sinh lý. Tâm lý có nghiên cứu khí chất tính cách... Người ta không chỉ nói đến: Plamantique, Mélangcolique, Colique v.v... Những tính khí đặc trưng tâm lý đó, mà ngành tâm lý học còn đề cập có tính nội sinh. Còn tưởng lý lại nối liền mối liên quan nội sinh với ngoại sinh. Tức là mối liên hệ từ tư tưởng bên trong với hình thể bên ngoài, diện mạo (tưởng mặt) bên ngoài.

Từ hình thể, diện mạo suy ra nhân cách. Đó là phép ngoại suy logic. Nó không tự có vu vơ. Từ một ngành khoa học đã được truyền dạy cho các nhà giáo dục, nhà chính trị, nhà xã hội, người làm công tác hình sự. Nó có tính khoa học. Đó là khoa tâm lý học, mà tưởng pháp liên quan.

Việc làm của các tướng thuật gia là tìm đến sự biểu hiện “nhân quả” - biểu lý của thực thể mà ứng dụng, nhằm thỏa mãn mong muôn biết trước điều gì đó về bản thân. Tâm lý con người ai chả vậy.

2) Phân tích tướng pháp, ta thấy sử dụng nhiều đến những hiểu biết sinh lý. Từ thực thể cấu trúc khung xương của cá thể (kiến thức sinh lý) để suy đến những thông tin về cá thể đó. Ví dụ thông tin về thể chất, về thọ yếu, về tính cách v.v...

Như vậy không thể nói tướng lý xa rời sinh lý. Thời xa xưa ở Trung Hoa, đời nhà Đường (năm 618 - 906) có ông Viên Thiện Cương, Viên Trung Triệt; ông Lưu Cơ ở thời Nguyên Minh (1285 - 1357) và ông Từ Thuận ở đời nhà Tùy (năm 580 - 617) họ đều là các học giả nghiên cứu sâu xa tướng lý và sinh lý. Họ là những tướng thuật gia tài ba kiến thức thâm hậu nổi tiếng các thời đại.



V. MỘT TƯỚNG LÝ NHIỀU TRƯỜNG PHÁI.

1. Tướng lý là cơ sở lý luận cơ bản để dựa vào đó mà phát triển bổ sung các phương pháp và đó là điều hiển nhiên. Vì vậy những tướng thuật gia đều phát kiến ra các phương cách khác nhau để xem xét tướng mạo.

Trong thực tế tướng pháp tuy chỉ nghiên cứu về người mà thôi thì cũng vô cùng phong phú. Chỉ nghiên cứu tướng hình một bộ phận thôi cũng rộng lớn rồi. Bởi vậy, nhiều trường phái đi sâu vào một số khía cạnh, góc nhìn để tìm hiểu, ứng dụng.

Tuy nhiên, trường phái nào cũng đều quan tâm những thông tin về: phú, quý, thọ, yếu, minh, khang, yếu, hèn, sang, đần, thiện ác v.v...

2. Mỗi “phép” - phương pháp đều có cái hay và những hạn chế. Cái hay là đơn giản hóa, cụ thể hóa, dễ hiểu, dễ nhận biết. Cái hạn chế là không có nét riêng biệt, có tính sáng tạo. Sự khác biệt có chăng là loại bỏ cái khó hiểu này thì lại đề ra thứ khó hiểu khác.

3. Một số nhà nghiên cứu tướng pháp Việt Nam thì việc đem nguyên những khái niệm và thuật ngữ tướng pháp Trung Hoa trong khi tiếng Việt thừa khả năng biểu đạt. Mặt khác, tướng pháp Việt Nam phải nghiên cứu người Việt Nam. Tham khảo và kế thừa, chắt lọc và lựa chọn để áp dụng là điều hiển nhiên trong khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học. Nhưng không thể cái gì cũng bệ nguyên trong khi thứ mình có mà không dùng. Hơn nữa dân tộc này khác dân tộc khác. Tướng pháp có thể có tính chủng tộc, nhưng nhất tiết phải mang tính dân tộc, bộ tộc. Có như vậy mới hợp lý cả thực tiễn và tính khoa học.



Người Việt từ khi gọi là dân “giao chỉ” (Hai ngón chân cái choặc ra chầu vào nhau) đến người Việt Nam ngày nay trải 4000 năm phát triển đã hoàn mỹ dần dần về hình thể và nâng cao dần về trí tuệ, dân trí. Song những chuẩn mực nhân cách cơ bản vẫn giữ nguyên phần lớn các tiêu chí. Những nét mới về cử chỉ, hoạt động, tình cảm, hạnh phúc... Cần được nhận định khác hơn về phương diện tướng pháp.

Như vậy, chẳng những về hình thể mà về các hành vi ứng xử phải được nhìn nhận khác hơn, bổ sung thêm nhằm làm cho tướng pháp ngày càng gần với thực tế Việt Nam.

5. Ở Châu Âu khi nghiên cứu tướng lý, họ cũng tham khảo tướng lý Á Châu nói chung và tướng lý Trung Hoa nói riêng. Họ cũng áp dụng thuyết Âm Dương, Thuyết Ngũ Hành để đưa ra quan điểm vào tướng pháp Châu Âu: ví dụ họ chia bàn tay ra 4 phần: Thủy, Hỏa, Thổ, Khí. “Khí” là quan niệm mới của họ. Hay họ chia bàn tay thành phần Âm và phần Dương (sẽ giới thiệu ở Chương 7).

6. Ở Trung Hoa (Trung Quốc) ngay trong một thời đại (nhà Minh khoảng 1369 - 1649) cũng sinh ra nhiều trường phái tướng pháp ví như: phái Tứ độc, phái Ngũ tinh... Phái gọi là “Phái Viên Củng” (Tên của Viên Củng, một tướng thuật gia giỏi ở đời Minh); tương đương đời nhà Trần từ Trần Nghệ Tông, niên hiệu Thiệu Khánh đến đời Lê Chân Tông, niên hiệu Phúc Thái (Lê Chân Tông tên tự là Duy - Hựu) 1643 đến 1649 của lịch triều Việt Nam.

Phái Viên Củng (gọi là phái vì có nhiều tướng thuật gia học theo. Vì Viên Củng đưa ra “36 phép xét tướng mạo người” nên có tên “tướng phái 36 phép”. Vì “Liễu Trang Cư Sỹ” này tâm đắc với sáng kiến của mình. Ông truyền dạy cho con trai và học trò hàng chục người. Con trai ông là Viên Trung Kiệt (cũng



giỏi tướng pháp nhưng lại thiếu đức) đã truyền lan rộng rãi thành lập phe phái mà là phái “giang hồ” lấy nghề xem tướng kiếm sống gây nhiều điều không hợp đạo lý.

7. Khi khoa tướng thuật thịnh hành, nó làm ra đời nhiều phe phái. Khi phe phái mọc lên nhiều xảy ra bài xích lẫn nhau. (Chủ yếu là phái thực hành tướng pháp - “Phái giang hồ”. Còn phái nghiên cứu tướng lý và tướng pháp thì ít phản bác nhau, “phái thư phòng” này không lộ diện ra ngoài. Họ đều là bậc học giả có đức độ...). Ví như phái “bát học đường” chê phái “tứ học đường” đều thuộc “giang hồ”.

8. Tướng lý thì ngày càng sâu rộng, phong phú, sát thực; giảm bớt tính gọi là “huyền bí” mà khoa học và thực tế hơn. Tướng lý gắn kết với nhiều môn khoa học làm cho tướng pháp mang tính khoa học và thiết thực giúp vận dụng hữu ích vào đời sống và thỏa mãn tính hiếu kỳ vốn dĩ của con người.

9. Thế kỷ 21, khoa học tự nhiên đạt nhiều thành quả. Khoa học ứng dụng ngày càng phát triển rực rỡ góp phần nâng cao khả năng cho con người cải thiện đời sống, chinh phục thiên nhiên, vũ trụ; đáp ứng ngày càng thiết thực hơn mơ ước của con người. Nhưng thế kỷ 21 cũng sẽ là một thế kỷ mà nhiều học giả đầu tư nhiều công sức vào nghiên cứu lĩnh vực tâm linh. Tâm linh có sức cuốn hút sự tò mò của con người. Khi các nhà khoa học có thể có trong tay những phương tiện và điều kiện, công cụ và thực tiễn để nghiên cứu, nhiều vấn đề sẽ được sáng tỏ.

10. Thế kỷ 21 là thế kỷ mà phụ nữ tham gia chính trường nhiều. Thế kỷ của phụ nữ.

Thế kỷ 21 là thế kỷ một đạo làm loạn đạo.

Thế kỷ 21 là thế kỷ của tâm linh.



Thế kỷ 21 nước biển sẽ dâng cao nguy cho thành Veni nước Ý.

Đó là những điều dự đoán từ thế kỷ 20.

VI. NHỮNG THAY ĐỔI CỦA NGƯỜI VIỆT NAM.

Tương pháp cần quan tâm tới sự thay đổi về thể hình và chỉ số trí tuệ nói chung, về tập quán, dời sông, ví dụ người Việt Nam năm 1980 đã cao hơn trước (1945), trung bình 1 cm. Trọng lượng tăng 1kg ở Nam và 3kg ở nữ. Chỉ số trí tuệ (IQ) tăng 30 - 40%. Dời sông đã được nâng cao 20%. Tuy rằng những chỉ số trên không đồng đều giữa các vùng thành thị và nông thôn; miền xuôi khác miền ngược. Ở miền núi 1/3 dân số còn thiếu thốn, ở nông thôn vẫn còn 1/5 dân số còn thiếu thốn, nhưng không có chết vì đói nghèo.

Từ đó ta thấy quan niệm nghèo hèn cũng phải thận trọng khi xem tướng mạo một ai đó. Ví dụ nghèo đói thành không dư dật, ngu đần thành thiểu năng trí tuệ. Ngôn từ cần phù hợp với nhận thức ngày càng khác của xã hội và dân trí.



CHƯƠNG II

CÁC BIỆT TƯỚNG VÀ NHỮNG THÔNG TIN DỰ BÁO

PHẦN I:

CÁC BIỆT TƯỚNG - KHÁI NIỆM

Trong xã hội có rất nhiều kiểu người; nhưng nổi bật chỉ có 19 điển hình về bản chất và điển hình bản chất ấy được thể hiện ra hình tướng rất đặc biệt; hình tướng dù ẩn kín (người ta khó nhìn thấy ngay) dù lồ lộ ra ngoài thì nó đều cho ta những thông tin đặc biệt để khái quát hóa nhân cách của con người đó.

I. Hình tướng biểu lộ đặc biệt nhân cách của một cá nhân nào đó. Nó nằm ngoài những mẫu hình bình thường. Nó được các tướng thuật gia Đông, Tây, Kim, Cổ phân gọi là biệt tướng. Tướng mạo đặc thù.

Trong những biệt tướng đó, nó đều cung cấp cho người xem tướng những nhận định chuẩn xác, dự báo chắc chắn. Và nó diễn ra phù hợp với thực tế cuộc sống của cá nhân đó về sau.

Biệt tướng là “tiên thiên - bẩm sinh - thiên định” có từ khi



sinh ra và tồn tại. Nó “bất biến”. Nó không biến dạng, không mất đi và cũng không xuất hiện sau, trong quá trình sống của cá nhân đó kể từ khi định tướng (tuổi thanh niên).

Biệt tướng chi phối toàn bộ, bộc lộ nổi bật nhân cách như: hiền triết, bạo tàn, gian trá, phản bội, vương giả, lảng lơ, dâm đãng, nghèo hèn, thông thái...

Nhìn vào tướng mạo, người có kiến thức về lĩnh vực này bị nó đập ngay vào mắt (lộ tướng) và có thể nhận định ngay được nhân cách.



PHẦN II:

CÁC BIỆT TƯỚNG VÀ NHỮNG THÔNG TIN

I. Tóc gáy dựng ngược hay soáy ngược cũng vậy là biệt tướng của kẻ làm phản. Người này trước sau rồi cũng làm phản những người, ý tưởng mà họ đã theo đuổi, là kẻ “lừa thầy phản bạn”.

1. Mức độ lừa phản tùy thuộc mức độ mép tóc gáy dựng ngược làn tóc xuôi của đầu nhiều hay ít hoặc soáy tóc to hay nhỏ.

2. Về tướng mạo này cổ xưa Khổng Minh đời Tam Quốc (Trung Hoa) trong Tam Quốc Diễn Nghĩa đã biết về Ngụy Diên.

II. Mắt híp “ti hí mắt lươn” tướng trộm cướp, gian sảo. Đàn bà thì dâm loạn, sảo quyết.

Người xưa có câu cửa miệng “Những người ti hí mắt lươn - trai thì trộm cướp, gái buôn chồng người” để nói về biệt tướng lộ liêu này.

III. Người có lông mày rậm to kiểu “chổi xể” và mắt trọn ngược là tàn bạo. Những tên đao phủ giết người không ghê tay là tướng cướp, quan án.

1. Những kẻ mắt chim cắt sắc lạnh là những kẻ sát thủ. Những kẻ có bàn tay khô cứng; đường số phận (đường Mercure) chạy từ chỉ cổ tay thẳng tắp tận gó thố tinh sát ngón giữa kết thúc bằng một ngôi sao. Đây là bàn tay của kẻ uy quyền tàn bạo, coi mạng người như cỏ rác.



- Trong lịch sử có bàn tay của Triệu Thuẫn con trai Triệu Thôi cầm quyền ở nước Tấn (thời Xuân Thu chiến quốc) đời Đông Chu Liệt Quốc.

Hai bàn tay của A.Hittler trùm phát xít Đức. Bàn tay của Adolf Hitler còn có đường sinh mệnh kết thúc với một ngoặc thập (tư liệu, khi Hitler còn chưa khôn của các tướng gia lưu lại).

2. Mắt sáng ngồi lên long lanh, thần khí thấu suốt là mắt người thông minh tuyệt đỉnh mưu lược, ứng biến mau lẹ khác người, ví dụ mắt của Hồ Chí Minh.

3. Mắt rồng, cổ phượng; tướng quý của bậc đế vương thông tuệ, tài hoa. Ví dụ: Võ Tắc Thiên (Trung Hoa).

4. Trán cao có tràm đỗ, tướng của người làm khuynh đảo thế cuộc (tướng của Gocbaxoc là một ví dụ).

5. Những kẻ đầy mưu mô, sảo trá, thơn thớt bên ngoài. Đó là tướng của con người miệng nói thì uốn éo làm duyên và luôn cười gượng.

- Nó cũng đồng thời là người có tướng mắt hình tam giác, miệng cup. Đó là hạng người cực kỳ thâm trầm, keo kiệt, tham biện.

6. Người có trán vuông vức, đầu to, mày to, mắt to, mũi to, tai to, miệng rộng người béo là tướng của số vua, chúa; mẫu nghi thiên hạ (vợ tổng thống, hoàng hậu hay phụ nữ nắm quyền cao).

Đây là tướng mạo đặc trưng không sai vào đâu được cũng như không thể nhầm lẫn người có mệnh số vương giả cao quý.

7. Tai tròn xoe, miệng vuông, lưỡi đỏ chót, răng trắng. Mắt có đồng tử đen trong, to, lòng trắng rõ ràng. Đây là biệt tướng giàu có và vinh hiển, người luôn vui vẻ, thọ trường.



8. Tướng nhiều lộc, chức quyền cao, thọ và có hậu (tức phúc lớn còn để lại cho con cháu về sau bền lâu). Đó là người có đầu vuông, thân hình to khỏe, lưng phẳng, dày, ấn đường (chỗ giữa hai lông mày) rộng, sắc khí sáng ấm (sáng hồng nhạt). Mặt tròn, cầm to dày.

Người này đi đứng nặng nề, chậm rãi như đếm.

V. Tướng tạm đình (ba phần trên mặt: trán, mũi, nhân trung đến cầm, sẽ nói rõ phần tướng mặt ở phần sau) đều bằng nhau và đầy đặn; cầm cao vểnh nhô lên. Đầu tròn, miệng như đóa hoa sen, dáng người khỏe mạnh. Đây là tướng mạo của những con người quyền cao, chức trọng, thông minh và nổi danh trong thiên hạ.

1. Người có thân hình dài ngay ngắn, mắt nhỏ, mi dài, mũi nhỏ nhọn, mồm trề môi, cầm nhỏ, năm giác quan chầu nhau. Đó là tướng quý, có mệnh khanh tướng và sống lâu.

2. Người đầu tròn ngắn, cổ ngắn, mặt ngắn, thân người ngắn, tay chân ngắn, mập, mày cao, ấn đường đầy sáng nhuận. Tuy mọi thứ đều ngắn, mập nhưng phải hài hòa, bằng đều. Các tướng thuật gia gọi đó là tướng “ngũ bần” (năm bộ phận chính đều ngắn) chứ không phải người lùn pipmée.

- Người có tướng “ngũ bần” (hay ngũ đoán là một) nhưng phải hài hòa, sáng rõ thì là tướng mạo của bậc trí tuệ siêu việt, nhà lý luận, đế sướng. Tướng của bậc làm đến “nhất phẩm” trong triều chính. Đó là tướng quý của bậc chức quyền cao.

- Cũng là “ngũ đoán” nhưng khấp khểnh, khuyết hẹp, “ngũ nhạc” sai lệch. Đó lại là tướng bần tiện.

Là ngũ bần thì dù có làm khanh tướng vẫn là người tâm địa thô ác, nhẫn tâm, bất chấp thủ đoạn.

3. Người thân hình cao lớn, xương thịt đầy đặn, chân dài, tay



dài, trán dài, mặt dài, nhìn hài hòa thanh tú, tươi nhuận. Đây là tướng thánh thiện, có tâm đức. Là người có trí tuệ uyên thâm, mệnh khanh tướng, thánh nhân có thể làm đến thủ tướng.

- Cũng có các thứ kể trên: Đầu dài nhưng xương thì khô cứng, gân guốc lại là tướng bần tiện, keo kiệt. Tướng mạo như trên tướng pháp gọi là tướng “ngũ trường” (năm bộ phận đều dài).

VI. Nhận xét: Tướng “Ngũ trường” và “Ngũ đoán” đều là biệt tướng (tướng mạo đặc biệt). Nó đập ngay vào mắt tướng gia mà không phải suy xét tìm kiếm lâu khi quan sát tướng mạo của một người nào đó. Đồng thời nó nói lên ngay nhân tình của người đó và mệnh số của họ.

Điều muốn lưu ý là hai biệt tướng này lại có cả hai nhân tính trái ngược hẳn nhau: “Nếu ngũ trường và ngũ đoán mà cân đối, hài hòa, thanh tú, nhuận nhụy, tươi sáng; ngũ nhạc tốt thì là tướng quý nhưng cũng mưu mô”.

Ngược lại, nếu gân guốc, thô, lệch, gầy gò, mảnh yếu thể hiện trên thân hình thì đây là tướng của người bần tiện, kém cỏi, keo kiệt.

VII. Người mà có tay dài, chân ngắn là tướng phú quý, bản tính nhân hậu.

1. Tay dài quá đầu gối và tai to dày là tướng của kẻ thủ lĩnh, mưu mẹo nhưng hiền đức, không khoảnh độc. Người này còn có đức tính nhẫn nại, kiên trì mục đích đã theo.

VIII. Thân hình “lưỡng lệch” - dưới ngắn (dưới thắt lưng trở xuống) trên dài (thắt lưng đến hết đầu) là tướng nghèo hèn, keo kiệt. Con người không có năng lực, không chịu hoạt động, lười.

IX. Tướng “bất túc” (là không chuẩn mực, đồng đều) nhìn thấy ngay như:



1. Đầu nhọn mỏng: (Hóp) là của người có tướng: Kém trí tuệ, không phúc (hiếm con).
2. Vai lệch là của người có tướng: Hành sử bất nhất (trước sau đổi khác) “nhất bên trọng nhất bên khinh”, thiếu công bằng.
3. Lưng nhỏ mỏng là của người có tướng: Khó dạy bảo, bảo thủ, nóng nảy, chóng chán, chóng si mê.
4. Bàn tay mỏng, khô, dẹp méo mó là tướng: Nghèo khổ.
5. Ngón tay xương sẩu, thô ráp là tướng: Bệnh tật, nghèo hèn.
6. Mũi tẹt là tướng: Nghèo khó.
7. Tai bẹt ép dí vào đầu là tướng: Nghèo, không thọ.
8. Tai dểnh (tai thò ngang như hứng lấy lời nói) tướng: Đa sự, tò mò, soi mói.
9. Mắt cụp là tướng: Hèn kém, uỷ mị, không trung thực.
10. Một mắt to, một mắt nhỏ là tướng: Soi mói, không hạnh phúc.
11. Gò má lệch (bên cao bên thấp) là tướng: Bất hạnh, tình cảm nóng lạnh thất thường.
12. Trán dô (trán gồ lồi ra ở giữa) tướng: Bướng bỉnh, không tiếp thu giáo dục, cao ngạo, tự phụ.
13. Mắt trắng dã, môi thăm xì là tướng: Bất nhân, bất nghĩa, bất nhất. Những người như tướng trên sông không có tình nghĩa bạn hữu, vợ chồng. Con người không có trước sau như một.
14. Mắt lé lác tướng: Thủ đoạn, bất chấp, khôn lỏi.
15. Bàn tay không có đường chỉ (văn) là tướng: Chết non, bất đắc kỳ tử.
16. Đầu không tóc (đầu hói gần hết tro da dầu) tướng: người bệnh hoạn, thậm vọng, bất luân lý.
17. Cằm đến tuổi mà không có râu, nhẫn thín là tướng: Bất nghĩa, thâm hiểm, nhẫn tâm.



18. Sắc mặt ủ dột là tướng: Yếu hèn, khổ ải.
19. Trên ngắn dưới dài (thân người chia đôi lấy dưới thắt lưng làm điểm ranh giới) là tướng: bần tiện, không ngơi nghỉ, bận bịu, vất vả suốt đời.

X. Nhìn chung tướng bất túc.

1. Các bộ phận cơ thể con người không chuẩn, không cân đối, không hài hòa như nhau, thì đó là bộ tướng chỉ rõ nhân tính và mệnh số của con người đó. Dù cho con người đó thế nào trong các bộ tướng khác. Nó cũng hoàn toàn chi phối nhân tính và mệnh số của con người đó ít nhiều. Song bộ tướng mà ta gọi là biệt tướng (tướng nổi bật nhất, chủ đạo nhất) sẽ chi phối nhân tính của con người đó.

2. Người có những biệt tướng thì không cần nói nhiều, đánh giá ngay bản tính của họ theo cách trên. Vì đó là điểm đặc trưng nhất.

Hình thể bất túc không hợp cách, đúng chuẩn mực, cân đối, đồng đều ví như hai tai phải giống nhau, hai má phải như nhau, hai mắt phải đều nhau, thân hình phải cân bằng không thể phần dài, phần ngắn v.v...

Hình thể “bất túc” thì đó là tướng xấu. Tất cả những người này hoặc mang nhân tính xấu tồi như: Bất nhân, bất nghĩa, nham hiểm, hoặc nhiều tật bệnh, không sống lâu, kém phúc phận, hoặc nghèo hèn, lao khổ...

Đây là những đặc điểm nổi bật nhất.

Như vậy hình thể đủ đầy, không đủ đầy - “bất túc” có sự phân biệt. Tuy nhiên về mặt tướng lý và biện số, các tướng thuật gia và mệnh số gia còn đưa ra quan niệm rằng tướng và mệnh là có quan hệ khăng khít và biện lý của nhau.

3. Các mệnh số gia cho rằng: “Có mệnh ắt có tướng”. “Tướng là hình của mệnh”. Người ta khi chưa định tướng.



Nghĩa là mệnh chưa rõ thì tướng cũng chưa thành chuẩn. Tất cả còn sơ khai, phần “tiên thiên” là chính. Nó chi phổi nhân cách nên “Nhân chi sơ tính bốn thiện”. Thiếu thời nhân cách đều giản đơn, ngoan hiền. Sau một chu kỳ địa chi 12 năm, những tướng mạo sẽ gắn liền với mệnh số và phát triển theo một đường hướng đã được “lập trình” sẵn và nó được bổ sung “dữ liệu”. Những sung lực của “hậu thiên” - cuộc sống tự tại. Như vậy, tướng mạo chẳng những còn gắn với số mệnh mà nó còn quan hệ mật thiết đến thời vận và xã hội.

4. Việc nhìn thấy nhân cách tốt, xấu qua biệt tướng cũng là vő đoán. Người có thần khí ổn định, mạnh mẽ sẽ chi phổi được cách hành sử. Người có “hậu thiên” lành mạnh sẽ ảnh hưởng lớn đến nhân tính mà “tiên thiên” bất biến có. Đây là tính biện chứng trong xem xét tướng mạo. Lấy một ví dụ: Một người có tướng đao phủ, giết người không ghê tay hay một kẻ sát thủ cũng sẽ không thể hiện hết bản tính hung bạo đó khi không còn án tử hình. Khi xã hội có luật pháp chặt chẽ, nghiêm minh. Và bản tính tàn bạo trong chiến tranh cũng bị hạn chế, có khi vô hại trong cuộc sống hòa bình, nghĩa là hết đất dụng võ, hết thời. Hơn nữa con người ấy cũng chỉ có một đời sống là cùng.

5. Nói gì thì nói, nhân tính và tướng mạo là tương đồng. Việc hành sử thực tiễn lại là chuyện có liên quan nhiều đến xã hội, thời vận và cuộc đời riêng của cá nhân. Kẻ bạo tàn thật đấy nhưng hắn ta ốm đau suy kiệt thì dẫu muôn giết người cũng khó. Đây, thiên nhiên và nhân thế biến ảo vô cùng. Bởi vậy, người có bản lĩnh về tướng thuật không thể hời hợt và vő đoán khi đứng trước một tướng mạo mà mình phải nhận định. Cần có quan điểm mở, cần tìm kiếm những bộ tướng tốt trong cái xấu để cảm hóa và để góp phần giáo hóa.



CHƯƠNG III

HÌNH TƯỚNG VÀ NHỮNG THÔNG TIN DỰ BÁO TỪ HÌNH TƯỚNG

PHẦN I:

HÌNH TƯỚNG CÒN GỌI LÀ KHUNG TƯỚNG

I. LUẬN VỀ KHUNG HÌNH.

Trên có trời (thiên), dưới có đất (địa). Sống giữa đất trời là con người (nhân) và vạn vật. Thiên - Địa - Nhân. Trời - Đất và con người đều có hình thể rõ ràng quan hệ khăng khít.

1. Trời bao la vô tận con người không thể nhận biết cụ thể hình hài nhưng với sự suy luận lôgic thiên (trời) vẫn có một hình mẫu. Người xưa quan sát từ mặt đất nhìn thấy hình vòng mà nói rằng “trời tròn, đất vuông”; ý tưởng là vậy, nhưng cũng để nói lên rằng trời cũng có hình thể.

2. Đất (ở đây nói đất với nghĩa bao hàm). Đó là trái đất



chúng ta. Nay giờ ta biết là trái đất gần tròn (cận e líp) thôi chứ không tròn.

Điểm khác biệt là trời có tượng khí. Có thể xem là bản tính của trời. Tượng được thể hiện qua các tinh tú. Khí là tiết khí thể hiện ra hàng ngày, tháng, mùa và năm. Tượng và khí có quan hệ biểu lý (ở đây ta không bàn).

Đất có địa hình: núi, sông, đồng bằng, bình nguyên, cao nguyên, sa mạc, biển, hồ v.v...).

3. Nhân - con người có hình dáng: cao, thấp, vừa vừa, béo, gầy... Đó là những hình dạng cơ bản.

Hình dạng thế nào thì tiềm chứa những thông tin biểu lý đặc trưng của nó. Những thông tin ấy bao gồm ví dụ: nhân cách; bản chất khỏe mạnh, ốm yếu v.v...

II. NHỮNG THÔNG TIN VỀ BẢN TÍNH, NHÂN CÁCH.

Nhân tính bản chất là biểu hiện biện lý của hình dạng - hình tướng. Đó là những quan hệ biểu lý giữa hình và tính cách.

Nó thuộc về khái niệm “tiên thiên” (tiền sinh) chứ không phải “hậu thiên” - những cái hình thành qua các tác nhân như: nuôi dưỡng, xã hội, giáo dục, tự rèn luyện và các điều kiện sinh sống khác như: ăn uống, sinh hoạt, lao động v.v... góp phần tạo nên.

1. Bản chất cũng vậy, bản chất tàng chứa “nhân, quả” của cả “tiên thiên” và “hậu thiên” mà có. Các tướng thuật gia cổ, kim trước đây như: Viên Thiện Cương ở đời Đường Trung Quốc (người từng coi tướng cho Võ Tắc Thiên thời bé) hay Lý Hư Trung đời Thái Phát Ngụy (Trung Quốc), con người không chỉ tinh thông kiến thức Dịch lý mà còn rất sâu xa về tướng thuật.



Ông nói đâu đúng đấy. Họ kết hợp nhiều học thuyết: Âm dương, Ngũ hành, Dịch lý, Tướng thuật và Mệnh số (sách Hàn Xương Lê Văn). Những năm của thế kỷ 20 có nhiều nhà tướng thuật Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản. Ngay cả ở Châu Âu như: Pháp, áo, Mỹ cũng có các tướng gia nổi tiếng như bác sĩ Joself - Renald người áo. Ông Talexe, ông Le Jeme v.v... rồi Trần Đoàn, Tôn Tử Mạo (581 - 682). Ma-Y tiên sinh - một ẩn danh đã từng nói đại ý rằng: Mỗi người sinh ra được phú quý, bần tiện, hiền, ngu, thọ yếu, họa phúc có định sẵn ở hình tướng (hình mạo), bì phu (da, lông) cốt cách, khí sắc đều phân định rõ ràng (điều này người trần thế không thể biết trước được - "Tướng có định sẵn không thể dự tri được". Vậy tướng do ai và ở đâu định? Một câu hỏi không thể giải ngay được. Hãy tạm công nhận vô đoán như thế để áp dụng đã. Còn việc hiểu nguồn gốc thì hãy từ từ. Ta chẳng đã phải công nhận vô đoán số Δ (dental) khi mới học đại số để có thể giải phương trình ở thời điểm đó (cấp II) hay số π (pi) cũng thế... hãy công nhận khi trình độ của ta chưa đến lúc phải biết tìm ra nó.

Tướng mạo cũng vậy. Các tướng thuật gia sau một quá trình nghiên cứu, suy ngẫm, ứng nghiệm, chỉnh tu từ thực tế để cho thực tế ứng dụng dễ dàng, dễ hiểu.

Những thông tin từ hình tướng: gầy, béo, khỏe mạnh, ốm yếu... cũng là quan hệ nhân quả của biểu lý thiên và hậu thiên.

III. HÌNH TƯỚNG TỔNG THỂ.

Các tướng thuật gia có nhiều quan điểm phân chia. Cái chung nhất là ai cũng nhất trí với nhau rằng con người có hình



tướng. Người thì gói gọn, người thì chia nhỏ để sâu sát hơn khi đưa ra những thông tin dự báo về tướng mạo.

Để không quá rườm rà và tỉ mỉ, ta quan tâm những hình tướng điển hình cho dễ nhớ, dễ áp dụng.

1. Hình tướng tổng thể bàn đến ba mẫu hình chung nhất.

- Hình thể ngắn
- Hình thể dài
- Hình thể trung

2. Vậy thì thế nào gọi là ngắn; thế nào cho là dài và trung thì ở mức nào.

Các tướng thuật gia chưa đưa ra một số đo nào cho các loại hình dạng trên mà họ đều từ cảm nhận nghề nghiệp.

Ngày nay thời đại “số hóa” cần đưa ra một số đo, cụ thể chăng? Hãy cứ từ cảm nhận nghề nghiệp kết hợp với số đo chuẩn dựa trên quan điểm số hóa của các cuộc thi như: kiểu các cuộc thi hoa hậu, các cuộc thi thể vận hội... Nói vậy chứ sự kết hợp ấy cũng chỉ là một phần để thấy một điểm hài hòa hợp lý nào đó mà thôi trong hình tướng. Đó là chiều cao. Xếp hình thể ngắn, dài, trung về số đo chiều cao cho nam, nữ khác nhau và đối với người Việt Nam. Ví dụ:

- *Hình thể ngắn thì chiều cao:*

- + Cho nam khoảng 1,60m đến 1,65m.
- + Cho nữ khoảng 1,52m đến 1,55m.

- *Hình thể dài thì về chiều cao:*

- + Cho nam khoảng 1,75m đến 1,8m.
- + Cho nữ khoảng 1,65m đến 1,70m.

- *Hình thể trung thì về chiều cao:*

- + Cho nam khoảng 1,65m đến 1,70m.
- + Cho nữ khoảng 1,55m đến 1,60m.



Nói riêng về chiều cao là để chỉ một phần xem xét về một khía cạnh của hình tướng trong trường hợp biết tướng để tham khảo như:

3. Hình tướng Ngũ Bần (hay có sách gọi Ngũ Đoản) ngày nay thời số hóa ta ngầm hiểu người đó có một thứ trong Ngũ (năm) là chiều cao vào khoảng 1,60 mét cho nam và 1,52 mét cho nữ.

4. Hình tướng Ngũ Trường (dài) ta dùng thuật ngữ (của các tướng thuật gia Trung Quốc thời xưa hay dùng) đã việt hóa.

Ngày nay ta thầm hiểu là nam phải cao ít nhất 1,75 mét và nữ 1,65 mét.

Những số đo ấy với tướng thể người Việt là hợp lý và hợp cách Ngũ Trường, Ngũ Đoản.

5. Hình thể trung bình không được xem xét là biệt tướng (tướng hình đặc biệt) và từ thời Ma - Y tiên sinh (tướng gia ẩn danh - không ai biết tên chính xác, chỉ biết sách ông truyền lại, quyển “Phú Thạch Thất Thần Dị” cũng không nói. Hay cả đến Trần Đoản, ông được phong hiệu là Hy Di, tên tự là Đỗ Nam, ông học Ma - Y tiên sinh và được ông Ma - Y truyền lại bài phú tướng thuật “Kim Trần Phú”. Sách Phú này được ông Trần Đoản ở thời Tống Thái Tổ, Triệu Khuông Dần; Niên hiệu Kiến Đức, năm Bính Dần (966 - 968) và niên hiệu Khai Bảo năm Canh Ngọ (970 - 979). Ứng với lịch triều Việt Nam là thời loạn mười hai (12) sứ quân (Thập Nhị Sứ Quân) trong 2 năm 966 - 968 và sau đó là bắt đầu Nhà Đinh (Đinh Tiên Hoàng). Niên hiệu Thái Bình kéo dài 13 năm từ 968 đến 980 để lại cho đời sau tham khảo.

Sách “Kim Trần Phú” về tướng thuật là sách cổ nhất cho đến các sách có giá trị trong “Đề cương tứ khố” thời Đôn



Hoàng. Sách của Hứa Phụ (tướng thư, Nghệ Văn Chí...) đến “Tiết Quan Đạo Thần Tướng” (Văn hóa thư của Thượng Hải xuất bản). Rồi sách của các tướng thuật gia Âu Mỹ như: Physiogcomonie et honoscopie hay Les neains et physionomic; physignomonie et signification và physiognomist’s art v.v... Cũng không bàn đến thứ hình thể trung; nghĩa là nó không được đề cập trong hình tướng.

Nhưng người có hình dáng cao quá khổ lại được đề cập. Người ta có nói đến “cao kều”, cao “lênh khênh” tướng kém cỏi. ý muốn nói người cao lênh khênh kém về trí tuệ và vụng về. Cuộc đời không mấy “suôi chèo mát mái”. Nó thuộc loại tướng xấu, bần tiện.

Hình thể trung có vô vàn, các thuật tướng đối với loại này chỉ được xem ở các bộ tướng khác như: Bộ đầu mặt, tay v.v...

Hình tướng được sách “Tiết Quan Đạo Thần Tướng” nặng về mặt y biểu biện lý có mối quan tâm chính của hình tướng là khung xương - khung hình.



PHẦN II:

KHUNG HÌNH VÀ THÔNG TIN DỰ BÁO

I. KHUNG XƯƠNG CỦA QUÝ TƯỚNG là hài hòa, chắc khỏe, đều đặn, vững vàng. Nói tóm lại là khung hình đẹp. Khung xương không thể giải phẫu để ngắm nhìn khi xem xét tướng mạo. Nói như bác sĩ Renald, một tướng thuật gia rằng: khung xương là cốt, được thịt gân, da bao bọc (bì). Cốt thế nào thì bì như vậy. Do đó tướng gia nhìn vào hình dạng để nói lên tướng hình ấy quý hay xấu.

1. Khung xương không đều ở hai tay, ở hai chân; đầu méo mó, u, vẹt; các ngón cong keo; sống lưng còng vẹo; xương không phẳng v.v... Nó được thể hiện rõ ra hình dạng.

Thịt da chỉ như lớp sơn bao phủ nó phản ánh trung thực hình cốt. Cũng như lớp sơn phản ánh trung thành bề mặt vật được sơn vậy.

Như vậy những tướng bất túc là tướng xấu, không bần tiện cũng khổ ải, không yếu vong cũng đau ốm, bệnh tật.

2. Khung hình đầu méo mó ảnh hưởng đến óc (đầu bếp thì óc cân không cân đối, mà bộ óc không cân đối, hai bán cầu não, các trung khu cũng méo. Thị trí tuệ bị ảnh hưởng, kém sút, cuộc đời vì vậy mà bị hạn chế, bần tiện?

3. Khung hình thuộc dạng biệt tướng ví như tay quá dài (quá đầu gối) giống tay của Án Anh, thừa tướng nước Tề thời



Đông Chu (Trung Quốc) hay của Lưu Bị, thời Tam Quốc (Thục, Ngụy, Ngô) là những ví dụ điển hình.

Đó là biệt tướng quý, rất quý. Tướng thông thái tuyệt vời, trí tuệ khoáng đạt, ứng đối mau lẹ. Tướng khanh hầu, giàu có, hiển vinh nhưng cũng nhiều mưu.

4. Ở trong Trung giới (nơi con người và vạn vật sinh sống). Thiên giới (thượng giới), trung giới và địa giới - âm ty, theo học thuyết của Phật giáo và Cao Đài Giáo, Ki Tô Giáo phân chia và quan niệm như thế này:

Ở trung giới vạn vật đều lấy thể cân bằng: Hình thể cân đối là quý và đẹp. Mà đã quý và đẹp thì đâu có phải là thứ rẻ rúng, tầm thường được.

- Người cân đối, đẹp: Quý, hiền.
- Cây cân đối, đẹp: Quý, đẹp, có giá trị.
- Quả cân đối: Ngon, đẹp.
- Hoa cân đối cả cánh, nhụy: Đẹp ai cũng thích ngắm.
- Con vật cân đối: Đẹp, ai cũng quý, thích nuôi.

Cái đẹp, ngon, khỏe đều thuộc tướng quý.

5. Hình tướng nói lên bản chất, tính cách, chất lượng v.v... con chim, con bướm, có bộ mã, vân hoa, màu sắc, cân đối đồng đều tướng quý.

Con cá, con rắn có bộ vảy, bộ da, khoang v.v... cân đối, đẹp, tướng quý v.v...

- Quý ở đây là bản chất tốt ai cũng thích. Nghĩa là vạn vật đều có liên quan đến hình khối. Bất luận là gì thì hình khối đúng, chuẩn mới là tốt.

- Con người hình dáng chuẩn thì không thể nghèo hèn, kém cỏi. Chỉ có không chuẩn thì đó là một khía cạnh của tướng số không tốt.



II. NGŨ BẦN VÀ NGŨ TRƯỜNG.

Nói về hai tướng Ngũ phần này đã nói qua ở chương II phân biệt tướng một ít.

Trong phần này chi tiết thêm, giúp cho việc xét tướng mạo được thông đạt, thuận tiện, dễ dàng áp dụng.

Tướng Ngũ Bần, Ngũ Trường thuộc cơ bản là hình tướng vì khi đập vào mặt thì đầu tiên nhà tướng thuật nhìn thấy là hình dạng. Đó là chiêu cao và sự cân đối dáng thể, sắc diện bên ngoài.

1. Ngũ (thuật ngữ cổ của tướng lý) là năm bộ phận cơ bản nhất: dáng, đầu, mặt, tay, chân.

- Năm thứ ấy đều ngắn - thuộc diện ngắn so với chung nhất thì gọi Ngũ Bần - Tướng Ngũ Bần.

- Năm thứ ấy đều dài, thuộc diện cao dài so với chung nhất gọi là Ngũ Trường - Tướng Ngũ Trường.

2. Tướng Ngũ Bần thì: Dáng cao khoảng 1,6 mét. Đầu tròn (thổ tinh - dáng thổ tinh theo thuyết Âm Dương Ngũ hành). Ở đây phải là đầu tròn mập, tóc mềm mại, nền tóc cân đối, đẹp.

- Mặt ngắn, tròn, cân đối. Ngũ nhạc và 5 giác quan: Mắt, miệng, mũi, mày, tai hài hòa cân đối với mặt; không một nhạc nào, một giác quan nào phá cách tức không hợp. Ví dụ mặt ngắn, tròn đầy đặn mà lại điểm cái mồm rộng ngoắc hay có cái mũi to đùng v.v...

Như vậy gọi là phá cách, không hài hòa, ấn đường phải sáng rõ, bóng nhuận.

- Tay ngắn, tròn, thịt đầy, sắc nhuận, xương đều đặn, nhỏ. Bàn tay đầy, mềm mại, hồng sắc. Ngón tay ngắn mủm mỉm, đều đặn, móng đẹp.

- Chân ngắn, hài hòa với phần trên, nhìn cân đối vững chãi.



- Hình dạng mập, sắc hồng nhuận, lông chân mềm mại tươi mượt.

- Bàn chân dài, ngắn, ngón đều, khỏe, móng ngay ngắn, sáng bóng.

3. Tổng quát tướng Ngũ Bần - năm thứ ngắn; dáng hình mập chắc, sắc diện tươi sáng.

- Mắt sáng sủa, ngũ nhạc, ngũ quan hài hòa, đầy đặn.

- Khung xương nhỏ, thịt dày.

Tướng Ngũ Bần như trên là tướng quý, có thể làm “quan” nhà lãnh đạo cao cấp cuộc đời sang giàu, phúc, thọ, trí tuệ uyên thâm.

- Ngũ Bần phá cách hay người gân guốc mảnh yếu, thô thiển, khuyết hép thì bần, hèn, kém cỏi, trí tuệ tầm thường, danh vọng kém.

4. Tướng Ngũ Trường và những thông tin dự báo. Ngũ Trường - năm bộ phận dài.

- Thân dáng dài (cao lớn) khoảng 1,75 mét, xương to khỏe, ngay ngắn, hài hòa; thịt dày; sắc khí có thần (tươi sáng).

- Đầu trán cao “dài”, tóc mượt, trán vuông phẳng hài hòa với mái tóc (không hói, hóp); sắc khí tươi sáng.

- Mặt dài; ngũ nhạc, ngũ quan đầy đặn, to, đẹp, phù hợp khuôn mặt và có sắc nhuận đồng đều (trừ khi già có đồi mồi). Mặt không có các nốt ruồi vô lối, các vạch nhăn lộn xộn trên trán, má, mũi, ấn đường đầy, sáng sủa.

- Tay dài hài hòa với thân và chân. Xương tay to khỏe, thịt dày, lông mượt.

+ Bàn tay dài dày, vuông, khỏe, hồng hào, ngón dài, ngay ngắn có thịt vừa phải (không béo to).

+ Móng tay vuông vức, sắc khí tươi sáng.



- Chân dài, to khỏe, xương chắc. Chân dài hài hòa ba phần cân đối, chân vững chắc. Bàn chân dày, da mỏng, nhuận. Lông chân mượt.

Tóm lại, tướng Ngũ Trường thì phải xương thịt đầy đặn, dáng thanh khỏe; mặt thanh tú tươi nhuận; tóc lông mềm mại, mượt mà. Ngũ nhạc, Ngũ quan chầu nhau, hài hòa phù hợp với cả khuôn mặt.

Tướng Ngũ Trường như trên là tướng thiện lương, làm đến khanh tướng. Người có tài và đức độ.

- Nếu khác với tươi nhuận và cân đối như trên. Nghĩa thịt xương khô, gân mạch máu nổi lên không đều đậm là tướng bần tiện, kém cỏi. Tâm địa không rộng, thường dễ bụng và ít ban phát, đôi khi thô bạo (*l'homme brutat*).

5. Nhận định về 2 tướng hình này, ta thấy khi vào cách Ngũ bần (tướng thổ tinh - Saturne) thấp béo, chuần choắn sắc khí hoặc không phải tươi mập và hài hòa như trên; ta sẽ có hai thông tin về mệnh số trái ngược nhau: Công khanh và ti tiện, giàu sang và nghèo hèn.

- Nhưng dấu là công thần, khanh tướng, quan to, tướng lớn thì người có tướng ngũ bần đẹp vẫn có tính nhỏ nhen, bất chấp và cưng nhân tâm. Đó là hai mặt của một con người thiện và ác cùng tồn tại ở tướng Ngũ Bần.

- Ngũ Trường thì khác chút ít về hai nhân cách và nhân tính. Đó là:

Ngũ Trường đẹp thì thiên tâm, đàng hoàng. Cũng là Ngũ Trường mà thô khuyết thì lại thô bạo và kiêu ngạo. Vậy đó, Ngũ Trường hợp cách, tròn vẹn và không hợp cách, tròn vẹn sẽ có 2 nhân cách và nhân tính hoàn toàn khác nhau.



III. HÌNH THỂ TRUNG BÌNH.

1. Hình thể trung bình không phải là biệt tướng. Hình thể trung bình là đại đa số. Trong tướng thuật và mệnh số (từ vị toán số), các tiên sinh, học giả đều cho đó là quý rồi. Người có hình thể trung bình, tướng mạo không có gì nổi bật thì họ sẽ có một cuộc đời đủ ăn, đủ mặc, có nghề nghiệp để sinh sống. Cuộc đời không nổi chìm, chao đảo. Cuộc đời bình lặng cho đến phút chót là hạnh phúc, không giàu, không nghèo. Mọi thứ bình thường, đấy là cuộc sống thứ dân. Họ không phải lao tâm khổ tứ, không phải làm kẻ hầu hạ, làm thuê... là quý, là sướng. Họ là lớp người dĩ hòa, dĩ biến. Thế là đắc phận. Riêng những biệt tướng thì hoặc cực quý và cũng cực hiếm, hoặc trái lại rất thường thường, lại có nhiều nhưng cũng phú quý hơn người.

2. Tướng cực quý thì dẫu sẽ đến đỉnh vinh hiển. Nhưng những tướng này không hoàn toàn sung sướng cả đời. Cuộc đời của những tướng cực quý. Nghĩa là làm đến công, hầu, khanh, tướng hay còn giáo sư, tiến sĩ, các triết nhân, nghệ nhân v.v... thì nhiều. Cao hơn nữa tướng hết sức quý hiếm: làm đến vua chúa, tổng thống, mẫu nghi thiên hạ. Thủ tướng, chủ tịch v.v... song họ tất cả đều phải “lao tâm khổ tứ”. Đôi khi nổi chìm, lao tù, bôn ba đó đây chịu nhiều phong ba bão táp. Rồi mới phú, quý, vinh hiển. Những người sớm có công danh cũng vậy.

3. Trong cuộc đời một người không phải cứ có nhiều tướng quý mà được hưởng trọn cả 7 lộc trời: giàu, sang, vinh, phúc, thọ, tài (minh), khỏe mạnh (khang) đâu!

Dù đó là tướng cực quý nhưng rất hiếm người được hưởng trọn “Thất thiên lộc” (7 lộc trời ban) cho con người cả trọn đời. Nó đều chứa thiện và ác.



Có cái trời định - tướng “tiên thiên”- bật và duy biến. Có các người tự chuốc lấy: Tướng “hậu thiên” có sau thuộc thường biến.

Vậy nên khi xem xét tướng mạo cho người hay tự xem cho mình thì hãy hướng tới điều phải làm và không nên làm để song toàn và có thể làm chủ vận mệnh.

4. Hình tướng tạo dáng - tư thế (le posture).

Hình tướng ngoài biểu lộ qua hình thể: cao, thấp, béo, gầy. Nó còn thể hiện tư thế và từ các tư thế đó mà các tướng thuật gia và các nhà nghiên cứu tướng thuật đã đưa ra những dự báo thông tin về số phận, nhân cách, bản tính, sức khỏe v.v...

5. Hình tướng biểu lộ qua.

- Dáng đứng
- Dáng ngồi
- Dáng nằm
- Dáng đi
- Dáng ngủ

Năm dáng - tư thế (cinq postures) trong hình tướng này đã được các tướng thuật gia Châu Á, Châu Âu nghiên cứu kỹ sẽ được trình bày chi tiết trong các phần cụ thể sau đây:

6. Nói tóm lại, về hình thể thì tướng có 2 dạng.

- Tướng đẹp: Sang, quý, lành mạnh được thể hiện ở hình thể cân đối, ngay thẳng, đồng đều, sắc khí tươi nhuận.
- Tướng xấu: Nghèo, hèn, thiểu năng (các năng lực như: tư duy, nghề nghiệp...) sức lực kém được thể hiện qua hình thể mất cân đối, khiếm khuyết, sắc khí không tươi nhuận.

Đó là những thông tin cơ bản nhất mà hình tướng cho ta nhận biết được qua quan sát.



- Hình dáng là bất biến và duy biến (những thứ thiên bẩm hoặc trong “lập trình” cuộc đời đã có sẵn còn “ai” lập trình, lập trình ấy được chứa ở đâu của mỗi con người thì chưa rõ!) Mendeleép nói: “... những gì chúng ta khám phá ngoài vũ trụ và con người đều do khoa học... Nhưng chúng còn nhiều bí ẩn mà chúng ta chưa khám phá ra được...”.



PHẦN III:

KHUNG XƯƠNG, KHUNG HÌNH ĐẦU ĐIỂN HÌNH ĐẶC TRƯNG

I. HÌNH DÁNG ĐẦU VÀ NHỮNG THÔNG TIN DỰ BÁO.

Hình dạng đầu được thể hiện qua khung xương, khung xương thế nào thì da tóc bao bọc thế ấy và biểu lộ ra cho ta quan sát.

1. Khung hình xương đầu thế nào thì bộ óc bên trong cũng bị ảnh hưởng cấu hình. Bác sỹ J.Jene và bác sỹ Giáo sư Rorschach người Đức đã nhận định như vậy qua giải phẫu.

II. CÁC HÌNH DÁNG ĐẦU (bao gồm đặc biệt và bình thường) và thông tin dự báo về tướng pháp.

1. Dáng tròn: Thông tuệ, giàu, sang.
2. Dáng to vuông: Quyền uy, dũng mãnh.
3. Dáng hóp: Kém cỏi, ít phúc hậu.
4. Dáng bẹt (cá trê): Bần tiện.
5. Đầu vẹo: Hèn mọn, tầm thường.
6. Đầu gồ ghề, u bướu: Bướng bỉnh, bần tiện.
7. Đầu gồ hai bên thái dương: Sống khỏe, gặp may mắn ngoại quan, giàu có (gồ đầy vùng thiên tri trong 12 cung ở mặt).
8. Đầu có xương trồi cao trên hai tai: Rất thọ.



9. Đầu có xương nổi sống ở giữa đầu (từ huyệt Bách Hội đến vùng thóp: Người có tài sư phạm (giảng dạy tốt), trí tuệ minh mẫn, giáo hoạt, nhưng không giàu.

10. Ngoài những khung hình đầu đặc biệt ấy ra và cho ta những thông tin dự báo đặc trưng đã nói, còn lại là hình đầu bình thường thì cuộc sống cũng bình dị, trí tuệ thông thường.

III. NHÂN NÓI VỀ KHUNG XƯƠNG ĐẦU CŨNG ĐỀ CẬP ĐẾN PHẦN THÓP ĐỂ THAM KHẢO.

Trong toàn bộ khung xương của cơ thể, của con người, xương đầu được hoàn chỉnh tức định hình sau cùng. Nghĩa là cho mãi đến khi đứa trẻ sinh ra phải 6 tháng đến 1 năm tuổi khung xương đầu mới đầy đủ, thóp mới kín.

Thóp vùng đầu sát trán ở 3/5 đỉnh đầu. Thóp trẻ rất quan trọng, nó có thể rộng hẹp; Hình tam giác hay hình thang cân v.v...

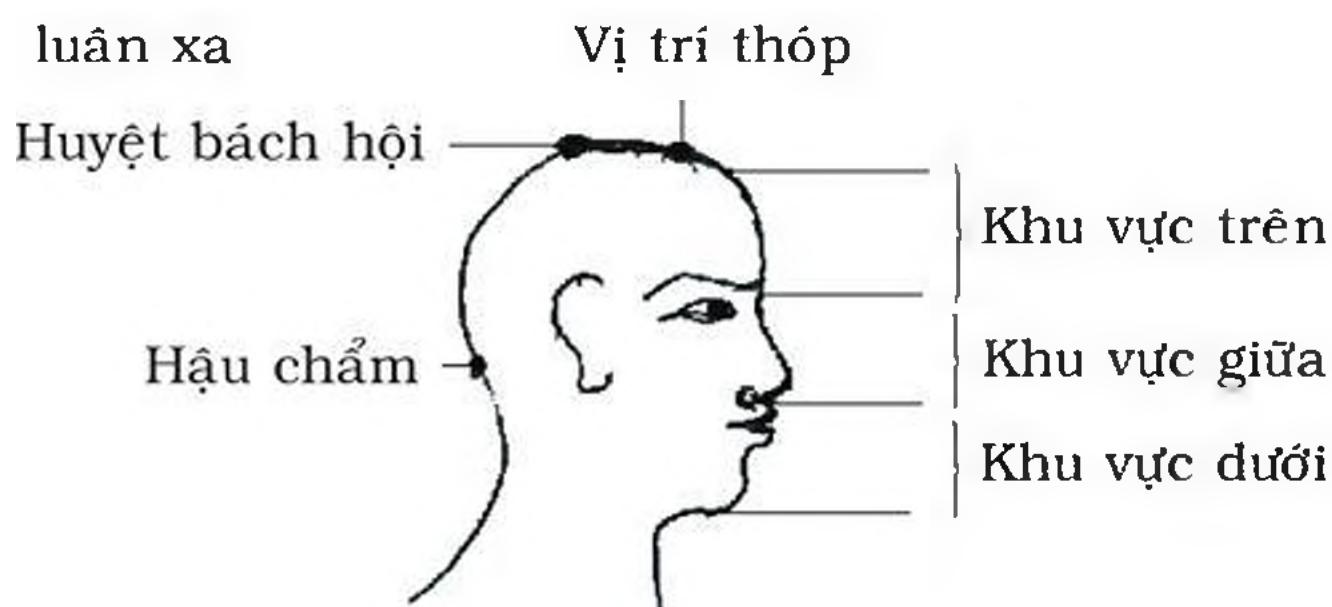
1. Sự rộng hẹp của thóp không hoàn toàn phụ thuộc vào sự tạo xương của đứa trẻ hay do hậu thiên nuôi sống đứa trẻ thiếu can xi, còi xương mà thế đâu.

Đứa trẻ nhanh đầy thóp, thóp hẹp thì khỏe? Cái đó chưa hoàn toàn đúng. Việc chóng liền thóp hay liền thóp, nghĩa là: trẻ em sinh ra cần đến một khoảng thời gian sau từ sáu tháng đến hết một năm (tùy từng trẻ) không hoàn toàn lệ thuộc vào việc nuôi dưỡng đứa trẻ. Nó cũng được “lập trình” siêu nhiên từ trước và là cửa mở vào vũ trụ.

Thóp là nơi tiếp nhận thông tin trực tiếp từ “Đẳng tối cao” vũ trụ. Nơi tiếp nhận “thiên năng” thường xuyên để hoàn chỉnh



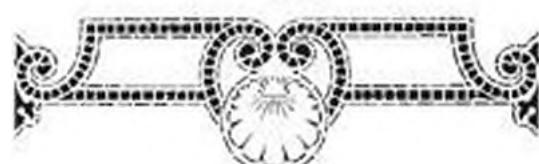
năng lực hoạt động trí tuệ; nơi cung cấp năng lượng vũ trụ cho việc phát triển thần khí của lục phủ ngũ tạng, các giác quan và ngũ nhạc của trẻ. (Hình 1)



Hình 1
Sự phân chia ba khu vực (ba đình)

- Khu vực trên (thượng đình)
- Khu vực giữa (trung đình)
- Khu vực dưới (hạ đình)

2. Nguồn “thiên năng” này vô cùng quan trọng đối với trẻ. Ngoài các đại huyệt - “luân xa” là các điểm tiếp nhận thiên năng, thì thóp không chỉ có vai trò tiếp nhận thiên năng mà còn là nơi tiếp nhận thông tin “điều hành” trực tiếp từ “vũ trụ” để tiếp tục hoàn thiện bản năng; hình thành nhân cách và trí tuệ - được dạy bảo cho trẻ khi mà đứa trẻ chưa tự học được các bản năng của con người. Các cụ thường bảo “bà mụ dạy” rồi “bà mụ đỡ”. Đó là những câu người lớn thường thốt ra khi



nhìn thấy trẻ sơ sinh có những biểu hiện bản năng con người như: cười, mếu, khóc, động chân, tay, khi trẻ ngủ. Và ý nghĩ ấy được truyền miệng từ người này đến người khác, từ thế hệ này sang thế hệ khác. Khi đứa trẻ vô tình bị làm ngã hay bị ngã khi tập đi (8, 9 tháng tuổi) thì đều được an ủi, hay tự an ủi bằng câu: có “bà mụ đỡ”. Vậy “bà mụ” ở đây là ai?

Một hiện tượng tự nhiên ấy nhưng cũng chưa có một học giả nào ở Đông, Tây, Cổ, Kim nghiên cứu cả!

3. Những trẻ mạnh bạo - “tiên thiên” tốt. Nghĩa là nó được tiếp nhận tốt “nguyên khí thiên địa” nhiều, khi nó được hình thành trong “bào” (tử cung) của người mẹ. Các nhà hiền triết cổ xưa đều khẳng định một quan điểm chung là: người được hình thành nhờ khí của trời - cụ thể các tinh tú và từ tinh của đất - năng lượng của quả đất. Năng lượng này được nạp vào con người qua các thức ăn mà con người dùng. Năng lượng của quả đất đang chứa trong vạn vật sống trên nó, nhưng cũng có thiên khí dự phần cùng. Thiên khí không nhìn thấy như không khí vậy. Song nó vẫn tồn tại.

4. Các “luân xa” tồn tại “mở” suốt một đời người. Đây là nguyên tắc, thiên định, nhằm bổ sung thiên năng của con người (Chứ các luân xa không tự đóng lại”). Nó chỉ bị bịt lại vì một nguyên nhân cơ học hoặc bệnh lý mà thôi. Các nhà cảm xạ học cho rằng họ có thể khai mở “luân xa” bằng năng lượng của họ là điều mị người mà thôi chứ không từ quan điểm khoa học! Đúng ta có thể hồi phục sự thông thoáng trở lại của các “luân xa” bằng nhiều phương pháp khoa học khác nhau. Và trong tương lai khi vấn đề này được các nhà thông thái nghiên cứu thì sẽ được sáng tỏ hơn. Luân xa đã có sao phải khai mở? Thật hoang tưởng.



12 luân xa thì còn tồn tại mở (theo lý thuyết) suốt đời con người. Bởi vì nó còn chức năng và “nhiệm vụ” được giao của một nơi huyền bí.

5. Thóp thì sau 6 tháng đến 1 năm tuổi, có trường hợp ngoại lệ nó được mở lâu hơn đến 2 năm. Tuỳ thuộc “nhiệm vụ” được giao chưa hoàn thành ở trẻ sơ sinh rồi mới đóng hết. Thông tin điều hành cắt.

Thóp là cổng thông tin liên lạc với vũ trụ của con người khi bé, khi bộ óc mới đạt 80% năng lực. Quan điểm này khó nhận thức nhưng không phải là vấn đề nhảm nhí và mê tín. Hãy mặc đó, khi ý tưởng còn cần thời gian để minh chứng.

Về vấn đề liền thóp sẽ có hậu quả là tạo ra những trí tuệ khác nhau giữa người này và người khác. Và nó được hiện hình qua tướng mạo: phú quý, bần tiện... (mệnh) thông minh, thọ, yếu... (thân).

6. Như vậy tướng (thân) gắn liền với số (mệnh). Ông Lưu Hiệp trong “tân luận” có bàn rằng: “Mệnh là căn bản của đời người. Tướng là trợ thủ cho mệnh mà thành. Mệnh không hiện hình. Tướng thì hiện hình. Có mệnh thì nhất định có tướng. Có tướng nhất định có mệnh. Tướng, mệnh của người như: hiền, ngu, quý, tiện, thọ, yếu... do kết thai (thai nhi) chế khí, tiếp khí hậu mà sinh ra (ở đây tác giả muốn nói chế khí chính là năng lượng của quả đất (địa năng), còn tiếp khí hậu là thiên năng từ vũ trụ).

IV. TƯỚNG THÓP.

1. Thóp, có người đầy đặn nổi cao: Tướng giàu, trí tuệ. Khí lực dồi dào, năng lực lớn, đa tài.



2. Thóp thấp bằng: Năng lực bình thường.
3. Thóp lõm: Hèn yếu, trí tuệ kém, nghèo.
4. Điều mới lạ từ quan điểm thóp. Những năm giữa thế kỷ 20, nhiều người đi tiên phong trong nghiên cứu về thóp. Họ cũng đã có quan niệm đầu là nơi tiếp nhận “thông tin” và “năng lượng” từ vũ trụ. Khi còn bé “cổng thông tin” đó là thóp. Lớn lên cổng thông tin này bị lấp lại. Từ đó con người ta không còn được “tiếp nhận sự chỉ dạy và năng lượng” từ vũ trụ nữa.

- Từ quan niệm như vậy mà người ta đã có ý tưởng khoan thủng xương đầu để có thể tiếp tục nhận được thông tin từ vũ trụ. Việc này nghe thật giàn dở thế mà ở châu Âu đã có ba bôn người làm việc đó. thậm chí họ tự khoan thủng hộp sọ mình. Có người đã phải chi phí đến 2.000USD và phải sang tận Ai Cập mới có bác sĩ dám nhận làm việc này.

- Những người đã khoan thủng sọ của mình cho biết họ chỉ cần một lỗ khoan có phi (Φ) 0,975cm là hợp lý.

Và rằng sau khi khoan thủng sọ mình, họ thấy trí tuệ họ trở nên siêu việt và khoan khoái lạ thường. Tất nhiên làm việc tiên phong này đã có hai vợ chồng hành nghề y. Từ đó đến nay chưa có thêm người tiếp tục thực nghiệm ý tưởng “điên khùng” này. Song thực ra thì những người đã thực nghiệm tự khoan sọ mình cũng chưa có sự kiểm chứng, so sánh trí tuệ trước và sau khi khoan sọ cùng nhóm người làm chứng. Vì vậy mà không có nhiều người dám liều lĩnh thực hiện tiếp theo.

5. Ngoài thóp đã bị đóng lại khi trẻ 1 tuổi người ta còn Đại huyệt Bách hội (ở giữa đỉnh đầu) vẫn là nơi giao tiếp với bên ngoài. Nhiều phép dưỡng sinh đã lợi dụng huyệt này để thu “thiên năng”. Và đông y dùng trong xoa bóp, bấm huyệt, châm



cứu v.v... để chữa bệnh. Song có lẽ do huyệt Bách hội chỉ có một lỗ siêu nhỏ nên việc tiếp nhận “thông tin và thiên năng” bị hạn chế tối đa. Các nhà cảm xạ học, thần kinh học, các đạo sỹ Ấn Độ, Tây Tạng, Miama, Nhật Bản v.v... rất quan tâm tới huyệt đạo này và đã áp dụng nhiều phương pháp khai thác nó.

V. TƯỚNG XƯƠNG HẬU CHẨM (NGỌC CHẨM).

Người ta có khái niệm ngọc chẩm vì xương này ở sau đầu nổi cao hình chiếc bánh dày. Xương hậu chẩm nổi thành gò, nhưng cũng có người xương này gần như không hằn rõ ở đầu.

1. Xương hậu chẩm trong tướng lý là phên dậu phía sau. Nó là đòn luỹ chặn hậu (nghĩa phong thủy) của đầu và tướng mặt.

Về tướng pháp nó được xem xét cẩn thận và từ đó ta cũng có thông tin. Vậy xương hậu chẩm (ngọc chẩm) được xem xét như thế nào.

2. Các kiểu xương hậu chẩm và thông tin.

Xương hậu chẩm có nhiều xương nhỏ hợp thành và vì thế hình dạng khác biệt nhau ở một số người.

- Có một xương nhô hướng lên trên (người Hoa gọi là Yến Nguyệt chẩm).

Người có như vậy có thể làm quan chức.

+ Một xương mà gấp khúc hướng xuống (phục nguyệt chẩm).

Người có xương chẩm như vậy có thể làm đến cấp bộ.

- Có 2 xương nhọn và nhô cao (song long).

Người có xương chẩm này có thể làm tướng.

+ Có 2 xương gấp khúc đôi nhau (tướng bối chẩm).

Người có xương chẩm như trên giỏi cả văn lẫn võ.



+ Hai xương này trên dưới rõ ràng thì làm quan võ cao cấp. Người Hoa gọi là có (tam tinh chẩm).

- Có 3 xương đầu tròn (tam tai chẩm).

Người có hậu chẩm như thế có thể làm đến thủ tướng chính phủ, chủ tịch, tổng thống.

- Có bốn xương; xương ở giữa nhô cao hơn cả (ngũ nhạc chẩm).

Người có xương hậu chẩm như vậy có thể được phong danh hiệu cao quý, suốt đời hưởng lộc.

- Hình dáng đặc biệt là xương chẩm nổi đều bốn phía ở giữa trũng xuống thành hố (xa trùu chẩm).

Người có hậu chẩm như thế có thể làm đến phó thủ tướng chính phủ, phó chủ tịch nước.

- Xương hậu chẩm bằng phẳng không phân biệt với đầu nhiều.

Người như vậy thì không có chức phận xã hội.

3. Xương hậu chẩm ẩn dưới tóc vì vậy nếu không cắt tóc trọc thì chỉ có thể sờ nắn mới rõ. Ngay cả khi đầu trọc lốc cũng cần sờ kỹ mới biết đích xác. Tướng hậu chẩm cũng chỉ tham khảo vì thực chất là:

- Hậu chẩm nổi cao là người tinh tế, khéo léo, tài hoa, vì thế nó biểu hiện tiểu não phát triển tốt.

- Hậu chẩm bằng phẳng tức tiểu não bình thường. Như vậy sẽ là người vụng về, chậm chạp.

Suy diễn logic thì rõ ràng những người như thế làm gì có thể đảm đương việc lớn, việc xã hội. Những hình dạng xương hậu chẩm trên đều là hình dạng đặc biệt. Vì vậy nó cũng có chức phận đặc biệt.



4. Ngoài các hình đặc biệt của xương hậu chẩm còn thêm các hình dạng sau:

- Một xương nhô tròn (viên nguyệt chẩm) làm người bảo vệ.
- Một xương trên tròn dưới vuông (thùy lộ chẩm) tướng làm quan viên làng xã.
- Một xương tròn dẹt bánh dày (tôn ngọc chẩm) tướng làm thư ký.
- Hai xương gấp khúc dựa vào nhau (bối nguyệt chẩm) làm viên công chức.

5. Tướng pháp Trung Hoa còn có thêm nhận định nhân cách qua xương hậu chẩm. Xin liệt kê thêm để tham khảo.

- Xuất phúc chẩm (có một xương gồ nhọn): Tướng người cương trực, trung thành.
- Hồi hoàn chẩm điềm: Cha con đều hiển vinh.
- Tam quan chẩm (ba xương trồi cao liền nhau một hàng): tướng giàu có, đông anh em, sang trọng.
- Liệt hoàn chẩm (xương nổi lên nối liền xương phía trên 2 tai thành bờ mai rùa): tướng thọ, sang, nhưng tính khí bất thường.
- Kê chẩm (xương chẩm thẳng một vạch) tướng bướng bỉnh, thô bạo.
- Hoành sơn nhất tự chẩm (xương nổi cao một gò dài) tướng có công danh.

6. Ngoài ra họ còn chia nhỏ tỉ mỉ như:

- Tả trường chẩm, tả tán chẩm, hữu tán chẩm (xương chẩm nổi bên trái, bên phải ngắn và nổi bên trái thành vạch dài) để chỉ tướng sống lâu.
- Tuần châm chẩm, thùy châm chẩm: chỉ tướng nghèo mà sang và thọ.



- Thượng tự chẩm (xương hậu chẩm giống chữ thương Trung Quốc): chỉ tướng người có trí lớn nhưng không thành đạt nhiều.

- Yên cổ chẩm, đinh tự chẩm (xương hậu chẩm có dáng chữ đinh Trung Quốc): chỉ thành bại trên quan trường, không ổn định.

- Sơn tự chẩm (hậu chẩm giống chữ sơn Trung Quốc) tướng phú quý, thông minh thọ.

- Diệp Ngọc Chẩm (một xương bẹt hình lá cây), tướng giàu có, hiển vinh.

- Tượng Nha Chẩm (xương hậu chẩm trồi nhọn cong như ngà của con voi), huyền trân chẩm, tướng của người có quân quyền, võ quan.

- Nhật dương chẩm (xương chẩm dài nhưng đứt làm hai đoạn): tướng rất giàu có và trường thọ.

7. Tướng pháp cho rằng xương sọ người cấu ghép từ trăm loại xương với nhau. Riêng xương hậu chẩm cũng không liền khối mà nó chia cắt thành hàng chục kiểu xương như đã nêu. Cấu tạo như vậy nhưng chúng nằm trong mảng chẩm. Tuy thế chúng vẫn khu biệt bằng hình dạng riêng. Mỗi hình dạng ấy cho ta tính cách riêng của mỗi con người và sự thành danh của họ.

Mỗi người chỉ cần có một dạng xương hậu chẩm trên là quý rồi. Nó là phên dậu bảo vệ phía sau cho trán. Nó phải nổi bật lên mới hợp cách. Nếu bằng tết giống các phần khác của xương đầu làm không phân biệt được thì đó là tướng của người kém cỏi, yếu vong, tính tình bình lặng, danh phận tầm thường nhưng đôi khi vì một lý do nào đó thì tính tình của họ lại bột phát nóng nảy (loại colique), năng lực bình thường. Còn hậu chẩm lõm: người vụng về, năng lực kém, tính tình nhu yếu (loại melancolique).



VI. TỔNG QUÁT TƯỚNG ĐẦU (THỦ MẠO).

Tướng đầu gồm: Hình dạng đầu (đã nói trên), biệt tướng gồm: sống đầu (đầu có cốt) có tài sỹ phạm, còn gọi là gò sỹ phạm, sống này kéo dài xương trán cực quý.

VII. TÓC NGOÀI HẬU CHẨM VÀ THÓP RA TƯỚNG ĐẦU CÒN QUAN TÂM TỚI TÓC VÀ NHỮNG THÔNG TIN DỰ BÁO.

1. Tóc mềm nhỏ như tơ: Giàu, dịu dàng.
2. Tóc dài, dày mượt (quá rốn): Giàu, hiền thục, thọ, duyên dáng và nhân hậu, loại người này cả nam lẫn nữ đều giàu tình cảm, đa sầu, đa tình, sống lâu tới “còng lưng lòa mắt”.
3. Tóc cứng, thô: Tính nóng nảy, ngang bướng, khó tiếp thu giáo dục, bảo thủ. Tướng tóc này còn là người bất cần, tự lực cao, suốt đời lo toan ưu tư.
4. Tóc quăn: Vất vả cả đời, lao tâm, mệt óc, con người không mấy may mắn, giai thi đó đây, gái thì hại chồng còn (làm khổ họ). “Răng ngựa, tóc quăn” thì bất nghĩa, tráo trở.
5. Tóc cứng mượt: Có nghị lực, kiên định.
6. Tóc hoe (người Việt Nam mà tóc hoe vàng tự nhiên) không nghèo hèn, vất vả thì cũng chết non.
7. Tóc hoe trắng (bạch tạng): Tự ti, yếu đuối.
8. Tóc có đuôi tôm: Kiêu kỳ, làm bộ, làm dáng.
9. Tóc hai xoáy: Thọ nhưng không thông minh.
+ Tóc ba xoáy: Thì yếu tướng, lâm nạn xấu.
10. Tóc ngắn cứng thô mà vàng thì: Can đảm mà lao khổ.
11. Tóc gáy đứng ngược: Bạo tàn, bất trung, phản phúc, không trung thành.



12. Tóc không theo nếp, bờm sờm: Vất vả, bần tiện, hèn kém, tóc mai rối loạn: Lo toan cả đời.

13. Tóc mượt mà, sắc khí khỏe: Thiện tâm, quý.

VIII. SẮC KHÍ TÓC.

Sắc khí tóc là duy biến. Thời vận khác nhau, sắc khí tóc khác nhau.

1. Tóc đen nhánh: Thọ, khỏe mạnh, giàu.
2. Tóc nâu nhạt: Hiền, tâm đức.
3. Khi xem tướng tóc chỉ nên chú ý lúc định tướng - thành niên (16 - 30 tuổi).
4. Tướng tóc thuộc loại “duy biến”. “Duy biến” theo mệnh số:

- Sắp đến mệnh số tốt (thời vận) tóc có thay đổi từ bình thường sang mềm bóng.

- Đến thời vận xấu cũng vậy. Nó thể hiện đang bình thường sang thô, cứng, bờm sờm.

5. “Thường biến” là tóc thay đổi theo thể trạng và tuổi tác: Yếu, tóc đang mượt trở nên khô sỉn.

- Khỏe mạnh: Tóc mượt mà.
- Bệnh tật: Tóc ròn, khút, xoắn rẽ tre, bạc, hoe vàng hay hoe đỏ tùy bệnh.
- Già: Tóc bạc. Thường biến không xét.

“Cái răng, cái tóc là góc con người”. Từ câu nói ấy ta thấy tóc đáng chú ý biết chừng nào. Đầu tóc phải được lưu tâm chải chuốt làm đẹp. Còn thầy tướng lại nhìn từ tóc mà biết được nhân tính và mệnh số, bản chất và sức khỏe người đó.

6. Sách thân tướng Trung Quốc viết: “... tóc thể hiện ra khí huyết con người...”.



Như vậy tóc còn thể hiện sức khỏe của người đó. Nó thuộc tiên thiên (khi mới sinh). Nghĩa là đứa trẻ sinh ra đã có tóc và bộ tóc của trẻ sơ sinh cũng đã bộc lộ ngay bộ tướng và khí sắc. Có đứa mới đẻ ra thì tóc đã dày đen. Có đứa mới đẻ ra tóc đã thưa, nhạt màu. Có đứa hầu như không có mẩy tóc, tóc bèo nhèo. Đứa có tóc vừa phải. Đứa có tóc rậm rì. Sắc khí thì có mượt, có xơ, lướt.

Trẻ chưa thể định tính với bộ tóc “tiên thiên” của nó nên phải thận trọng. Khi xem về tướng tóc ta nên chờ đến khi định tướng (trẻ thành niên) mới đánh giá. Vì tướng tóc còn duy biến theo mệnh số nữa.

IX. QUAN ĐIỂM CỦA Y LÝ VỀ TÓC.

1. Tóc rậm dày thì khí huyết đầy đủ. Người khỏe mạnh, thân khí hùng mạnh: người nhiều ham muôn.
2. Tóc mềm mại, mượt mà thì khí huyết vượng (dồi dư) con người thông minh, thiện tâm.
3. Tóc khô ráp thì khí huyết yếu, người bệnh, yếu.

X. TƯỚNG THUẬT QUAN ĐIỂM.

1. Tóc nhỏ thì thọ lại vừa giàu và sống lâu, vừa đông con nhiều cháu và có chức quyền.
2. Tóc khô, cứng, đen bẩn, dài thì nghèo, khổ và chết sớm.
“... Tóc phải dày và nhỏ ngắn và mềm mại đen bóng có mùi thơm. Tóc như vậy ắt người có quý tướng”.
3. Tóc chuyển sang vàng điểm nhiều: xung khắc tính nết.
4. Tóc rậm mà hôi thì nghèo, hèn.
5. Tóc đỏ thì gặp nhiều tai nạn.
6. Tóc thô, cứng thì cô độc.



7. Không có tóc mai: độc ác, nhẫn tâm.
8. Tóc dài thì tính tình hiền dịu, thùy mị.

XI. TƯỚNG TÓC MAI CÒN NÓI THÊM.

1. Tóc mai mà lấp cả lông mày (tóc mai quá rộng và dài thì gấp nhiều tai nạn trong đời).

- Tóc mai thô thì nghèo.

- Tóc mai khô, cong lên do lo lắng buồn phiền. Người sẽ già trước tuổi.

Khi nhìn thấy tóc mai ai đó mà cong lên tự nhiên ta có thể biết ngay người ấy tâm trạng luôn lo lắng, buồn phiền, bệnh tâm can.

2. Chân tóc sa xuống, sát vành tai thì có ngày chết đói (ở đây nghĩa chết đói rộng chứ không riêng chết vì nghèo quá).

- Tóc xoăn tự nhiên có ngày mang thương tích hay gặp bệnh hiểm nghèo.

- Tóc bạc sớm là tướng hung ác. Lòng người nhỏ nhen (tóc bạc sớm ở đây là tự nhiên, chưa đến tuổi già và không phải gen di truyền hay bệnh thận kém khí huyết thiếu).

3. Tóc tự nhiên đốm trắng một đám thì bị bệnh thần kinh tức thời (bệnh ở não bộ đi kèm nguy kịch tính mạng).

- Tóc trắng trở lại đen là đi kèm lành gặp hạn tốt tấn phát tài lộc hoặc chức quyền.

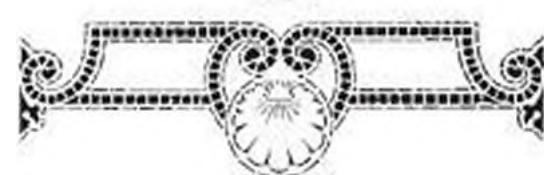
4. Người xưa nói rằng tóc phụ nữ mà dài chấm gót thì cả đời vất vả tâm thân phải lao tâm làm lụng. Đàn ông mà tóc dài (thời nhà Thanh Trung Quốc) quá thâm và cũng là người lao khổ, không một ngày nhàn hạ.

- Tóc rối bù: Đi phiêu bạt kiêm sống.

- Tóc rậm, xù: Người bảo thủ, ngu дần.



- Tóc dày: Gặp nhiều phiền phức, kiện tụng.
- Tóc đỏ hoe không nên tham gia quân sự dễ tử trận, sách xưa nói: "... người tóc rậm không làm tể tướng được..." (ý nóng và tham vọng lớn không lợi).



PHẦN IV:

MỘT VÀI QUAN ĐIỂM CỦA TƯỚNG THUẬT GIA TRUNG QUỐC VÀ TÂY ÂU

I. CÁC TƯỚNG THUẬT GIA TRUNG HOA.

1. Tướng thuật gia Viễn Thiên Cương cho rằng tướng đầu (thủ mạo) có thể so sánh với các loài vật, qua đó thể hiện nhân cách.

Họ cho rằng “muốn xem tướng người, trước hết phải xem tướng đầu. Đầu của con người làm chủ ngũ tạng, điều khiển thân thể...”. Từ đó sách thần tướng còn ghi “... Đầu có hàng trăm thứ xương, là nơi quần dương hội tụ (đầu tượng trưng cho Thiên - Dương quân; chân, mông thì tượng trưng cho Đất - Âm tụ). Vì vậy “đầu” mà không có cấu tạo khác thường khó được coi là quý tướng được...”.

2. Quan điểm kiểu đầu của Viên Thiên Cương.

- Đầu cao vòm như vòm trời thì: Tuân tú, nghiêm nghị, quyền uy, thông tuệ.

- Đầu nhỏ, nhọn, nghiêng vẹo, bẹp, lép, lồi lõm thì: Nhân cách bất chính, tướng gian, yếu.



- Đầu đầy đặn cao mà không nhô, nhọn, ngắn thì là tướng tốt. Cuộc đời viên man (toại nguyện).
- Đầu có da dày thì: Giàu, gặp may.
- + Đầu có da mỏng thì: Nghèo, khổ.
- + Da đầu đỏ thì: Hay gặp tai nạn con người hung ác.
- Đầu nghiêng về bên phải thì: Mẹ chết trước bố.
- Đầu nghiêng về bên trái thì: Cha chết trước mẹ.
- Đầu nghiêng khi đi thì: Nghèo.
- Đầu cúi khi ngồi thì: Hèn kém

Đầu và thân phải cân bằng, tướng xấu kém là đầu to, thân bé, hay ngược lại đầu nhỏ người to.

II. CÁC TƯỚNG GIA KHÁC QUAN NIỆM.

Một số tướng gia khác còn cho rằng nên chia hình dạng tướng đầu theo ngũ hành: Kim, Mộc, Thủy, Hoả, Thổ.

1. Đầu thuộc Kim thì: Da đầu trắng, dáng khanh tướng cứng cỏi, hay thay đổi quan điểm, tính tình.
2. Đầu thuộc Mộc thì: Da dày khô, đầu to vuông thì có năng lực, uy quyền, giàu.
3. Đầu thuộc hành Thủy thì: Da đậm, không dày, không mỏng hình dạng chữ nhật tròn cầm; tướng hoạt bát, tiết kiệm, thích nghi nhanh với hoàn cảnh, thích làm việc.
4. Đầu thuộc hành Hoả: Cao, nhọn, da đầu hồng tướng nóng nảy, bản lĩnh.
5. Đầu thuộc hành Thổ: Tròn, da sạm, dày, tướng giàu, tháo vát.



III. NHẬN ĐỊNH HÌNH DẠNG ĐẦU GIỐNG CÁC LOÀI VẬT VÀ THÔNG TIN DỰ BÁO.

1. Đầu Rồng: Xương to khô cao vồng lên như đầu của con rồng. Đỉnh được các thùy chầu vào. Hậu chẩm như chuỗi hạt xếp song song nổi cao lên: Tướng quyền lớn, chức to (công hầu, khanh, tướng) thông minh tuyệt đỉnh, danh tiếng lẫy lừng.

2. Đầu Hổ: To, tròn, trán rộng thẳng đứng mày nhô, mắt có uy. Miệng rộng, tướng quan võ, chức trọng quyền cao, bỗng lộc nhiều "... Hổ đầu cao khởi phúc lộc vô ti...".

- Đầu hổ hàm bánh (chim én) làm đến tể tướng, nguyên soái, đại tướng.

3. Đầu Voi: Cao bè, nổi u ở hai gò từ tốn và Kim Môn (hai bên rìa trán). Tướng: Khỏe mạnh, sống thọ và phúc, lộc nhiều.

4. Đầu Tê Giác: To, cung quan lộc có u nhô nhọn hoặc trông như củ ấu hay nửa viên ngọc - Tướng: Giàu to, con nhiều.

5. Đầu Hươu: Dài cân đối với người, thanh tú - Tướng: Kiên nghị, có ý chí, cứng cỏi.

6. Đầu Giải Cá: Ngang rộng. Tướng: Sống lâu, tâm thiện, rộng rãi.

7. Đầu Rắn: Bằng (không có đỉnh tròn) - Tướng: Nghèo hèn.

8. Đầu Chó: Trên to, dưới hẹp nhỏ, tròn - Tướng: Cả đời khổ đau.

9. Đầu Chồn: Nhọn hoắt - Tướng: Nghèo hèn, gặp nhiều nạn tai, tính ác.

IV. QUA CÁC THUYẾT ÂM DƯƠNG, NGŨ HÀNH để xem xét tướng đầu. Căn cứ vào tính chất của từng hành để áp định



vào hình tượng. Sự liên hệ này là khoa học chứ không phải mê tín. Tên của Ngũ hành chỉ là những ký hiệu vỡ đoán để dễ hiểu. Nó giống α , \square (an pha, bê ta) trong toán học mà thôi.

1. Khi nói đến thuộc Hỏa thì ta hiểu ngay về hình dạng là: cao, nhọn và về tính khí thì: Nóng nảy, hấp tấp, nóng vội, về sắc khí thì đỏ. Về bản chất thì: nhiệt thành, cương nghị...

Như vậy thì khi thấy hình dạng cao, nhọn, gầy, gân guốc, ta áp ngay vào nhân tính thuộc hành hỏa.

2. Cũng như vậy khi nói đến thuộc thuỷ nghĩa là hình dạng vừa phải, râu, tóc, lông đen mượt, sắc khí sám nhuận, tính khí thùy mị, nhã nhặn, bản chất thiện tâm. Mầu thâm, đen nhạt v.v... Và khi ta thấy hình dạng, sắc khí như vậy ta hiểu ngay người thuộc hành Thủy. Đã thuộc hành Thủy thì nhân tính hoạt bát dễ thích nghi, con người có nghị lực v.v...

3. Người có kiến thức uyên thâm nhiều lĩnh vực như về Âm Dương Ngũ Hành; tử vi mệnh số; sinh, tâm lý, y lý; hình thể học v.v... và cần có đức độ thì có thể thấu hiểu tướng thuật sâu xa được và mới dùng được đúng. Kiến thức các mặt hời hợt mà nghĩ đến dùng tướng thuật thì có thể làm sai lệch một môn khoa học đã có lịch sử mấy ngàn năm rồi.

Mặt khác việc thấu hiểu và ứng dụng cần quan niệm là tôn trọng những thành quả đã có. Đồng thời luôn suy nghĩ chọn lọc bổ trợ để một môn khoa học ngày càng phát triển hợp lý.



PHẦN V: PHẦN GIỮA - TRUNG ĐÌNH

Tướng pháp bàn luận phần giữa (trung đinh) ở thân người, phần này bàn về tướng các bộ phận thuộc phần giữa và các thông tin về nó bao gồm: Tướng ngực, tướng bụng - rốn, tướng lưng, tướng vai.

I. TƯỚNG NGỰC.

Hình dạng ngực và thông tin về nó cũng được tướng pháp quan tâm. Ngực luôn có hình thang, dưới bé trên hơi to. Phần ngực gồm từ cổ đến hết sườn.

1. Ngực đầy lẳn: Khỏe mạnh, tính hoạt bát.
2. Ngực nở nang, vầng vú dày chắc: Rất khỏe, tính thích vận động, hung hăng, cục mịch, tham vọng nhiều về vật chất.
3. Ngực mỏng dáng yếu: Hèn, nóng nảy, thiếu thận trọng suy nghĩ kỹ trước khi hành động.
4. Ngực mỏng dài: Có ý trí, kiên trì, ghét vận động.
5. Ngực đầy lông: Vú có lông người có kiến thức, tính vũ phu, dâm đãng, tráo trở, mưu mẹo, hay trả thù vặt, nhưng thích làm sang.
6. Phụ nữ vú cao hẳng lên vầng mây tím: Quý.
 - + Phụ nữ vú tròn, đầu vú to thâm quầng: Nặng về tình ái, có hậu, nhiều con, dễ nuôi.
 - + Phụ nữ vú không có đầu vú: Không có hậu (con).
 - + Phụ nữ đầu vú bé: Muộn và ít con.



- + Phụ nữ ngực trắng, vú bánh dày, đầu vú tròn: Người cao quý, thanh nhã, hiền hậu.
- + Phụ nữ vú dài: Có bản lĩnh, dũng khí hơn người.
- 7. Đầu vú nhăn nheo và thấp: Sinh con ngu dốt.
- 8. Đầu vú có nốt ruồi: Sinh con quý tướng.

II. ĐẶC ĐIỂM BIỂU TƯỚNG KHÁC.

- 1. Phía trên vú có nốt ruồi có nhiều con trai.
- + Phía dưới vú có nốt ruồi có nhiều con gái.
- 2. Ngực có nốt ruồi đỏ: Sinh con quý tướng.
- + Ngực veo vẹo: Người bần tiện.
- 3. Vú to, vú nhỏ ở nữ giới: Tính tình thay đổi, “tiền hậu bất nhất” sống không thực lòng.
- + Vú to quá cỡ: Tham dâm, thích ái tình, nặng về vật chất hơn tinh thần.

III. TƯỚNG BỤNG VÀ THÔNG TIN.

Kiểu bụng - “Tam Nhâm” (theo thuyết Trung Hoa) thì phải tròn và dày trơn bóng đó mới là quý.

- Bụng thuộc “duy biến”. Nó thay đổi ngay theo thời vận chứ không giống lúc sinh ra tức “bất biến”. Người ta nói “bụng phát phệ - (phúc)”.

- Tướng bụng được xét khi định tướng khoảng 30 tuổi thì rõ hơn.

Lúc này tướng bụng tương đối ổn định và dáng bụng được định hình nhiều hơn.

1. Bụng thon nhẹ: Hoạt bát, say mê nghệ thuật.



2. Bụng có múi: Người có nghị lực, kiên trì, tâm thái ổn định.
3. Bụng tròn dày: Giàu có, có tâm địa tốt.
4. Bụng tròn to: Tính tham lam vô độ.
5. Bụng phệ bè: Lười, say mê tình ái, phàm phu.
6. Bụng xệ xuống: Kẻ mưu mẹo, thủ đoạn, biết cơ trời người gầy bụng vẫn xệ (phía dưới lớn hơn trên).
7. Bụng ngày càng to thì phúc và thọ, mỏng dí thì bệnh tật và nghèo đói bụng nhỏ mà thấp thì giàu có lâu dài.
8. Bụng có lông dọc rốn xuống dưới: Tính tham vọng lớn, thích thú xác thịt, keo kiệt tính toán chi ly.
9. Bụng có nốt ruồi: Tính vũ phu, tham ăn vụng ở.

IV. RỐN VÀ THÔNG TIN DỰ BÁO.

Rốn cũng mang những thông tin bổ ích. Ngay trong dân gian vẫn thường có quan niệm tướng rốn theo cách truyền miệng cho nhau.

Trẻ sinh ra đều được cắt rốn như nhau ấy vậy mà lành rốn thì rốn bắt đầu định hình dần và sau 2 năm hình dạng rốn được ổn định tương đối. Rốn thuộc bất biến thiên định.

Vì vậy có các kiểu rốn cả bất và duy biến:

1. Rốn sâu, rộng: Khỏe mạnh, cuộc sống thuận buồm, ít khi khốn khó, đôn hậu, sống có tình người.
2. Rốn rất sâu híp và nổi hạt ở giữa: Khỏe, giàu có, quý phái.
3. Rốn nông, nhô: Cuộc đời bình lặng, không quan tước.
4. Rốn hướng xuống: Hiểu biết, có phúc phận.
5. Rốn lộ, bằng: Yếu, tâm tính đổi thay, tần tiện.
6. Rốn hướng lên trên: Ngu và nghèo.



7. Rốn lồi, rộng: Yếu tướng, nghèo hèn.

Tất nhiên khi béo lên thì tướng rốn có sâu thêm nếu là rốn sâu. Không thấy đáy rốn.

Những rốn bằng hay lồi vẫn có thể nhận ra vì nó ít thay đổi dù có mỡ bụng đi nữa. Và dù có gầy thì rốn sâu, không thấy đáy rốn. Cạn vẫn cạn và lồi vẫn lồi, hướng mép không đổi v.v...

V. TƯỚNG LƯNG VÀ THÔNG TIN.

Lưng có 12 đốt cũng có những tướng riêng do kiểu lưng và các đặc trưng khác. Cụ thể kiểu lưng phải “tam giáp” (ba dựa).

1. Lưng thẳng, có rãnh sống lưng: Dấu hiệu ngay thẳng, thận trọng, nghiêm túc mọi việc.

2. Lưng bằng (kiểu lưng tấm phản) người có tướng khỏe mạnh, chịu làm việc, ít trí tuệ, người ăn no vác nặng, tướng vỡ.

3. Lưng dài: Tính thích nhàn hạ, lười, không chịu khó. Có ý trí và kiên trì, có trí tuệ - lưng văn nhân (“dài lưng tốn vải ăn no lại nầm”).

4. Lưng cong: lao khổ, cần mẫn, nghèo khổ.

5. Lưng gù phía trên: Tính hoang toàng, đa dâm, thích dục, nhưng chịu khó, tận tâm.

6. Lưng gù phía dưới (gần thắt lưng): Tướng bần tiện, tùy tiện, khó nghiêm túc.

VI. ĐIỂM KHÁC BIỆT

1. Lưng có lông: Ti tiện, nghèo, giảo hoạt.

2. Lưng có nốt ruồi: Giàu có, keo kiệt, nhàn.

- Vai lưng có nốt ruồi: Người sẽ có chức phận trong xã hội.



3. Lưng có nhiều nốt ruồi đỏ quý tướng, làm nên danh phận bằng sức mình.

- Lưng mà có các nốt ruồi thành hàng ngang hay hàng dọc mà to mầu đỏ và ngay ngắn: Phú quý, oai nghiêm lấm.

* Võ Tắc Thiên (Trung Hoa) có tới 7 nốt ruồi sóng ngang nhau có màu đỏ ở eo lưng trái. Bà đã là Hoàng đế Trung Hoa. Ngoài lưng có nốt ruồi đỏ ra, bà còn có mắt rồng và cổ phượng, rất quý.

5. Về eo lưng, tướng pháp cho rằng: Eo lưng ví như núi có bụng để dựa vào. Nó chỉ việc tinh và chắc, nguy và biến. Vì vậy lưng phải thẳng, phẳng, dày, rộng thì lộc không cạn. Eo lưng to thì vượng về.

- Eo lưng bé gọn thì đầm dang (thắt đáy lưng ong mật).
- Eo lưng thắt chét (như ong bò vẽ) thì tính gian tà, độc ác.
- Eo lưng đậm, thắt gọn (bụng thằn lằn thì tính tình khoát đạt và lương thiện).

6. Tóm lại lưng cánh phản thì tốt. Nhỏ và mỏng thì nghèo hèn. Võng mà hẹp thì cùng khổ, lưng gấp khúc thì dâm dang, ngu đần.

Lưng thuộc vừa “bất biến” vừa “duy biến”. Khi thời vận thay đổi thì ít nhiều thay đổi, ví như nghề nghiệp, tuổi lập gia đình. Đến các thời điểm đó lưng có thể bị thay hình, biến dạng. Và ngay cả khi bệnh tật nguy biến. Trường hợp này cũng thay đổi số phận đang giàu thành thường, đang thường thành khó, đang sang thành hèn v.v...

Tổng hợp của tướng pháp Trung Hoa thì lưng phải đạt “tam giáp” mới quý, nếu không chết non, thì cũng hèn yếu.



VII. TƯỚNG VAI - HAI VAI.

Vai thuộc về trung đìn của ba đìn. Ba đìn ở đây là ba đìn của thân người khác ba đìn ở mặt.

Ba đìn thân người gồm:

- Đầu đến vai là thượng đìn (bao gồm đầu và 7 đốt xương cô).

- Từ vai đến hết lưng thuộc trung đìn (bao gồm vai lưng, bụng và eo lưng (thắt lưng) hết xương cùng).

- Từ mông đến hết chân là hạ đìn.

Ba đìn này ở mỗi người khác nhau thì khác nhau. Ba đìn hài hòa - nhất là phần trung đìn và hạ đìn thì phúc tướng, tốt.

Ba phần mà không hài hòa thì tướng xấu:

- Trung đìn dài mà hạ đìn ngắn: tướng hèn kém nhưng khôn vặt và lười biếng, tuy trí tuệ không tồi nhưng cuộc đời chật vật, khổ ải.

- Trung đìn ngắn mà hạ đìn dài: tướng kiêu kỳ, tính tình cao ngạo, tuy vậy là người chịu khó và kiên trì trong công việc, ái tình lăng nhăng không chính.

2. Hai vai cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng.

- Vai nghĩa thực là chịu gánh vác trong sinh hoạt cuộc sống. Như vậy về nghĩa đen là chịu sự nặng nhọc, vất vả.

- Về nghĩa bóng là phải đảm đương mọi công việc chung riêng: “Hai vai gánh vác sơn hà - Một là báo phục, hai là báo ân” (Truyện Kim Vân Kiều) và thiên hạ thường bảo: “Công việc gia đình dồn cả lên hai vai”...

Như vậy thì trách nhiệm hai vai quá nặng nề. Nhưng tùy thuộc kiểu vai từng người mà cho ta những thông tin cụ thể: không phải ai có đôi vai đều phải gánh vác cả việc xã hội với trọng trách nặng nề và cả việc gia đình.



Người có đôi vai gánh vác việc chung.
Người có đôi vai chỉ lo cho gia đình.
Người có đôi vai mà phải lo cả hai phần việc chung và riêng, xã hội và gia đình (nói việc đảm trách).

VIII. KIỂU VAI VÀ THÔNG TIN.

1. Vai ngang, chắc, khỏe, rộng:

Tướng cường tráng, đẫm đang, người có năng lực gánh vác việc chung, lo trọng trách.

2. Hai vai ngang, mảnh dẻ, rộng:

Tướng hiểu biết, có trí tuệ, mưu mẹo nhưng lười và thích sống theo tham vọng riêng mà không chú ý việc nhà. Họ phó mặc gia đình cho người khác.

3. Hai vai xuôi vừa, đậm:

Tướng nặng việc nhà hơn việc xã hội. Tuy vậy người này chịu khó, đẫm đang và tài xoay sở.

4. Hai vai xuôi tuột, hẹp:

Tướng bần hèn, kém cỏi đủ đường, trí tuệ xoàng sỉnh, không làm được việc gì nêu hồn, sống dựa.

5. Hai vai tròn lẳn ngang vừa:

Tướng dịu hiền, sống lương thiện biết cả việc chung lẫn việc riêng. Người biết kết hợp chung, riêng hài hòa nên cuộc sống giàu, sang, hạnh phúc.

6. Hai vai u thịt (“vai u, thịt bắp”):

Tướng ti tiện vũng dũng, trí tuệ bình thường tính tình cục cằn thâm trầm và chi ly nhưng đần độn.

Các cụ nói “Đồ vai u thịt bắp” để chỉ hạng người “ăn no



vác nặng, tồi nghĩa khí”. Họ ít quan tâm đến việc suy nghĩ, lo lắng. Người “sai đâu đánh đấy” ưa công việc nặng nhọc cực thân đôi khi nổi tiếng.

7. Vai mỏng nhiều lông:

Tính tình thận trọng nhưng lại là người nhẹ dạ và kém tài đức.

8. Hai vai nhỏ và gầy:

Tính tình nhút nhát, thích các chuyện rắc rối, đa sự vào mình, không nhân đức nhưng ngăn nắp.

9. Hai vai hẹp vừa và suôi:

Tướng khôn ngoan, quý quyết, kín đáo. Người dãi môi, giả nhân giả nghĩa.

10. Người có đôi vai rộng và mập:

Tính hèn tiện, tính toán chi li, không thiện tâm. Người khỏe mạnh nhưng lại lười nhác, thích nhàn hạ.

Tóm lại, với 10 mẫu của đôi vai là rất đặc trưng. Nó thể hiện tính cách rõ rệt nhất mà không thể khác được.

“... Đôi vai lộ tướng không giấu vào đâu được...”

Sách tướng pháp Trung Hoa cũng xác nhận như vậy.

IX. ĐIỂM ĐẶC BIỆT CỦA ĐÔI VAI.

1. Trên vai (bả vai) có nốt ruồi là người hoặc có chức phận xã hội hoặc là người con trưởng, dâu trưởng, trưởng họ trong gia tộc.

2. Đôi vai so lệch: tướng yếu hèn, kém cỏi và không có năng lực gì đáng kể.



CHƯƠNG IV

TƯỚNG MẶT - DIỆN MẠO

DIỆN TƯỚNG

PHẦN I:

KHUÔN MẶT VÀ THÔNG TIN DỰ BÁO

I. Các kiểu mặt.

Người có nhiều bao nhiêu thì có bấy nhiêu khuôn mặt. Tuy vậy về mặt tướng lý người ta quy nạp một số kiểu mặt đặc trưng và đặc biệt. Và từ các kiểu mặt đó người xem tướng tìm thấy những đặc tính, bản chất và mệnh số v.v... Nói tóm lại là người biết tướng thuật sẽ có những thông tin dự báo nhiều chiều từ các kiểu mặt khác nhau nhưng rất đặc trưng (đại diện) thôi:

- Mặt vuông chữ điền (mặt vuông vức to).
- Mặt tròn xoe (mặt tròn vành vạnh).
- Mặt trái xoan (mặt hình elipe - quả xoan).
- Mặt lưỡi cày (mặt tam giác - trên to cằm nhọn).
- Mặt chuột (trên hẹp dưới nhọn).
- Mặt choắt (bé nhỏ).



II. NGOÀI NHỮNG KIỂU MẶT ĐẶC TRƯNG NHƯ VẬY CÒN CÓ THÊM HÌNH THỂ MẶT.

- Mặt xương xương (mặt khô gầy).
- Mặt nạc (mặt đầy thịt).
- Mặt phèn phẹt (mặt to bè).
- Mặt dài ngoằng (mặt dài hẹp).

Và đại đa số có mặt kiểu chữ nhật rộng, bằng. Không béo (nhiều thịt quá), không gầy (xương xẩu quá) là tướng mặt bình dị của muôn người.

Quy nạp lại người ta có kiểu mặt đẹp và mặt xấu, và mặt không đẹp, cũng không xấu (mặt vừa phải).

- Thánh nhân thì gọi là: “mặt thiện” và “mặt ác”. Mặt thiện thì đẹp hiền, mặt ác thì dữ dằn, xấu xí.

Như vậy các quan niệm về mặt nói trên đã nảy sinh diện mạo cho ta những thông tin dự báo về nhân tính.

III. CÁCH ĐÁNH GIÁ VỀ KIỂU MẶT CỦA TÂY, ĐÔNG, CỔ, KIM.

1. Người Trung Quốc, cụ thể là các tướng thuật gia như Ma-Y tiên sinh, ngài Trương Phương Bình, ngài Thông Diễn, ngài Trương Tuấn Công, ngài Viên Thiên Cương v.v... thì lấy các sao, hành tinh, mặt trăng, mặt trời để đặt cho các kiểu mặt. Và từ đó suy ra nhân tính dựa trên tính chất của các tinh tú đó. Ví dụ ta có:

2. Kiểu mặt to tròn, đó là mặt kiểu Thái Dương - Mặt trời. Tướng mặt Thái Dương sáng ngời, mọi thứ trên khuôn mặt chỉnh chu đầy đặn là mặt của bậc vương giả, công khanh.

3. Mặt tròn vành vạnh. Đó là kiểu mặt Thái Âm - trăng.



Tướng mặt Thái Âm sáng bóng, thanh tú các giác quan, nhạc, gò hài hòa là mặt của bậc thánh hiền, phúc hậu, nhân từ.

4. Kiểu mặt trái xoan, đó là kiểu mặt Kim tinh. Tướng mặt Kim tinh thanh thoát, tươi tắn mọi bộ phận trên khuôn mặt đầy đặn, tươi nhuận. Đó là mặt của các mỹ nhân, vương hậu phúc lộc đủ đầy.

5. Kiểu mặt vuông vắn, to - mặt vuông chữ Điền. Đó là kiểu mặt Thổ tinh.

Tướng mặt Thổ tinh thì đầu, mặt vuông vức cổ tròn, to khỏe, da đậm màu. Đây là kiểu mặt bậc tướng lĩnh, dữ tợn, cương quyết, mạnh mẽ. Kiểu mặt của tranh đấu, can đảm, gan dạ, con nhà võ.

6. Kiểu mặt xương gầy. Đây là kiểu mặt của Hỏa tinh.

Tướng mặt Hoả tinh chữ nhật, gân xương, sắc tía. Mọi thứ hài hòa đầy đủ sáng sủa, tướng hoạt bát, trí tuệ phát triển, nhanh hiểu biết, có học thức, nóng nảy, tự lực cao.

7. Kiểu mặt bầu bĩnh. Đây là kiểu mặt Mộc tinh. Tướng mặt Mộc tinh đầy đặn, các thứ cao đầy sắc khí xanh nhạt. Đây là khuôn mặt học giả, trí tuệ phong phú, ít hoạt động thể lực, nhân cách đàng hoàng, trầm tĩnh, tâm đức, chừng mực.

8. Kiểu mặt lưỡi cày. Đó là kiểu mặt Thủy tinh. Tướng mặt Thủy tinh sắc đậm, đen, cầm nhọn nhô, mắt lạnh sắc. Đây là khuôn mặt của mưu thần, tư vấn tốt, trí tuệ thông đạt, mưu mô, thủ đoạn.

9. Kiểu mặt choắt, mặt dơi. Đó là kiểu mặt Âm tinh. Tướng kiểu mặt Âm tinh bé hẹp vuốt nhọn cầm nhọn mắt lố sắc sám xỉn hoặc nhợt nhạt. Đây là kiểu mặt nghèo hèn, l้า lỉnh, háu hót, yếu (khó thọ).



IV. CÁC TƯỚNG GIA CHÂU ÂU cũng đề xuất những kiểu mặt theo tinh tú (Les étoiles et planètes) áp dụng cho người Âu Châu (Eropienes) như các ngài: Joself Renald, Kur Levin, Somon. Các ông gọi các kiểu mặt như:

1. Mặt của thần Le Génie Soleil (kiểu mặt của thần Mặt trời).
2. Mặt của thần La Lune (kiểu mặt của thần Mặt trăng).
3. Mặt của thần Le Génie Venus (kiểu mặt của sao Kim).
4. Mặt của thần Le Génie Saturne (kiểu mặt của sao Thổ).
5. Mặt của thần Le Génie Mars (kiểu mặt của sao Hỏa).
6. Mặt của thần Le Génie Mercure (kiểu mặt của sao Thủy).
7. Mặt của thần Le Génie Jupiter (kiểu mặt của sao Mộc).

Các ông quan niệm bản chất và tính cách theo quan niệm Âu Châu (Europa) cho người Châu Âu (Europienes). Do đó không mấy áp dụng ở Việt Nam.

V. NGƯỜI VIỆT NAM QUAN NIỆM KHÁC. Người Việt áp dụng một phần giống người Hoa. Thực ra người Việt ta ngày xưa - người Giao Chỉ cũng là một trong bộ tộc - “Bách Việt” xưa (thời Nghiêu, Thuấn, Phục Hy Hoàng đế Hạ, Thương khoảng 2879 - 258 trước Công nguyên) ứng vào họ Hồng Bàng - Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân rồi 18 đời vua Hùng.

Càng về sau thời Đường, Tống, Minh, Thanh sự giao thoa nhiều, phát triển nhiều làm dân tộc Việt tiến bộ khá nhiều về mặt dân tộc học và nhân chủng học... Vì lẽ đó những khái niệm và nhiều ngành khoa học cổ vẫn ít nhiều phù hợp với người Việt Nam. Bởi vậy việc tham biến quan niệm của người Hán vào người Việt Nam quá gượng ép.

Tuy nhiên nghiên cứu về tướng thuật của Việt Nam mang đặc thù riêng và vẫn độc lập về khía cạnh nhân chủng học.



Bởi ngày nay, về khía cạnh này đã được định hình và vì thế nó cũng được định tính. Quan điểm này là quan điểm tư duy độc lập, xuất phát từ thực tế của người Việt Nam.

VI. SẮC KHÍ VÀ THÔNG TIN.

Sắc khí của Diện tướng cũng là phần tham khảo quan trọng trong khi xem xét hình tướng một ai. Sắc khí thể hiện ở mặt là đại diện và dễ dàng nhận thấy. Nhưng sắc khí thuộc “duy biến” và cả “thường biến”. Tuy nhiên muốn định được những thông tin thì ta chỉ để ý đến “duy biến” sắc diện khi người đó đang ổn định, khỏe mạnh. Như vậy sắc khí chỉ nặng về tham khảo.

1. Sắc khí bị thường biến (hay thay đổi) nên cho ta nhận định nhất thời mà thôi, như do: Bệnh, thời tiết, sự kiện... ví dụ như bệnh tật. Nó có giá trị cho các thầy thuốc chẩn đoán:

- Da vàng khè, đột nhiên trên hình thể yếu kém là dấu hiệu bệnh gan, sốt rét v.v...
- Da sám đen: nhiễm độc nặng
v.v...

Về tướng sắc khí, ta không quan tâm đến khía cạnh đó nhiều. Và sau đây là những biểu hiện tướng sắc: hay, dở, thiện, ác, được, mất.

2. Các tướng sắc khí duy biến (thay đổi do mệnh số).

- Tướng sắc khí có hai phần: Sắc là màu sắc của da mặt. Trong đó quan tâm đến sắc tổng thể của mặt và của ngũ nhạc, ngũ quan, gò, tiểu khu...

- Khí lại có hai phần nhỏ:
 - + Thần khí của mặt tổng thể và thần khí của năm giác quan và năm nhạc.



+ Khí là hơi thở ra của người đó thường xuyên “duy biến” và đột biến (đột ngột).

3. Sắc tương đối ổn định - duy biến gồm:

- Sắc mặt tổng thể:

+ Trắng trẻo tươi nhuận: Tướng phong lưu, thiện tâm.

+ Đen sạm: tâm đức không thiện, mưu mô.

+ Hồng phớt hai lưỡng quyền: Nặng tình cảm luyến ái. Sắc này người ta gọi là sắc hoa đào.

+ Sắc nhạt, mặt phinh phính: Người dâm loạn, nhẫn tâm, kẻ “tú bà” như cụ Nguyễn Du nói trong truyện Kiều.

+ Mặt đỏ tía: Nghĩa khí dũng cảm.

+ Mặt trắng bệch: Yếu tướng (không thọ).

+ Mặt vàng bóng: Quý, hiền nhân.

+ Mặt xanh ngắn: Yếu tướng, ốm yếu đôi khi là tài nhân.

+ Mặt xanh sạm: Bệnh hoạn, vô lối

Da vàng bình thường là da đặc trưng của người Việt Nam, nó không mang tính khí điển hình và không tham khảo vào tướng lý.

4. Sắc da “thường biến” - thường thay đổi theo nội tạng bị bệnh tật hay do thời khí, do tác nhân kích thích nên không đề cập trong tướng sắc như khi:

- Giận dữ thì sắc mặt hoặc đỏ bừng bừng ở người mệnh Hỏa. Hoặc tái mét ở người mệnh Kim.

- Giận mà nét mặt, sắc mặt không thay đổi là người cực kỳ nguy hiểm, thù dai và hay báo thù.

- Trời nóng thì sắc da hồng hào.

- Trời lạnh thì sắc da nhạt sỉn.

- Uống quá nhiều rượu thì hoặc đỏ gay hoặc tái mét.

- Sợ sệt thì sắc mặt tái sám, tái mét...



Đó là sắc diện bị kích ứng do các loại kích thích không cần quan tâm trong tướng pháp.

5. Trong y học thì Đông, Tây y đều quan tâm sắc khí:

Hải Thượng Lãn Ông viết trong “Đạo y dự vận” rằng: “... Con hư thì cướp hai khí của mẹ, cho nên phế hư thì sắc mặt trắng khô, da nhăn lông rụng...” (Phần bàn về y lý - Hải Thượng Lãn Ông).

Người Tây cùng bàn về sắc diện và bệnh lý (Bác sỹ Joself Renald) ông là một bác sỹ gốc Áo (Autralia) là một bác sỹ, đa tài, giỏi về giải phẫu mà còn rất đam mê tướng pháp. Ông có nhiều tác phẩm liên quan và gắn kết cả hai lĩnh vực này. Bệnh lý và tướng pháp (patholofique và Anatolie pathologique et physiognomic et horoscopie) (... malade fait changer la couluer de la figuré...) (đau ốm làm thay đổi sắc da mặt).

6. Khí

Khí: Ở đây tướng pháp quan tâm cả thần khí. Duy biến và thường biến, cả hơi thở, khí đột biến và duy biến.

- Thần khí không nên hiểu là “thần thái” sự kết hợp giữa thần khí và thái - phong thái.

7. Thần khí: Người có thần khí tốt thì ung dung, điềm đạm. Người ta hay nói câu: “Mặt thất thần” (mặt như kẻ mất hồn). Và “mắt có thần” nghĩa là nhìn vào đôi mắt: Sáng và sống động ngược với đôi mắt “đờ đẫn” mắt “ngơ ngác”, ngái ngủ. Đây là cái gọi là có thần khí, hay không còn thần khí.

Sắc mặt có thần khí tốt là sắc mặt sống động, tươi nhuận dù đó là sắc diện gì đi nữa: Đỏ, đen, vàng, trắng, nâu...

- Mắt có thần khí: Thể lực sung mãn, đang tiến phát, gặp may mắn, vận khí tốt.

- Mắt không còn thần khí: Suy kiệt, gặp rủi ro, bất hạnh.



VII. HƠI THỞ - KHÍ ĐỘT BIẾN VÀ DUY BIẾN.

1. Hơi thở mà thơm tho: Quý tướng, suốt đời sung túc, ấm no, hạnh phúc.

2. Hơi thở hôi hám: Bệnh tật, nghèo hèn, bần sỉn và nhân cách chao đảo (lúc thế này, lúc thế khác).

Chú ý ở đây không đề cập tới hơi thở của những người đang bị bệnh như hở van thực quản, bệnh nha chu, răng lợi bị nhiệt.

3. Hơi thở “đột biến” loại này chỉ tình cờ nhìn thấy khi trời giá lạnh mà:

+ Trắng bình thường: Yên ổn.

+ Đen sõi nguy hiểm đến tính mạng phải coi trừng, đề phòng. Đây được xem như là điềm gở.

* Nói về điều này ông Viên Chánh Sư, một tướng thuật gia cũng tài ba không kém bố mình, ông Viên Thiên Cương đời Đường bên Trung Quốc có kể rằng: Một lần cùng qua đò sông Dương - Tử ông nhìn thấy có đến 10 người trên thuyền thở ra khí đen. Ông nhớ tới lời dạy của tướng gia Viên Thiên Cương cha ông. Ông vội bảo ông lái đò đề phòng đò chìm. Quả vậy con đò đột nhiên bị va thủng chìm dần. Nhờ có cảnh báo trước mọi người được chuẩn bị nên thoát nạn.

VIII. VỀ SẮC KHÍ ĐỘT BIẾN CÒN LUU Ý THÊM.

1. Ấn đường sắc vàng thì sắp tiến phát quan chức.

- Mà đã quan chức rồi thì sẽ có thêm bổng, có lộc hậu.

- Người thường thì gặp may về tài chính, viên chức thì lên chức, hoặc tăng lương.

2. Ấn đường mà bổng nhiên sắc trở nên đen hay điểm nốt đen, sắp nguy đến tính mạng (chết).



3. Trung chính bỗng biến sắc vàng óng thì thăng tiến trên quan trường, thương trường.
4. Trung chính mà sắc biến đỏ thì đi xa nhà một mình.
5. Trung chính mà biến sắc xanh thì có điều lo sợ sắp đến với mình.
6. Trung chính mà biến sắc đen thì có việc kinh sợ, khiếp đảm sắp xảy ra.

* Nguyên ông Từ Thế Kiệp, đời nhà Tùy Trung Quốc đang nằm nghỉ trên phản buổi trưa. Con trai ông vào trông thấy Trung chính của cha đen sạm khác trước vội kêu cha. Cha bật dậy ra khỏi phản. Một lát sau chiếc thượng lương nhà (đoàn nóc) bỗng sập xuống (vì bị mọt rỗng) ông thoát chết.

Con trai ông là Từ Tử Thuận (năm 580) một tướng thuật gia nổi tiếng đời nhà Tùy. Ông Tử Thuận đã từng đoán tướng bảo ông Tùy Văn Đế có mệnh thiên tử. Quả nhiên sau Tùy Văn Đế lên làm vua nước Tùy từ năm Quý Hợi 603 đến 617 niên hiệu Nhân Thọ. Khi đó nước Việt Nam ta đang bị lệ thuộc Tùy.



PHẦN II:

TƯỚNG KHU VỰC, NGŨ NHẠC, NGŨ QUAN

I. KHUNG HÌNH TIỂU KHU THÔNG TIN DỰ BÁO.

Các tiểu khu vực ở đây là ba đình (tam đình) trên mặt (lưu ý “ba đình” mặt khác “ba đình” trên toàn bộ cơ thể theo quan điểm của tướng pháp Trung Hoa. Ở đây ta vẫn dùng “ba đình” tiểu khu vực trên khuôn mặt. Còn ở toàn bộ cơ thể ta dùng “ba phần” đã trình bày ở chương ba.

II. KHUNG HÌNH 3 KHU VỰC (BA ĐÌNH) (Hình vẽ 1)

1. Khu vực trên dùng theo hình cũ là thượng đình.

2. Khu vực giữa - trung đình.

3. Khu vực dưới - hạ đình.

- Tiểu khu vực trên - thượng đình:

Từ chân tóc trán đến hết mày (dưới ấn đường: Như vậy tiểu khu trên (thượng đình) gồm: Trán, mày, ấn đường, thái dương.

- Tiểu khu vực giữa - trung đình:

Từ dưới mày đến hết mũi: Nghĩa là gồm: Toàn bộ mũi, phần mắt, lưỡng quyền (hai gò má) và hai má.

- Tiểu khu vực dưới - hạ đình:



Từ sát mũi đến hết cằm, bao gồm: Nhân trung, môi, miệng và cằm.

Ba tiểu khu vực (ba đình) được đánh giá khái quát khuôn mặt và những thông tin dự báo.

III. BA TIỂU KHU VỰC - BIỆN GIẢI.

1. Đánh giá ba đình - ba khu vực; đại thi hào Nguyễn Du đã có câu: "... ba đình nở nang...".

Như vậy tướng tốt thì nhất thiết phải có 3 tiểu khu vực ba đình rộng, đầy, sáng sủa.

2. Ba tiểu khu vực này đại diện cho ba khoảng đời của một con người: Thời trẻ, trung niên và hậu vận - cuối đời.

- Sự cân đối về độ dài của ba tiểu khu - ba đình cho ta thấy suốt đời, cuộc sống như nhau bình lặng yên ổn.

3. Nếu thượng đình - tiểu khu vực trên ngắn hơn hai tiểu khu còn lại thì đó là thời trẻ, phận số kém hơn cả. Có thể tuổi thơ trẻ thiếu thốn vật chất, vất vả.

4. Nếu tiểu khu vực giữa - trung đình mà ngắn hơn hai tiểu khu vực kia cho thấy trung niên (thời 30 tuổi - 50 tuổi) phận số kém: Có thể về chức phận, tài lộc, hạnh phúc so với tiền vận và hậu vận.

5. Nếu tiểu khu vực dưới - hạ đình ngắn thì cuộc sống cuối đời - hậu vận kém về các mặt.

- Ba tiểu khu vực có độ dài bằng nhau tạo nên bộ mặt cân đối thì cuộc sống tốt đẹp, viên mãn cả tiền trung hậu vận phong lưu, đoan chính.

- Ba tiểu khu vực cân đối hài hòa, sáng sủa, tươi nhuận, đầy đặn phân minh là quý tướng: Có danh phận, trí tuệ minh mẫn, bổng lộc đủ đầy...



IV. CÁC TIỂU KHU CỦA TRÁN.

Vầng trán rộng chia làm nhiều tiểu khu. Mỗi tiểu khu có những giá trị thông tin khác nhau. “Trán quyết định sang, hèn, vinh, nhục của một người”. Như vậy ta có hai dạng trán đẹp và quý đó là:

1. Trán cao, rộng, vuông vắn, đầy đặn, sáng sủa.

2. Trán hẹp, rộng nhưng phẳng, vuông, sáng đẹp.

3. Hai dạng trán trên nếu có các vân ngang đều đặn nữa hay có các dọc thẳng sờ vào thấy các sóng thì rất sang và quý vô cùng.

- Vân tạo thành đường chữ khẩu vuông khuyết (Trung Quốc) cũng là tướng quý.

4. Các dạng trán xấu:

- Trán hẹp nhỏ đầu bằng.

- Trán cao hóp bé lại.

- Trán dô nhọn ở khu “thiên trung và thiên đình”.

- Trán vẹt, lõm.

- Trán có vân nhằng nhít, rối loạn.

5. Tướng pháp chia trán thành năm tiểu khu: thiên trung, thiên đình, tú không, trung chính và ấn đường để cấu thành tướng trán.

- Thiên trung ở giữa trán sát mép tóc thuộc sao Hỏa.

+ Nếu thiên trung đầy đặn, sáng sủa thì tuổi trẻ đã may mắn rồi, học hành đỗ đạt, danh vọng sớm.

+ Nếu lồi (trán dô) thì sẽ gặp nhiều bất hạnh.

+ Nếu lõm, nhăn nheo thì vất vả khổ hạnh.

+ Nếu có nốt ruồi thì khắc cha (không hợp nhau).

- Thiên đình ở dưới thiên trung.



- + Nếu đầy, sáng sủa thì tốt.
- + Nếu lồi hoặc lõm thì xấu.
- + Nếu có nốt ruồi thì khắc mẹ và có thể bị tai họa binh đao.
- Hai tiểu khu này cần đầy, sáng bóng thì tốt. Đó là hai phần trên của cung quan lộc.

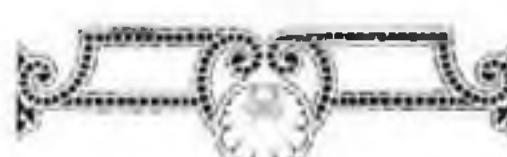
6. Ba khu vực không cân đối, sắc khí kém thì cuộc đời không toàn vẹn. Đó là nhỏ vất vả, trung niên vất vả hay hậu vận kém cỏi... Tùy theo độ dài, sắc khí của từng khu vực và ngược lại thời niên thiếu đầy đủ, hạnh phúc, học hành đỗ đạt, trí tuệ khoát đạt; trung vận hành phát, về chức quyền, bỗng cao, lộc hậu. Hoặc hậu vận khá giàu có, chức cao, con hiền, cháu thảo, gia đình êm thấm, yên vui.

Ở các bộ phận phụ thuộc sẽ cho ta thêm những thông tin khác biệt.

7. Khu vực trên những thông tin chi tiết:

- Trán vuông, phẳng, quý tướng: Khanh, sỹ, chủ tịch, tổng thống, thủ tướng...
- Trán cao khum khum, bóng sáng: Trí tuệ uyên bác, thông thái, học cao hiểu rộng, ngôn ngữ siêu việt.
- Trán rộng, bóng sáng: Khanh tướng.
- Trán bóng dài, hẹp, vân đều tăm tắp: Khanh tướng v.v... các chi tiết thêm sẽ nêu ở phần ngũ nhạc sau. Vì cần cụ thể giúp xem xét tướng cho thấu đáo.
- Tư không hay “tư đồ” ở chính giữa trán, là bộ phận thứ ba của cung “quan lộc”. Tiểu khu này đẹp thì phải bằng, đầy, sáng bóng sẽ tha hồ mà vùng vẫy.

- + Nếu lõm thì không quan tước gì.
- + Nếu có nốt ruồi thì hại cả cha lẫn mẹ.



- + Nếu có các đường vân nhì nhằng lẩn nốt ruồi thì bị chết vì binh đao.
- + Nếu sắc khí hâm thì không hay.
- Trung chính ở chính giữa trán dưới tư không và trên ấn đường là phần bốn của cung quan. Phần này thuộc “duy biến” nó thay đổi khí sắc. Khí sắc phụ thuộc thời vận may rủi, tiến phát hay thoái lui.
 - + Nếu sáng đầy thời vận phát triển.
 - + Nếu nổi u hoặc “đít ốc vặn” thì gặp thời may về tài chính, nhưng cũng có thể gặp biến dịch.
 - + Nếu lõm sám thì kiêu ngạo và thất bại.
- Ấn đường phần giữa hai lông mày. Đây là mệnh cung hay phúc đường - tử khí xuất và cung quan. Vì vậy ấn đường chỉ sinh mệnh. Ấn đường sáng sủa hay hắc ám, nhem bẩn hay tráng rộng. Ấn đường thuộc bất biến và duy biến. Bất biến là hình thể từ khi sinh và không thay đổi, như rộng, hẹp, mày giao nhau hay tách bạch. Duy biến là khí sắc, nổi u, nốt ruồi, vân, lông mọc. Nó lệ thuộc thời vận: tốt, xấu, may rủi, sống, chết. Ấn đường cần bằng, phẳng, đầy, rộng, sáng sủa mới tốt.
- + Nếu ấn đường có sóng nổi lên thì quý (giữa 2 vân đứng).
- + Nếu hai lông mày liền vào: thì không quan lộc và tật bệnh hiểm nghèo.
- + Nếu có đường vân thẳng giữa thì phát võ quan.
- + Nếu có hai đường vân thẳng hai phía đầu mày vạch phân phần ấn đường mà sâu dài đẹp, phát quan văn.
- + Nếu sắc khí đỏ: điềm tiến phát.
- + Nếu sắc khí xám thì bệnh nặng mà điểm đen tụ hay xám đen thì sắp chết.
- + Nếu sắc tía thì có may mắn lớn sắp đến.



PHẦN III:

CUNG VỊ TRÊN KHUÔN MẶT VÀ THÔNG TIN

Nói đến diện tướng - tướng mặt không thể không kể đến 12 cung vị theo quan điểm diện tướng Trung Hoa để tham khảo, đặng có thêm những hiểu biết về lĩnh vực này.

I. CÁC CUNG VỊ.

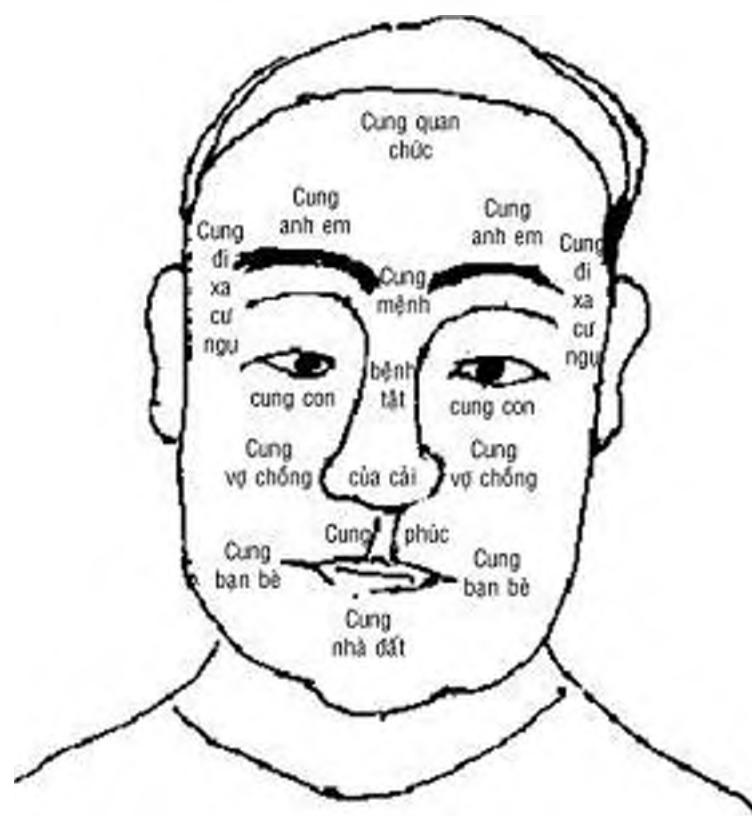
1. Gồm 12 cung vị: Người Hán dựa theo Tử vi mà phân chia khuôn mặt thành các cung như:

- Cung mệnh là bản mệnh của mình.
- Cung anh em: Chỉ về anh em (bào).
- Cung con (tử tức) nói về con cái.
- Cung chồng vợ (phu thê) chỉ về chồng vợ.
- Cung của cải (tài bạch) chỉ về tiền của bopsis lộc.
- Cung chức quyền (quan lộc) chỉ về chức tước.
- Cung di xa (thiên ri) chỉ vận thông, cư ngụ, trú.
- Cung bạn hữu (nô bộc) chỉ người giúp việc, bạn bè...
- Cung may rủi (tật ách) chỉ bệnh tật, may mắn, rủi ro.
- Cung cha mẹ (phụ mẫu) chỉ bố mẹ.
- Cung ruộng đất (điền trạch) chỉ ruộng đất, nhà ở.
- Cung phúc hậu (phúc đức) chỉ phúc đức, mồ mả.



II. VỊ TRÍ CUNG TRÊN MẶT VÀ NHỮNG THÔNG TIN.

12 cung ở mặt



- | | |
|-----------------------------------|-------------------|
| 1. Cung mệnh (cung mệnh) | 7. Cung bạn bè |
| 2. Cung bố mẹ (cung phụ mẫu) | 8. Cung bệnh tật |
| 3. Cung phúc hậu (cung phúc đức) | 9. Cung đi xa |
| 4. Cung anh em (cung huynh đệ) | 10. Cung vợ chồng |
| 5. Cung của cải (cung tài) | 11. Cung của cải |
| 6. Cung nhà đất (cung điền trạch) | 12. Cung con |

1. Vị trí cung.

Mệnh nằm ở khu giữa ấn đường và đầu sống mũi (nhiều quan niệm cho cung mệnh nằm chính giữa ấn đường).

- Cung Mệnh mà sáng sủa thì tốt, có phúc phận.
- Cung Mệnh mà hắc ám thì xấu, không may mắn.
- Cung Mệnh mà đen đìem sấp chết.

2. Cung Anh em nằm viền trên hai bên lông mày thực ra là cả hai bên lông mày.



- Cung này cao dài: ĐÔng anh em: Anh em đều khá (gò nhạt, nguyệt giác).

- Cung này thấp bằng: Lông mày vừa: Anh em không được nhờ nhau.

- Cung này sắc sám, đuôi lông mày có soáy: Anh em bất hòa, khó hỗ trợ nhau.

- Cung này bằng, lông mày ngắn thưa: Anh em ít.

3. Cung quan ở phần giữ trán.

- Cung quan đầy, sáng bóng: Người có trí tuệ và thành đạt.

- Cung quan bằng phẳng tươi nhuận (lưu ý dù cho sắc màu của da thế nào thì nhìn thấy tươi tắn mềm mại chứ không khô thô) và kết hợp với các phần khác đều hay thì đó là trán vương giả, quan to.

- Cung quan mờ tối bình thường, học vấn soàng sīnh.

- Cung quan đột nhiên biến sắc, xấu đi kèm mất chức.

- Nói tóm lại, người có chức quyền, hiển đạt thì cung này phải đầy đặn, hoặc bằng phẳng sáng tươi nếu có vân phải đều đẹp.

+ Cung quan lồi cao, lõm thấp đều kém cỏi danh phận không có gì.

4. Cung đi xa nằm hai bên giữa thái dương và đuôi lông mày.

- Cung này mà đầy cao: Đi xa có lợi lộc may mắn, sống ngoài quê sinh thì tốt hơn.

- Cung này thấp lõm: Đi xa bất lợi, nên sinh nghiệp ở quê quán không nên tha phương.

5. Cung phu thê nằm giữa dưới mắt và hai gò má.

- Cung này đầy sáng thì trai lấy vợ hiền, gái lấy được chồng quý.



- Cung này bằng sắc mầu tươi nhuận: Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến “đầu bạc răng long” gia đình đầm ấm.

- Cung này bằng sắc màu khô sỉn: Cuộc sống vợ chồng ít hòa thuận, xung khắc vì trái tính trái nết nhau. Không lấy gì làm hạnh phúc.

- Cung này gồ ghề, nhăn nhúm: Vợ chồng phải đôi lần, hay chia ly.

- Cung này gấp nếp thì là kẻ giết vợ, giết chồng.

- Nói tóm lại, cung này phải bằng đầy, sáng sửa thì được hạnh phúc bền lâu.

+ Bằng đầy mà không tươi nhuận thì không hoàn toàn hạnh phúc suốt năm tháng sống chung.

+ Có nếp khác biệt thì chia ly.

+ Có vết đặc biệt thì cực kỳ bất hạnh, không ổn.

+ Có nốt ruồi “thương phu trích lệ” thì sẽ sống lẻ loi hay cô đơn giữa chừng (mỗi người mỗi nơi).

6. Cung cha mẹ nằm dưới mày trên con mắt.

- Cung này khoảng rộng thoáng sáng thì cha mẹ sang giàu và thọ.

- Cung này mà hẹp thì cha mẹ bình thường.

- Cung này không có khoảng “đất” nghĩa là mày rồi đến mi trên luôn: cha mẹ không thọ, không song toàn (trẻ mồ côi) hoặc kém cỏi.

- Cung này hắc ám thì cha mẹ lâm nạn lớn không tù tội thì nạn kiếp hiểm nghèo.

- Nói chung cung cha mẹ phải có “đất” một khoảng cách từ dưới lông mày rồi mới tới mi mắt. Cung như vậy thì cha mẹ thuộc quý tướng, trường thọ.



+ Nếu không được như trên, tốt ra thì bình thường, còn không thì không hay lắm.

7. Cung con nằm ngay dưới con mắt và gò má chỗ khoảng giữa mi dưới tiếp má (ngọ tầm).

- Cung này mà rộng nổi cao: Sinh quý tử và đông con.

“Ngọ tầm lằn rõ quý tử ra đời...”

+ Ngọ tầm là ở nơi ấy ghồ cao như con tầm chín nằm chen giữa mắt và gò má.

- Cung này (ngọ tầm - con tầm nằm) mà có sắc vàng óng ánh thì sinh bậc đế vương.

+ Sách xưa chép rằng: không phải chỉ có các hoàng hậu phi tần mới sinh được vua chúa. Mà ngay đến họ cũng phải có ngọ tầm óng mượt mới có thể sinh chúa.

+ Người dân thường nào mà ngọ tầm sáng lạn cũng là cha mẹ sinh con cực quý là bậc thiên tử hay mẫu nghi thiên hạ.

- Ngọ tầm cao rõ mà không có ánh sắc thì quý vừa hoặc nhiều con cái khá.

- Ngọ tầm nổi vừa thì sinh con làm nê, có danh phận.

- Ngọ tầm không có bằng tết thì con cái tuy học hành đỗ đạt nhưng địa vị xoàng hoặc là không có danh phận.

- Cung này lõm sâu thì con cái không có hoặc tuyệt tự (không còn người nối dõi).

- Nói tóm lại, cung này có ngọ tầm (có con tầm chín) to thì sinh con quý.

+ Ngọ tầm vừa thì đông con, bình thường.

+ Không có ngọ tầm thì hiếm hoặc không con cái gì.

* Lưu ý cung con cái phải xem xét kỹ và chú ý đến sắc màu da ở đó để khỏi lầm lẫn, phán bừa.



Người có bệnh rối loạn hoắc - môn thì nổi đốm vàng, hạt cơm chìm ở mi mắt dưới và vàng nữa, đấy là bệnh nội tiết.

8. Cung của cái - tài bạch nằm ngay chóp mũi.

- Cung này (chóp mũi) to tròn giàu có lăm.

- Cung này như “cái mật treo” đầu mũi tròn thì giàu, có cửa ăn của để.

- Cung này hơi bằng (mũi hớt) thì cửa cái vừa, đủ ăn, đủ tiêu.

- Cung này hếch thì nghèo hèn “lỗ mũi hứng mưa” cung này bằng hẳn thì nghèo “rót mồng tơi”, bần tiện.

- Tóm lại, cung này vừa phải có chóp cao, vừa tròn chính hoặc to hoặc nhỏ đều có cửa ăn, cửa để lớn nhiều vô kể.

+ Cung này mà kém đi một phần thì chỉ có cửa ăn của để vừa phải.

+ Cung này mà hơi tròn thì làm đâu tiêu đấy.

+ Cung này mà nhọn, tẹt, hếch thì nghèo túng.

+ Không có đầu mũi thì hèn kém.

9. Cung may rủi - tật ách.

Cung may rủi đóng ngay sống mũi chõ hõm của sống mũi ngay hai đầu con mắt.

- Cung này nhỏ hẹp thì khỏe mạnh, ít bệnh, nhưng bụng dạ nhỏ nhen.

- Cung này rộng thì hay bị tật bệnh và đại lượng.

- Cung này mà bằng thấp thì yếu.

- Cung này mà thấp, ngang bằng với khoé mắt thì không thọ, kết hợp với các phần khác.

- Cung này mà cao rộng vừa thì ít ốm đau, tai ương. Nếu gặp nạn tai thì được cứu giúp qua khỏi.

- Cung này thấp rộng thì có khi gặp bệnh tật hiểm nghèo.



- Nói tóm lại cung này lại hơi khác các cung khác:

- + Nếu hẹp, cao thì tốt, khỏe mạnh, ít bệnh tật.
- + Nếu rộng, thấp thì tồi, rủi nhiều, may ít.
- + Nếu hẹp cao vừa thì may nhiều rủi ít. Có gấp rủi cũng qua.

- + Nếu bằng tẹt thì xấu, nhiều rủi ro.

10. Cung bạn hữu - nô bộc đóng hai bên mép mồm.

- Cung này mà đầy đặn thì bạn bè nhiều.
- Cung này đầy sáng sủa, tươi nhuận thì bạn bè tốt. Người giúp việc trung thành.

- Cung này lép thì không có phần chơi bạn, bạn bè nhạt nhẽo. Người giúp việc không tận tụy, trung thành, nhiệt tâm.

- Cung này mà hắc ám thì bạn bè và người giúp việc, người làm, kẻ dưới phản phúc, ám hại.

- Tóm lại cung này đầy sáng thì tốt.

- + Cung này lép: Kém bạn hữu.

- + Cung này hắc ám thì bị bạn hữu hâm hại, phản phúc. Mình đối xử tốt nhưng họ vẫn làm hại hoặc đổi xử lại tồi.

- + Khi xem cung này hơi khó xem về màu sắc. Nhất là đối với nam giới vì ảnh hưởng râu. Chỉ có thể nhận xét nhanh là đầy và cao.

11. Cung phúc hậu (phúc đức) đóng ngay khoảng nhân trung, khoảng giữa mũi và môi trên.

- Cung này rộng mồ má được đất.
- Rãnh nhân trung sâu nhà có phúc, con cái đông, cháu nhiều.

- Nhân trung rộng mà rãnh sâu con cái dễ dưỡng nuôi, có hiếu.



- Cung này rộng, nhân trung bằng vừa, rãnh nồng thì nhiều con nhưng khó dạy bảo.

- Cung này rãnh nhân trung bằng tẹt thì yếu tướng, mồ má kém (không được đất).

- Nóm tóm lại, cung phúc hậu lại nằm ở vị trí bí hiểm vì thường bị râu che lấp (đàn ông) và bị ảnh hưởng màu sắc lông (đàn bà). Đúng là cung phúc hậu là điểm ẩn thuộc âm phần thường khó thấy nên nó cũng nằm ở khu vực bị che phủ khó thấy.

+ Tuy thế cung này lại là một trong bốn cung quan trọng trong diện tướng và mệnh số của con người. Cung mệnh kém thì xem cung bố mẹ. Cung bố mẹ, anh em tồi thì xem cung phúc hậu - phúc đức.

+ Nếu cả ba cung tốt thì khá.

+ Nếu ba cung kia tồi mà cung phúc hậu khá thì cuộc đời còn dễ chịu.

+ Nếu ba cung bình thường mà cung này kém thì không có hậu.

+ Nếu cả bốn cung đều tồi thì cực xấu: Bần tiện, đau ốm, cô quạnh... hết đời và đời sau cũng tồi. Vì âm phúc kém rất tai hại. Dẫu dương phúc chau chát tu tĩnh thì chỉ chữa lại sau này cho con cháu.

12. Cung nhà đất (cung điền) cung này đóng ngay cằm (vùng cằm) thường gọi “địa căn”. Cung nhà đất khác cung của cải (tài bạch). Nói thì có vẻ phi logic và trái ngược. Vì ta cho rằng cung của cải đã tốt thì cung nhà đất phải tốt chứ.

+ Hai cung này có thuận và nghịch về mặt tướng lý khác về suy diễn logic. Theo tướng lý thì thuận nghĩa là: Hai cung



này đều khá thì cửa cải nhiều, nhà cửa khang trang, hách trạch. Đó là thuận, hợp với logic suy luận.

+ Nghịch là nếu trên cùng khuôn mặt mà cung tài tốt nhưng cung nhà đất kém (địa cấn yếu) thì có tiền của mà nhà cửa bé nhỏ hay ngược lại nhà cửa to đẹp, nhưng lại không còn cửa ăn, cửa để.

Lý giải điều này về mặt tướng lý ta thấy:

+ Cung cửa cải thường mà cung nhà đất khá thì dấu không có cửa ăn cửa để. Người chỉ đủ ăn, đủ mặc thôi. Thì người đó được hưởng thừa kế nhà đất ông cha để lại cho. Một khía cạnh khác cung cửa cải không mấy khá, mà cung nhà đất khá thì họ vẫn có nhà cửa đàng hoàng là cửa đã thành nhà đất hết. Bây giờ giỏi chỉ đủ sống.

III. CÁC CUNG TRONG TƯỚNG LÝ Thuộc bất biến (có từ khi sinh ra định tướng) hoặc vừa duy biến nghĩa là các cung này thay đổi theo vận mệnh. Nó thể hiện vận mệnh qua hình dạng và sắc khí của các cung thay đổi.

1. Ở đây bất biến có nhà đất hoặc không có nhà đất. Duy biến: cung cửa cải: Hình dạng và sắc thái thay đổi ít nhiều theo thời vận. Nếu bất biến thì trong tướng lý cả hai cung này đồng đều: kém thì đều kém chứ không cọc cách như duy biến.

Cả hai cung đều tồi thì tất nhiên tướng nghèo hèn cả đời “không tấc đất cắm dùi” nhà cửa tồi tàn.

2. Nghèo (cung cửa cải kém) cung nhà đất khá thì được nhà, đất từ bên ngoài ví dụ: Thừa kế, được trợ giúp của nhà nước, của các Mạnh Thường Quân như: Nhà được cấp, được phân, “nhà tình thương”, “nhà tình nghĩa” v.v... Nghĩa là nhà



đất không tự tay mình làm nên mà có. Đấy, tướng lý là vậy, không có gì là phi logic, là mâu thuẫn nhau.

3. Giàu mà không nhà, đất hay nhà, đất kém là (vì như đã nói) cung của cải bị duy biến nên đang giàu có khi phá sản, họa tai mất sạch nên cung nhà đất bị kém là thế.

- Sách mệnh số của ông Vương Sang viết trong Tung Hành rằng: “Định mệnh nghèo thì dù đang phú quý cũng sẽ gặp tai họa. Định mệnh phú quý thì dù đang nghèo cũng sẽ phúc lộc...”.

4. Trong tướng lý có đề cập đến thời vận. Vì ta có hình tướng bất biến, duy biến, thường biến và đột biến. Đó là quan điểm rất duy vật, chứ không phải như ai hiểu là duy tâm. Người xưa, các học giả thông suốt các lý thuyết âm dương, ngũ hành, dịch, lý, chiêm bốc, mệnh số, tướng lý, v.v... họ vẫn có một phần gọi là quan điểm triết học duy vật biện chứng khoa học (theo cách nói thời nay). Vì thế cần hiểu lý lẽ xâu xa.

5. Cung nhà đất đóng ở cầm với các thông tin.

- Cung nhà đất to vuông: Nhà to, đất rộng.
- Cung nhà đất tròn to: Nhà cửa khang trang.
- Cung nhà đất mà tròn nhô: Nhà đất khá.
- Cung nhà đất vừa phải - cầm vừa phải: Có nhà cửa
- Cung nhà đất nhọn bé: Nhà cửa tồi tàn.
- Cung nhà đất lõm khuyết (lẹm cầm) không tấc đất cắm dùi, ở thuê, ở đợ.

Nói tóm lại, 12 cung trên khuôn mặt có hình tướng riêng và mỗi cung như thế cho ta những thông tin dự báo để tham khảo.

Song tất cả những thông tin đó cần để tham khảo với các thông tin của những phần khác, bộ phận khác trên mặt, trong người của một cá nhân nào đó. Mà nó không hoàn toàn quyết



định nhân tính, bản chất tính khí của một ai chỉ do một bộ phận.

IV. NĂM NHẠC (NGŨ NHẠC) - NĂM GÒ.

Trên khuôn mặt khi nghiên cứu (diện mạo) tướng mặt. Các tướng thuật gia Á Châu cũng đều đề xướng việc xem xét các gò.

1. Biện lý ngũ nhạc - năm gò.

Vậy các gò - nhạc này trong tướng lý có ý nghĩa gì? Tại sao đã chia các khu vực, tiểu khu, các cung rồi còn đề cập đến ngũ nhạc (năm gò) trên khuôn mặt.

2. Với các tiểu khu thiết tướng đã đủ chi tiết lăm trong (diện mạo) tướng mặt. Nơi các khu vực và tiểu khu cùng 12 cung (tương ứng 12 cung tử vi) của một con người. Ở đó nó thể hiện hình tướng, nói rõ lành, dữ (cát, hung) các vấn đề chính của cuộc sống của một cá thể rồi còn gì. Thế mà các tướng thuật gia còn đưa thêm (ngũ nhạc) năm gò vào.

Đó là khi không xem tỉ mỉ 12 cung và các tiểu khu một cách chu đáo. Hay khi họ còn có điều nghi hoặc “minh minh chi chung” (còn mơ hồ) thì phải cần đến (ngũ nhạc) năm gò. Có thêm năm gò thì như một đơn thuốc chữa bệnh vậy. Cũng chỉ có một chứng bệnh thoi mà vẫn cần nhiều vị thuốc, ví dụ như độc vị (đơn thuốc có 1 vị - độc thang sâm); có 2 vị; có 4 vị (tứ quân, tứ bối) rồi 6 vị (lục vị); có bát vị (tám vị); có thập toàn đại bổ (mười vị) v.v... Như thế đấy chữa một bệnh (theo về mặt y lý phải có đủ: Quân, sứ, thần. Quân để diệt (tả), sứ để dẫn. Thần để chủ đạo). Có như vậy mới hoàn tất việc chủ trị một bệnh cảnh có kết quả.

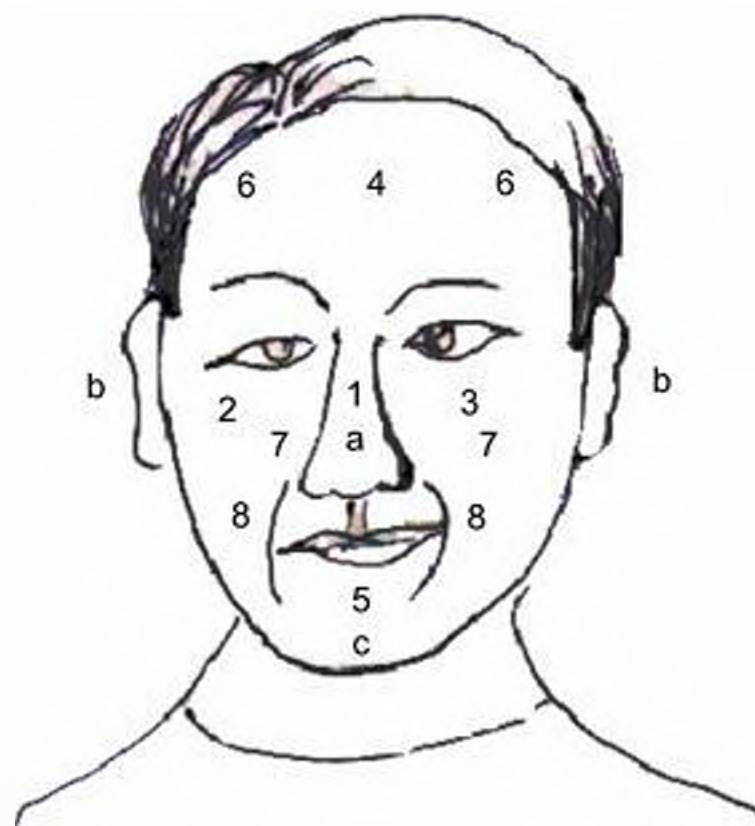
3. Trong tướng lý, nếu xem tướng mặt thì cũng phải xem đủ: chủ đạo là khuông hình. Các biểu lý là cung, gò, sắc khí, các



định, các giác quan. Những bộ phận này hợp lại để nói lên một tướng mặt (diện mạo) hoàn chỉnh, biểu đạt cho ta những thông tin tin cậy, có thể tin được. Giống như một đơn thuốc có nhiều vị cũng chỉ để chữa cho một bệnh cảnh mới hiệu quả. Và cần xem các phần của một (diện tướng) tướng mặt để biết quý, ngu, hiền, ác ở đó.

4. Các gò và vị trí cùng thông tin.

- Các gò (các nhạt) (Việt hóa cho dễ hiểu)
- Nam nhạt - gò Nam (gò ở phần Trên của khuôn mặt)
- Trung nhạt - gò Giữa (gò ở Giữa mặt)
- Tây nhạt - gò Tây (gò ở phía Tây khuôn mặt)
- Đông nhạt - gò Đông (gò ở phía Đông khuôn mặt)
- Bắc nhạt - gò Bắc (gò ở phần Dưới khuôn mặt)



Hình 3

Ba tài và Năm gò (ngũ nhạt), sáu phủ:

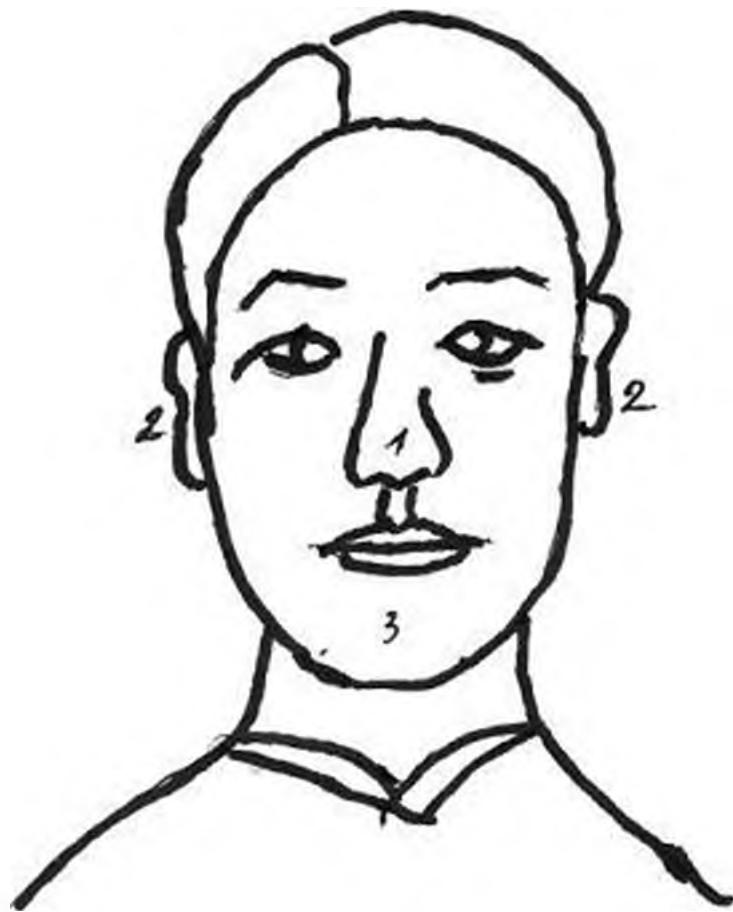
- | | |
|-------------------------|-------------------|
| 1. Gò giữa (trung nhạt) | a: Trung tài |
| 2. Gò tây (tây nhạt) | b: Trái, phải tài |
| 3. Gò đông (đông nhạt) | |



4. Gò nam (nam nhạc)
 5. Gò bắc (bắc nhạc)
 6. Hai Thượng phủ thiên thương
 7. Hai Phủ lưỡng quyền
 8. Hạ phủ xương má
- * Chú ý:

Nam nhạc - gò Nam lại ở giữa trán.

Bắc nhạc - gò Bắc thì lại ở cằm.



Tam tài ba khu vực thể hiện của cải, phúc lộc trong cuộc đời

1. Khu trung tài - Khu chỉ có của cải trong cuộc đời
2. Khu trái phải tài - Khu chỉ bổng lộc trong đời.
- 3 Khu địa các tài - Khu chỉ của cải nhà cửa điền trang

Việc đặt vị trí như vậy là có ý nghĩa riêng của nó. Và việc chỉ có ngũ nhạc - năm gò cũng là có cái lý của nó vậy chứ không phải tùy tiện, hay các tướng thuật gia bày vẽ ra thế. Việc chỉ đặt năm gò thôi là theo quan niệm Địa lý phong thủy thì các phương vị tiềm chứa cát hung (lành dữ). Địa lý phong thủy không chỉ có 4 phương vị chính: Đông, Tây, Nam, Bắc mà còn có tám hướng. Giá trị phương hướng chính của thuật phong thủy đó là Bắc, Đông Bắc; Đông và Đông Nam; Nam và Tây Nam; Tây và Tây Bắc. Để chính xác thêm nữa, khi đánh giá



hướng (nhà, mồ mả, các công trình xây dựng, kiến trúc) những phong thủy gia còn kể đến 24 phương vị có ý nghĩa mà tổng vĩ độ bằng 360° nữa.

- Về mặt tướng lý, các học giả chỉ liên hệ với âm dương ngũ hành và địa lý phong thủy mà quy nạp thành ngũ nhạc (năm gò) chính.

Nó phù hợp với 4 phương về mặt địa lý phong thuỷ và khu trung ương (trung nhạc - gò giữa) để phù hợp với Ngũ hành: Kim, Mộc, Thuỷ, Hỏa, Thổ, đủ để diễn đạt hình tướng và tại sao Nam Nhạc (gò Nam) lại ở vị trí trên trán. Nhẽ ra ở đó phải là Bắc gò. Về khía cạnh này nó liên quan tới thuật phong thuỷ. Kim La bàn chỉ Nam được chỉ vào nơi gọi là “Ao Trời” (Thiên Cấn) mà Ao Trời nằm ở phương Bắc gần sao Bắc Cực.

Như vậy trong thực tế nó vẫn là Bắc phương. Ở Tướng Lý là phía trên - đầu (thiên). Cực Bắc rồi và Nam nhạc ở trán, gần Bắc cực - đầu - Thiên là hợp lý. Nam Nhạc (gò Nam) ở chính “Ao Trời”, nơi chứa đựng trí tuệ, ngôn ngữ. Nó còn hợp lý về mặt giải phẫu học hiện đại. Thật là trí lý.

Khi chưa có đủ kiến thức để nhận biết thì thấy mọi cái đều mơ hồ, khó hiểu và cho là nhảm nhí. Các học giả xưa nay ngồi nơi kín đáo, tĩnh lặng để suy nghĩa mới có thể cẩn kẽ và thấu đáo được như vậy.

- Bốn phương và thiên bàn (khu trung tâm) là sự phân bố không hề vô đoán. Nó chẳng những phù hợp về mặt hình thể khuôn mặt: Mũi ở giữa khuôn mặt và như vậy khu vực mũi và mặt là Trung Nhạc (gò giữa) mà gò giữa còn tương hợp với địa bàn trong khoa thuật số Tử Vi.

Theo ngũ hành là hành Thổ. Còn lại bốn hành: thì Tây



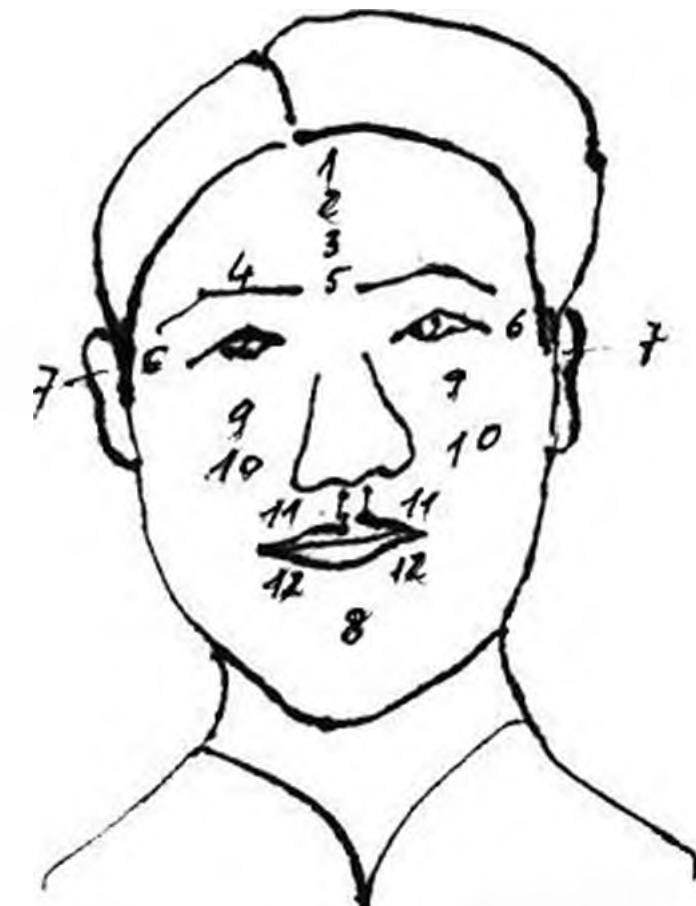
nhạc (gò Tây) thuộc Kim. Đông nhạc thuộc Mộc. Nam nhạc (gò Nam) thuộc Hỏa và Bắc Nhạc (gò Bắc) thuộc thủy. Tính thống nhất trong các khoa thuật số, địa lý phong thủy, dịch, lý, bát quái và tướng thuật là mật thiết. Đó là từ lý thuyết rất cơ bản Âm dương, Ngũ hành là nền tảng suy luận và biện giải cho những khoa thuật huyền học trên.

Cũng dựa vào bản chất của Ngũ hành, các tướng thuật gia dự báo bản lĩnh của các tướng mạo từng Nhạc (gò).

5. Vị trí các Nhạc (gò) và thông tin dự báo: Tại sao nói thông tin dự báo là từ những dữ kiện, ta có và thuyết lý đã thông, ta sẽ đưa ra những nhận xét hợp tình, hợp lý. Như khoa khí tượng dựa vào những chuyển động của các luồng khí, mà “tướng” của “khí” là “mây” để dự báo thời tiết vậy.

Bốn và Tám khu học đường (Bát học đường)

1. Học đường cao minh
2. Học đường cao quảng
3. Học đường lộc
4. Học đường ban duẫn
5. Học đường quảng đại
6. Học đường ngoài
7. Học đường thông minh
8. Học đường quảng đức
9. Học đường minh tú
11. Học đường trung tín



10. Quan học đường
- 12 Nội học đường



- Nam Nhạc - gò Nam nằm ở giữa trán, nó bao trùm cung quan lộc, bao trùm cả tam phụ học đường:

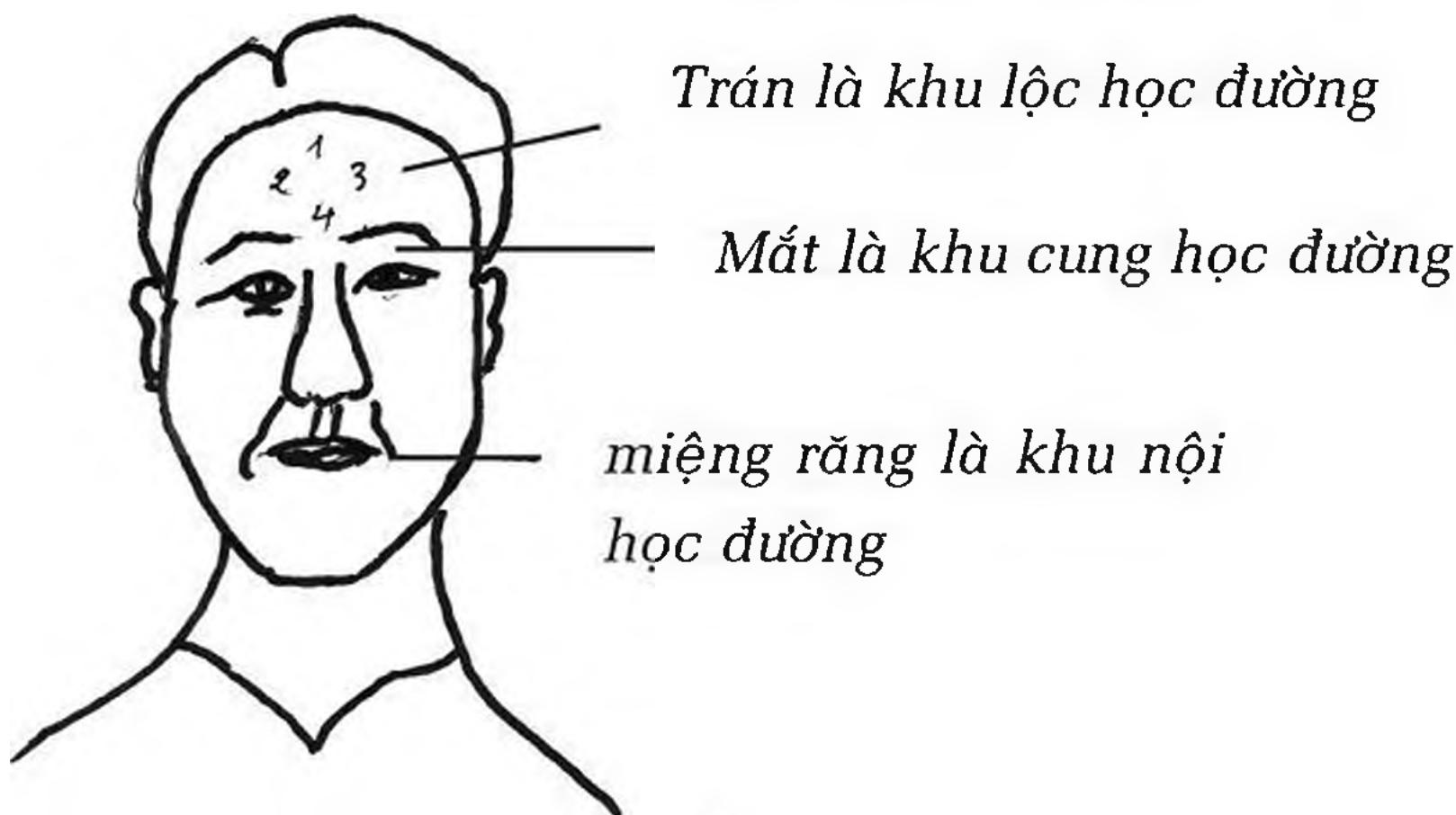
Học đường cao minh - khu trí tuệ thông đạt.

Học đường cao quảng - khu trí tuệ sâu rộng.

Học đường lộc - khu trí lộc.

Trong thuyết tứ học đường (bốn học đường) và bát học đường (tám học đường), nói về học thức của một con người.

Ba phụ học đường



Ba khu phụ và bốn khu học đường - Học thức

1. Khu học đường (Cao quảng) trí tuệ sâu rộng

2. Khu học đường (Cao minh) trí tuệ thông đạt

3. Khu học đường lộc tước

4. Khu học đường (Quảng đại) khu chứa trí thông tuệ.

Như vậy Nam nhạc - gò Nam nơi chứa đựng trí thức của một người. Nó đúng là “thiên cẩn” - ao trời lưu đọng trí tuệ. Mà đã là nơi của trí tuệ phải đến từ việc “học hành” trau dồi (Hậu Thiên) còn về vật chất (to, nhỏ, lớn, bé) là vốn được định hình từ trong bầu thai cho đến khi định tướng (Tiên Thiên).



Nơi cùng đồng thời được “học” và còn được tiếp tục nhận tri thức (thiên năng) từ vũ trụ qua thóp đến 2 tuổi đời.

Như vậy về tướng lý và thông tin cụ thể là:

+ Nam Nhạc - gò Nam: Đầy đặn, ngay ngắn, sáng sủa thì tốt, có tài lộc, tài là trí tuệ rồi dào, tước chức cao và đương nhiên bỗng lộc cao - cung quan lộc.

+ Nam Nhạc - gò Nam: Vẹt, méo thì thiếu năng, tài sản bị phát tán, khuynh bại.

- Bắc Nhạc (gò Bắc) nằm ở khu cầm; nói khu cầm là cả một vùng cầm. Nơi đây thuộc cung nhà đất (diền trạch).

Hợp lý vì cầm thuộc khu vực dưới (hạ đình). Khu vực dưới là đất (khôn) chỉ về diền địa. Vì vậy gò Bắc thuộc quẻ Khôn tính chất nhu (theo nghĩa dịch quẻ Khôn ☰☰ ba hào đứt suy ra hai phần nhà cửa và đất đai).

Sự cân đối trong quẻ dịch như vậy là rõ ràng, tướng lý đề cập tới sự hài hòa, sâu rộng. Cho nên:

+ Gò Bắc - Bắc Nhạc mà hẹp, nhọn thì cuộc đời không thành đạt, hèn kém kéo theo vật chất yếu kém.

- Đông Nhạc - gò Đông nằm ở phía Đông của khuôn mặt (bên trái), nằm dưới gò má trái ngang cánh mũi trái.

Phương Đông thuộc hành Mộc thể hiện sự sống và sức sống.

Trong Dịch số, phương Đông thuộc dương mà con người sống được nhờ Âm Dương hài hòa. Âm Dương mà không cân bằng thì sinh bệnh. Khi Dương thoát hết thì chết. Quẻ Dịch thuộc Chấn ☰ Hào một liền hào 2 và 3 đứt; ngũ ý một sinh thành (tiên thiên). Hào 2 và hào 3 nhu động (hậu thiên) sự biến động không ngừng như sấm chớp là đặc trưng của sự sống. Vì vậy mà khi sự biến động đến cùng cực, hai trạng thái



xen lẫn: Sinh và diệt cùng tồn tại, tạo nên sự phát triển nhưng cũng đồng thời đi đến huỷ bỏ.

Từ đó Gò ĐÔng - ĐÔNG Nhạc thể hiện sức sống của một người chỉ thọ, yếu, mạnh, yếu.

+ Gò ĐÔng - ĐÔNG Nhạc mà cao cân xứng với Tây Nhạc (gò Tây) thì trường thọ (ngoài 70 tuổi gọi là trường thọ).

+ Gò ĐÔng - không cao, phần dưới má mà hóp thì yếu tướng.

+ Gò ĐÔng mà lệch với gò Tây thì yếu hay đau ốm.

+ Gò ĐÔng cân đối với gò Tây thì thọ (ngoài 70 là gọi thọ).

* Người xưa như nhà thơ Đỗ Phủ sống ở thời đại nhà Đường Trung Quốc (618 - 906). Tương đương thời Mai Thúc Loan và Phùng Hưng ở Việt Nam đã viết “Nhân sinh thất thập cổ lai hy” (ý rằng người có thể sống tới bảy mươi tuổi đã là điều ước mong rồi). Hồ Chí Minh đã trích dịch rằng: “Người thọ bảy mươi xưa nay hiếm”. Ở trong Di chúc của Người. Tất nhiên chữ “nay” ở đây không có nghĩa kéo dài đến giờ chữ “nay” là ở thời điểm Hồ Chủ Tịch còn sống. Minh chứng điều này đã được Người nói thêm “...nay tôi đã ngoài bảy mươi, đã thuộc lớp người xưa nay hiếm”. Người cho rằng, Người Việt thế là đã hiếm.

Vậy, ngày nay khi cuộc sống của người Việt Nam đã khá, kéo theo tuổi thọ dài thêm. Nghĩa là khoảng trên 75 là thọ, ngoài 80 tuổi, 90 tuổi là thượng thọ. Như vậy thượng thọ 80 tuổi, 90 tuổi vào lớp người hiếm và bây giờ sống tới 90 - 100 tuổi người ta mới mong ước.

Tóm lại, ĐÔNG Nhạc - gò ĐÔNG mà cao đầy cân đối với Tây Nhạc - gò Tây mới tốt, khỏe, thọ.

- Tây Nhạc - gò Tây đóng ở dưới gò má tay phải (gọi Gò là đúng vì nổi cao lên).



Gò Tây (gò phía Tây mặt) cần cân đối với gò Đông để bổ sung cho gò Đông. Nó như 2 tay, đôi mắt vậy. Nếu một trong hai bên cân đối thì hoạt động như nhau. Nếu một bên kém thì không được như ý.

- Trung Nhạc (gò Giữa) nằm ở sống mũi. Đây là nơi cao nhất của khuôn mặt. Nó là “địa bàn” trong lý thuyết tử vi - mệnh số và thuộc hành Thổ. Nó tượng trưng cho tài vật.

Khu trung tâm là nơi quan trọng của khuôn mặt. Là gò cao nhất trong khuôn mặt mới hợp lý, đúng chức năng và phù hợp Âm Dương, Ngũ Hành.

Trung tâm mà đẹp, cao ráo, sáng sủa mới tránh được mọi biến cố, nạn tai. Nói liên quan tới Ngũ quan và các tiểu khu thuộc tài lộc, tật ách - cung tật bệnh và cung của cải.

Trung khu mà không nổi gò (nghĩa là sống mũi không nổi rõ) rõ ràng là không đẹp. Người Việt Nam sống mũi cao vừa, gò cao trung bình chiếu đại đa số. Quan niệm “mũi tẹt, da vàng” là cách miệt thị của bọn đế quốc phương Tây xưa, bởi họ so sánh với dân tộc họ.

Họ quên rằng nhân chủng học chỉ ra rằng các tộc người sống ở vùng cận nhiệt đới và nhiệt đới vì khí hậu nóng nên mũi không cần dài rộng (quá to khoang mũi để làm nóng không khí trước khi vào phổi nhằm bảo vệ phổi luôn ấm). Mà người ta chỉ cần mũi ngắn là đủ sưởi nóng và làm ẩm không khí vào phổi. Người Âu Mỹ thì khác, họ phải cần mũi to dài.

Nói như vậy, về mặt tướng lý thì ta lấy chuẩn của dân tộc Việt Nam để đánh giá gò giữa thế nào là cao và thế nào là thấp.

Khi gò giữa cao nhất trong khuôn mặt thì được coi là cao. Tất nhiên là với ai cũng vậy.



+ Gò giữa mà cao (theo quan niệm trên) thì đẹp sáng, nhuận thì khá, ít tai nạn.

+ Gò giữa mà thấp thì kém sức.

+ Gò giữa mà quá thấp thì xấu.

V. BA PHỦ - TAM PHỦ (ĐIỂM NHẤN) VÀ VỊ TRÍ CÙNG DỰ BÁO.



Ba phủ - ba điểm nhấn

1. Phủ trên (thượng phủ thiên thương)
2. Phủ gò má (Trung phủ lưỡng quyền)
3. Phủ dưới gò má (Hạ phủ xương má)

Trong tướng thuật phần tướng mặt (diện tướng) còn đề cập tới phủ (phủ là điểm nhấn, nó quy tụ vào một điểm mà các tướng thuật gia Châu Á coi là quan trọng và cũng góp phần để xác định thêm vào dự báo diện tướng những thông tin hoàn hảo hơn.

1. Trên khuôn mặt có ba phủ (điểm nhấn).



+ Thượng phủ Thiên Thương - Phủ trên gồm cả hai bên trán.

+ Trung phủ xương lưỡng quyền - Trung phủ hai đỉnh gó má.

+ Hạ phủ xương má dưới.

2. Người xưa quan niệm rằng phủ là nơi coi sóc, hỗ trợ cho các vùng. Đó như một cơ quan nội chính chủ đạo về mặt bảo vệ nội bộ.

+ Phủ trên - Thượng Phủ Thiên Thương nằm hai bên trán, sát mép tóc xuống, phía thái dương. Nó có chức năng bảo vệ thiên thượng đìn (phần cao nhất gần tóc đầu của trán).

+ Phủ trên nổi thẳng tạo trán có bờ là tướng quý: Người được bảo vệ.

+ Phủ này không rõ thành gờ nhưng nếu gỗ cao cũng thuộc quý tướng (mặt rồng) người có danh phận.

+ Hai bên phủ tròn lẳn là bình thường.

3. Trung phủ xương lưỡng quyền - Trung phủ hai đỉnh gó má.

Hai gó má - điểm nổi cao xương má có thể nhọn có thể tròn gọi hai đỉnh ấy là lưỡng quyền. Hai điểm nổi bật nhất hai bên má - 2 lính gác của mũi.

- Trung phủ - lưỡng quyền chỉ về tình cảm:

+ Trung phủ này cao vọt lên, tròn tria: Con người giàu tình cảm, con trai hại vợ, con gái hại chồng (tướng sát).

+ Trung phủ lưỡng quyền nhọn (giống đít trái đào: Con người tình cảm tràn trề) nhiều nhân tình (“trai giàu tình ái, gái giàu tình nhân”).



+ Trung phủ lưỡng quyền không quá rõ với phần má thì tình cảm bình thường.

- Trong khi xét về phủ này thì điểm nổi bật gây chú ý nhất là lưỡng quyền - đinh 2 gò má cao. Nó cho ta thông tin là con người đa tình, hại phu, phụ mà thôi hay tình cảm bình thường.

4. Hạ phủ xương má - phủ cuối xương má ở cuối phần vân (pháp lệnh) ngăn cách má và vòng mũi, miệng. Vân này bắt đầu trên cánh mũi cong hình râu cá đến khoảng giữa khu nhân trung- ngang môi trên.

- Phần vân này rõ nét tức là hạ phủ xương má rõ ràng thì nhiều bạn tốt. Đây là phủ “đối ngoại”. Đây, rõ thì tốt.

+ Không vân hoặc vân nông, phần phủ không nổi rõ phân cách với miệng thì đối ngoại kém.



PHẦN IV:

NĂM GIÁC QUAN - NGŨ QUAN

1. Năm giác quan gồm.

- Mắt
- Mày
- Mũi
- Tai
- Miệng

Quan niệm của các tướng thuật gia Trung Quốc xưa cho rằng năm giác quan là năm cơ quan của tướng mạo con người.

Năm cơ quan quan trọng đó đại diện gồm:

- Mắt: Cơ quan giám sát - Giám sát quan.
- Mày: Cơ quan bảo vệ - Bảo thọ quan.
- Tai: Cơ quan thu nhận thông tin - Thái thính quan.
- Mũi: Cơ quan thẩm định - Thẩm biện quan.
- Miệng: Cơ quan xuất nhập - Xuất nạp quan.

Tất cả khái niệm trên là theo quan điểm tướng lý, khái niệm của tướng lý.

Trong sinh lý học đương nhiên dùng thuật ngữ chuyên ngành giản đơn theo mỗi chức năng. Ví dụ: năm giác quan - năm cơ quan cảm giác.

- + Mắt gọi là thị giác là cơ quan để nhìn.
- + Tai gọi là cơ quan thính giác để nghe.
- + Mũi là cơ quan khứu giác để ngửi.
- + Miệng là cơ quan vị giác để ăn.
- + Tay là cơ quan súc xác để sờ mó.



Những thuật ngữ này, tuy cũng dùng những thuật ngữ Hán nhưng đã được Việt hóa.

2. Trong tướng lý, nó có thêm mày (chân mày) với các giác quan trên, bao hàm ý nghĩa hàm súc hơn nhiều. Các bộ phận được nghiên cứu sâu rộng trong tướng thuật.

3. Trong tướng mặt - diện tướng. Mỗi một giác quan trên được xem xét tỉ mỉ. Nó được xem là các bộ phận chủ đạo hầu như thâu tóm các thông tin cơ bản có thể dự báo về một người nào đó.

I. MẮT VÀ NHỮNG DỰ BÁO.

1. Mắt là “cửa sổ tâm hồn” như nhân gian thường nói: Điều đó nói lên nội tâm của con người. Nội tâm trong sáng hay nội tâm mờ tối, hẹp hòi.

2. Về mặt tướng lý thì sâu xa hơn. Đôi mắt là nơi nhìn thấy ngay thần khí và nhân cách của con người.

Qua ánh mắt, nụ cười ta thấy thành tâm. Song tướng lý còn thấy cả bản tính cố hữu - “bất biến” cả những thay đổi theo thời vận - duy biến và cả thường biến lẫn đột biến. Cả bốn thể trạng của con mắt: bất biến, duy biến, thường biến và đột biến của đôi mắt cho ta những thông tin về tính cách, về tình cảm, thể trạng, nội tâm và về ứng xử cũng như bệnh cảnh.

Quan sát tướng mắt bao gồm: Hình, thể, sắc, thần, khí, cách nhìn. Và từ đó mà ta đưa ra những thông tin thuộc nhân tính, nhưng thông tin tình cảm tức thời...

3. Về hình dạng.

Hình của mắt là hình dạng - kiểu mắt. Mắt có mấy dạng đặc trưng cơ bản, mà từ đó ta có được những thông tin dự báo về bản chất - nhân tính nói rộng vì hình dạng mắt thuộc về



“bất biến” - “tiên thiên”. Nghĩa là nó đã được định hình ngay từ lúc lọt lòng mẹ. Cho nên nó chưa đựng thông tin về nhân tính của từng cá nhân một. Nó không mấy thay đổi trong cuộc đời. Người nhân từ, kẻ gian sảo, người tình cảm, kẻ độc ác, người trung hậu, kẻ dâm loạn.

Thế đấy, đó là thứ không đổi thay dù “hậu thiên” có bị sự giáo huấn đi nữa thì cũng “đánh chết cái nết chẳng chừa”. Ông bà ta đã đúc kết như vậy! Song, muốn hiểu được cái “nết” ấy được thể hiện ra hình dạng “tướng” thế nào.

4. Hình dạng bao gồm.

- Mắt to tròn có thần dũng: Quyền lực uy nghiêm.
- Mắt dáng mắt phượng mi cong: Bản tính nghiêm trang, sống vì nghĩa. Đây là mắt của quan to, mẫu nghi thiên hạ.
- Mắt nhỏ ti hí: Bản tính gian tà. Mắt của kẻ trộm cướp, gian trá, thâm, tham.
- Mắt có góc cạnh (thường là hình tam giác, đầu mắt to đuôi mắt nhọn): Bản tính nham hiểm, ác độc, kẻ nhiều mưu mô, thâm trầm.
- Mắt to thô lố: Bản tính lỗ mãng, chết yếu.
- Mắt ngắn, lông mày dài: Bản tính keo kiệt, chắt bóp. Mắt của kẻ tham làm giàu.
- Mắt dài (đuôi mắt dài): Bản tính khó gần, mắt của người hạnh phúc bất ổn, vợ chồng hay ly biệt.
- Mắt ngắn tròn (khoảng 2cm): Bản tính xu nịnh, mưu mô, mắt của cận thần, thân tín của quan chức.
- Mắt nhỏ võng lên (giống như hai gò nhô cao): Bản chất hung hiểm, lạnh nhát. Mắt của kẻ dễ bị ngộ hình, chết yếu.
- Mắt giống hình mắt rắn: Bản tính cô độc, tàn bạo. Kẻ dễ bị gấp nẹn tai, hình phạt.



- Mắt như mắt hùm, beo, sói: Bản chất giã man, độc địa. Mắt của kẻ sát nhân (kẻ đao phủ, sát thủ, kẻ “đâm thuê chém mướn”).

- Mắt giống mắt dê: Anh em hay xô sát nhau.

Hình dạng của mắt không biến đổi, trừ trường hợp bị can thiệp (tai nạn, phẫu thuật, bệnh tinh) bởi các tác nhân khác.

- Các hình dạng bình thường (hạt vải...) bản tính không đặc biệt như đã nêu trên. Đây là hình dạng mắt của đại đa số người: Bản tính biết điều, thiện tâm.

5. Thể trạng mắt.

Thể trạng mắt chỉ thông thường có ba thể trạng:

- Mắt khô (ít nước mắt) nhìn vào không tươi nhuận: Bản tính khó khăn, thích yên tĩnh, yên thân, xa lánh. Mắt của ẩn sĩ thời xưa hoặc con người thích sống tách biệt không muôn giao tiếp.

- Mắt ướt sáng lóng lánh (mắt ướt, đậm nước mắt, luôn đưa đẩy): Bản tính lảng lơ, dâm dục. Mắt của người thích luyến ái, đĩ thoã.

- Mắt tươi nhuận bình thường: Bản tính thiện tâm. Mắt của muôn người.

6. Sắc màu mắt (của người Việt Nam).

Màu sắc của mắt là màu sắc của con người gồm màu sắc của tròng đen, tròng trắng.

- Tròng đen, trắng rõ ràng: Tính thông minh, hoạt bát. Mắt của các thánh nhân tu sỹ.

- Mắt tròng “đen” (đồng tử) màu nâu: Tính dũng mãnh, liều lĩnh.

- Mắt sắc đỏ (đỏ như mắt cá chà): Tròng đen bình thường. Tròng trắng vằn đỏ: Tính hung, nóng (không nói đến mắt của người đang có các bệnh: Cao huyết áp, hỏa vượng...).



- Mắt sắc vàng óng, tươi nhuận: Tính gia trưởng, kiêu hùng. Mắt của bậc quyền quý vương tôn.

- Mắt tròng trắng mà trăng dã: Tính bội nghĩa, sống không tình “kẻ vong ân bội nghĩa”.

- Mắt tròng trắng: Trắng, tròng đen - đồng tử có sắc đỏ: tính kỷ luật, tháo vát. Mắt của võ quan.

- Mắt sắc đỏ ngả vàng: Chết yếu (không kể người đang bị bệnh gan, sốt rét ác tính...).

- Mắt mà sắc đồng tử xanh: Tính hiếu thắng, thích hoạt động (người đang có bệnh thận...).

* Lưu ý: Sắc mắt ở đây là sắc mắt chuẩn của người Việt Nam, chủ yếu là đen sám nhẹ.

+ Những sắc mắt đột biến kể trên là sắc mắt của người Việt khác biệt sắc mắt của đồng loại.

+ Ở trên, sắc đồng tử xanh, vàng hoe, đỏ không phải là sắc mắt của các dân tộc Âu Châu hay Trung Cận Đông v.v...

Như vậy, sắc mắt cho ta không chỉ các thông tin về tính tình (thuộc tướng lý) mà còn cho ta thông tin về bệnh tật (thuộc y lý) mà các thầy thuốc thường quan tâm.

7. Thần khí.

- Mắt có thần khí: Sáng long lanh (nhìn ảnh chụp như có hai đồng tử): Tư chất thông minh lăm.

- Mắt thần khí kém (nhìn lờ đờ) tư chất chậm hiểu, kém cỏi trí tuệ

- Mắt thần khí bình thường có hồn: Trí tuệ minh mẫn, tư chất bình thường.

* Lưu ý: Mắt thần khí bình thường không long lanh cũng không lờ đờ. Đó là thần khí mắt chung của muôn người.



+ Thần khí là hồn của mắt nhưng cũng không quan trọng lầm về quan niệm tương lý.

8. Cách nhìn.

Cách nhìn cũng thể hiện nhân cách. Tương thuật nhận định từ cách nhìn của cá nhân để dự báo những đặc biệt của tính cách.

- Người luôn nhìn thẳng: Tinh thần ổn định. Con người đàng hoàng.

- Người nhìn lầm lết: Tinh thần bất định. Người ấy không đàng hoàng, tâm địa gian sảo.

- Mắt nhìn trộm (nhìn khi người khác không để ý): Người tinh tò mò, hay soi mói.

- Mắt nhìn như cười tươi nói: Tính rộng rãi, tâm đức tốt. Không bao giờ gây oán chuốc thù. Sông hòa thuận.

- Mắt nhìn ngược: Tính tình kiêu ngạo thái quá, tự cao tự đại.

- Mắt nhìn xuống: Tính nhút nhát, uỷ mị, thiếu tự tin.

- Mắt nhìn lơ đãng: Tính mơ mộng, con người giàu ý tưởng.

- Mắt nhìn trùng trùng: Tính soi mói, thiếu thiện cảm. Con người luôn nghi kỵ, đa nghi, muôn ra oai.

- Mắt nhìn hiền từ: Tấm lòng từ thiện, giàu tình thương.

- Mắt nhìn đắm đuối: Tính đa tình, mộng mơ vô bến bờ, thích ái tình say đắm.

- Mắt nhìn thất thần - vô hồn: Lo sợ, sấp rời xa thế giới loài người.

9. Cách nhìn vừa có tính “bất biến” vừa có tính “duy biến” lại vừa “đột biến”.

- Tính “đột biến”: Xảy ra trong tình huống tâm lý thay đổi đều cho thấy tính khí như:



+ Vui: Mắt nhìn sáng lạn như cười. Chỉ tâm trạng phấn khích.

+ Giận: Mắt nhìn long sòng sọc. Chỉ tính khí nóng nảy, bảo thủ.

+ Giận mà mắt không thay đổi sắc khí: Con người nguy hiểm. Người sống hai mặt.

+ Mắt nhìn nhạt nhẽo: Người vô tình, lòng dạ sắt đá.

+ Mắt nhìn tha thiết: Ước muốn cầu khẩn, nhiệt tình.

Tính “đột biến” tuy thể hiện thành thể tướng tức thời. Song thực ra nó cũng ngầm phản ánh bản chất “bất biến” và “duy biến” của cá thể đó. Nghĩa là nó cũng xuất phát từ bản chất gốc.

10. Nhận định về mắt thời xưa, người Trung Hoa cũng rất lưu tâm.

Ví như trong sách “Ma - Y tướng Pháp” do người học trò cưng của ông còn lưu lại là ông Trần Đoàn - Hy Di có viết: “...mắt như thái dương, thái âm (mặt trời mặt trăng). Nó phải sáng trong. Nó như mắt rồng mắt phượng...” (mắt phượng là mắt chim phượng hoàng có thật và tồn tại đến bây giờ. Còn mắt Rồng thì không biết thời Ma-Y tiên sinh, khoảng đời Ngũ Đại Trung Hoa từ 2879 trước Công Nguyên - tức Công Lịch đến 258 trước Công Nguyên. Trong khoảng 18 đời vua Hùng của Việt Nam, có rồng hay không và đã tuyệt chủng chăng? nên không thấy sách sinh vật và trong “Bách Khoa toàn thư” của Pháp cũng không thấy tả về con vật này trong tiền sử).

Song theo thiển nghĩ thì có loài gọi là rồng thật. Vì vậy nếu ngay ông Trần Đoàn, một nhà tướng Pháp tài ba vẫn ghi lại như vậy: “Mắt rồng, mắt phượng” trong “Ma-y tướng Pháp” và đến các sách tướng Pháp đời Đường, Minh vẫn ví như vậy).



“... Mắt ánh vàng mà tròng trắng có tia máu đỏ thì suốt đời hung hại... Mắt to tròn như mắt dê thì hung ác, tàn bạo, sống cô độc và nghèo. Mắt sâu, bé là người thâm trầm hiềm ác, bạc bẽo... Mắt rồng là quý nhất: Đen trắng rõ ràng, mắt ánh vàng tiềm tàng thần khí...” (họ tả như vậy thì chắc có rồng thật).

Thôi thì ta không ví cái mà ta không thấy. Ta chỉ quan sát mắt các vị tổng thống, chủ tịch, thủ tướng, vua thấy có những phần miêu tả như trên thì xem là đúng loại “mắt rồng”.

11. Trong thực tế người ta thường tả mắt bằng cách so sánh với các loài vật xung quanh ta cho dễ nhận biết và dễ so sánh tính cách của chúng với những ai có đôi mắt giống vậy. Đây là kiểu tướng Pháp dân dã giản dị mà đại chúng.

Thí dụ: Có các kiểu mắt như mắt phượng, mắt voi bé sâu, mắt rùa to cup, mắt chim cú (mắt to hau háu - mắt cú vẹt), mắt chim cắt (sắc lạnh), mắt sư tử, mắt hổ, mắt sói (mắt lang thú, uy quyền hiềm ác), mắt bồ câu (mắt chim bồ câu, chim cu gáy), mắt lươn (ti hí), mắt cá (mắt tròn), mắt rắn, mắt dê, mắt mèo (mắt xanh, nâu vàng sáng), mắt chim uyên ương (đẹp), mắt chim én (mắt có đuôi), mắt tê giác (mắt sầm sập), mắt chồn cáo (mắt thô lố), mắt lợn (mắt híp), mắt trâu tròn to v.v...

Nhân gian còn ví tướng mắt theo hình dạng lá cây cỏ như mắt lá răm: “... con mắt lá răm, lông mày lá liễu, đáng trăm quan tiền...”. Như vậy là loại mắt rất đẹp “đáng trăm quan tiền”. Vậy là mắt của mỹ nhân, hiền thục.

Như vậy qua phần mắt, tướng pháp đã từ tướng hình và tướng lý mà thấy bên trong con mắt hàm chứa đầy đủ các bản chất và nhân tính: hiền dũ, họa phúc, cương nhu, phú bần, các cặp phạm trù này đều song song có trong đôi mắt con người được phô bày ra hình tướng vậy.

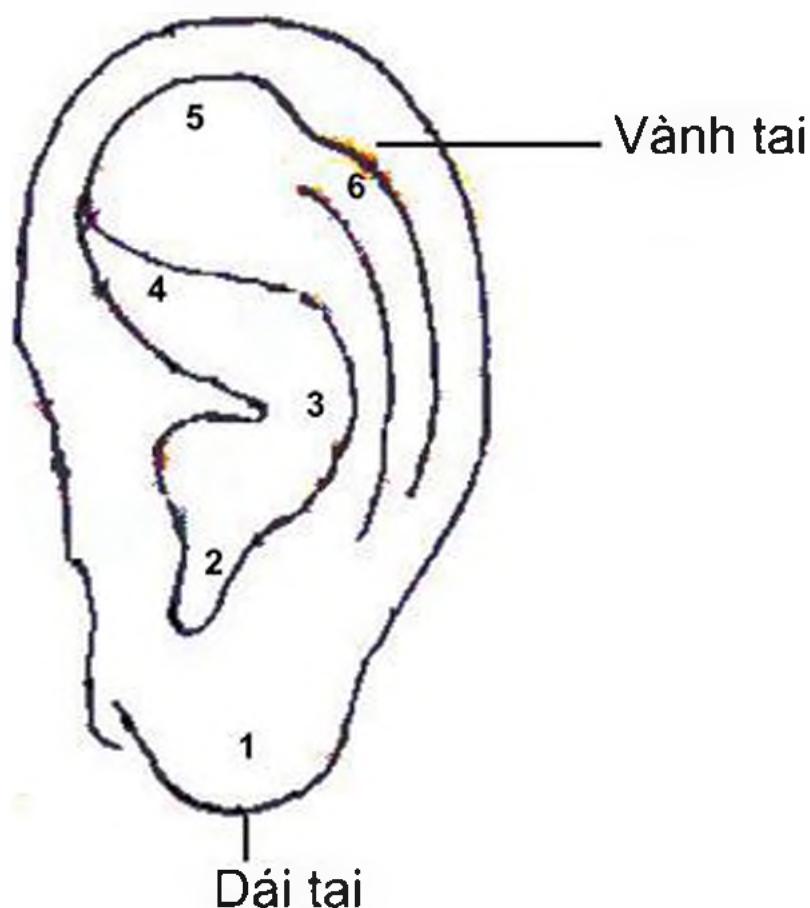


- Trong y học, y lý từ các cao nhân như: Hải Thượng Lãn Ông xa xưa đến bác sỹ Joself Renald cho rằng mắt thuộc hành Mộc (đồng ý coi Âm Dương, Ngũ Hành gắn chặt và là biểu ý của y) tương trưng cho tạng can (gan), đởm (mật). Y - lý cho rằng mắt là khí của gan mật. Nếu có bệnh gan mật thì sắc khí mắt sẽ vàng v.v...

Như vậy, ta thấy tướng lý được ứng dụng hữu ích chứ không phải là một môn pháp huyền hoặc.

II. TAI VÀ CÁC THÔNG TIN DỰ BÁO. (Hình 4)

Hình tượng tai và biểu lý



Các khu biểu lý tạng phủ

1. Mắt
2. Tim phổi cuống họng
3. Dạ dày, gan, mật
4. Ruột (già, non), thận
5. Toàn thân
6. Tay

1. Trong tướng pháp xem tai là “thái thính quan”.

- Cơ quan thu nhận thông tin. Sinh lý học gọi cơ quan thính giác: tại nơi thu nhận thông tin đưa lên não bộ phân tích: nghĩa là bộ phận trợ giúp cho “thiên” (trời) quan hệ mật thiết với: ngu, tuệ, thọ, yếu. Về mệnh số chỉ sang, nghèo, giàu.

- Về y - lý, tai tương thích tới tim, thận. Nó có quan hệ biểu lý đến tim, thận. Tim nếu có bệnh thì hay ù tai. Thận kém thì thính lực giảm sút (nghe kém).

Ở đây ta quan tâm tới tướng pháp. Và từ tướng pháp mà dự báo thông tin. Ta có:

+ Tượng - hình tai (kiểu tai).

+ Sắc màu tai.

+ Các cung tai - vành tai.

2. Nói đến tướng tai, đặc biệt là tượng hình tai (các kiểu tai)

- mẫu tai và hình trạng tai.

Dân gian coi tướng tai bằng cách so sánh với tai các loài vật mà suy ra bản tính.

- Tai lừa (tai dài nhọn)

- Tai chuột (tai mỏng tang) “mặt giơi tai chuột”

- Tai hổ (tai bé cùn)

- Tai lợn (tai to bè)

- Tai giải cá (tai choắt dí - dí sát đầu)

Rồi nữa họ so sánh ngay với người như:

- Tai Phật (tai đức Phật) (tai chảy đến vai)

Hay còn so sánh với thực vật:

- Tai như hoa nở (tai xoè tròn nồng như bông hoa nở)

- Tai ngọc (tròn như viên ngọc)

3. Theo tướng pháp ta có “tượng” và “hình” tượng là cấu tạo dáng và “hình” là kiểu tai, thuộc bất biến - tiên thiên.



Nói về hình tai - kiểu tai ta có các kiểu và thông tin:

- Tai to dày thành quách rõ ràng: Dũng tướng, gan góc.
- Tai nhỏ tròn xoe như viên ngọc: Giàu to - đại phú nhưng không trường thọ.
- Tai đẹp: Hơi to cong đều như nửa quả thận lợn bő dọc dày, bờ thành cao: giàu có nhưng độc.
- Tai to chảy dài thùy (dái) tai (nơi đeo khuyên tai) xuống tới xương hàm dưới (tai Phật): Phúc hậu, trường thọ nhưng cô quạnh.
- Tai nhỏ không thành, bờ ngắn mỏng: Nghèo hèn.
- Tai to mỏng (tai quạt lá cọ): Nghèo khổ, lận đận.
- Tai cụp (đầu trên tai cụp cong xuống) nghèo, hèn.
- Tai bẹp dí (đính sát vào đầu) nghèo và yếu tướng (chết trẻ).
- Tai loe (như bông hoa nở) tiền phú, hậu bần (trước giàu sau nghèo).
- Tai bé tròn, mỏng tang (tai chuột): Nghèo, gian sảo, trộm cướp, chịu ngục tù.

- Tai đứng bắc, đầu tai nhọn: Nghèo hèn.

- Tai dểnh hẳn ra ngoài như hứng: Nghèo, tò mò.

- Tai bé thấp: phá sản, hiếm con.

4. Về tượng tai. (hình 4)

Tượng tai bao gồm:

- Tai khum sâu: Giàu có, thông hiểu.
- Tai trật lộn ra: Nghèo, đần.
- Tai không có thành, vành mỏng: nghèo, trí tuệ kém cỏi.
- Tai dày bì bì có thành quách nặng nề: tiên bần, hậu phúc (trước nghèo, sau giàu).



5. Màu sắc tai.

- Tai trắng, dáng đẹp: Giàu có, thông minh.
- Tai đen sạm: Hèn ngu, nghèo túng.
- Tai đỏ hồng, kiểu đẹp: Giàu to, danh giá.
- Tai đỏ tía tím: phá gia chi tử, kẻ phát tán tài sản.

Các tượng, hình như đã kể trên, dù phân chia theo kiểu dân dã, dù định loại của các tướng thuật gia thì về tai chủ yếu bàn đến thông tin giàu, nghèo, thọ yếu. Dân dã hay tướng gia đều thống nhất quan điểm.

+ Tai đẹp: Phải có thành quách hẵn hoi, rõ ràng; hình dáng cân đối, dày vừa phải, cao ngang hoặc hơn mày; sắc màu trắng hồng; dài tai dày nổi hình đầy đặn; hình giống quả thận lợn, bồ dọc. Tai như vậy quý, giàu có danh giá, thông minh và thọ.

+ Tai xấu: Không cân đối hình thể; sắc đen sạm, mỏng; không thùy tai (dái tai), nồng, trật, méo vẹo, bẹp dí, nhọn đầu, cup đầu: Nghèo hèn, bần tiện, không thọ.

6. Về mặt y - lý, tai có hàng trăm huyệt. Các cung và vành, dài tai đại diện cho lục phủ ngũ tạng (sáu phủ và năm tạng). Mỗi tạng phủ có bệnh tật đều biểu hiện ở sụn tai. Nghĩa “thường biến” - “hậu thiên”.

Trong y học, cả Đông và Tây y đều dùng phép châm (nhĩ châm) để chữa phối hợp, hoặc châm tê để phối hợp cho Tây y trong phẫu thuật.

Về cung vành trong y - lý. Có bốn cung:

- + Cung thượng (đầu tai) biểu lý tạng.
- + Cung trên (nền tai) biểu lý sáu phủ.
- + Cung giữa (lỗ tai) biểu lý ngũ tạng.
- + Cung cuối (dái tai) biểu lý mắt.



7. Vành tai gồm.

- Vành to ngoài: To dày tốt, bé mỏng xấu

- Vành nhỏ bờ: Phải nổi tốt, không rõ xấu

Tốt, xấu ở đây chỉ nghĩa giàu nghèo; Tho và không tho; thông minh và ngu đần.

III. MÀY - LÔNG MÀY VÀ THÔNG TIN.



Lông mày lưỡi liềm

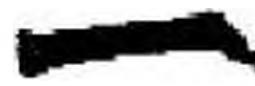
- Nhiều tham vọng, dục tính mạnh, đoan trang.

Lông mày dài qua mắt

- Anh em đông, người dẽ cảm thông và hiểu biết.

Lông mày ngang bằng

- Thông thái, dục tính mạnh, đoan trang.



Lông mày mũi mác

- Tính cương cường, đa tình, đa cảm, thiện tâm, mạnh bạo.

Lông mày mũi kiếm

- Thanh lịch, hiền từ, thiện tâm.

Lông mày lá liễu

- Hiền thục, thân ái, đảm đang



Lông mày chuỗi, rẽ, rậm cứng:

- Hung tợn, trọng nghĩa, nóng nảy.

Lông mày có xoáy ở đuôi:

- Anh em bất hòa, bạo ngược.

Lông mày ngắn thưa:

- Thông minh, trực, lợi, hám danh vọng.



Lông mày cụp xuống

- Kẻ xiểm nịnh, thủ đoạn, bần tiện.

Lông mày xéch ngược

- Mạnh mẽ, vũ дũng, thô bạo



1. Mày là một trong năm quan (theo quan niệm tướng pháp của người Trung Hoa). Họ coi bốn giác quan, theo quan niệm sinh lý học: Mồm, tai, mũi, mắt và tay là những giác quan của cơ thể để cảm nhận tác nhân bên ngoài, tướng lý thấy mày là hợp các chức quan trong xã hội thời xưa để đưa vào tướng pháp.

Và mày được đặt là quan bảo thọ. Tuy nhiên, theo quan niệm tướng pháp thì để phù hợp và dễ hiểu đối với người Việt Nam, hơn nữa nó còn liên hệ với thực tế nên ta gọi là cơ quan bảo vệ. Đối với quan niệm về mặt tướng lý mày (lông mày cùng với gò xương lông mày) tiềm chứa nhiều thông tin, mà qua quan sát ta nhận thức được ngay. Những thông tin dự báo về nhiều mặt của một cuộc sống của cá thể. Ví như thông tin về gia quyến, thân tộc; thông tin về bản tính cá thể; thông tin về thọ yểu; thông tin đời sống vật chất lẫn tinh thần. Thông tin về nhân cách.

Như vậy về tướng pháp của mày là một bộ phận cần được nghiên cứu và đề cập tới như là một phần quan trọng trong diện tướng - tướng mặt.

Người tướng thuật xa xưa, từ thời Ngũ Đại ở Trung Hoa hay ở các khu vực Đông Nam Á, Ấn Độ, ngay cả ở Âu Châu như Aristot cũng đều thấy rằng mày tiềm chứa nhiều thông tin về mặt tướng pháp.

Ông Viên Thiện Cương và con trai ông Viên Chánh Sư rất coi trọng tướng mày. Họ đã từng cho rằng: "... Mày là hiện thể của phú quý, thọ yểu và mệnh mạng (năng lực của mệnh) như trí tuệ...". Ông Viên Thiện Cương cho rằng "... lông mày mọc ngược thì: con trai gấp vợ bất nhân, con gái gấp phải chồng không lương thiện..." (trai có thể giết vợ, gái có thể giết chồng).



Và "... xương khuông mày nhô cao là người hung tợn, chậm chạp - số mệnh không tốt...".

Thế đấy, chỉ vài nét của tướng mày đã có quá nhiều thông tin.

Aristot thì cho rằng mày là nơi che chắn cho mắt, mà mắt là hiện tượng của Thần trí tuệ. Mày kém thì mắt thiết..." (nghĩa sâu xa là mày mà xấu thì trí tuệ tồi).

Vậy, đã là một tướng gia không thể bỏ qua tướng mày. Đó là lý do tại sao thời xưa xếp mày vào năm quan, xếp cùng với bốn giác quan khác mà bỏ tay (theo sinh lý học).

Vâng, cái nghĩa "Bảo thọ Quan" hàm chứa súc tích những thông tin rất tin cậy. Nó cho nhà tướng pháp một cái nhìn xuyên suốt và ý nghĩa.

Nó hài hòa với những thông tin của các tiểu khu, các cung, gò và các giác quan khác.

2. Nghiên cứu tướng mày gồm các phần.

- Khung xương mày (chân mày).
- Kiểu lông mày.
- Sắc lông mày.

Mỗi phần của mày cho ta thông tin riêng. Khi quan sát mày trước tiên ta quan sát khung xương mày đến quan sát kiểu lông mày xem hợp với những kiểu đặc trưng nào. Cuối cùng mới đến phần màu sắc lông.

3. Khung xương mày (chân mày)

Quan niệm của các tướng thuật gia Trung Hoa thì mày là vua và mắt là quan đại thần thân cận với vua.

Vậy thì mày quan trọng đứng đầu. Mày có khung trên, khung xương đó mọc lông. Và với nghĩa trên khung xương mới là vua. Vua ở ẩn chứ không hiện (trong cung cấm) cái gốc được biểu lý



ra lông mày để che. Vì vậy điều khó thấy (ẩn) thành dễ thấy (hiện). Song không hoàn toàn ẩn nếu lông mày phủ kín.

Do đó mà tướng pháp quan tâm đến khung xương mày (chân mày).

- Khung xương mày bằng với xương trán. Nghĩa là sờ vào không thấy thành khắc rõ với xương trán. Khuông tướng như vậy là lành.

- Khung xương mày giő cao so với xương trán nghĩa là khung xương nổi rõ thành gò: Tốt. Thông thường trong tướng pháp của đa số các trường phái đều xem khung xương mày là hai gò Nhật Giác và Nguyệt Giác (thái Dương Giác và thái Âm Giác - Gò mặt trời và Gò mặt trăng). Nói thêm rằng trong khoa tướng pháp có nhiều trường phái. Trường phái coi trọng cái này. Trường phái thì chú trọng cái khác. Họ đưa ra ý này, ý nọ.

Ví dụ: Phái Tứ học đường lại có phái Bát học đường... Mỗi phái có ý riêng.

Phái Tứ học đường lấy mắt làm cung học đường.

Phái Bát học đường lại lấy mày làm chuẩn học đường. Rồi có ý “cửu chân bát quái chi” của một trường phái khác v.v...

Tất cả chỉ nói về một diện tướng thô i cũng có nhiều quan niệm (có dịp sẽ nói thêm sau).

Nhân nói đến tướng mày xin kể sơ qua về hai phái Tứ học đường (bốn khu học đường) và Bát học đường (Tám khu học đường) để biết rằng trước đây có nhiều trường phái tướng pháp.

* Lành là cuộc sống không chao đảo, yên ả, bình lặng.

* Xấu là người có cuộc sống nổi chìm, đó đây. Cuộc đời chông gai gian khó “lúc lên voi khi xuống chó” (“dī tượng vi khuyển”).



- Đầu mày có nhiều nếp nhăn dọc hoặc ngang sâu vào thịt thì người sống gấp nhiều khó khăn trắc trở, mưu việc thành bại kế tiếp.

Thực tế đa số mày: Lành, ít người mày tồi. Riêng phái Bát học đường thì lại cho rằng: Hai gò Nhật Giác và Nguyệt Giác. Nhật Giác là gò bên phải (Hữu), Nguyệt Giác là gò mày bên trái (Tả).

+ Hai gò mày cao đều thì “đa huynh đệ” (người nhiều anh em) và học thức khá, cuộc đời sung mãn (sung túc và thỏa nguyện ước).

+ Hai gò Nhật, Nguyệt thấp thì học thức bình thường, cuộc đời cũng bình lặng.

4. Hình dạng - kiểu mày và thông tin.

Kiểu mày - hình dạng mày thật phong phú. Trường phái nào cũng đề cập tuy có thêm bớt.

Ở đây xin đơn cử các kiểu mày đặc trưng. Bởi lẽ mày thuộc loại “duy biến” và “thường biến”. Kiểu mày ở đây chỉ các dạng lông mày tự nhiên. Nó có thay đổi theo mệnh số. Và nó “thường biến” có thay đổi theo tuổi tác. Những kiểu lông mày đặc trưng như:

- Lông mày dài (ta gọi tắt là mày dài vì kiểu mày tức là hình thế lông mày mọc tạo nên) biểu hiện: Thông minh (giàu học vấn), nho nhã, dáng mạo học thức.

- Mày cong như lưỡi liềm (trăng mọc hôm mồng bốn lịch âm. Đó là hình của kiểu mày này): Tính thiện, dịu dàng, nết na.

- Mày quá dài (dài quá mắt): Là con người trung hậu, giàu có, thọ.

- Mày rủ (lông mọc dài rủ xuống mi trên mắt): Tướng trường thọ.



- Mày chổi xể (đuôi ngắn mà xoè to như cái chổi quét nhà): tướng cần mẫn và có lòng trung hậu nhưng cục tính.

- Mày ngắn: Tính tình cô độc, không thích cho ai cái gì dù có thừa.

- Mày không dài bằng con mắt (khác với mày ngắn cùn trên): Tướng hại của, hại người. Anh em hiếm hoặc con mọt.

- Mày dính liền trái phải: Không thọ, đầu óc kém cỏi, không danh phận.

- Mày hình mũi mác: Tướng vỡ, hung tợn, trí tuệ tốt.

- Mày hình mũi kiếm (mày thanh mảnh dài): Tướng văn nhâ, điềm đạm.

- Mày lá liễu (mày mọc giống hình lá liễu như đã nói ở phần mắt "... mày lá liễu đáng trăm quan tiền"): Tướng hiền thục, mỹ nữ, thanh tao, điềm đạm.

Ngày nay phụ nữ thích sắm, tỉa, vẽ để có được đôi lông mày "lá liễu". Mày tự tạo này có khi tính của cá thể đó lại dữ dằn hơn "sư tử Hà Đông".

Mày phải mọc tự nhiên như hình lá cây liễu mới thực quý là đáng cầu thân.

- Mày đậm bằng đều từ đầu chí đuôi (gọi là mày tầm cũng thuộc mày quý (mày ngài (tầm) giống con tầm nầm) có câu: "Mày ngài mắt phượng" tướng thông thái, công khanh, nhưng háo sắc (thích phụ nữ).

- Mày hai bên choải xuống (giống hình chữ bát (tám) Trung Quốc): hiếu, mưu mô.

- Mày cong như hình cái cung tên: Tướng giàu có và thọ trường. Tướng quý hiền triết.



Ngoài ra phải kể đến độ dày, mỏng của lông mọc ở chân mày. Nó cũng cho ta thông tin. Ví dụ:

- + Lông mày rậm rì tướng đa tình, hung hãn.
- + Lông mày thưa thớt: Người thông hiểu có học vấn và lấm mưu meo.
- + Lông mày mọc đứt quãng (không liền nhau thưa vừa): Tướng anh em ly tán, mỗi người một nơi.
- + Lông mày cứng thô: Tướng thô bạo, cục cằn, đần.
- + Lông mày nhỏ như tơ (mảnh như sợi tơ tằm) tướng thẹo, thông minh.
- + Lông mày mọc dựng ngược: Tướng keo kiệt, nghiêm khắc, cương quyết.
- + Lông mày cuối đuôi xoáy anh em bất hòa.
- + Lông mày mọc nửa ngược, nửa xuôi, tướng chết non.
- + Lông mày dày và mảnh như tơ tằm, tướng tham dục vọng.
- + Lông mày mịn màng đứng cao thì giàu sang và hiền.
- + Giữa lông mày có nốt ruồi (bên nào cũng tốt): Tướng hiền, hiểu biết sâu rộng, kiến thức nhiều lĩnh vực, tâm tính trung thực, biết lẽ đạo và thiện tâm, quý người.
- + Lông mày mọc thành vằn vằn kế tiếp thì gặp tai nạn bất ngờ.

Tóm lại, mày đẹp cao, thanh tú thì sang, thẹo, oai quyền. Mày cùn cõn, thô thì kém thẹo, nghèo. Mày giao nhau thì chết sớm, không bổng lộc. Mày có xoáy đuôi thì anh em bất hòa.

Đa số mày thay đổi ít nhiều về kiểu tùy theo thời vận. Lúc chưa thành nghiệp khác chút ít so với lúc có danh vọng giàu sang v.v... Mày không cố định (tiên thiên) giống lúc mới sinh. Nó “duy biến” về hình thể.



Bởi vậy khi xem xét tướng mày phải tùy cơ mà ứng đối không cứng nhắc so sánh kiểu mày.

5. Màu sắc mày.

Màu sắc mày thuộc “thường biến”. Lúc thành đạt, khỏe mạnh mày lông mày tươi nhuận. Khi trẻ, khi trung niên, khi già, khi bệnh hoạn, thì màu sắc của chính lông mày đó sẽ thay đổi.

Vì vậy tướng màu sắc mày chỉ nêu tiêu biểu “đột biến” để tham khảo:

- Sắc lông mày ánh vàng trên một kiểu mày đẹp: tướng sắp phát triển danh vị.
- Sắc lông mày điểm trắng số sẽ trường thọ.
- Sắc đen bóng mượt giàu có đến nơi.
- Sắc xanh trên nền kiểu mày cao: điểm nổi danh bốn biển năm châu sắp tới.
- Sắc khí ánh đỏ vàng: điểm vui lớn vinh hoa, giàu sang sắp đến.

Tóm lại, tướng mày cho những thông tin dự báo về sang giàu, hèn mọn, lành dữ, thọ yếu.

Mặt khác Đông y còn quan sát mày để tìm thông tin về người bệnh. Sách “vọng chẩn kinh” (Trung Hoa) ghi rằng: “Mày con người thuộc hành Hỏa nên do khí Mộc biểu lộ. Về kinh lạc thái âm thuộc tay chân. Vì vậy mày có thể cho thông tin về sống chết ở bệnh nhân”.

- + Lông mày rối rắm: Người ốm nặng.
- + Mày khô: Khí huyết suy.
- + Mày mà sắc: Khí tươi nhuận thể hiện khí huyết đầy đủ.
- + Mày ủi sùi chứng bệnh phong.
- + Mày dựng sờn sắp nguy đến tính mạng.
- + Mày nghiêng vẹo: Bệnh ở mật.



IV. MŨI VÀ CÁC THÔNG TIN DỰ BÁO.

1. Mũi là cơ quan thẩm định - thẩm biện quan về tướng mũi cho một ý khái quát là:

Mũi phải đầy đặn, không méo lệch, không ngắn quá, không quá to, quá nhỏ, mũi cao và có thịt, sắc hồng hào. Đó là tướng quý của mũi vì nó thể hiện thông minh, giàu sang.

Mũi mà không đủ đầy như trên, thiếu mặt này mặt kia thì hoặc kém cỏi hoặc nghèo hèn.

Các tướng thuật cho rằng mũi còn là trung nhạc (gò trung) sao Thổ (thổ tinh) hay Thổ súc (thổ giác) và rằng tướng mũi thể hiện khí chất, tính tình và tài lộc.

Song dù sao thì mũi, cụ thể là tướng mũi cũng chỉ thêm phần tham khảo để khẳng định tính chính xác của thông tin dự báo. Nó không phải là yếu tố hoàn toàn quyết định về giàu, sang hay tuệ, ngu. Ví như để khẳng định người giàu có còn liên quan đến tướng tai, cầm, mày, trán v.v... Mũi chỉ để góp thêm như “áo gấm thêu hoa”. Ta không thể thấy mũi có dáng “mặt treo” đầu mũi mà bảo ngay “bạn sẽ giàu có” hoặc “ông là người giàu có”. Như vậy quả hồ đồ, mà nên xem thêm các bộ phận khác ở mặt và hình thể nữa. Bởi lẽ bộ phận này phá bộ phận kia. Bộ phận chính đạo sẽ lấn áp bộ phận phụ đạo. Ví như mũi thì đẹp đấy nhưng ấn đường có rộng thẳng, ngay ngắn, sắc tươi hồng, nhuận nhị không và tại tai có “giữ cửa” được không v.v... rồi hãy kết luận số giàu có.

2. Tướng mũi - cơ quan thẩm định (thẩm biện quan) phải cần quan tâm đến các phần:

- + Kiểu mũi (dáng hình mũi)
- + Sắc khí (màu da mũi)



- + Biệt tướng mũi (mũi đặc biệt khác thường).
 - Kiểu mũi.
 - + Mũi dọc dừa (sống mũi khum, cao thẳng, dáng đẹp): Tướng thông minh, tính khoáng đạt, đàng hoàng.
 - + Mũi cao nhỏ phần sát ấn đường bé nhỏ, tối: Tướng hăm tài khó thành đạt, tính ích kỷ, nhỏ nhen, tán tài sản.
 - + Mũi cao thường, khum đều đầu tròn cánh mũi dày vừa: Tướng giàu có, tính nhân hậu, người hiền lương.
 - + Mũi nhọn (cao đầu nhọn bé): Tướng nghèo, tính kiêu ngạo, hách trạc, hăng hái.
 - + Mũi nhòm mồm (đầu mũi cong xuống nhìn nhân trung): Tướng kiêu kỳ, tự cao, tự đại, bản tính háu ăn, nghèo.
 - + Mũi diều hâu (sống mũi cao cong gồ đầu mũi nhọn): Tướng nhỏ nhen, sâu mưu, quỷ quyết, nhẫn nhục, nhưng tính bạo tàn, bất nghĩa (khi khổ cùng nhau, lúc sướng bạc tình phũ phàng).
 - + Mũi tẹt (sống mũi thấp, đầu mũi bé): Tướng nghèo, trí tuệ kém.
3. Biệt tướng mũi.
- Mũi có hình dạng khá đặc biệt như:
- + Mũi như một cái ống tròn, 2 cánh mũi không nổi rõ ràng. Tướng: Trí tuệ khá, nhưng không giàu có.
 - + Mũi hếch (như mũi khỉ) trông thấy lỗ mũi thì yếu tướng và cơ hàn (người khổ).
 - + Mũi có ba ngấn thì cô độc và phá sản.
 - + Mũi có ba chỗ lõm xuống ở sống mũi thì anh em bối rối tán, mỗi kẻ một phương.
 - + Mũi mà đầu mũi (chuẩn mũi) nổi hẳn cao sáng tươi thì giàu có, vinh hiển.



+ Mũi như củ tỏi để lên mặt (cuống mũi bé thấp tẹt). Nếu hai gò má thấp tức Gò Đông (Đông Nhạc) và Gò Tây (Tây Nhạc) mà cao đầy thì giàu có lăm. Đó gọi là tướng “hai lính gác canh kho cửa”. Nếu hai gò Đông, Tây thấp thì xấu.

+ Mũi to đùng, đầu mũi to dày quá khổ, quá đáng thì “tiền phú, hậu bần”. Trước có trung niên trở đi nghèo.

+ Đầu mũi mỏng nhỏ, hai cánh khép lại thì không may, khốn đốn; có phen cơ hàn; có lúc mất chức.

+ Mũi mà xương lộ ra hết (mũi xương sẩu) thì là kẻ nhát gan, hèn yếu.

+ Đầu mũi xa xuống thì hoang dâm vô độ (kẻ tham dâm dục).

+ Mũi cao thẳng ngang thiên đình (trán trên) thì oai vang dội khắp nơi, danh nổi như đình (người nổi danh thiên hạ).

+ Mũi trống lộ cao quá (lỗ mũi lộ to) hếch lên tướng chết đường, chết chợ.

+ Mũi đầu mũi (chuẩn) thấp tẹt thì tâm tư thường rối loạn, vất vả, nghèo.

Tóm lại, về hình thể mũi đương nhiên quy nạp lại chỉ hai dạng:

+ Đẹp: Không quá cao mà cao bằng ấn đường, đầu mũi tròn đầy, cánh mũi không dày quá, sắc tươi sáng thì “phú quý khả cầu” giàu, sang, quan, lộc được dễ dàng, sống thọ.

+ Xấu: Thiếu, khuyết, vênh, vẹo, không bình thường thì không nghèo cũng khổ cực; không lao tâm, hung bạo, quý quyết, cũng bất nhân, bất nghĩa; không ngu hèn cũng chết yếu, bỏ xác ở đường chợ. Vì vậy khi xem qua nên xác định ngay mũi đẹp, xấu.



4. Sắc khí của mũi.

Sắc khí cũng quan trọng, sắc khí mũi thuộc “duy biến” và “thường biến”.

Duy biến theo vận.

- + Sắc khí mũi hồng tươi là quý đang quan quyền.
- + Sắc khí sạm nhạt khô là tồi đang vận xấu.

Đầu mũi đỏ tía điềm tiến phát đến nơi.

- Ngoài ra tướng mũi còn được Đông y xem xét tham khảo về mặt bệnh tật của một người như:

- + Mũi có màu vàng thì ngực (phổi) nhiều hàn (lạnh).
- + Mũi có màu trắng nhạt là người bị mất máu nhiều.
- + Mũi có màu xanh thì đau ở vùng bụng, chết vì lạnh (hàn).
- + Mũi có màu đen người đọng nước (như phù thũng; hơi thở nhiều nước).
- + Mũi sưng bị phổi hư.
- + Mũi khô là chứng hàn nhiệt.
- + Mũi có màu trắng bệch nghĩa cơ thể có chỗ bị chấn thương nặng.
- + Mũi đỏ trong bụng nhiều giun sán.

Hay như tướng mũi cho nhận định thể trạng. Ví dụ: Mũi to thì khí thừa. Mũi tròn thì lợi phổi. Mũi nhỏ thì thiếu khí, phổi kém, người yếu.

5. Các nhà tướng thuật xưa còn đem mũi của các loài thú và súc vật để đặt tên cho mũi của con người. Một để dễ nhận biết so sánh. Hai có ý tưởng suy tìm thông tin. Ví dụ:

- + To như mũi trâu thì giàu.
- + Hếch như mũi tinh tinh thì nghèo, chết yếu.
- + Thẳng như mũi chó thì thính, tính nhạy cảm.



- + Hai cánh mũi cá ngao: Hèn kém, nghèo.
- + Mũi sư tử thì hách trạc, giàu.
- + Mũi tê giác thì thọ.
- + Mũi vượn thì kém cỏi, tự ti.
- + Mũi hươu nai sang, thông minh.
- + Mũi lợn: Thì nghèo, yếu tướng, trí tuệ kém cỏi, tính bảo thủ.

Người Hoa còn lấy kiểu chữ (tượng hình) để đặt như: Mũi chữ “xuyên” cuộc sống luôn bình yên v.v...

V. TƯỚNG MIỆNG VÀ THÔNG TIN DỰ BÁO.

1. Miệng là cơ quan nhập xuất - xuất nạp quan.

Nghĩa thực là nơi ăn vào và nơi nói ra.

Tướng pháp quy là sao Thủy, thủy túc: “Chứa hàng trăm thứ đạo. Miệng như biển lớn”. Vì thế, miệng còn được mệnh danh là “cửa biển” - (dương khẩu) và nữa miệng còn là “cửa đức” (đức khẩu). Vì sao người tướng thuật hiểu như vậy và quy kết như vậy: “cửa đức”. Đó là vì miệng phát ra (xuất) những đánh giá, những mệnh lệnh; miệng khen chê; miệng nói điều hay lẽ thiệt nhưng miệng cũng là nơi đơm đặt, xiểm mịch, cáo buộc, dối trá, lừa phỉnh... Tất cả điều nói trên đều xuất phát từ tâm đức con người (nội tâm) mà miệng là nơi biểu lộ ra ngoài (ngoại tâm). Nghĩ thế nào thì phát ra thế. Nội tâm sao thì ngoại tâm vậy. Lưu ý: Ở đây là “thực” ý thực, lời thực không kể đến ý thực lời “giả” (xảo).

Từ quan niệm ấy mà các tướng gia đề cập đến:

+ Kiểu miệng

+ Kiểu môi



+ Sắc khí: Môi, miệng, lưỡi.

+ Lưỡi.

Ta xem xét lần lượt để dự báo thông tin.

2. Kiểu miệng - mồm - cơ quan xuất nhập - xuất nạp quan (đấy là các cách gọi ta, tàu).

- Miệng mỏng là người có binh quyền, học trò.

- Miệng to lớn làm quan cao, chức trọng.

- Miệng cup xuôi nghèo hèn, ti tiện.

- Miệng chum lại như hú: Tính người bần tiện, keo kiệt.

- Miệng nhỏ túm như cái đó: Nghèo kiết sác, khổ sở.

- Miệng loe như loa: Tính lăm lời, nghèo hèn.

- Miệng khum như mỏ phượng hoàng là người có oai quyền; tuy nhiên họ là người bất chấp, tính tình dễ phản phúc, nhẫn tâm.

- Miệng mở mà lộ răng: Là người không có mưu chước.

- Miệng cup cá ngao (hai bên góc miệng): Người có hạn tai.

- Miệng nhọn: Là kẻ bất lương, vô lại.

- Miệng ngang: Không tình cảm, thích biệt lập ngay cả với người thân, con cái.

- Miệng mà hai mép xech ngược oai và tự đại khoe khoang.

- Miệng cong như cánh cung, hai môi bằng nhau phủ đều không lộ răng: Tướng quan cách.

- Miệng vuông, góc cạnh, môi không trễ thì tài cao, trí tuệ minh triết, biểu đạt.

- Miệng như thổi lửa (môi chụm má phồng) tướng cả đời thiếu đói, lên voi xuống chó.

- Miệng cá trê (miệng giống mồm cá trê rộng mím chặt) thì bần tiện, keo kiệt, chết yếu.



- Miệng cá trắm sinh ra đã thiếu đói.
 - Miệng như trăng khuyết (cong đều đầy đặn, môi hồng, răng trắng, đẹp) tướng quý: Phong lưu, có tài văn chương, cá đời sung sướng.
 - Miệng ngựa (rộng ngoắc): Kẻ tham lam.
 - Miệng có nhiều vân xung quanh: Thì làm đâu được đấy.
 - Miệng hình chữ nhật ngắn, môi trên hơi nhô cao, tướng vinh hoa, giàu.
 - Miệng khỉ (môi nhỏ dài, môi chỉ rộng phía trên) thì thợ và trung phú, đông con.
 - Miệng lợn (môi dày dài, môi dưới hơi nhọn) cuộc đời hay bị dèm pha, miệng tiếng bị ngăn trở.
 - Miệng dê (nhọn dài, môi mỏng): Tướng bần tiện, hay đặt điều thị phi.
 - Miệng như hình nắm tay: Giàu có, vui vẻ.
3. Môi và sắc môi.
- + Môi khuyết hõm vào: Tính hà tiện.
 - + Môi không đều nhau: Tính bất nhất, tráo trở.
 - + Môi mỏng: Hay nói thừa, hớt léo (hay mách bảo)
 - + Môi dày cục: Tính dâm đãng phàm ăn.
 - + Môi thanh đều sắc hồng: Phú, sang.
 - + Môi to, thâm: Bất nhân, bất nghĩa.
 - + Môi bình thường sắc xanh: Tướng yếu chết sớm.
 - + Môi bình thường màu bồ quân (thâm đen) tính thâm trầm, độc ác, thù vặt.
 - + Môi bình thường sắc sám ngắn: Đau khổ, tật bệnh, chết khổ.
 - + Môi đều sắc tím: Giàu, có chức quyền, vui vẻ.
 - + Môi đỏ chót: Tình cảm nhiều, lơ trai.



+ Môi như quả tim sắc hoa đào ướt nhuận, răng hạt lựu
nhỏ tướng thông minh, hiền đạt.

Tóm lại, hai môi phải tương xứng mím lại đều, sắc hồng
tươi thì giàu sang.

Môi thừa trên, trễ dưới sắc khác thì không tốt.

Môi đỏ vàng nhiều lộc. Môi đỏ chót phú quý.

- Trong Đông Y còn nhìn sắc môi miệng mà đoán biết bệnh
và mệnh. Tất nhiên sắc môi phải là “thường biến” tức thường
thay đổi chứ không phải sắc môi “bất biến” cố hữu.

+ Miệng mở môi bợ khô, chân giật suy kiệt sắp chết trong
dăm ngày.

+ Miệng môi tím ngắn: Ngộ độc, sốt rét lâu ngày.

+ Miệng mở to thở ra thì ba bốn ngày qua đời.

+ Miệng gáp như cá gáp: Người sắp chết.

- Lưỡi và sắc lưỡi.

+ Lưỡi to mà miệng bé: Nói năng không hoạt bát, số cơ hàn
(đói khổ).

+ Lưỡi bé miệng to: Thì ngoại ngôn, xảo biện (nói năng hoạt
bát, lưu loát nhiều lời).

+ Lưỡi ngắn, miệng lớn: Tướng lười nhác.

+ Lưỡi đầu to mỏng: Tướng gian sảo, bất chính (làm việc
không dàng hoàng).

+ Lưỡi nhỏ bé: Tướng tham lợi, vô ơn bội nghĩa.

+ Lưỡi dài liếm đến đầu mũi: Tướng vua, chúa (chủ tịch,
thủ tướng).

+ Lưỡi rắn (hay thập thò ở môi): Tướng giã man, độc ác,
dâm ô, khó làm bạn được.

+ Lưỡi hay liếm môi là tướng đĩ thoã, đà tình.



- + Lưỡi hồng đỏ, dài to là tướng quý.
- + Đầu lưỡi có rãnh, vân: Có thể làm quan, tướng. Vân ngang lưỡi có nghề giỏi.

Tóm lại đầu lưỡi mà có vân đều rất quý. Lưỡi có thớ thịt tốt, có nốt ruồi là người siêu phàm.

Lưỡi thể hiện thể trạng. Vì vậy Đông y rất quan tâm. Lương y nào khám cũng muốn xem lưỡi để qua tướng lưỡi mà rõ thêm bệnh trạng. Từ chuyên môn gọi là rêu lưỡi. Ví dụ:

- + Rêu đỏ: Tặng nhiệt, hoạt huyết.
- + Rêu vàng: Nóng nhiệt lâu ngày.
- + Rêu sạm: Ốm lâu suy kiệt khí huyết.
- + Rêu trắng: Hàn trệ v.v...

Đây là thuộc tính “thường biến” của lưỡi khác với sắc lưỡi thuộc “bất biến” thì đây là tướng số. Ví như lưỡi đỏ như máu là tướng phúc lộc nhưng nếu lưỡi đang hồng thường mà đột biến thành màu đỏ sậm là tặng thấp nhiệt.

- Răng

Các quan tâm của tướng pháp cho răng: răng thể hiện thể chất của con người. Răng thuộc “bất biến” và “đột biến” như vậy răng thể hiện mạnh yếu (khỏe ốm) thọ yếu và phú bần (sống lâu, chết non, giàu nghèo).

- + Răng bóng trắng chắc: Khỏe mạnh, thọ.
- + Răng như ngọc: Tướng phú quý.
- + Răng như đầu bắp ngô: Khỏe mạnh, đầy đủ gạo tiền.
- + Răng như hạt lựu trắng thì: Phú quý tự nhiên.
- + Răng nhọn: Sinh con quý.
- + Răng thưa thì: Của cải trôi hết.
- + Răng dưới 30 chiếc thì: Không thọ, đủ 30 cái thì đủ ăn.



Trên 30 đến 32 cái thì phú quý. Được từ 36 đến 38 thì rất quý. Tướng nổi danh hoặc là bậc khanh tướng học giỏi, đỗ đạt cao.

+ Răng lợi mà lộ ra ngoài: Tướng không giữ kín điều gì, tờ tò kể hết. Người không giữ được bí mật gì và là tướng chết yếu.

+ Răng màu trắng bạc: Tướng sang trọng.

+ Răng mọc lộn xộn: Tướng gian sảo.

+ Răng ngắn và ít là: Ngu dốt.

* Răng “đột biến” là điềm bệnh tật. Ví dụ khi ốm nặng răng vàng, vàng khè, sỉn tùy bệnh lâu, mau và còn trẻ đã rụng răng, người không thở.

VI. TƯỚNG NHÂN TRUNG VÀ CÁC THÔNG TIN.

1. Tướng pháp cho răng nhân trung là dòng chảy. Dòng chảy thông suốt thì mạch sống khá, kéo dài. Dòng chảy nồng, ngắn thì sức sống kém. Như vậy, xem nhân trung để đoán số thọ, yếu.

2. Có trường phái xem nhân trung như cung tử túc (cung con cái). Như vậy nhân trung phải rộng, rãnh nhân trung sâu, rõ, dài thì thọ và đông con nhiều cháu.

+ Nhân trung nồng, ngắn thì ít con cháu.

+ Nhân trung cao, đầy thì không thọ.

+ Nhân trung bằng tẹt (không có rãnh) và rộng thì không có con cái gì.

+ Nhân trung nhỏ, hẹp thì nghèo.

+ Nhân trung không sâu thì dễ gặp tai nạn.

+ Nhân trung trên hẹp, dưới rộng: Đông con cháu.

+ Nhân trung trên rộng, dưới hẹp: Ít con cháu.



- + Nhân trung trên dưới như nhau, ở giữa rộng thì: Con cháu bị tật bệnh, khổ đau.
- + Nhân trung sâu mà dài là thọ.
- + Nhân trung hẹp: Tướng bần tiện, chết non.
- + Rãnh nhân trung thẳng, trông như ống sáo: Tướng lăm lộc, đong con.
- + Nhân trung sàn sàn thì hâm tài, không có con trai và nghèo.

Tóm lại, nhân trung rộng, rãnh sâu, dài, thẳng, sáng sủa: tướng thọ và phúc lộc, con đòn cháu đong.

VII. PHÁP LỆNH (VÂN VÒNG MŨI MIỆNG).

Pháp lệnh - đặc uy, bắt đầu từ cạnh cánh mũi vòng xuống qua mép đến cằm.

Pháp lệnh chỉ cho biết thêm về phúc, thọ:

- Pháp lệnh mà rõ ràng thì có oai quyền phú, sang.
- Pháp lệnh mà ngắn nhọn thì chết yếu và nghèo.
- Pháp lệnh mà dài đến cằm (địa các) thì phúc, thọ, đủ đầy.

- Pháp lệnh ngắn và quặp vào miệng thì bần hàn, đói khát, khổn khổ. Hay có ngày chết đói.

- Pháp lệnh ngắn mà tản ra (phá xung) nghèo kiết xác.
- Pháp lệnh cong tròn thì đủ ăn, đủ mặc.

Thực ra khi xem diện tướng ít để ý đến pháp lệnh. Pháp lệnh là “duy biến” nó thường xuất hiện khi định tướng. Bé sinh ra chưa có pháp lệnh.



VIII. TƯỚNG CỔ, GÁY.

1. Cổ cũng được tướng pháp xem xét để xác định thêm bản tính con người. Từ xa xưa ông cha ta cũng đã nhìn nhận cổ dưới con mắt tướng thuật để nói lên tính cách và phẩm chất con người như: “cổ cao ba ngắn”, “cổ như cổ rắn ráo”, “cổ sếu”, “cổ cò” v.v... Vậy ta quan tâm về tướng cổ gồm:

- + Kiểu cổ - gáy.
- + Sắc khí cổ - gáy.

2. Về kiểu cổ.

Kiểu cổ là xét mặt hình dáng chung. Gáy là phần sau cổ cũng có vài nét đặc tướng cho ta những thông tin ít nhiều về nhân tính và sức khỏe.

Cổ là cột trụ đỡ đầu (chống thiên) rất được coi trọng. Vì vậy cổ phải cứng khỏe mới được. Các hình dạng cổ khác thường cho những thông tin khác thường.

- + Cổ tròn cao (có ba vòng, da mềm mại trắng hồng): Tướng quý giàu, sang và hiền dịu, nết na.
- + Cổ to bự (dạng chân đế trên nhỏ, dưới to): Tướng nhở mọn, soi mói, khỏe mạnh.
- + Cổ bành (cổ rắn hổ mang): Tướng hèn kém, hiềm ác.
- + Cổ cò - sếu (dài ngoẳng): Tướng yếu, đần, nghèo khổ.
- + Cổ phượng (cổ chim phượng hoàng tròn, to, ngắn có cạnh mờ): Tướng cực quý, đại phú, đại vinh nếu là con gái làm đến vua chúa, nếu có các tướng quý khác.
- + Cổ tròn trên dưới bằng nhau cao vừa phải, tướng: Quan, viên chức, trung phú.
- Gáy nổi hai sông gân dài, tướng: Kiêu ngạo, bảo thủ.



- + Gáy bằng: Ngu đần, vú dũng.
- + Gáy lõm: Tướng yếu (chết non).
- + Gáy có đuôi tôm tóc: Nhiều anh em, tính kiêu hãnh.
- + Gáy có tóc mọc ngược hay có soáy tướng phản phúc, bội tín.

- **Sắc khí da cổ.**

Thường sắc khí da cổ không đồng với mặt và người. Vì vậy nó thể hiện bản tính riêng mà tướng pháp nghiên cứu.

- + Sắc khí trắng hồng tươi nhuận là phúc tướng.
- + Sắc khí màu đậm khô và kém bóng: Tướng vú phu.
- + Sắc khí đen sạm: Nghèo khổ.
- + Sắc khí đồng hòa với mặt: tướng thiện, đủ ăn, đủ mặc.
- * Về cổ một bộ tộc Châu Phi (Trung Phi) họ cho rằng con gái cổ càng cao càng sang. Vì vậy nhỏ đến trưởng thành họ ken dày vòng cổ muôn cho cổ cao dài, làm mất cân đối.

Hiện tượng này giống tục bó bàn chân của người Trung Hoa xưa. Chân càng bé càng quý v.v...

Thực ra cái gì không còn nằm trong thể cân đối hài hòa đều không đẹp và đương nhiên nó không cho ta thông tin gì. Vì đó là con người tự tạo ra chứ không do “thiên tạo”, tự nhiên.

IX. TƯỚNG CẦM

Tướng cầm đã nói ở phần khu vực dưới và khu 12 cung. Cầm thuộc khu vực dưới có cung điền trạch. Ở đây chỉ nói thêm phần nhân tính.

- Cầm vuông, bánh: Người kiêu hùng, hăng tiến, nhưng không hạnh phúc.
- Cầm nhọn: Tướng mưu mẹo vặt.



- Cầm tròn đẹp: Tướng lương thiện, hiền thục.
- Cầm vểnh ngược: Tướng kiêu hùng.
- Cầm lẹm (cầm trơn trượt không nhọn, không tròn tướng không chính trực, bần tiện).
- Cầm trơn tru (không râu) khi đến tuổi: Tướng bất nhân, bất nghĩa.
- Cầm chẻ đôi, tướng giữ cửa, căn cơ.
- Cầm nhiều râu, râu đẹp mượt dài, tướng trọng nghĩa tình.
- Cầm rậm râu, râu cứng tướng vô dũng, dâm đãng.
- Cầm râu quai nón, tướng kiêu ngạo, đa dâm.

X. TÓM LẠI, tướng mặt, diện tướng bao gồm rất phong phú các tướng bộ phận cho ta nhiều thông tin. Dù là bộ phận nào trên mặt đều quy tụ những thông tin về quý bần, lành dữ, hiền hung, mạnh yếu, thọ yếu, sang hèn, phúc phú.

Nếu muốn thấy tướng quý, rất quý đương nhiên tất cả các đình, tiểu khu, năm quan, năm gò... đều có chung một tính cách quý thì nhận định là một: tướng quý.

Nếu thiếu một thì không được hoàn hảo, công khanh.

Nếu thiếu nhiều thì thường thường bậc trung.

Nếu quá nhiều là tướng tồi, nghèo, hèn yếu.

Nếu thiếu hoàn toàn thì rất xấu, bần khổ cơ cực.

Mặt biểu lộ toàn bộ tính cách, bản chất, hành vi và cá tính của một con người. Song nó cũng không phải là tất cả mà còn phải tham khảo tổng thể các bộ phận, dáng đi, đứng, nằm, ngồi tay chỉ tay, chân nữa.

Đương nhiên tướng pháp chỉ quan tâm đến định tướng dù đó là bất biến, duy biến, thường biến hay đột biến. Tướng pháp không quan tâm đến những di chứng của bệnh tật, tai



nạn hay những chỉnh sửa từ phẫu thuật, phẫu thuật thẩm mỹ như: Săm, nhuộm, nâng sống mũi, tạo mi giả v.v...

Điều đó khiến cho khi xem xét bộ mặt phải hết sức thận trọng trong thời đại này; khi mà con người ai cũng muốn mình có dạng bộ đẹp, sang trọng, khi mà kỹ thuật và phương pháp thẩm mỹ ngày càng tinh vi và hoàn hảo biến xấu thành đẹp.

Thận trọng để khỏi nhầm lẫn đáng tiếc.



CHƯƠNG V

TƯỚNG TAY CHỈ TAY, CHÂN

PHẦN I:

TƯỚNG TAY VÀ NHỮNG THÔNG TIN

Tướng tay mà chủ yếu là chỉ tay cụ thể là bàn tay. Nó rất phong phú và sâu xa. Đặc biệt tay và bàn tay thì đa phần thuộc “bất biến” nghĩa là từ khi mẹ đẻ đã hình thành và “thường biến”: Thay đổi vì nghề nghiệp.

Chỉ phần nhỏ do thường biến vì ngành nghề tạo nên (bàn tay da tay) hoặc “đột biến” là sự thay đổi đột ngột hình thái (tay và móng tay) do bệnh tình.

Tất cả tình trạng đó mới được tướng pháp quan tâm và mới có thông tin dự báo.

Trước hết nói tổng thể hình dạng và sắc khí.

I. TAY - HÌNH DẠNG NHẬN XÉT CHUNG.

1. Tay ngắn, tròn lẳn cả tay đầy thịt săn chắc, ngón tay



ngắn béo, bàn tay bé đầy đặn. Tay như vậy thuộc tướng Ngũ Bần (Ngũ Đoản) năm thứ đều ngắn đã nói ở hình tướng, tay như thế là quý.

+ Tay ngắn mà gầy gò, lông lá, tướng thô thiển: nóng nảy, tham vọng nhiều.

2. Tay dài đi với tướng ngũ trường phải lắn thịt, đầy đặn mới là tướng quý thuộc tướng ngũ trường.

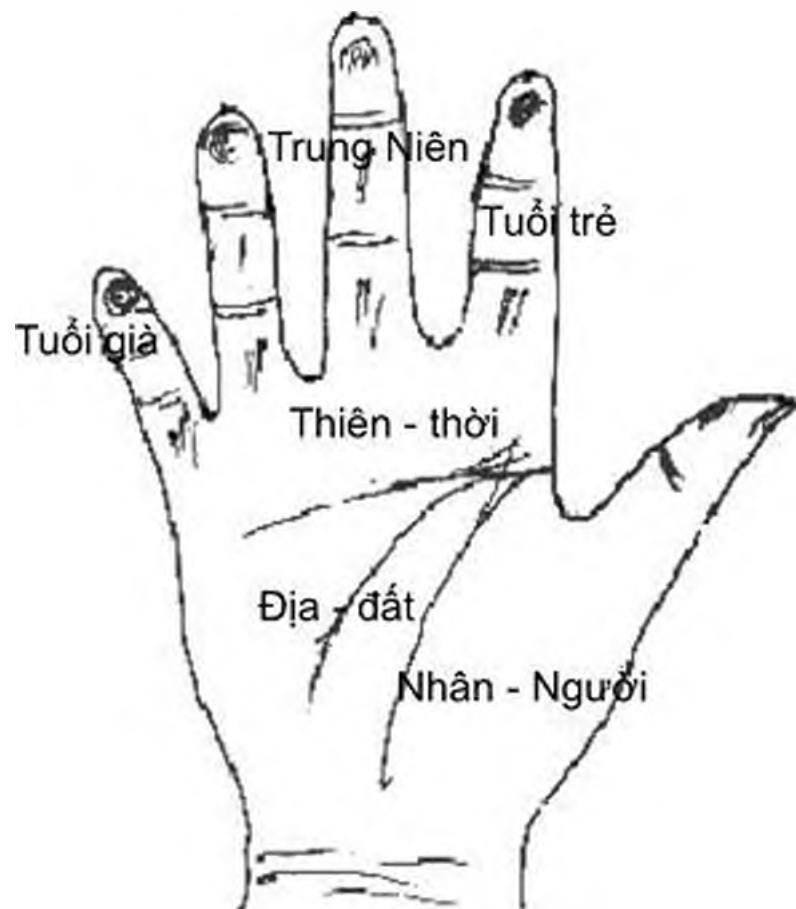
+ Tay dài quá đầu gối: Tướng cực quý, lối lạc tài ba.

+ Tay dài mà gầy gò xương sẩu đi với dáng cao khều: Tướng bần ngu, khờ khạo.

3. Tay vừa phải đầy thịt người thiện và có nghề, cuộc sống vừa đủ.

II. BÀN TAY: Kiểu, chỉ và vân ngón, sắc khí (Hình 5).

Tướng tay quan tâm đến bàn tay. Bàn tay nói tổng thể là kiểu bàn tay trước hết. Kiểu bàn tay cũng cho ta nhiều thông tin quý giá. Đi sâu hơn là chỉ tay, vân ngón tay.



Hình 5



3 đường chỉ cơ bản - đường chỉ “tam tài”: thiên, địa, nhân, trời, đất, người.

Và 3 thời kỳ của đời người được đại diện

- Thiếu niên - Trung niên - Tuổi già

1. Kiểu bàn tay cho ta những đặc tính chung.

- Bàn tay to: Tướng chậm xoay sở, nhận thức kém, giải quyết các vấn đề chậm nhưng rất kiên nhẫn và chắc chắn, thận trọng, tỉ mỉ và cương quyết, biết nghe lời. Nhưng rất kín đáo và ích kỷ. Đây là bàn tay nhà quản lý kinh tế giỏi hoặc có khả năng kỹ nghệ.

- Bàn tay nhỏ: Tướng tỉ mỉ, khéo léo, nhạy bén. Nhuộm điểm vội vàng không sâu sắc, luộm thuộm, bừa bãi, thiếu thận trọng khi nói năng và công việc. Song tính lại vui vẻ, lạc quan. Bàn tay của nhà ngoại thuyết, ngoại giao.

- Bàn tay ngắn: Tướng nóng nảy thiếu bình tĩnh. Bàn tay thích làm việc, song không chu toàn. Bản chất bàn tay này là mơ ước hão huyền, thích khoe khoang và hay thay đổi tính nết, lại hung bạo và đầy dục vọng.

+ Bàn tay ngắn mà cứng khô: Tướng có lầm kẻ thù ghét, không có phúc, dễ thất bại trong đời.

- Bàn tay dài: Tướng khôn ngoan, khéo léo, thận trọng. Trước khi hành động đều suy nghĩ chín chắn nên dễ bỏ qua thời cơ và cơ hội tốt.

+ Bàn tay dài mà các ngón mềm mại thì thành công trong mọi chuyện. Là bàn tay của nhà tổ chức, thầy thuốc hoặc họa sĩ giỏi.

- Bàn tay rộng: Tướng đầy tham vọng và tháo vát, tài xoay sở. Bàn tay có thế lực, gan góc và hiếu thắng, nhưng điểm tiêu



xài hung phí và làm việc hấp tấp, bôp chộp. Là bàn tay của nhà sản xuất và kinh doanh lớn.

- Bàn tay hẹp: Tướng hèn nhát, đa nghi, kiêu ngạo, kém sáng tạo, gắp biến cố thì bi quan cuống quýt. Bản tính nhỏ nhen vặt vãnh, biến lận nhưng sống lâu.

- Bàn tay hình chóp (bàn tay búp măng) các ngón nhỏ, thon đầu tròn tria suôn dần mỏng yếu: Tướng sáng suốt, sáng tạo hay tìm tòi. Bàn tay nhẹ dạ giàu tình cảm, ưa phỉnh nịnh. Là bàn tay của nghệ sĩ (mỹ thuật, nghệ thuật).

+ Nếu kiểu bàn tay này mà lòng bàn tay ướt ẩm, mềm mại: Tướng ủy mị nhiều tâm trạng thầm kín.

- Bàn tay vuông: Tướng thực dụng, ngăn nắp, thận trọng, hay tranh đấu, sống thẳng thắn, trung thực, là bàn tay bảo thủ không thích mỹ thuật.

- Bàn tay nhọn: Tướng hiếm con, các ngón tay búp măng, mềm mại, mảnh mai, đẹp, da trắng ngọc: Tướng rất đa sầu, đa cảm, giàu nhân ái, khoan dung độ lượng. Là bàn tay không ham danh lợi, yêu đầm thắm, nhà văn, nhà thơ...

- Bàn tay khuyết các ngón gầy gò, lòng và mu xương xấu, tướng: Biển lận, lạnh nhạt, ích kỷ, cơ hội xu thời, khinh miệt kẻ dưới, sợ sệt người trên. Là bàn tay nhà thần học, triết học sê nổi danh.

Ngoài ra tướng pháp còn quan tâm đến hai loại bàn tay:

+ Bàn tay cương nghị: Bàn tay xòe như quạt, các ngón cùng xòe ra. Tướng nóng nảy, táo bạo và liều lĩnh. Không thích can thiệp mọi chuyện, sống trung thực và chân thành, quan tâm tới mọi người. Là bàn tay chỉ huy độc đoán chuyên quyền.

+ Bàn tay tầm thường: Bàn có dạng thô kệch, dày, xù xì to



và ngắn: Tướng lười suy nghĩ, kém thông minh, thật thà, chất phát, nhân từ và thủy chung.

Bàn tay lao động làm lụng vất vả, lam lũ quanh năm.

III. SẮC KHÍ TAY NÓI CHUNG.

1. Sắc khí tươi nhuận hồng hào: Tốt, khỏe mạnh.
2. Sắc khô: Nghèo, lam lũ.
3. Sắc xanh xao: Hèn yếu, bệnh tật.
4. Sắc sạm đen: Khổ ái, lao lung.
5. Sắc trắng tréo ngọc ngà: Phúc, sang.

IV. TƯỚNG LÒNG BÀN TAY. (Hình 5)

Tướng lòng bàn tay chủ yếu là các chỉ tay, các gò trong lòng tay (khu ốc).

1. Các gò - Khu ốc trong lòng bàn tay đều có thông tin có ý nghĩa, bao gồm nhiều lĩnh vực nhân cách một con người.

Trên quan điểm tứ chi như bốn mùa của thời khí Xuân, Hạ, Thu, Đông. Và các tướng gia cho rằng cùng với đầu tay tạo sự hoàn chỉnh theo thuyết ngũ hành: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ: Từ đó cho thấy sự hài hòa, sinh khắc sẽ tạo nên sự cân bằng giúp cho người ta có cuộc sống bình ổn. Bất kỳ một sự mất cân bằng nào, sự khập khiễng cũng gây nên những khó khăn trở ngại trong cuộc sống, biểu hiện của mệnh số.

2. Từ những quan điểm trên ta có các khu ốc như:

- Khu dọc ngón cái: Nếu hình dạng có dọc như sóng dựng đứng đều đặn: Sở trường xuất gia tu hành.

+ Nếu sóng ngang thì kinh doanh lớn khó khăn, nhỏ thì tốt.

+ Nếu sóng rối loạn sẽ gặp đau khổ trong tình ái.



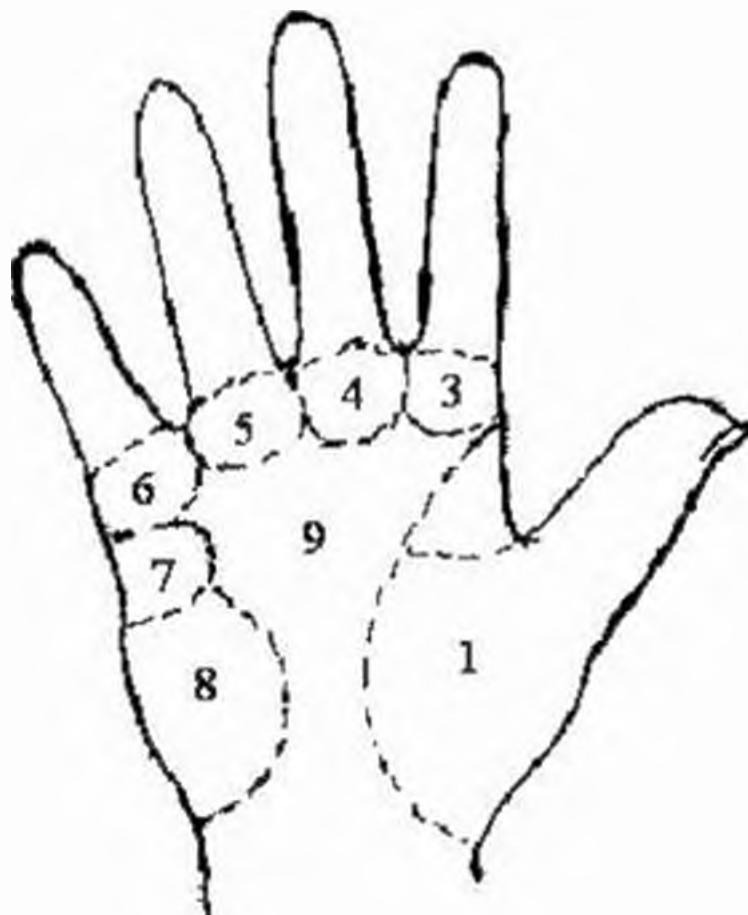
- Khu dọc ngón trỏ, điểm tụ dọc đều đặn (các vạch ngắn hay có sao, ngoặc) tướng hoạch phát chức phận hay kinh doanh tốt.
 - + Nếu ngang (vạch đều đặn) thành công trong nghiên cứu.
 - + Nếu có sao chạm đường trí đạo, vạch rối rắm: Thần kinh có vấn đề (người ngây ngô hâm hâm).
- Khu dọc ngón giữa vạch ngắn song song thẹo, có sao thì sang.
 - + Nếu có khung ốc thì dễ tù tội.
 - + Nếu vạch ngang thì an nhàn nhưng dễ say đắm cờ bạc.
- Khu dọc ngón nhẵn đóng theo chiều dọc (vạch dọc) có vợ tháo vát, sang (nếu là đàn bà có chồng giỏi).
 - + Vạch ngang: Sẽ nổi tiếng, nhiều lộc về nghệ thuật, văn hóa.
 - Khu dọc ngón út: Nếu có vạch ngang lấy vợ cùng họ hàng.
 - + Nếu có vạch dọc thường xuất ngoại.
 - + Nếu có khung ốc: Thì tuyệt tự.

V. CÁC GÒ Ở LÒNG BÀN TAY. (Hình 6)

Theo “Triết tinh Ngũ Hành” trong lòng bàn tay được phân định thành năm gò theo năm sao Thủy, Kim, Hỏa, Mộc, Thổ. “Các tinh tú này tác động trực tiếp tới đời sống con người”. Vì vậy các tướng thuật gia phương Đông và các tướng thuật gia phương Tây đều phân chia lòng bàn tay thành nhiều phần đặt theo tên tinh tú gọi là Gò ví dụ Gò Sao Thủy (Planéte Merure - Mercure star); Gò Sao Kim (Planéte Venus, Venus); Gò Sao Hỏa (Planéte Mars - Mars); Gò Sao Mộc (Planéte Jupiter - Jove); Gò Thái Dương (Mặt trời - Le Yolei - The Sun); Gò Thái Âm (Mặt trăng - La Lune - The Moon).



Tổng cộng bảy Gò mang đặc tính khác nhau cho ta những thông tin khác nhau.



Hình 6

Vị trí các gò trong lòng bàn tay

1. Gò Kim tinh - sao Kim
2. Gò Hỏa tinh dương - sao hỏa dương
3. Gò Mộc tinh - sao Mộc
4. Gò Thổ tinh - sao Thổ
5. Gò Thái dương - Mặt trời
6. Gò Thủy tinh - sao Thủy
7. Gò Hỏa tinh - âm
8. Gò Thái âm - Mặt trăng
9. Đồng Hỏa tinh



1. Gò Sao Thủy - Planéte Mercure - Thủy tinh.

Gò này nằm ngang dưới ngón út (L'auriculaire).

+ Gò này mà nổi cao và ngón út cũng dài tướng: Lừa thầy phản bạn, xảo trá khó lường.

+ Gò này mà trũng lõm: Tướng bần, đần độn, say mê cờ bạc và ti tiện.

2. Gò Sao Kim Planéte Venus - Venus - Kim Tinh.

Sao này nằm dưới ngón cái gồm cả đốt thứ hai ngón cái và giới hạn lòng bàn tay bằng đường chỉ sinh mệnh - đường sống.

Tướng giàu nhân ái, đức độ đa tình, thọ. Gò càng cao thì dục vọng càng lớn.

+ Gò này nổi cao ở phần dưới: Tướng dâm đãng đến cuồng dâm.

+ Gò này đầy đặn: Tướng mê sắc, đa tình.

3. Gò Sao Hỏa (Le Mars - Mars - Hỏa Tinh).

+ Gò Hỏa tinh có Hỏa tinh dương nằm dưới khoảng giữa ngón cái và ngón trỏ. Tướng chỉ tính hiếu thắng nếu đầy đặn thì hăng hái.

+ Gò Hỏa tinh âm nằm đối xứng qua lòng bàn tay (giữa Gò sao Thủy và Gò Mặt trăng).

Nếu đầy đặn thì coi nặng vật chất. Không sợ khó sợ khổ.

Nếu cả hai Gò Hỏa tinh âm và dương mà phát triển thì tướng hung bạo.

+ Gò Đồng Hỏa tinh nằm giữa lòng bàn tay mà đầy đặn thì sẽ tăng cường thêm tính chất của hai Gò Hỏa tinh (Hỏa tinh âm và hỏa tinh dương).

4. Gò Sao Mộc - Phanéte Jupiter - Jupite - Mộc tinh.

Nằm dưới ngón trỏ chỉ tính tham, tự phụ, ham hiểu biết.



+ Nếu cao và ngón trỏ dài (Long index): Tướng tự phụ, giàu lý trí và thiếu tín ngưỡng.

+ Nếu gò này đầy đặn ngón trỏ thì tướng: Nhiều ước vọng cao xa, nhiều ham muốn đời sống hạnh phúc.

+ Nếu gò này trũng lõm: Tướng vị kỷ, ít tham vọng, người tầm thường.

+ Nếu Gò này bằng đều, ngón trỏ dài gần ngang, ngón giữa tướng: Nhiều nghị lực, có tài lãnh đạo, có danh vọng cao trên đường binh nghiệp và xã hội.

5. Gò Sao Thổ - Planète Saturne - Saturne - Thổ tinh.

Gò Thổ tinh nằm dưới ngón giữa (Le medius) chỉ tính cương trực, biết đoán may rủi, thích và có tài tranh luận, có kinh nghiệm nông nghiệp.

+ Nếu Gò này đầy và ngón giữa gầy mảnh: Tướng ước vọng vu vơ, mộng tưởng.

+ Nếu Gò này đầy đặn và ngón giữa cao trội lên quá: Tướng ích kỷ, không giao du nếu không lợi lộc gì.

+ Nếu Gò đầy, ngón giữa nhọn: Tướng dễ thổi lộ, hay bị quan, ương bướng.

+ Nếu Gò cao: Tướng đa sầu, đa cảm.

+ Gò này cao đầy, đốt giữa của ngón giữa đều đặn: Tướng có thực tài, tinh khôn.

+ Gò này cao đốt giữa to bè: Tướng keo kiệt, biển lận, gò càng cao càng keo kiệt.

+ Gò này lõm tướng hèn hạ.

+ Gò này cao trội thì dấu đường sinh mệnh xấu thì tướng vẫn thọ và phúc hậu.

6. Gò Mặt trời - Le Soleil - The Sun - Thái Dương.

Gò này nằm dưới ngón nhẫn (ngón vô danh - L'annulaire):



Chỉ khả năng nghệ thuật, sự ham muốn cao thượng, có danh vọng quyền thế.

+ Gò này đầy thì vui vẻ, xã giao rộng, đa cảm, có nhân cách.

+ Gò này trũng tính không thích giao thiệp rộng, dễ thô lộ tâm tư.

+ Gò đầy ngón tay nhẫn dài gần ngón giữa: Tính lạc quan, kinh doanh giỏi.

7. Gò Mặt trăng - La Lune - The Moon - Thái Âm.

Gò nằm rìa bàn tay dưới Gò Sao Hỏa chỉ tính mơ mộng.

+ Gò này đầy cao: Tính phiêu lưu, mạo hiểm sáng tạo, ngao du đó đây.

+ Gò này nổi cao mềm: Tướng hay thay đổi không có lập trường mà đầy tham vọng.

+ Gò này cao đều: Tướng sáng tạo nghệ thuật có danh vọng.

Tóm lại khi xem bàn tay trước hết xem 7 Gò chú ý các gò thường liên đới giao thoa nên cần thận trọng. Chỉ khi hình trạng thật khác. Cao, trùng, đầy, lõm, còn không thì rất khó phân định: Cao, đầy đặn.

Vì vậy cần lưu ý tính chất riêng các Gò và mối tương quan giữa chúng thì mới không lập lờ chung chung.



PHẦN II:

NHỮNG ĐƯỜNG CHỈ TAY

Dường chỉ tay còn gọi văn tay. Như thế, lòng bàn tay có đường chỉ (Văn tay) nhiều, ít, sâu, đậm, mờ, mảnh. Có bàn tay có tới 15 đến 17 đường (theo bác sĩ Joself Renald cũng xác nhận như quan điểm của các tướng thuật gia Châu Á). Song có bàn tay chỉ có độ 5 - 9 đường chỉ.

Bàn tay trái nhiều đường chỉ hơn bàn tay phải. Quan niệm rằng, chỉ ở tay trái, là “Tiên Thiên” và chỉ ở tay phải là “Hậu Thiên” - Tay trái là “Thế cờ bày” tay phải là “Kết cục ván cờ”.

Vì thế khi xem chỉ tay cần xem cả hai bàn tay để so sánh ngầm, nhằm khẳng định thông tin.

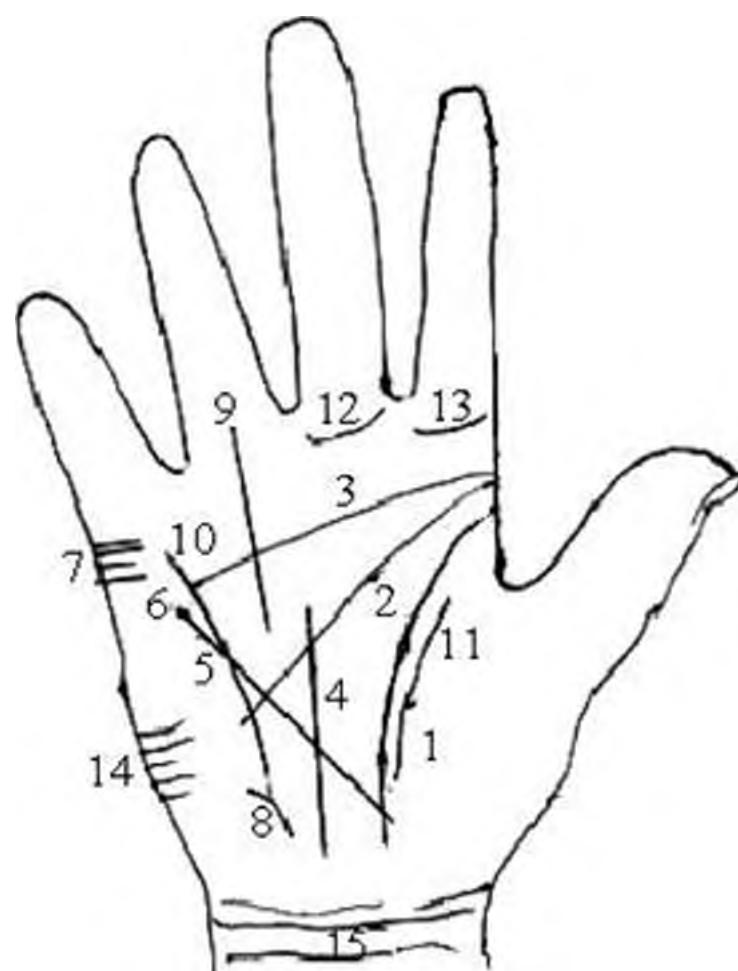
Đường chỉ tay chủ yếu thuộc “bất biến”. Một phần xuất hiện thuộc “duy biến” và đôi khi cả “thường biến”. Trường hợp “thường biến” hân hữu mới có thêm hoặc mất đi.

I. CÁC LOẠI ĐƯỜNG CHỈ TAY. (Xem hình 7)

Các loại đường chỉ tuy có từ khi chào đời và đương nhiên nó chứa đựng những bí ẩn của cả cuộc đời.

Nghiên cứu các loại đường chỉ này được coi như là chìa khóa mở ra những thông tin bổ ích giúp ta, nhất là tuổi trẻ trong đường hướng đi tới nghề nghiệp hay tương lai với 15 đường: Chủ đạo và có đường hỗ trợ; đường bổ trợ cho nhau.





Hình 7
Mười lăm đường chỉ tay cơ bản

1. Đường sinh mệnh
2. Đường trí tuệ
3. Đường tâm tính
4. Đường định mệnh - may mắn
5. Đường hôn nhân
6. Đường sinh lực
7. Đường con cái
8. Đường sinh lý
9. Đường mặt trời
10. Đường sao Thủy
11. Đường sông phụ
12. Vòng sao Thổ
13. Vòng sao Mộc
14. Đường du lịch
15. Đường cườm cổ tay



II. CÁC ĐƯỜNG CHỈ.

Lại với 15 đường: Chủ đạo và có đường hỗ trợ, đường bổ trợ cho nhau:

- 1. Đường sinh mệnh
- 2. Đường trí tuệ
- 3. Đường tâm tính
- 4. Đường định mệnh
- 5. Đường hôn nhân

5 đường cơ bản của
một con người

- 6. Đường sinh lực
- 7. Đường con cái
- 8. Đường sinh lý
- 9. Đường Thái dương
- 10. Đường sao Kim

5 đường chỉ hỗ trợ
trong cuộc sống cá thể

- 11. Đường sinh mệnh phụ
- 12. Đường vòng sao Thổ
- 13. Đường vòng sao Mộc
- 14. Đường du lịch
- 15. Đường cơn cổ tay

5 đường chỉ phụ bổ trợ

1. Các đường văn, chỉ tay còn được tăng cường hay cản trở khi xuất hiện của các sao, chữ thập, điểm, khung. Những biệt điểm đó có thể đóng ngay trên đường chỉ hoặc đứng ở đầu hay ở cuối, hoặc ở Gò cạnh đường chỉ tùy thuộc vào thời mệnh của cá thể.



- Giá trị của các đường chỉ phụ thuộc vào độ nông, sâu, rộng, hẹp và dài ngắn, thẳng cong, đứt gãy, đậm mờ.
- Không phải bàn tay hai bên đều có hình dạng chỉ, giống nhau như từng đường chỉ. Và có đủ số như nhau.
- Không phải cá thể nào cũng có bằng đủ 15 đường chỉ trên. Song ít nhất cũng có đường cơ bản và một trong 5 đường chỉ hỗ trợ.
- Người có cuộc sống phong phú sẽ có đủ cả 15 đường chỉ trên.
- Người có cuộc sống phong phú hơn nữa còn có thêm các đường phụ bổ trợ riêng.

III. TỪNG ĐƯỜNG CHỈ VÀ CÁC THÔNG TIN DỰ BÁO.

1. Đường sinh mệnh - đường sống.

Đường này bắt nguồn từ giữa khoảng hai ngón cái và ngón trỏ (bình thường) hoặc sát gần ngón cái hoặc gần ngón trỏ (đặc biệt). Sau đó có vòng cong bao bọc toàn bộ Gò Kim tinh xuống cùm tay. Thông tin trước hết tuổi thọ và sức sống. Nếu đường sâu đậm trơn tru sung lực rất tốt, thọ.

+ Nếu mờ nhạt hoặc nông rộng, gồm nhiều vân vặn vào nhau như bình thường thì sung lực kém hay ốm đau.

+ Nếu có vạch cắt, có điểm, đứt quãng. Đó là điềm gấp nạn tai lớn nhỏ tùy vạch, điểm đậm nhạt hay đứt quãng nhỏ, rộng.

- Đường sinh mệnh gợi ý số thọ trường một phần thôi tùy vào độ dài ngắn của đường này, hoặc có thêm đường sống phụ chứ không thể nói thọ yếu phụ thuộc độ ngắn dài của đường.



Bởi lẽ thọ yếu của một cá thể còn bị khắc chế của các phần khác ví dụ: đường sinh lực, trí tuệ, ngón cái v.v...

Như vậy không cứ đường này ngắn cùn là chết non. Tuy rằng đường sinh mệnh là đường chủ chốt chỉ tuổi thọ của một người, sức sống của một người.

+ Đường sinh mệnh kết thúc về phía rìa bàn tay (Gò Thái Âm) thì cuộc đời phiêu lưu đó đây.

+ Đường sinh mệnh mờ nhạt rối vụn: Tuổi trẻ quặt quẹo, cuộc sống khó khăn.

- Đường sinh mệnh có nhánh văn chạy lên ngón trỏ thì có địa vị xã hội. Đường văn nhánh càng cao địa vị càng cao.

+ Đường chẻ về ngón giữa dấu hiệu có điều bất hạnh, rối loạn cơ quan tiêu hóa.

- Đường sinh mệnh vòng rộng dấu hiệu nhiều tham vọng, hung bạo, dâm đãng.

+ Đường này vòng hẹp bó lại Gò Kim tinh: dấu hiệu ích kỷ, ti tiện.

- Đường này như dây xích kết lại: dấu hiệu khổ sở, bất hạnh đủ đường.

- Đường này có nhiều đường cắt ngang dấu hiệu có nhiều thất bại trong đời, phiền não. Nếu có nhiều nhánh nhỏ rẽ từ đường này ra dấu hiệu có nhiều kích động thần kinh.

- Đường này có ngôi sao: Dấu hiệu tai nạn ốm đau. Có khung vuông hay ốc tròn dấu hiệu tù tội ở khoảng thời điểm đó.

- Đường này kéo dài đến Gò Thái Âm dấu hiệu xuất ngoại ở cuối đời. Và cũng có dấu hiệu tiêu tan sự nghiệp.

- Đường nhánh chạy về ngón nhẫn: Dấu hiệu hôn nhân rất tốt đẹp.



+ Đường nhánh chạy về ngón út: Dấu hiệu lảng lơ ong bướm.

+ Bị đường cắt từ Gò Sao Kim dấu hiệu trực trặc nhiều trong hôn nhân. Nếu có khung vuông hay ốc đảo thì hôn nhân gián đoạn.

Như vậy đường này ngoài cho thông tin thọ yếu còn cho thêm dấu hiệu liên quan ảnh hưởng tới sức khỏe và tình cảm.

2. Đường trí tuệ - L'esprit.

Đường này bình thường chạy ngang bàn tay và chia đôi lòng bàn tay theo đường chéo.

Đôi khi cong mỏ vẹt và chẻ đuôi 1, 2 hay ba nhánh nhỏ về các phía rìa lòng bàn tay (Gò Mặt trăng).

Khi xem xét đường trí tuệ tức là tìm thông tin về trình độ, trí tuệ, tư tưởng, trí thông minh... Và cần hết sức tỉ mỉ, cẩn thận từ chi tiết nhỏ.

Nhìn chung một đường trí tuệ tốt thì dài, rõ, đậm, sâu, hồng hào, có nhánh chẻ may mắn khác.

Đường trí tuệ kém thì ngắn, nông, rộng, nhở, mờ, đứt nhiều đoạn, gãy.

Có thể lưu ý rằng đường trí tuệ có rất nhiều thông tin phong phú về đời sống cá thể. Và quan trọng hơn đường sinh mệnh.

- Đường trí tuệ bắt đầu cùng đường sinh mệnh, sau đó tách ra. Hiện tượng này là đa số bình thường.

- Đặc biệt có hai hiện tượng:

+ Tách xa nhau từ đầu đường.

+ Dính một đoạn dài với đường sinh mệnh.

- Các hình thái và thông tin.



+ Đường trí tuệ dài rõ ràng (không vắn rối): Dấu hiệu thông minh, nhiều trí tuệ, tính xét đoán suy nghĩ cẩn thận, sống trong sạch.

+ Đường này rộng và nông dấu hiệu thiếu tự tin, suy xét nông cạn.

+ Đường này giống dây thừng dấu hiệu nhẹ dạ cả tin.

+ Đường này thấp chia đôi bàn tay (theo đường chéo) mà rõ, sâu: Dấu hiệu đặc biệt thông minh, đầy sáng tạo.

+ Đường dính chặt vào đường sinh mệnh từ đầu và thẳng: Trí tuệ yếu, tích lũy kinh nghiệm kém, thiếu tự tin.

+ Đường này ngắn quá: Dấu hiệu ít kiến thức.

+ Đường mày mảnh, rõ, dài thì tiếp thu nhanh, tinh tế, khéo léo.

+ Đường trí tuệ chạy cong về ngón út: Trí nhớ kém, tính dịu dàng, yếu đuối.

+ Đường này sâu, dài: Có khả năng suy nghĩ, tập trung cao độ.

+ Đường rộng nông mờ xuất phát từ thân trong đường sinh mệnh: Dấu hiệu của người nhát gan, thiếu tự tin, hèn hạ, sống cô độc và nghèo khổ.

+ Đường trí tuệ cong như mỏ gà và có nhánh ở gần cuối chạy thẳng ra rìa bàn tay - Gò Thái Âm (Mặt Trăng): Trí tuệ phong phú, thông thạo, tiếp thu nhanh nhưng trí nhớ không bền, đa tài và đầy sáng tạo, có năng lực nghiên cứu, suy luận sâu xa mọi vấn đề.

+ Đường này chấm dứt ở khoảng giữa đường sinh mệnh, sâu, đậm không có nhánh: Dấu hiệu giàu kiến thức, độc lập tự tin, tự trọng, can đảm và tham vọng, kiên trì phán đấu.



+ Đường trí tuệ thẳng băng: Dấu hiệu tự tin, có tính cách, có khiếu nghệ sỹ, nghệ thuật.

+ Đường trí tuệ chạy thẳng đến Gò Hỏa tinh âm: Dấu hiệu tinh thần không thảnh thoái, đa cảm, đa sầu, vật chất đầy đủ, ham kiểu cách, thiếu ý chí, xa hoa.

+ Đường trí tuệ chạy về Gò Sao Thủy là khả năng kỹ nghệ. Nếu bàn tay mà hẹp thì nhiều tham vọng vật chất.

+ Đường trí tuệ bắt nguồn từ ngón trỏ chạy thẳng về Gò Sao Thủy - Thủy tinh: Dấu hiệu thành đạt lớn về hội họa và văn nghệ.

+ Đường này dính với đường sinh mệnh và tạo với nó hình chữ (S) uốn cong xuống, một cong lên: Dấu hiệu lực sỹ, thể lực cường tráng, khỏe mạnh.

+ Đường trí tuệ rẽ ôi: Trí tuệ bấp bênh, tài sản đến bất ngờ.

Nếu dính vào đường Mặt trời (Thái Dương) sẽ giàu vì nghệ thuật.

Nếu chạy về Gò Mặt trăng thì mê tín, sùng đạo.

+ Đường này quá ngắn: Dấu hiệu đần độn, thù vặt.

+ Đường này dài suốt bàn tay: Dấu hiệu tự cao, tự đại, phách lối.

+ Đường ngắn và mảnh thì đào hoa nhưng ít gặp may mắn.

+ Đường ngoằn nghèo thì nản chí; chõ đậm nhạt: Đê tiện.

+ Đường to đậm ngắn: Hung ác, tàn bạo, giết người. Có điểm mờ thì thích đao búa, cướp, trộm.

+ Đường này đứt nhiều đoạn: Hay đau đầu. Nếu lại đậm sâu thì bị thần kinh nặng.

+ Đường này sát gần đường tâm tính: Dấu hiệu bản lĩnh, biết kìm né ham muốn.



+ Đường trí tuệ chấm dứt gần ngón út: Sẽ trở nên táo bạo, liều lĩnh.

+ Đường này tách biệt đường sinh mệnh và đầu bắt đầu dưới gần ngón trỏ thì kiêu ngạo, bảo thủ, không thiện tâm, ham muốn chiến thắng, dễ thành đạt nếu với bàn tay mềm mại hồng hào.

+ Đường trí tuệ tách rời xa từ đầu với đường sinh mệnh: Dấu hiệu độc lập về trí tuệ và có lòng tự tin cao.

+ Đường này bé mờ: Ý trí kém, suy nghĩ nông cạn yếu đuối.

+ Đường này nối nhau thành chuỗi: Biểu hiện của khả năng tư duy lôgic, không có khả năng tập trung.

+ Đường chỉ này cong về gan bàn tay thành một đường cong đẹp không vệt cắt thể hiện trí tưởng tượng khoáng đạt. Con người đầy mơ mộng.

+ Đường này song song với đường sinh mệnh thể hiện tính thiếu cẩn thận, bừa bãi, đại khái qua loa. Người này thích sống tự do thoả mái không có tinh thần trách nhiệm (chú ý khác đường sông phụ).

+ Đường dài đến gan bàn tay (rất dài) thắng: Tính ương bướng, không nhượng bộ ai, không chịu thua. Thiệt về lĩnh vực trí tuệ, tinh thần.

+ Đường này như lưỡi kiếm: Tính ích kỷ, khô khan tình cảm, nhận thức chậm.

+ Đường này cong ngược chạm vào đường tâm tính: Thì tình cảm thắng lý trí, tư tưởng luôn bị tình ái làm lu mờ hay bị tình mua chuộc, đắm đuối.

+ Đường trí tuệ phân nhánh ngay dưới ngón giữa thì trí tuệ dao động bình thường cân bằng do đó có khả năng tư duy.

+ Những dấu hiệu khác có trên đường trí tuệ:



Như hình sao, chữ thập chéo theo dưới các ngón:

Vị trí ngón trỏ: Tai nạn chiến tranh hay ngộ sát.

Vị trí ngón nhẫn: Tai nạn: điện, lửa, đất đá.

Vị trí ngón út: Tai nạn vì súc vật: Cắn, đá, bắt, cào...

3. Đường tâm tính - Tâm đạo - Tâm huyết.

Đường tâm tính nằm trên đường trí tuệ - Trí đạo và dưới các Gò Sao Mộc, Sao Thổ, Mặt Trời.

Đường tâm tính chỉ ham muôn, khuếch đại, bành trướng, tình cảm và nhân cách, tính tình của con người.

Tuy vậy những thông tin trên vẫn còn bị ảnh hưởng ít nhiều - bị cổ vũ hay bị khắc chế bởi các Gò và đường chỉ lân cận như : Gò Sao Mộc, Sao Thủy, Mặt Trời, đường sinh mệnh và đường trí tuệ. Nó thể hiện 2 đặc tính:

- Đường tâm tính tốt: Khi nó sâu, đậm, liền mạch, rõ ràng, không điểm, ốc, đường cắt ngang, vừa phải về chiều rộng, sắc khí hồng tươi.

Được như vậy thì là người kiên trì, giàu ý trí và nghị lực. Một con người có tư chất chững chạc, chính trực, thận trọng. Làm gì cũng suy nghĩ thấu tình đạt lý.

- Đường tâm tính không đẹp: Khi bị gián đoạn ngoằn nghèo, mờ nhạt, nồng, tối về sắc khí có các đường cắt, các điểm khung.

Đường như vậy chỉ rõ con người không có lập trường, đam mê, dục vọng. Người thường thay đổi tính tình, không kiên trì mà chóng chán.

Người có đường như vậy thì thiên về ái tình và cũng sẽ bất hạnh trong việc hôn nhân.

- Ta xét cụ thể hình từng dạng đường này sau đây:



- + Đường tâm tính dài buột mảnh: Người đào hoa và say mê tình ái, lý trí yếu, đa cảm.
- + Đường này phần cuối gần chạm vào đường trí tuệ: Dấu hiệu nhỏ nhen ích kỷ, tham và lăng nhăng hoa nguyệt.
- + Cuối đường chẻ làm hai: Bản tính mưu mẹo, lanh lợi, gian dối.
- + Đường này đậm, ngoằn nghèo: Tính ghen tuông, hay thay đổi.
- + Đường này mỏng nồng: Tính lạnh nhạt, vô cảm.
- + Đường tâm tính rộng và nồng: Người dễ cảm xúc buồn, nóng, giận bất chợt.
- + Đường này ngắn cùn: Tâm địa ác, tính thù vặt.
- + Đường này xuất phát từ Gò Sao Thổ chạy thẳng gần song song với đường trí tuệ thì đa tình, giàu lòng thương, thích sống tình cảm thân thiện. Tính không thích gây chuyện, ôn hòa nhã nhặn nhưng dâm dục thái quá.
- + Đường tâm tính quanh co khúc khẩn: Tính giả tạo, lường gạt, dối trá.
- + Đường này như tóc vấn thừng: Tính đởm dáng, hay thay đổi thích làm dáng mặc diện.
- + Bàn tay hầu như không rõ đường tâm tính thì nham hiểm, biến lận.
- + Đường này bị vạch chéo thì đau khổ về tình duyên.
- + Đường này có nhiều râu tỏa ra: Về già bất hạnh, bị bạc nghĩa bạc tình.
- + Đường có chẻ ba ở cuối dừng ở ngón nhẫn thì chết vì bệnh tim nếu có nhánh dính vào đường trí tuệ.
- + Đường bắt nguồn từ ngón trỏ: Biết kìm chế dục vọng.



+ Đường này bắt đầu giữa 2 ngón trỏ và giữa: Thuỷ chung hôn nhân, thực dụng trong tình cảm.

+ Đường bắt đầu bằng ba nhánh ở cả 3 ngón trỏ giữa và giữa ngón trỏ và giữa: Một con người cân bằng và đứng đắn về tình yêu, tình cảm tình dục.

+ Đường đứt khoảng dưới các ngón:

Giữa thì yếu tướng.

Nhẫn thì tự phụ.

Giữa ngón nhẫn và ngón út tính biển lận, đần.

Ngón út thì tính ti tiện, nghèo nàn.

+ Đường này có nhiều khoảng đứt thì đổi vợ như thay áo.

+ Đường tâm tính rộng và nóng tính người dễ tác động, biết cảm thông nhưng cũng dễ nổi nóng.

+ Đường tâm tính mảnh bé:

Tướng lạnh nhạt, đắn đo, nhưng đứng đắn và dũng vi quý.

+ Đường này đều, không gãy khúc và không có các điểm chấm, sao, thập, chéo.

Tướng chính nhân quân tử. Làm gì cũng suy nghĩ chín chắn. Con người có ý chí và lòng bền bỉ thực hiện mọi mục đích.

+ Đường tâm tính mà ngoan nghèo nhưng sâu và đậm:

Tướng đam mê dục vọng nhất thời, say mê duyên tình ái và sẵn sàng vì nó mà đánh đổi tất cả. Con người không chừng mực, dễ thay đổi ý kiến.

+ Nếu có những đường nhỏ cắt ngang đường tâm tính (chú ý là các đường bé; không kể các đường đan vào sao Thổ, vào Mặt trời v.v...): Tướng bất hạnh trong lĩnh vực hôn nhân, ái tình.

+ Đường tâm tính cắt đường trí tuệ: Tâm tính bị xáo trộn.



+ Đường tâm tính và đường trí tuệ giao nhau: Tính ích kỷ, tham lam, quan hệ bất chính.

+ Hai đường này cuối đuôi tách xa nhau: Tính lịch lãm, gian trá, xảo quyệt. Nhưng trí tuệ nhiều mưu lược và nhạy bén.

+ Đường này có điểm sâu, đậm: Tính hung bạo, nhẫn tâm, sát nhân.

+ Đường này bị cắt ngang nhiều thì bất hạnh trong hôn nhân, tình vợ chồng chao đảo đổ vỡ.

+ Ba đường khởi đầu mà dính vào nhau: Dấu hiệu bất hạnh về tình duyên.

+ Dính với nhau ở giữa chừng hai ngón cái và trỏ thì dấu hiệu đột tử.

Nếu sát gần ngón cái thì tự sát.

+ Đường tâm tính mà có nhiều nhánh rẽ về đường trí tuệ (nên thận trọng khi đưa ra những nhận định để tránh nhầm): Tướng nặng ái tình, con người bị tình cảm lấn át cả lý trí, hành động của bản thân.

+ Đường tâm tính mà không có trong bàn tay: Tướng người nham hiểm, thâm trầm và nếu bàn tay mà to chắc thì hung bạo, hoang dâm vô độ.

Nếu bàn tay mà mảnh mai yếu ớt thì không để ý đến tình ái, người lãnh cảm. Nếu cả hai bàn tay đều không có thì đương nhiên là người ngu đần và yếu tướng.

4. Đường định mệnh - đường số phận - đường may mắn.

Đây là đường thứ tư quan trọng trong bàn tay. Chi phổi rất nhiều đến cuộc đời của những bàn tay nào có nó. Nói là đường may mắn bởi nó đem lại may mắn cho người đó. Đường này đã được định hình “tiên thiên” khi sinh ra cho ta những thông tin



về mệnh cơ bản nhất định sẽ là thế và chỉ ra cách thức để thực hiện. Đường này có thể có ở cả hai bàn tay ít khi chỉ ở một.

Nhưng tuy nó là một trong năm đường cơ bản nhất song rất nhiều người không có đường này trong bàn tay thì không có may mắn.

Đường định mệnh thường ở giữa bàn tay và chia đôi bàn tay theo chiều dọc.

Chú ý đừng nhầm là đường sinh mệnh phụ. Đường không cong theo đường sinh mệnh và đi thẳng lên phía ngón giữa.

Người nào có đường chỉ này đều là người có nghị lực và bản lĩnh. Những tiềm lực không bộc lộ ra ngoài nên không thỏa trí.

Người đó vượt qua mọi trở ngại khách quan bằng chính nghị lực của bản thân. Song nó lại ngăn cản sự lựa chọn tự do. Mà thường bị một sự ràng buộc nào đó thành ra con người không bao giờ thỏa mãn được nguyện vọng hoặc mục đích. Do đó mà phải ngậm ngùi ấm ức. Bởi vì nếu được tự do vùng vẫy thì với khả năng và nghị lực của bản thân họ nhất định đạt được điều mong muốn, đường sâu đậm rõ ràng sẽ thành công hơn.

Song tùy theo vị trí và trạng thái của đường này ta có các thông tin khác nhau như sau: (**Hình 7**)

- Đường chỉ rõ, sâu ở bờ (phía cổ tay hoặc gan bàn tay thì dấu hiệu thường có chuyến đi xa với những may mắn ở nước ngoài hay ở xa quê quán (nơi đất khách quê người)).

Hoặc phải luôn sống xa gia đình; phải lập nghiệp ngoài sinh quán.

- Đường số phận nằm ở lòng bàn tay chạy đến ven gan bàn tay (Gò mặt trăng - Thái Âm).

Dấu hiệu thăng trầm, hay thay đổi số phận.



- Đường định mệnh bị đường trí tuệ chặn lại thì sự thành công bị cắt đứt. Song nếu có bàn tay nghị lực thì sau đó lại tốt hơn.

Ở đây ý nói có thay đổi nghề nghiệp, danh phận, vị trí công tác chuyển hướng sau khi xét kỹ.

- Đường này bị đường Tâm tính chặn lại (tức chạm vào): dấu hiệu vợ chồng ly hôn, hay đau khổ vì tình (do tan vỡ tình cảm yêu thương). Khoảng 40 tuổi.

Nếu có đi qua mà cắt ngang thành ngã tư thì không bị ảnh hưởng gì.

- Đường định mệnh chạy từ cùm tay (cổ tay) vào giữa lòng bàn tay (ở khoảng giữa hai mốc này).

Dấu hiệu cuộc sống luôn gặp khó khăn, phải đấu tranh đòi hỏi nghị lực để cưỡng lại:

- Đường chỉ cong về phía đường sinh mệnh:

Dấu hiệu cuộc sống vất vả nhưng có ý nghĩa và khả năng cá nhân sẽ ảnh hưởng đến số phận (sẽ được sự trợ giúp của quý nhân).

- Đường định mệnh cắt đường trí tuệ thì kết quả phần lớn phụ thuộc vào sức lực cá nhân và chỉ đạt thành công ở ngoài 30 tuổi.

- Đường định mệnh nằm dài trong khoảng cong của đường sinh mệnh: Dấu hiệu say mê tình ái ảnh hưởng đến số phận. Người này có tài cảm hóa, cảm dỗ người khác vì lẽ đó mà cuộc sống bị ảnh hưởng lớn.

- Đường này đột nhiên có đường cắt hay sao báo hiệu hiểm họa (có thể sức khỏe, công việc hoặc tai nạn) cần đề phòng.

- Đường định mệnh mà rộng, sắc khí sám thì dấu hiệu thiếu may mắn.



+ Nếu đường chỉ không rõ ràng mỏng manh thì là người thiếu cương quyết khó thành công trong cuộc sống.

- Đường định mệnh - may mắn nếu có đường chỉ từ Gò Thái Âm (Mặt trăng) chạy ra cắt vào dấu hiệu người giàu tưởng tượng, mơ mộng. Nếu bị cắt do các đường vân từ Gò sao Kim (Phía gốc ngón cái) thì là người xa hoa, phù phiếm lưu ý: Đường kiểu cắt này thường ở bàn tay có đường sinh lý (đường dâm dục) nằm sát dưới Gò Thái Âm vòng ra cùi tay. Đây là bàn tay gái bán hoa, nhà thổ, tú bà.

- Đường định mệnh đến sát Gò Thổ tinh (Sao Thổ) sẽ gặp nhiều may mắn nhờ tài năng của bản thân.

- Đường này phát xuất từ Gò mặt trăng (Thái Âm) sẽ được quý nhân giúp, bạn bè người thân hỗ trợ.

- Đường định mệnh chạy từ Gò Thái Âm dính vào đường tâm tính có vợ giàu sang.

- Đường định mệnh chạy dài chẻ làm hai nhánh một về phía Mặt trời, một về phía Sao Mộc. Cuộc đời gặp vận lớn giàu sang tuyệt đỉnh...

- Đường định mệnh chạy thẳng tới Gò Thổ tinh (dưới ngón giữa) thì luôn luôn thành công trong công việc, vinh quang tột đỉnh, hoặc bị tử hình kết cục.

- Đường này mà có sao ở cả hai đầu thì xảo quyệt và bỉ ổi tàn bạo và độc quyền.

- Đường định mệnh chạy tới ngón trỏ - Gò Mộc tinh thì gặp may mắn đặc biệt về mặt xã hội và vật chất giàu có.

+ Nếu có thêm một đường chỉ phụ song song bên cạnh thì là nhà phát minh sáng chế.

- Đường định mệnh có thêm đường nhánh chạy lên từ cùi tay dính vào thì là người có nghị lực tranh đấu.



- Đường này chạy về phía ngón cái sẽ có sự thay đổi nghề hoặc làm chính trị hoặc nhà sản xuất.

- Đường định mệnh có vòng tròn trên nó: Tình cảm không cân xứng và phải đóng 2 vai trong cuộc đời (gián điệp, tình báo...). Hoặc náo động về sức khỏe, đau khổ tâm can.

- Đường định mệnh có vân nhỏ tỏa ra là dấu hiệu dễ dàng, thuận lợi trong cuộc sống.

- Đường này ngoằn ngoèo và mờ nhạt: Sẽ gặp nhiều trắc trở ở tuổi trưởng thành.

Tóm lại, đường định mệnh có trong bàn tay thì cuộc đời được may mắn và số phận đã định sẵn nhiều hơn là tình cờ và bất hạnh.

Vì vậy mà con đường có tên định mệnh và may mắn là thế.

5. Đường hôn nhân.

Là một trong năm đường cơ bản nhất của bàn tay. Nó xuất phát từ lòng bàn tay chạy về ngón út đến dưới ngón út.

Đường này chỉ về trạng thái hôn nhân. Đồng thời kết hợp với ý nghĩa của đường tâm tính để hiểu thêm về hạnh phúc của cá nhân. Sự kết hợp nam nữ có hay không có giá thú không thể hiện ở đây. Mặc dù đó là một phần cuộc sống.

- Đường hôn nhân bắt đầu trên đường tâm tính vào khoảng 25 tuổi - 30 tuổi. Đường càng cách xa thì tuổi càng cao và sát đường tâm linh thì kết hôn sớm.

- Đường hôn nhân chỉ chạy về hướng ngón út thôi thì hôn nhân không giá thú, thay đổi.

- Đường hôn nhân có nhánh rẽ theo hướng đường tâm tính thì có ly hôn.

- Đường này dài đậm rõ ràng là hôn nhân bền chặt.



- Đường này mờ nhạt hôn nhân miễn cưỡng.
- Đường hôn nhân có sao hay đường cắt: Hôn nhân trắc trở.

6. Đường sinh lực. (Hình 7).

Đường này hướng từ Gò Sao Thủy (Thủy tinh) chạy về đường sinh mệnh (đường sống).

Đường này hiếm nhưng là một đường hỗ trợ cho cuộc sống của người có nó.

Đường chỉ này nói lên điều bất hạnh đa phần. Nó trái ngược đường định mệnh - may mắn.

Vì vậy ai không có thì hay.

- Đường này chỉ tốt khi nó chạy dọc rìa lòng bàn tay, từ Gò Sao Thủy xuống gò Sao Thái Âm (Mặt trăng).

- Nếu đường này chạy ngang chéo từ ngón út sang giáp đoạn cong của đường sinh mệnh thì sức khỏe và tính mạng có lúc bị đe dọa nghiêm trọng.

- Và nếu cả 3 đường chính: Tâm, trí, mệnh đều mong manh thì yếu tướng.

7. Đường con cái - Đường tử tức.

Đường này trong Gò Sao Thủy - Thủy tinh chạy ngang song song với đuôi đường tâm tính. Đường này có một, hai hay ba chỉ song song với nhau.

- Nó xác định số con:

Nếu dài sâu là trai tùy số đường bao nhiêu.

Nếu mảnh nhỏ là gái tùy số đường bao nhiêu.

- Đường này hầu như không rõ và Gò Sao Kim (gần ngón cái) mà bằng thì tuyệt tự.

+ Đôi khi nó chỉ con thông minh, khá giả mà không chỉ số bằng một vài đường đậm, sâu.



8. Đường sinh lý. (Hình 7)

Đường sinh lý hỗ trợ cho cá thể đó rất nhiều. Đường này xuất phát từ Gò Sao Thủy vòng cung xuống Gò Thái Âm qua Hỏa tinh âm.

Hoặc chỉ cong ngắn ở Gò Thái Âm (bao lấy Gò này).

- Đường chỉ sinh lý đậm, sâu rõ là người có linh cảm mạnh mẽ (giác quan thứ 6 hoạt động mạnh như các nhà ngoại cảm).

- Đường này mờ: Có linh cảm thường hiểu những điều thần bí..., nói những điều linh nghiệm.

- Đường này ngắn thường có linh cảm về cái gì đó (như sắp có gì xảy ra, có người nhìn trộm, theo dõi v.v...).

- Đường này dài cong là người giàu óc tưởng tượng, có óc sáng chế, phát minh, sáng tạo nghệ thuật.

9. Đường Mặt trời - Đường Thái Dương.

Đường này là đường hỗ trợ quan trọng trong đời người. Song không phải ai cũng có. Tính sắc xuất thì cứ 100 người có khoảng 40 - 45 người có bàn tay có đường Thái Dương.

Đường Thái Dương cho biết sự thành công và tiền tài. Đường này càng dài, đậm càng gấp nhiều thành đạt.

- Đường Thái Dương chạy từ lòng bàn tay lên thẳng dưới ngón nhẫn tức Gò Mặt trời.

Đường này có khi khác nhau ở hai bàn tay chứ ít khi giống hệt nhau.

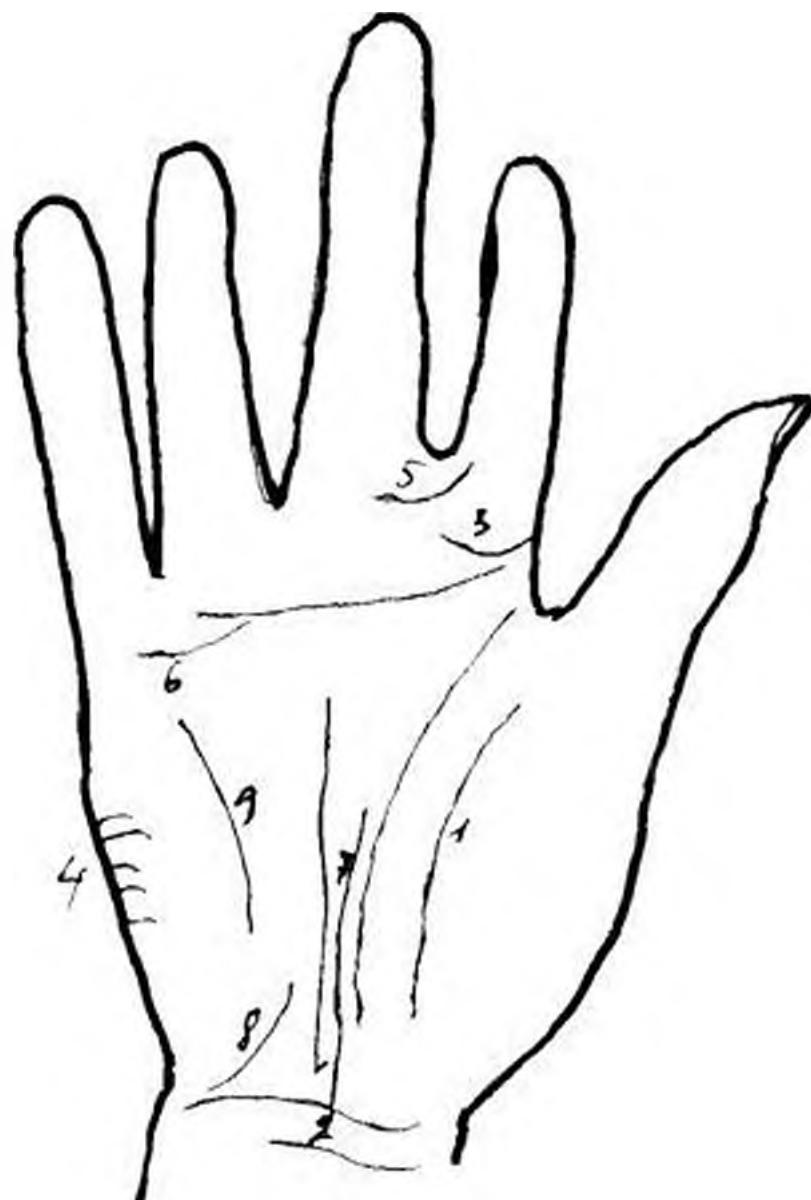
Bên bàn tay trái là mệnh số còn ở bên bàn tay phải là hiện thực hóa mệnh số. Nó bị chi phối bởi “Duy biến” và “Thường biến”, nên ít nhiều kém hơn đường phía tay trái về độ dài và độ sâu rộng.



- Đường Mặt trời mà sâu đậm tới sát ngón nhẫn (áp út) thì càng lớn tuổi càng thành công.
- Đường này dừng trước Gò Mặt trời thì sẽ không may mắn và chấm dứt tiền tài và hạnh phúc.
 - + Nếu mờ nhạt ở cuối thì khổ về già.
- Đường Mặt trời có nhánh rẽ sang Gò Sao Thổ (ngón giữa) sẽ khôn khéo và thành đạt hơn.
 - Đường này chủ yếu thành công trong nghệ thuật, nếu sâu đậm rõ ràng.
 - + Nếu là chuỗi nối tiếp thì sự thành công giả tạo mà thích khoa trương.
- Đường này xuất phát từ Gò Thái Âm (Gò Mặt trăng) thì dấu hiệu của trí tưởng tượng phong phú có lợi cho nghề văn, nghệ thuật.
 - Đường dài từ cùm đến Gò Mặt trời thì tuyệt vời, thành công và may mắn luôn.
 - Đường này bắt nguồn từ Gò Hỏa tinh Âm và ngắn thì tuổi trẻ không gặp may, bị quên lãng.
 - Đường này xuất phát từ đường sinh mệnh thì sẽ thành công trên đường nghệ thuật.
 - Đường này sinh ra từ đường trí tuệ thì thành công sẽ lớn về tiền tài và chức vụ.
 - Đường này xuất phát từ đường tâm linh thì thành công nhờ khác giới.

Tóm lại sự có mặt của đường Mặt trời - Đường Thái Dương trong bàn tay đó là lời tiên đoán về sự vui vẻ và đầy lợi lộc trong nghệ thuật, văn hóa, học vấn. Song cũng có phần không may mắn ít nhiều.





Các đường chỉ phụ có thể có trong bàn tay theo quan điểm của Châu Âu.

- | | |
|---------------------------------|-------------------------|
| <i>1. Đường sinh mệnh phụ</i> | <i>2. Cườm cổ tay</i> |
| <i>3. Vòng sao mộc</i> | <i>4. Đường Du lịch</i> |
| <i>5. Đường sao kim</i> | <i>6. Đường gắn kết</i> |
| <i>7. Đường vô tư, độ lượng</i> | <i>8. Đường bạo dâm</i> |
| <i>9. Đường ít lộc</i> | |

10. Đường Sao Thủy - Đường Thủy tinh (Planéte Mercure).

Đường này chạy từ lòng bàn tay lên ngón út chủ yếu chỉ sự hoạt bát, hăng hái, trí tuệ nhạy bén. Nó xuất hiện trong bàn tay chỉ khả năng quan sát, óc phân tích giúp cho sự thành công trong cuộc sống của cá nhân. Vì vậy nó được xếp vào một trong năm đường hỗ trợ cơ bản trong bàn tay và cũng là sự hỗ trợ trong đời sống cá nhân.



- Đường này dài, đậm: Tiên đoán cuộc đời luôn vui vẻ. Người hiểu biết và rất tể nhị, lịch sự.

- Đường Sao Thủy dài suốt từ gân cùm xuyên lên giữa ngón út tiên đoán sống khỏe và thọ.

- Nếu đường hướng về đường sinh mệnh ở giữa lòng bàn tay: Dấu hiệu có khả năng cảm dỗ người khác và tình dục phát triển mạnh.

11. Đường sinh mệnh phụ - đường sống phụ.

Đường sinh mệnh phụ song song với đường sinh mệnh chính.

Đường này có bàn tay có, có bàn tay không có. Nó chỉ hỗ trợ thêm nên được xếp vào một trong năm đường bổ trợ. Nếu ở bàn tay người nào mà có đường này thì tăng sức khỏe và tuổi thọ. Đường này đậm, mờ, ngắn, dài thì sự bổ trợ ít hoặc nhiều cho đường chính.

12. Đường vòng Sao Thổ - Thổ tinh - Vòng Thổ tinh.

Đường này có hình vòng cung sát Gò Sao Thổ hoặc nối giữa ngón nhẫn, giữa với kẻ ngón trỏ.

Vòng Thổ tinh dấu hiệu xáo trộn trong gia đình, bất hạnh. Nó bị khắc chế bớt khi ngón cái và đường trí đạo tốt.

13. Đường vòng Sao Mộc - Vòng Mộc tinh.

Đường này là một vòng cung dưới ngón trỏ.

Bàn tay nào có vòng cung này thì là người siêu việt, sáng suốt tuyệt vời.

14. Đường du lịch (Voyag detache).

Đường này nằm ở bề ngoài bàn tay, giữa mu bàn tay và Gò Thái Âm (Gò Mặt trăng).



Đường vạch này ngắn và nhiều vạch:

- Bàn tay có đường này thì xuất ngoại hoặc sống khác sinh quán.

+ Số vạch tương xứng số lần xuất dương (tương đối). Nếu có vạch đậm sâu thì xuất ngoại nhiều lần và gặp may mắn.

- Đường này dài, chạy dài ngang hướng sang đường sinh mệnh: Người đó làm nghề du lịch để sống.

15. Các cùm tay (vân cổ tay sát bàn).

Cùm tay có thể có hoặc không ở tay của ai đó. Thường có 3 cùm tay.

- Cùm tay chạy ngược vào lòng dấu hiệu tuyệt tự (không có con cháu).

- Cùm tay rõ ràng, ngăn cách ngang bàn tay và cổ tay thì ngược lại có con cháu đong vui.

Ngoài các đường chỉ tay trên ra bàn tay có người có thêm nhiều đường đáng kể khác như:

1. Vòng Kim tinh ở giữa hai ngón trỏ và ngón giữa, đôi khi nó chạy sang cả ngón nhẫn.

+ Vòng Kim tinh - Sao Kim chỉ ra rằng con người giàu cảm xúc và dục tính cao nên nó tràn dài như một đường tâm tính phụ đó là dấu hiệu cuồng dâm ở cả hai phái.

+ Nếu cắt đường sinh lực hay đường Thái Dương thì trong kinh doanh nhà thổ sẽ trắc trở.

2. Đường dâm tính.

Đường này hiếm hoi, nó là một vòng cung nhỏ từ cùm tay khung lên lòng bàn tay thường dùng uy lực để ép dâm.

+ Dấu hiệu dục tính mãnh liệt, ham muốn thể xác quá đáng, say sưa khoái lạc xác thịt vô độ.



Trong lịch sử có Lê Long Đỉnh hay Trịnh Cối ở Việt Nam hay Võ Tắc Thiên, Triệu Cơ (mẹ Trần Thủy Hoàng) - Lao Ái ở Trung Quốc thời xưa.

Dân thường thì có bợn Tú bà buôn dâm thể xác kiếm sống.

- Trong các sách tướng pháp Châu Âu họ còn đề cập tới một số đường khác, ví dụ:

3. Đường (Attachment) (đường nằm giữa đường tâm tính và ngón út, giữa Gò Thủy tinh và Gò Hỏa tinh âm).

Chỉ dấu hiệu hôn nhân (Matrimoniale), nếu ngắn thì cuộc hôn nhân ngắn ngủi.

+ Nếu nhiều chuỗi dấu hiệu: Nhẹ dạ cả tin về ái tình ít hạnh phúc.

+ Nếu thẳng băng quan hệ tốt với mọi lứa tuổi.

+ Nếu cong vào đường tâm tính thì đầy bất hạnh trong quan hệ vợ chồng.

+ Nếu chạy xiên vào lòng bàn tay: Kẻ si tình.

+ Nếu có nhiều râu tỏa ra: Nhiều nhân tình cùng lúc, lẩn lộn bạn và yêu.

+ Nếu chạy đến ngón giữa: Cuộc đời bị tình ái luôn chi phối.

+ Nếu bắt đầu bằng một trạng ba thì tái đoàn tụ sau ly hôn.

Nếu cắt đường Mặt trời thì hạnh phúc trong hôn nhân.

4. Đường Samaritesine (đường mảnh nhỏ từ lòng bàn tay gần đường sinh mệnh và đường định mệnh xuống sát đường cùi tay).

Đường này dấu hiệu độ lượng, vô tư, hy sinh, tận tụy.

5. Đường Médiumnité (đường từ dưới gan bàn tay và hướng về phía ngón út dâu hiệu ít bổng lộc quà cáp. Người khó làm quen, có quyền hành như làm nghề sư phạm biết nhìn xa biết nhận xét.

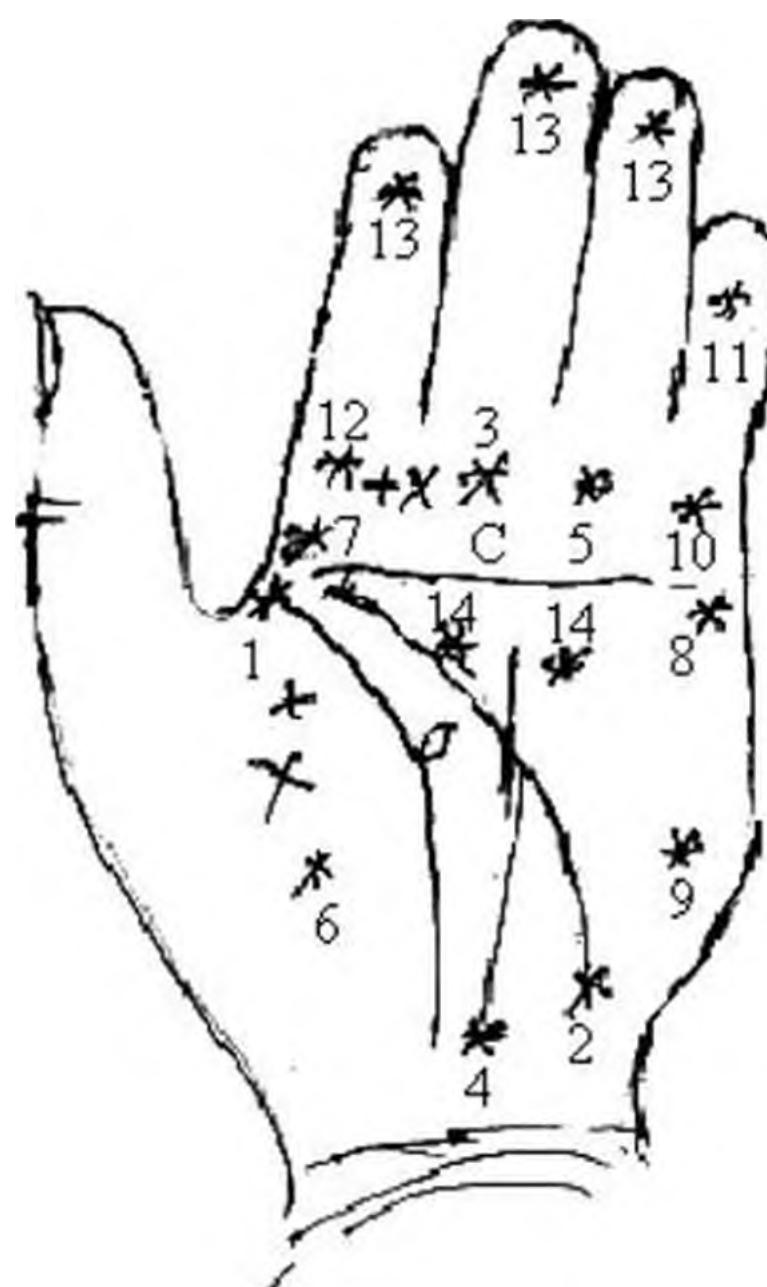


PHẦN III:

CÁC DẤU HIỆU KHÁC

I. CÁC DẤU NHẤN KHÁC TRONG LÒNG BÀN TAY CHỈ KHẮC CHẾ, NGĂN CẢN, GIÁN ĐOẠN, GÂY RỐI LOẠN TRÊN CÁC ĐƯỜNG ĐÓ GỒM: (Hình 8)

1. Sao sáu cạnh (*)
2. Chữ thập (+), chữ nhân (x)
3. Khung vuông, khung chữ nhật (□) vòng tròn méo (◐), tam giác (△).
4. Điểm đỏ, đen, sám (◐)
5. Nốt ruồi



Hình 8



II. VÂN TRONG LÒNG BÀN TAY. (Hình 9)



Hình 9

- *Vân trong ngón tay*
- *Vân trong lòng bàn tay*

Trong lòng bàn tay cũng giống đầu ngón tay đều có vân chí chít song song, hình núi, tròn xoe, tròn méo v.v...

Vân tay nổi bật ở chín gò và các giao điểm giữa hai gò:

1. Ở giữa gò Thái dương và Thủy tinh mà có vân tròn ốc, tròn xoe dấu hiệu: Kiến thức phong phú, tài năng đa dạng. Người làm gì về kỹ thuật, văn chương đều được sự ngưỡng mộ.
2. Ở gò Mộc tinh có vân hình núi người có tài chính trị.
3. Ở gò Đồng hỏa ở giữa lòng bàn tay (lao cung) có vân tròn ốc, tròn xoe suốt đời sung sướng, vinh hoa.

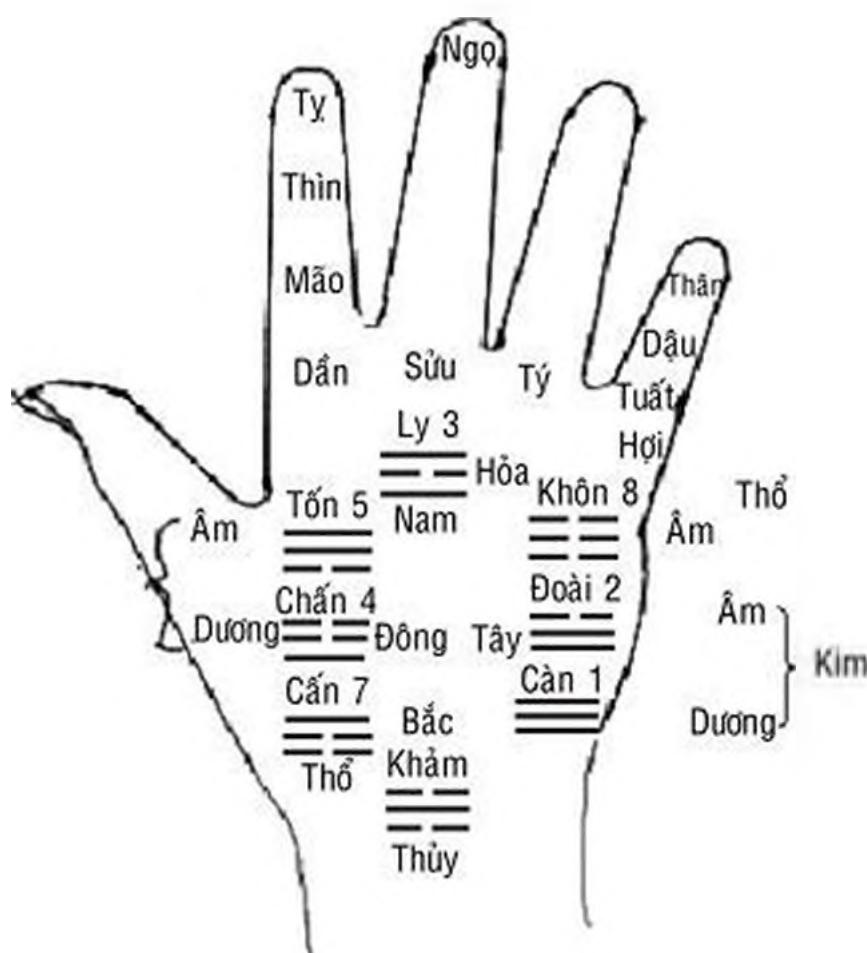


III. BÁT QUÁI TRONG BÀN TAY. (Hình 10)

Tướng pháp Trung Hoa quan hệ với Khoa Bốc hệ (Đoán quẻ như: Ngọc Chuồng Thần quái xuất hiện đời Tống, Trung Hoa do Thiệu Quang Tiết đề xuất bao gồm: “Hậu thiên bát quái” của Văn Vương và “Tiên thiên bát quái” của Phục Hy thuộc Ngũ hành bát quái để xếp thành tám cửa (bát môn) nhằm qua bàn tay bấm nhanh quẻ.

Xem hình vẽ (Hình 10).

Ngọc chuồng thần quái



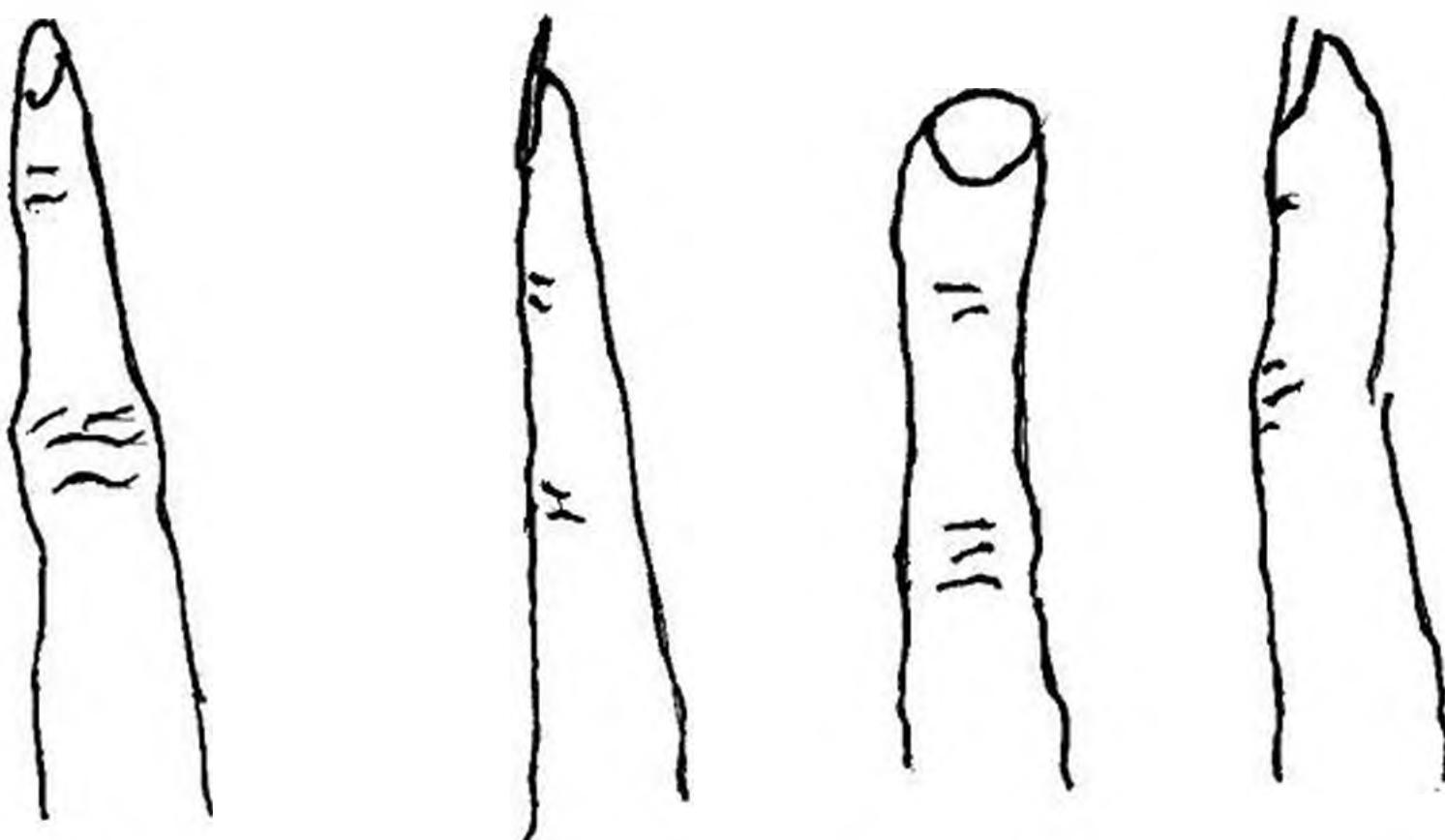
Hình 10

Như vậy ta thấy với bàn tay Tướng pháp không chỉ cho ta những thông tin dự báo về tương lai một người, mà còn có thể ứng dụng để bấm quẻ, cũng là một kiểu dự báo thông tin rất tiện lợi nhanh lại dễ vận dụng (theo bốc hệ).



IV. NGÓN TAY - LES DOIGTS.

Như ta biết ngón tay gồm có các đốt và móng, là một bộ phận của bàn tay cho ta nhiều thông tin dự báo về đời sống cá thể gồm: thời vận, nghề nghiệp v.v... và cả về sức khỏe bệnh tật (sinh lực) nữa.



**Ngón tay có
mấu:**

- Khoa học,
ngắn lắp,
nghiêm khắc.

**Ngón tay búp
măng:**

- Tinh tế, nhạy
cảm, giàu tình
cảm.

**Ngón tay dùi
đục:**

- Vụng về, trí
tuệ kém, cẩu
thả, keo kiệt.

**Ngón tay bình
thường:**

- Dễ cảm
thông, thiện
tâm, sởi lỗi.

Ta nghiên cứu mấy phần chính sau:

1. Hình dáng ngón tay (Forme de doigt).

- Ngón tay búp măng - bút viết: Tất cả các ngón dài, thuôn, đều, sắc khí đẹp (Lisses): Dấu hiệu tính tình thùy mị, giàu tình cảm, cuộc đời hào hoa, vui vẻ, giàu có. Ngón tay của mỹ nữ, nghệ sỹ, phẫu thuật gia v.v...

- Ngón tay ngắn, tròn, thô (ngón tay dùi đục) dấu hiệu: Vất vả, hèn kém, đần, thiếu kiên trì.
- Ngón tay ngắn vừa, tròn lẳn phù hợp bàn tay nhỏ dầy (béo) cả hai thứ, dấu hiệu: Trí tuệ phong phú, có nghị lực và thành danh, giàu sang, nhiều tham vọng và dục vọng.
- Ngón tay tròn lẳn có mấu đốt mờ ở các đầu đốt (Nouveux): Dấu hiệu có học thức, sống ngăn nắp, năng lực, tập trung tư tưởng cao.
- Ngón tay mỏng dẹt, khô khan: Dấu hiệu nghèo, vất vả, không danh phận.
- Ngón tay cong keo (duy biến và thường biến): Dấu hiệu lao khổ, bần hàn, thiếu trí tuệ.
- Ngón tay nhỏ yếu ớt: Dấu hiệu không thọ: Nhút nhát, sợ sệt, thiếu tự tin.

2. Ngoài hình dạng chung, từng ngón tay có ý nghĩa khác nhau. Các tướng pháp Âu Châu và Mỹ cũng rất quan tâm như bác sĩ J.Renald và Ray Hyman cũng đã có nhiều nhận xét rất cụ thể:

- Ngón tay cái - Le pouce (doigt de venus): Chỉ tính cách, tình cảm, lý trí. Các nhà dân tộc học rất lưu tâm nghiên cứu ngón cái với các bộ phận khác của bàn tay.
 - + Nếu dài bình thường, cao bằng $\frac{1}{3}$ đốt 1 của ngón trỏ và cả hai đốt bằng nhau: Chỉ sự cân bằng về tính cách (Force instinctive).
 - + Nếu dài hơn bình thường: Chỉ sức sống dồi dào, có óc thực tế, có tài thu phục lòng người (connaissance de la vérité...).
 - + Nếu rất dài: Chỉ tính nghiêm khắc, không vụ lợi, chính



xác, nhu cầu quá nhiều, quyết tâm thực hiện bằng được với mọi giá những mong muốn của bản thân.

Các nhà nghiên cứu cho rằng những người không bình thường thì ngón cái dài bằng đốt một (1) ngón trỏ hoặc dài hơn. (Le pouce trop long...).

- Có ngón chánh bên ngón cái: Dấu hiệu không có nhân phẩm, không có lý trí, khó học, khó bắt chước.

+ Nếu ngón chét mọc cao: Thì bảo thủ và định kiến. Có nhiều tính xấu.

+ Ngón cái to thì khỏe mạnh. Nhỏ thì yếu.

+ Ngón cái rất to thì hiếu động, tàn ác.

+ Ngón cái cứng thì bướng bỉnh, thô bạo.

+ Ngón cái mềm thì tính tình hay thay đổi, nhút nhát, tầm thường.

3. Xòe bàn tay trên mặt phẳng và găng hết cỡ.

+ Ngón cái với bàn tay tạo một góc bằng 60° thì trí tuệ khoát đạt, thích tự do.

+ Ngón cái trắc diện (Profit) vuông 90° thì tinh thần trong sáng, tính minh bạch.

+ Ngón cái choạc càng rộng $> 90^{\circ}$ thì càng độc lập suy nghĩ và có bản lĩnh.

+ Ngón cái choạc càng hẹp $< 45^{\circ}$ thì sống thiếu bản lĩnh, lệ thuộc.

+ Ngón cái choạc $< 60^{\circ}$ thì khuynh hướng bình thường.

4. Chụm bàn tay mà các ngón tách nhau rộng thì tính hoang phí cả tiền của, tình cảm lẩn trá tuệ cũng thế.

5. Ngón trỏ (L'index) chỉ lý trí và khả năng thực tế. (Doigt de Juspiter) quan hệ tới gan.



- + Nếu rất dài có tham vọng quyền lực, chuyên chế.
- + Nếu ngắn thì giản dị.

6. Ngón giữa (Le doigt de Saturue) chỉ số phận của con người (Fatalité). Nó quan hệ với bộ máy tiêu hóa (Digosty).

7. Ngón nhẫn (L'annulaire) chỉ ước mơ, lý tưởng, nghề nghiệp về nghệ thuật (doigt dapolong). Nó quan hệ tới tim (Le coeur) và thận (Les reins).

- Ngón thẳng đẹp giàu ước mơ, có may mắn trên con đường nghệ thuật.

Nếu ngón tay yếu oặt có mấu ở đốt một: Triệu chứng bệnh tim và bệnh ở thận.

8. Ngón út (L'auriculaire) chỉ sự tinh khôn và khéo léo, có trình độ khoa học. Ngón tay của thần Thủy tinh (meceure) quan hệ đến cơ quan sinh thực (Les organes géniteux).

- Nếu ngón tay thanh đẹp thì con người hết sức khéo léo, không mất lòng ai bao giờ. Không bao giờ bị lừa phỉnh, tránh mọi va chạm phiền toái và nua các cơ quan tiêu hóa hoạt động tốt.

9. Tướng pháp cho rằng các ngón tay liên quan chặt chẽ đến vầng trán mỗi người. Vì nó thể hiện giống các kiểu của vầng trán.

Hơn nữa độ dài các ngón tay dựa vào độ dài của lòng bàn tay. Ngón giữa ngắn hơn lòng bàn tay chỉ bằng 70% còn dài hơn bằng khoảng 87% lòng bàn tay.

- Ngón nhẫn và ngón trỏ thông thường bằng nhau.
- + Nếu ngón trỏ cao hơn là người có tham vọng lãnh đạo.
- + Nếu ngón tay giữa dài bằng 87% lòng bàn tay thì có tính từ tốn và thích chính xác.



+ Nếu dài hơn 87% thì nóng nảy, dễ giận hờn thái quá tính vụn vặt, kỳ dị.

+ Ngón tay ngắn tính không kiên nhẫn, dễ xúc động.

V. MẤU, ĐỐT NGÓN TAY (NOUEUX).

1. Mấu ở ngón giữa đốt một và hai thì tham khảo về phương diện y học (Nososité du bouchard) quan hệ đến sự rối loạn dinh dưỡng (trouble de nutrition). Nó đồng thời chỉ rõ khả năng phân tích, quan sát phê phán và tính hoài nghi.

2. Mấu ở đốt móng và đốt giữa chỉ.

- Ở ngón trỏ có tham vọng tích cực (doute de religieux).

- Ở ngón nhẫn khả năng thực hành và tư duy logic.

- Ở ngón út thì say sưa toán học và thích lý sự.

VI. MÓNG TAY.

Nhìn chung móng tay (les ongles des doigts). Móng tay đẹp phải là không thô kệch, nhẵn bóng không vân, không sần sùi, màu đỏ hồng.

+ Móng bóng đỏ: có tình cảm thanh bạch.

+ Móng tay bóng hồng: Hoạt bát, chóng thích nghi, say đắm.

1. Các kiểu móng gồm:

+ Móng dài, vuông, vừa và vuông: Dễ xúc động, óc tò mò, thích hoạt động thực hành.

+ Móng ngắn và vuông, ngắn và rộng là: Có uy quyền, óc phân tích, nóng nảy, tự lập cao, lý trí mạnh.

- Móng bé ngắn, dài hẹp: Trí tuệ hẹp hòi, tự cao, tự đại, hay giận dữ, luộm thuộm.



- Móng hình hạnh nhân: Đại lượng, cao thượng, đa cảm có đức hy sinh.

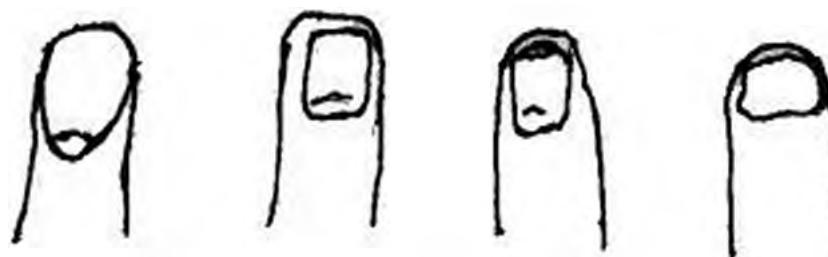
Lưu ý trên đây là nói móng tay tự nhiên chứ không kể đến móng đã bị cắt sửa.

Vì vậy khi xem móng tay, lưu ý kỹ kẽ lầm lẫn.

Bây giờ hầu hết phụ nữ đều sửa móng tay hình hạnh nhân và nhuộm màu.

Móng dài:

Dễ xúc động, có lý trí, có khả năng phân tích



Móng rộng bề ngang

Nóng nảy hay nổi giận.

Móng vuông:

Có nghị lực, sống ngắn lấp, thận trọng.

Móng ngắn vuông:

Khả năng phân tích, lý trí mạnh, uy quyền.

Móng ngắn bé:

Tinh hẹp hỏi, tự cao, tự đại



Móng dài hẹp:

Hay giận dữ, sống luộm thuộm, cẩu thả

Móng hẹp nhọn

Hay nóng giận, cứng nhắc, nguyên tắc quá đáng

Móng hạnh nhân:

Cao thượng, đại lượng, đa cảm, đa sầu, có đức hy sinh

Các kiểu móng tay

2. Còn rất nhiều kiểu móng xem hình vẽ và chú thích.

- Móng tay hơi gồ lên: Nóng nảy bất thường, hay ghen tuông, tham lam, gian lận.

- Móng bằng thì: Nhút nhát, sợ sệt.

- Móng cong đẹp: Trí tuệ minh mẫn, trong sáng.



- Móng có đốm bất thường (đột biến):

+ Đốm trắng dự báo thuận lợi.

+ Đốm đen dự báo bất lợi.

Có hiệu nghiệm khoảng 35 ngày.



Móng tay bằng

- *Yếu đuối, ít nghị lực
vượt khó khăn, hay sợ
sệt, sợ trách nhiệm.*

Mặt móng tay cong gồ:

- *Hay ghen, tham lam,
giả dối (nếu móng vừa
cong vừa bám chắc).*



Móng tay hơi cong vút nhọn:

- *Trí tuệ trong sáng, minh
mẫn, giữ chữ tín, trung thành
và cảm thông.*

3. Dự báo y học qua tình trạng móng tay.

Không phải gần đây các nhà bệnh lý học mới quan tâm đến vấn đề này. Mà từ nửa đầu thế kỷ 20 các bác sĩ phương Tây đã quan tâm nghiên cứu móng tay khi đề cập tới tướng pháp về móng tay của phương Đông như bác sĩ Joselt Renald (Áo) v.v...

Quan điểm của họ cho rằng:

- Móng tay dẹt: Thị tinh thân yếu.



- Móng tay mềm: Thì sức khỏe kém.
- Móng tay cứng: Tạng gan nóng.
- Móng tay màu xám nhạt: Tâm (tim) có bệnh.
- Móng tay như vảy hành: Bệnh ở phổi.

4. ĐÔNG Y CHO RẰNG KHI CƠ THỂ BỊ BỆNH THÌ MÓNG TAY SẼ THAY ĐỔI. ĐIỀU NÀY PHÙ HỢP VỚI QUAN ĐIỂM “THƯỜNG BIẾN” VÀ “ĐỘT BIẾN” TƯỚNG PHÁP VỀ MÓNG TAY.

Móng tay thay đổi bất thường về hình dạng, màu sắc, cấu trúc khi cơ thể mắc một số bệnh. Ví dụ:

- Vết trắng: Cơ thể thiếu kẽm, bệnh gan hoặc thận.
- Móng giòn dễ gãy: Cơ thể thiếu sắt, móng sẽ phẳng hoặc cong vểnh lên bệnh ở thận.
- Móng vàng: Bệnh phế quản mạn tính.
- Móng trắng đục: Bệnh sơ gan.
- Móng tay xanh: Cơ thể nhiễm độc đồng hay kim loại bạc.
- Móng tay bị bong da ở cuống móng: Bệnh cường tuyến giáp.
- Móng bị phình to ra do bệnh tim phổi. Vì thiếu oxy đã lâu.

Mặt khác móng tay bị “đột biến” do đang dùng lâu ngày các thuốc. Móng biến sang màu xanh vàng: Thuốc sốt rét.

- Móng có vệt trắng chạy ngang: Thuốc ức chế tăng sinh.
- Móng có màu nâu: Thuốc tetracilin...

5. Như vậy khi hình dạng móng do bệnh ngũ tạng, do nấm móng hay do thuốc thì phải lưu ý về mặt tướng pháp để xét tính cách con người. Ví dụ:

- Móng hình tam giác cùt: Dấu hiệu người nóng nảy, hay gây sự và bản tính cố chấp.
- Móng tay hình thang (dưới to trên đầu nhỏ): Dấu hiệu óc tưởng tượng quá thái (bệnh hoang tưởng).



Nếu dưới nhỏ trên to: Tính kín đáo, dè dặt, cứng cỏi và tự trọng cao.

- Móng cứng: Tính nóng.
- Móng quắp: Tính ích kỷ, tham lam, ganh ty.
- Móng đục màu, dày, bè ngang rộng: Tính nghi ky, xảo quyệt.
- Móng hồng: Tính nóng nảy, hăng hái.
- Móng bóng láng: Tư cách lịch sự, thanh nhã.

Như vậy xem tướng móng tay cần thận trọng lăm mới được. Ta cứ xem trên móng khi biết chắc chắn.

VII. VÂN NGÓN TAY RẤT ĐẠI DIỆN.

Vân ngón tay nằm ở đốt đầu các ngón.

Vân ngón tay là “bất biến” không thay đổi từ lúc sinh ra đến lúc qua đời. Trừ bị những tác nhân hủy hoại.

1. Vân tròn ốc tài hoa đa ngành.
2. Vân chữ “khẩu” Trung Quốc Đa tình (vân hình vuông 3 cạnh).
3. Vân chóp núi: Vui vẻ.

Còn có nhiều vân ngón tay, vì vân của 10 ngón tay thì không ai giống ai nhất là ngón cái. Nó được ứng dụng trong nhiều ngành: Thư tịch, hình sự, điện tử nhận dạng, v.v...

4. Vân tay của một vài ngón con của nhiều người có thể tương đối giống nhau nhưng cả 10 và ngón cái thì không.

Sự giống nhau ở một vài hình vân đã nói trên nhưng đi vào chi tiết thì chỉ đạt 50%. Và sự khác nhau về ngón tay cũng gần giống như vân ngón tay.



VIII. CÁC DẠNG CONG CỦA NGÓN TAY VÀ THÔNG TIN DỰ BÁO.

1. Nhìn chung thì ta thấy về mặt y biểu.

- Ngón tay trỏ bị cong: Mắc bệnh ở gan.

- Ngón tay giữa cong: Mắc bệnh tai, ruột, gân xương.

- Ngón nhẫn con: Mắc bệnh tim, mắt, thận.

- Ngón út cong: Bệnh về thần kinh và cơ quan sinh dục.

Về mặt tính cách thì:

- Cong ngón trỏ: Tính thiếu trung thực, hành động vô kỷ luật trật tự xã hội. Không tôn trọng pháp luật.

- Cong ngón giữa: Tính độc tài, chấp nhén, câu nệ.

- Cong ngón nhẫn: Tính rộng rãi nhưng cong quá lại thiếu lương tâm.

- Cong ngón út: Dấu hiệu bất lương, gian xảo.

2. Khi để bàn tay tự nhiên khép nếp.

- Các ngón khác nghiêng vào ngón giữa thì con người hay bi quan, sống vô tâm.

- Ngón trỏ thẳng các ngón khác nghiêng vào nó: Con người có óc nghệ sỹ.

- Ngón út thẳng ngón khác nghiêng vào: Khéo léo và tài hoa.

- Ngón trỏ và giữa xa nhau: Tính tự do, không thích lệ thuộc.

- Ngón nhẫn xa ngón út: Thích hành động tự do.

- Ngón giữa gần xít ngón nhẫn: Nguy hiểm, hiếu kỳ, hiếu thắng.



IX. NHẬN XÉT CHUNG VỀ TƯỚNG BÀN TAY MỘT CÁCH KHÁI QUÁT.

1. *Bàn tay đẹp*: Mềm, dày, ấm, hồng sắc, vân chỉ đẹp, ngón đều, hài hòa với lòng bàn tay.

Bàn tay như vậy không nghèo hèn, ngu đần, khổ sở trong đời.

2. *Bàn tay vân như tờ rối* (mảnh bé) sắc khí như cám rắc (trắng điểm hồng): Giàu sang, quý phái.

3. *Bàn tay có hình quả xoan* (khi chụm ngón), cân đối, gan bàn tay rộng nhất (so với các gò) dấu hiệu: Đầy cảm xúc nghệ thuật và tài năng nghệ sỹ.

4. *Bàn tay mà tươi tắn nhung ướt mềm*: Tính lười biếng, thích khoái lạc, nhút nhát, dễ bị cám dỗ vật chất, dục vọng. Bản chất thụ động ưa vui thú hào nhoáng bên ngoài.

5. *Bàn tay khô cứng*: Tính tình lạnh nhạt, vô cảm, bản chất trầm lặng, ích kỷ nhưng có tâm linh, dự cảm.

6. *Bàn tay nóng ấm*: Tính khoan dung, độ lượng, tự kiêu hoạt bát. Chú ý bàn tay phụ nữ thì coi chừng, làm khuynh đảo có khi.

7. *Bàn tay lạnh*: Tính dễ dãi, kín đáo. Bản chất giàu đức hy sinh và cũng nhẹ dạ dễ xúc động.

8. *Bàn tay béo dày*: Tính lười biếng, tham lam nhưng bản chất cương quyết và kiên trì.

9- *Bàn tay gầy mỏng*: Dấu hiệu thiếu năng lực, nghèo. Bản chất tôn thờ tình ái, bủn xỉn, ganh ty và hung bạo.

10. *Bàn tay mềm*: Mơ mộng, thích sống đơn độc nhưng lại tôn thờ tình ái và sự may mắn vật chất.



11- *Bàn tay cứng*: Tính tình hung hăn, gan góc, lỳ lợm, khó bị lung lạc. Không thích ái tình. Bản chất thực tế.

X. NHẬN ĐỊNH CHUNG VỀ LÒNG BÀN TAY.

1. *Hình dạng*: Cân xứng độ dài với ngón, lòng cao đều các gò: Dấu hiệu dễ cảm xúc, cuộc sống bình lặng.

2. *Lòng bàn tay dài rộng*: Dấu hiệu cao thượng, có nghị lực, thông minh.

3. *Lòng bàn tay hẹp*: Có óc phân tích.

4. *Lòng bàn tay dày*: Ham muốn thể xác.

5. *Lòng bàn tay mỏng*: Tính hẹp hòi, trực lợi.

6. *Lòng bàn tay lép cả 2 gò Hỏa tinh âm và dương*: Sinh ra đã nghèo vật chất, lớn lên cũng sẽ nghèo và yếu.

XI. CÁC DẤU ĐẶC BIỆT.

1. *Ngôi sao đóng cuối đường trí tuệ*: Tuyệt đỉnh thông minh. Song cũng có thể mất trí, tâm thần.

2. *Ngôi sao ở đốt một ngón giữa*: Bậc thánh nhân.

Nếu đóng ở gò Thổ tinh - Sao thổ - dưới ngón giữa: Nhà độc tài, tàn bạo. Sẽ bị ô danh thậm tệ.

* Ngôi sao như thế này có trong bàn tay của Adolf Hitler, trùm phát xít Đức. Trong bàn tay của Hitler đường mệnh bắt đầu bằng chữ thập và kết thúc ở gò Sao thổ với một ngôi sao chính giữa gò đã thể hiện một sự kết thúc bi thảm và chịu tiếng xấu mãi về sau (Tài liệu công bố của các tướng gia khi Hitler còn sống và được phép xem tướng cho ông).



Còn rất nhiều bàn tay của các vĩ nhân mà các tướng thuật gia có trong tài liệu nghiên cứu như: Bàn tay của Earico Caraso (Ca sĩ lừng danh); của Chacler de Gaulle (Tổng thống Pháp); của Thánh Mahatua K.Grandhi; của Paolo Picasso (Họa sĩ lừng danh); của Sarah Bernhardt (Kịch sĩ nổi tiếng thế giới) v.v...

Bàn tay của những người này đều đặc biệt về chỉ tay, sao...

XII. TƯỚNG PHÁP TRUNG HOA CÒN ĐƯA RA 1 KIỂU CHỈ TAY ĐẶC TRƯNG VỚI 12 BÀI PHÚ KHÁC NHAU NHƯ:

1. Tứ Quý Văn (đường chỉ 4 mùa), Bá Tướng Văn (đường chỉ Bá tướng), Đôi ấn Văn (đường chỉ dấu triện), Trí Tuệ văn (đường chỉ trí tuệ), Dao Hoa Văn (đường chỉ đào hoa), Lục Hoa Văn (sáu đường hình hoa), Sơn Quang Văn (đường chỉ Sơn Quang), Khắc Phụ Văn (đường chỉ khắc cha), Khắc Mẫu Văn (đường chỉ khắc mẹ), Hoa Cái Văn (đường chỉ Hoa Cái), Tam Sát Văn (đường chỉ Tam Sát), Loạn Hoa Văn (đường chỉ Loạn Hoa).

Những loại trên quá đặc biệt. Chỉ để tham khảo tướng pháp nên sẽ phụ lục thêm.

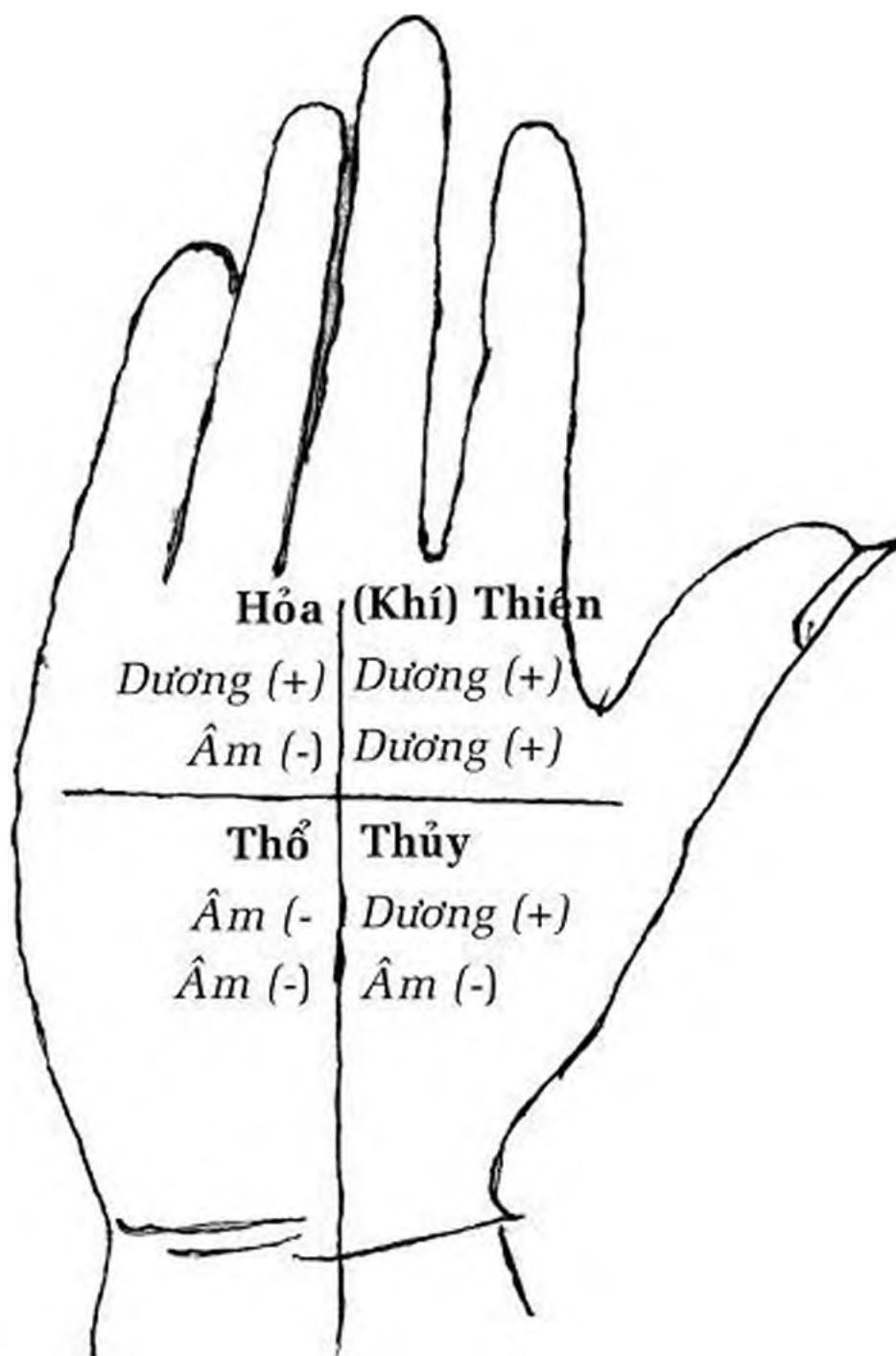
2. Tóm lại, tướng bàn tay rất phong phú. Nó bao hàm đầy đủ khía cạnh cuộc sống. Thông tin nằm ở rất nhiều phần của bàn tay. Khi xem một bàn tay nên đi từ tổng thể rồi đến từng phần. So sánh các phần khắc chế, bổ trợ, hỗ trợ nhau như thế nào. Ta suy xét kỹ lượng trước khi đưa ra thông tin cuối cùng để đánh giá nhân cách một ai đó. Trong thực tế, không thể xem xét tổng thể tướng mạo. Song cũng chỉ cần xem phần đặc biệt trong bàn tay là đã có thể đại diện chung nhất cho một bàn tay. Lưu ý ba đường chỉ (Tam Văn) lớn nhất trong lòng



bàn tay ai cũng có từ “Tiên Thiên” gồm: Thiên, Địa, Nhân. (Hình 5).

- Đường chỉ thứ nhất là Thiên thuộc Hỏa chỉ cơ, mưu.
- Đường chỉ thứ hai là Địa thuộc Thổ chỉ tài, lộc.
- Đường chỉ thứ ba là Nhân thuộc Minh đường chỉ phúc, hậu.

Nếu ba đường này rõ ràng, đều đặn, tươi hồng thì tướng tốt có phúc, có tài ba, có lộc hậu.



XIII. BA NGÓN CHÍNH - TAM CHỦ.

Tướng pháp cho rằng trong bàn tay có các ngón là phần thứ hai sau chỉ lòng bàn tay và cổ tay. Như vậy ba phần cơ bản của một bàn tay gồm: Lòng bàn tay, các ngón tay và cổ tay.

Ở phần trên đã nói rõ tướng mạo và các đường chỉ tay của lòng bàn tay. Các ngón và các đốt. Tuy nhiên cũng nói thêm



về quan điểm Tam Chủ. Ba ngón tay chủ đạo trong các ngón của bàn tay.

Quan điểm “Tam Chủ” cho rằng:

1. Ngón trỏ là sơ chủ - Ngón cơ bản đầu tiên.

Ngón này thuộc Tốn trong Bát quá; Tốn (☱) là gió, thuộc âm và hướng Đông Nam. Tốn là hành Mộc trong Ngũ hành.

- Bát quái - tám quẻ sinh từ “tứ tượng” trong kinh dịch bao hàm rộng về thực nghĩa và ẩn nghĩa.

Ở đây ngón trỏ thuộc bộ Tốn nhưng trong “Tam Chủ” tướng pháp chỉ thời niên thiếu của một người về vận số vì vậy: (Hình 5).

- Nếu ngón trỏ thẳng, phẳng phiu, tròn tria thì cuộc đời thiếu thời thuận buồm xuôi gió. Cuộc sống được hưởng chăm chút của gia đình.

- Nếu ngón trỏ bị nghèo về ngón giữa ở đốt đầu thì cuộc sống thiếu niên phải gió sương vất vả, phải tự kiếm sống rất sớm.

- Nếu ngón trỏ quá gầy, khẳng khiu thì suốt thời thiếu niên lao khổ về vật chất, cuộc sống tự lập.

2. Ngón giữa thuộc thời trung niên - Thời vận của tuổi ba mươi đến năm mươi - Vì vậy gọi là “Trung Chủ” thuộc bộ Ly lửa (☲) ở phương Nam, thuộc Dương và thuộc Hành Hỏa. Ngón giữa cũng có dáng thế của nó, thể hiện vận thời theo nghĩa tướng pháp chứ không theo nghĩa Dịch bát quái:

- Nếu ngón giữa tròn trĩnh, hài hòa: Dấu hiệu trung niên sẽ phát triển. Cuộc sống vật chất khá vượng. Gặp nhiều vận tốt (cát vận).

- Nếu ngón giữa có mấu đốt hai (cả hai đầu đốt), ngón gầy nhưng thẳng và hài hòa: Dấu hiệu trung niên khá có cát vận.



Đời sống vật chất no đủ - tính người ngăn nắp, khoa học, trí tuệ phong phú.

- Nếu ngón giữa cong queo thì đến trung vận: Dấu hiệu cho thấy bất hạnh cả vật chất lẫn tinh thần. Đời sống vất vả và khốn khổ.

- Nếu ngón giữa gầy khô, dài ngoằng: Dấu hiệu sống khắc khổ. Trí tuệ thông đạt, cuộc sống kín đáo cả một thời trung niên (người nghiên cứu ở thư phòng).

3. Ngón út là “Lão Chủ” - Chỉ hậu thời - tuổi già, thời hậu vận của một con người. Ngón út thuộc khôn - địa (☰☰) cả ba hào đứt. Theo dịch lý, Khôn thuộc Hành Thổ và thuộc Âm tính chậm, lặng, không hoạt.

Về biểu tượng ngón út - Lão Chủ chỉ về hậu vận - Hậu vận sẽ tìm thấy:

- Nếu ngón út thẳng vút đều không méo: Dấu hiệu có hậu vận khá, vẫn có phúc lộc và thọ.

- Nếu vẹo từ đốt hai mà ngón tay vẫn tròn lẳn: Dấu hiệu nửa sau hậu vận gấp nạn tai. Cuộc sống vật chất không khổ nhưng tinh thần thì không như ý. Đời già vẫn có phúc lộc.

- Nếu ngón út cong queo, gầy: Dấu hiệu hậu vận khổ, bất hạnh.

XIV. VỀ QUAN ĐIỂM “TAM KỲ” - BA VỌNG.

“Tam Kỳ” - Ba Vọng của tướng pháp Trung Hoa cũng để phán đoán về phúc thọ tức về tuổi thọ yếu và gia quyến con cháu.

“Tam Kỳ” cũng được thể hiện ở ba ngón: Ngón trỏ, ngón giữa và ngón út. Sách cho rằng “Tam Kỳ” chỉ ba mô (ngay



dưới các ngón) Khôn, Ly, Tốn. Bàn tay rõ ba gò này sẽ có phúc có thọ.

Từ đó ta thấy “Tam Kỳ” thực ra muốn chỉ ba gò Tốn, Ly, Khôn. Ba gò này gần dưới ba ngón tay trỏ, giữa và nhẫn, út.

1. Nếu ba gò - mô thịt, mà cao đầy, hồng sắc ở cả ba: Dấu hiệu suốt đời sung sướng và thọ.

2. Nếu cả 3 gò bị lép (tức không có mô thịt) thì dấu hiệu cuộc đời lao lúng, bất hạnh.

3. Nếu cả ba gò lép, sắc khí lại sám: Dấu hiệu không thọ và bần hàn.

4. Nếu gò “Tốn” kém thì sơ niên (tuổi trẻ) bất hạnh còn trung và hậu vận khá.

5. Nếu gò “Ly” kém tức trung vận kém.

6. Nếu gò “Khôn” kém thì hậu vận tồi.

Từ đó ta thấy qua ba gò là có được thông tin dự báo tóm tắt cả một quãng đời của một con người.

Tất nhiên nó chỉ dự báo về cuộc sống cát, hung và thọ, yếu chứ không cho biết về bản tính của con người.

XV. BÀN TAY VỚI CUNG “BÁT QUÁI” TRONG TƯỚNG PHÁP.

1. Thực ra các tướng thuật gia muốn qua 8 cung “Bát quái” mà gọi cho 8 vị trí trong bàn tay mang những ý nghĩa mà theo Thuyết Âm Dương Ngũ Hành để dự báo số mệnh và thời vận qua các cung bố mẹ, bạn hữu, con cái.

Quan tước, tài lộc, chồng vợ, nhà cửa. Như trong 12 cung tử vi. Tử vi mệnh số giải bày trên địa bàn với các sao. Còn Bát quái (8 cung) trên bàn tay dựa vào nghĩa dịch lý.



2. Để ngửa bàn tay trái ta có lần lượt từ trái sang phải như sau: (Hình 10).

- Dưới ngón giữa là “Lý” thuộc hành Hỏa ở phương Nam; chỉ về quan tước.

+ Nếu cung này đầy có quan chức: Bây giờ nên hiểu rộng nghĩa quan tước là:

Có quan tước do xã hội tự phong.

Có quan tước tự phong: Như chủ doanh nghiệp tư nhân tự phong Giám đốc này nọ.

+ Như vậy nếu cung này đầy đặn sáng hồng thì có chức tước quyền uy nào đó.

- Dưới kẽ của ngón trỏ và ngón cái có cung “Tốn” thuộc hành Mộc, ở phương Đông Nam và là cung Âm. Chỉ về tài lộc (tài sản và bopsis lộc):

+ Nếu cung này đẹp đầy thì giàu có.

+ Nếu lép có rãnh chạy ra kẽ tay:

Dấu hiệu nghèo.

- Ở giữa gò ngón cái ta có cung “Chấn” thuộc hành Mộc ở phương Đông và là cung Dương.

Cung này chỉ về chồng vợ (phu thê) và thân (tài năng, hình vóc).

+ Nếu cung này đầy đẹp, hồng hào.

Dấu hiệu cuộc sống hạnh phúc. Người có năng lực, trí tuệ, sức khỏe.

+ Nếu bằng thì không mấy thỏa mãn về đời sống chồng vợ, tài năng bình thường.

+ Nếu lép, sắc khí xỉn:

Dấu hiệu bất hạnh, gia đình ly tán, thay vợ đổi chồng, năng lực kém, sức khỏe không tốt.



- Ở cuối gò ngón cái gần cổ tay là cung “Cấn” thuộc hành Thổ ở phương Đông Bắc và thuộc Âm.

Cung này chỉ về nhà cửa (Điều trạch) còn có tên là (Văn Mô).

+ Cung này đầy, đẹp thì phải có nhà ruộng, điền sản nếu không ít ra cũng có nhà cửa của tổ phụ để lại cho.

+ Cung này bằng thì nhà cửa bé nhỏ, ruộng đất không nhiều.

+ Nếu cung này lép kẹp, màu sắc kém: Dấu hiệu không có nhà riêng sở hữu, mà ở nhà thuê mướn hoặc được cho tặng. Không có đất đai phải “làm thuê cuốc mướn”.

- Dưới lòng bàn tay gần cổ đối diện với cung “Ly” là cung Khảm. Cung Khảm thuộc hành Thủy ở phương Bắc và là cung Âm.

Cung này chỉ về trí tuệ - Mệnh (Căn Cơ) còn gọi là “Hải Môn” (Cửa biển).

Nghĩa ấy (Hải Môn) là đầy voi, là nguồn sông, là phong phú và cạn lún.

+ Nếu cung này đầy (có bờ cao) thì mệnh số khá. Cuộc đời có nhiều vận tốt. Trí tuệ phong phú và mãn tiệp. Nhưng đôi khi sóng gió nổi chìm.

+ Nếu cung này không thành bờ ngăn mà bằng phẳng: Dấu hiệu cuộc đời bình lặng, không nổi chìm.

+ Nếu có rãnh chảy xuống cổ tay, sắc kém: Dấu hiệu người hoạn nạn, tai tiếng, long đong.

- Ở rìa bàn tay phía phải gần cổ tay, đối xứng qua trực dọc bàn tay với cung “Cấn” là cung “Càn” thuộc Hành Kim ở phương Tây Bắc và là cung Dương. “Càn” là Trời thuộc về Cha (cung phụ mẫu).



+ Nếu cung này - cung phụ mà đầy đẹp thì cha khá là người làm nên tài chí hơn người.

+ Nếu bằng thì cha khá nhưng không thọ.

+ Nếu lép thì cha là người kém cỏi.

- Ở phần giữa gan bàn tay, đối xứng với cung “Chấn” qua trục giữa dọc bàn tay là cung “Đoài” thuộc Hành Kim ở cung ở phía Tây và là cung Âm.

Hành Kim màu trắng ở phía tây nên chỉ về con cái (cung tử tức) và bạn bè người giúp, trợ việc (nô bộc).

+ Nếu đầy đẹp thì đông con cái, nhiều bạn và người giúp việc tốt.

+ Nếu đầy mà dẹt phía rìa gan bàn tay: dấu hiệu không có bạn hiền, người giúp việc hay quân quyền không vừa ý mình.

+ Nếu lép kẹp thì hiếm muộn, bạn hữu không tốt.

+ Nếu lép mà sắc khí kém thì tuyệt tự. Bạn hay kẻ giúp việc phản phúc.

- Dưới ngón út đối xứng cung “Tốn” qua cung “Ly” là cung “Khôn”. Cung “Khôn” thuộc Hành Thổ, ở phía Tây Nam, “Khôn” là Đất thuộc Âm là cung chỉ về mẹ.

+ Cung này đầy sắc hồng đẹp: dấu hiệu có mẹ quý, tướng thọ.

+ Nếu cung bằng mà dẹt thì mẹ chết sớm.

+ Nếu cung này lép thì mẹ bần, kém cỏi, không thọ.

XVI. TƯỚNG QUA NGŨ HÀNH THEO QUAN NIỆM PHƯƠNG TÂY.

Các tướng gia phương Tây như Joselt Renald hay bác sĩ người Mỹ Ray Hymann khi nghiên cứu tướng pháp Á Đông



trong phần tướng pháp và quan niệm Ngũ Hành Âm Dương tương sinh, tương khắc, các ông này đã đề xuất quan niệm rằng bàn tay được chia làm 4 phần liên quan đến: Hỏa, Thủy, Thổ và Khí. Bốn phần này do hai đường chỉ: Trí tuệ và định mệnh (saturne) tạo nên.

Thực ra Thủy, Hỏa, Thổ và Khí theo triết học phương Đông và ngay cả Aristot cũng cho rằng đó là 4 thành tố tạo ra sự sống muôn loài.

Các tướng pháp gia Âu, Mỹ muốn cụ thể hóa sự sống là biểu hiện của trí tuệ (*L'esprit*) và định mệnh (*saturne*). Và từ hai đường chỉ này để phân định bốn phần đặc trưng:

1. Phần Dương nằm ở phần trên đường chỉ trí tuệ (*Moulure d'esprit*), dưới các ngón nhẫn và út (*l'annulaire et l'auriculaire*). Nó thể hiện Nam tính - hùng mạnh (+).

2. Phần Âm (-) nằm phía dưới đường trí tuệ và dưới các ngón tay vô danh và ngón út. Thể hiện nữ tính: thụ động. (Hình vẽ dưới).

Đường trí tuệ (*Moulure d'esprit*) nằm ngang xuôi chạy giữ đường Tâm tính (*moulure d'amour et de caractere*).

3. Hai phần còn lại phần phía ngón cái được chia dọc bởi đường định mệnh (*Moulure de saturn*) là thuộc về Dương (+) mang tính hoạt động.

4. Bên phải đường này (*moulure, de saturn*) là thuộc Âm (-) thể hiện tính thụ động.

- Từ quan điểm trên, bàn tay được phân thành phần Dương (+) và phần (-) như sau:

Lấy ngón cái chạy ngang sang gan bàn tay (rìa bàn tay).



Các ngón con			
(Khí) Thiên	Dương (+) Dương (+)	Dương (+) Hỏa Âm (-)	
Ngón cái Thủy			Gan
	Dương (+) Âm (-)	Âm (-) Âm (-)	Bàn tay Thổ
Cổ tay			

5. Từ mô tả như trên ta thấy các ngón tay đều thuộc dương. Thuộc dương tức động (Nó phù hợp cả Thuyết Âm Dương, Ngũ Hành. Đồng thời theo Thuyết Dịch lý động (hoạt động) là thuộc về dương - Các ngón tay luôn hoạt động. Mặt khác, phía trên thuộc trời - Thiền - Càn (☰) và là Khí.

6. Phần dưới có các gò thịt nổi lên. Mỗi gò mang một nghĩa trong bàn tay nhưng theo quan điểm Âu, Mỹ thì các gò là lưỡng tính. Nó thuộc cả Âm (-) lẫn dương (+).

Ví dụ gò Sao Thủy - Thuỷ tinh - Mercure chỉ:

- Tinh thần thì thuộc Dương (+) vì tinh thần hoạt động.
- Chỉ vật chất thì thuộc Âm (-) vì vật chất là thứ thụ động.

Hay gò Sao Kim - Kim tinh - Venus chỉ:

- Tính hoạt động về vật chất thì lại thuộc Dương (+).
- Tính thụ động về tinh thần thì thuộc Âm (-).

Ngược lại đối với gò Mặt Trăng - Thái Âm - La lune thuộc về thụ động nên Âm (-).

7. Việc tách bạch âm dương trong cùng một thứ bản chất thật quá chi ly. Như cũng là vật chất thì tách hoạt động vật chất (làm ra cải hay tính hoạt động của “vật chất” (“Vật chất này khác



của cải) thì thuộc Dương (+). Còn thứ vật chất được tạo ra, thụ động lại thuộc Âm (-).

Suy cho cùng, sự phân biệt Âm (-) và Dương (+) ở đây thật khiêm cưỡng. Một thứ phạm trù Âm Dương chỉ để tách biệt: Phần trên bàn tay và tính hoạt động thực thể mà quy nạp vào Dương; phần dưới bàn tay và tính thụ động của nó mà quy nạp vào Âm (-).

Quan điểm này thật khó vận dụng vào tướng pháp hữu dụng. Nó chỉ đi sâu vào triết thể mà thôi. Nó mang tính Dịch Lý và Âm Dương Ngũ Hành. Quan điểm này chỉ nhằm để mở rộng trong nghiên cứu tướng pháp.

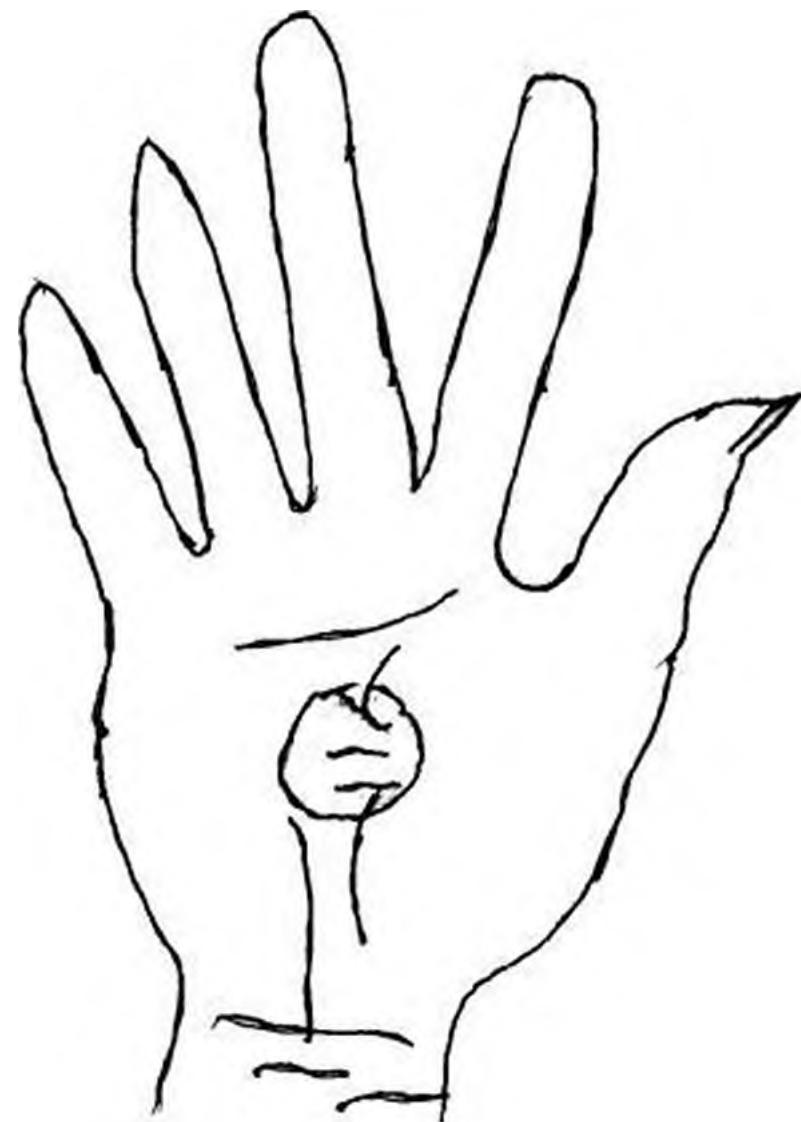


PHẦN IV:

NHỮNG CHỈ TAY ĐẶC BIỆT

I. Tướng thuật về đường chỉ tay qua các bài thơ ở Trung Hoa cổ xưa.

Xin nêu qua mấy bài thơ thí dụ để tham khảo.



Đường chỉ mang ấn

1. Đới ấn Văn

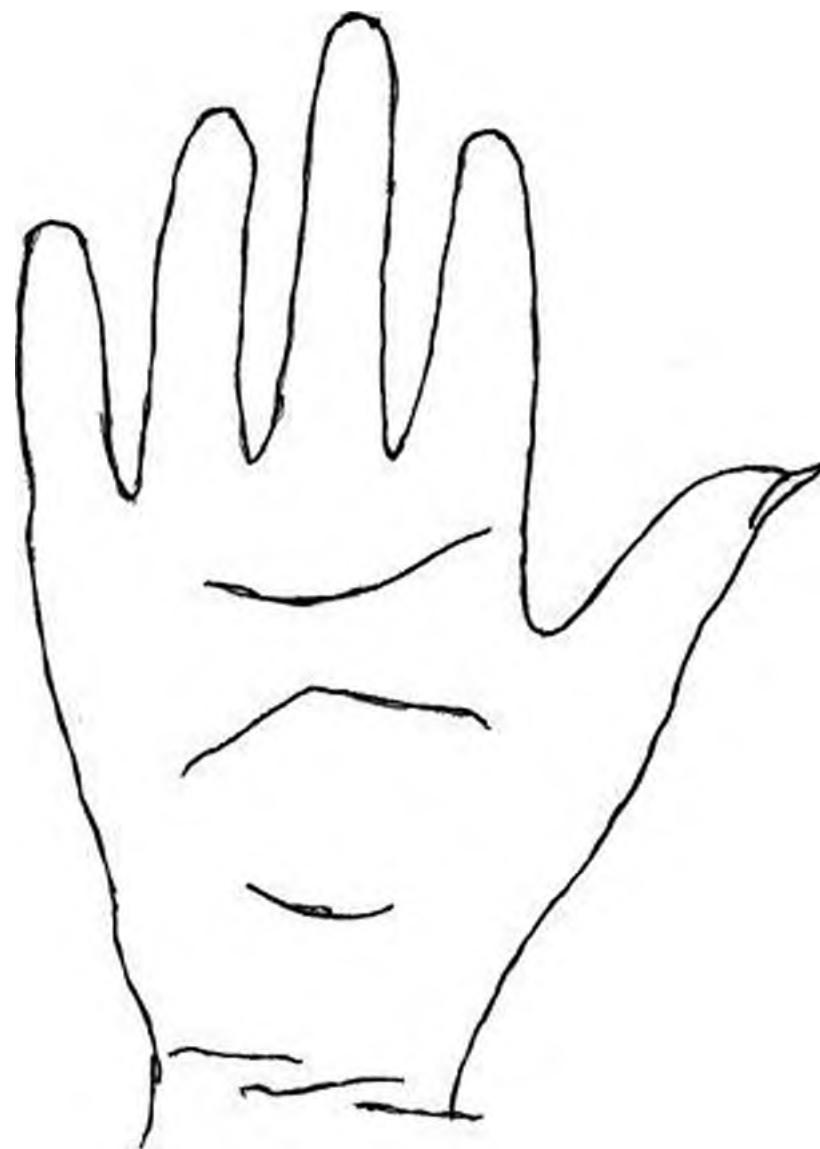
Chưởng thượng văn thư đới ấn hình
Tiến trình hợp chủ, hữu công danh



Mạc ngôn phú quý phí ngô guyện
Tự hữu thanh danh tác tướng khanh.

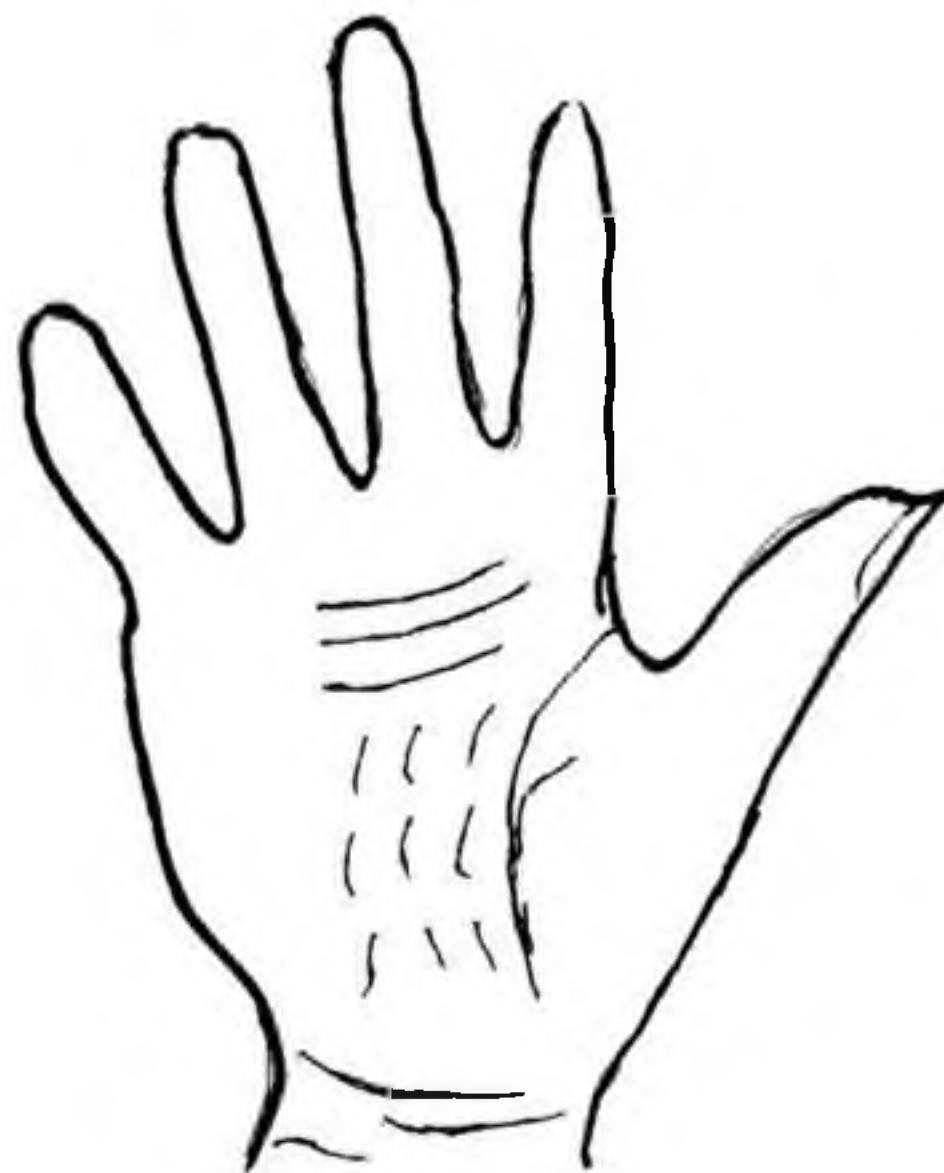
Tạm dịch:

Đường chỉ mang ấn
Đường chỉ mang hình ấn
Gặp chủ, có công danh
Phú quý không như ý
Cũng là kẻ công khanh.



Đường chỉ Quang quý
Số nhàn hạ, quan cách, tính lanh đạm





Đường chỉ tướng văn
*Tính đôn hậu, văn chương khoáng đạt
số quan cao, lộc hậu.*

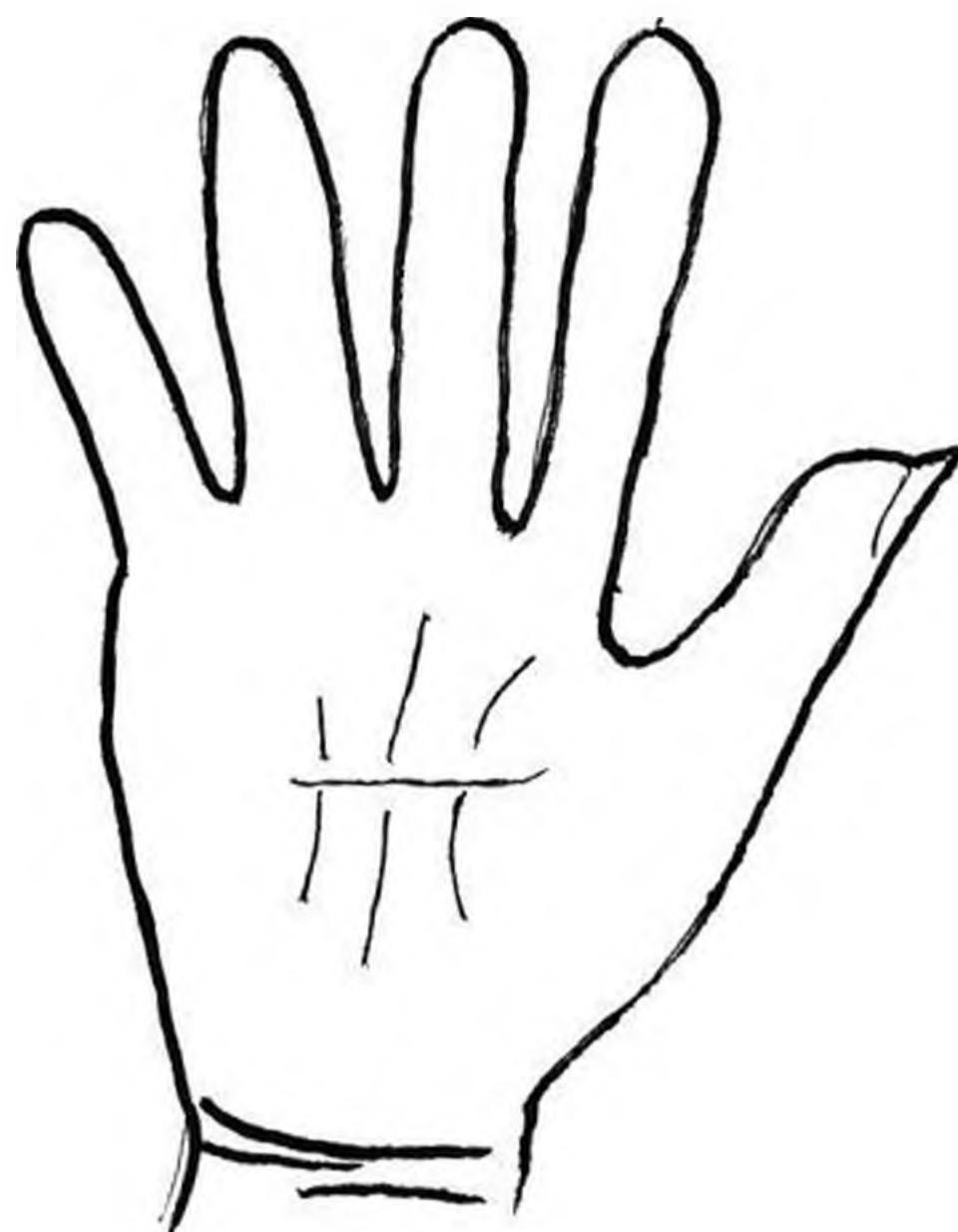
2. Trí tuệ Văn

Trí tuệ văn danh viễn dư dương
Kỳ văn trực tượng vi Văn thương
Bình sinh động tác thường tự lự
Từ thiện kiêm vô hoành họa ương.

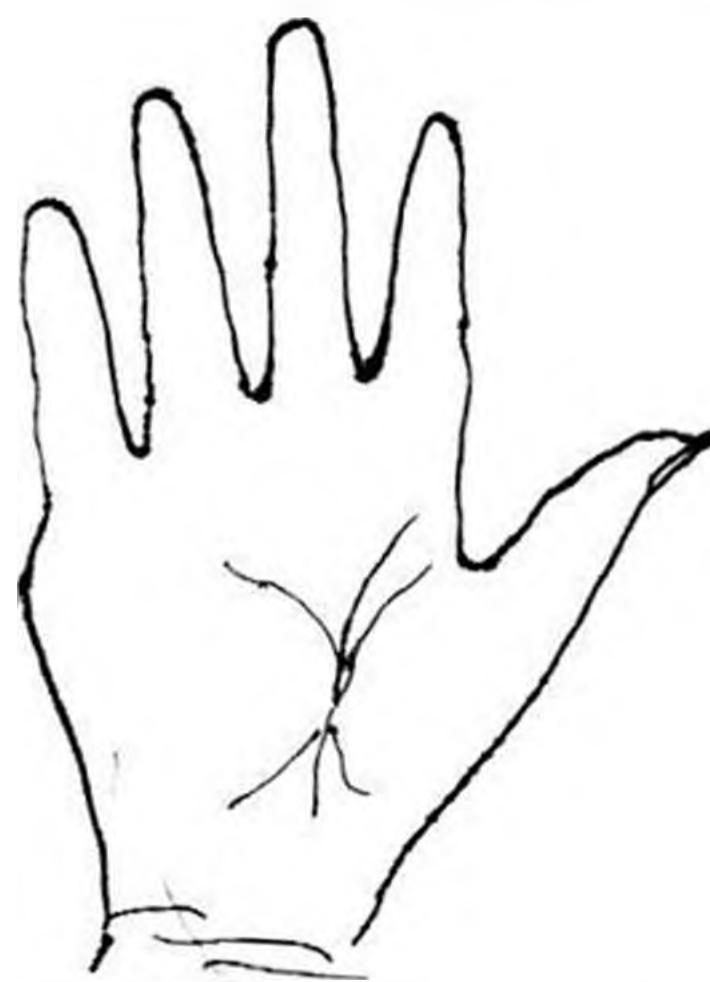
Tạm dịch:

Đường chỉ trí tuệ
Trí tuệ đường văn thẳng khác thường
Tên tuổi vàng xa bởi văn chương
Sinh thời giàu cảm luôn tư lự
Lòng thiện đi cùng với tai ương.





Đường chỉ trí tuệ



Đường chỉ sáu cánh hoa

(Lưu ý: Chỉ thể hiện những chỉ đặc trưng trong các đường ở bàn tay).

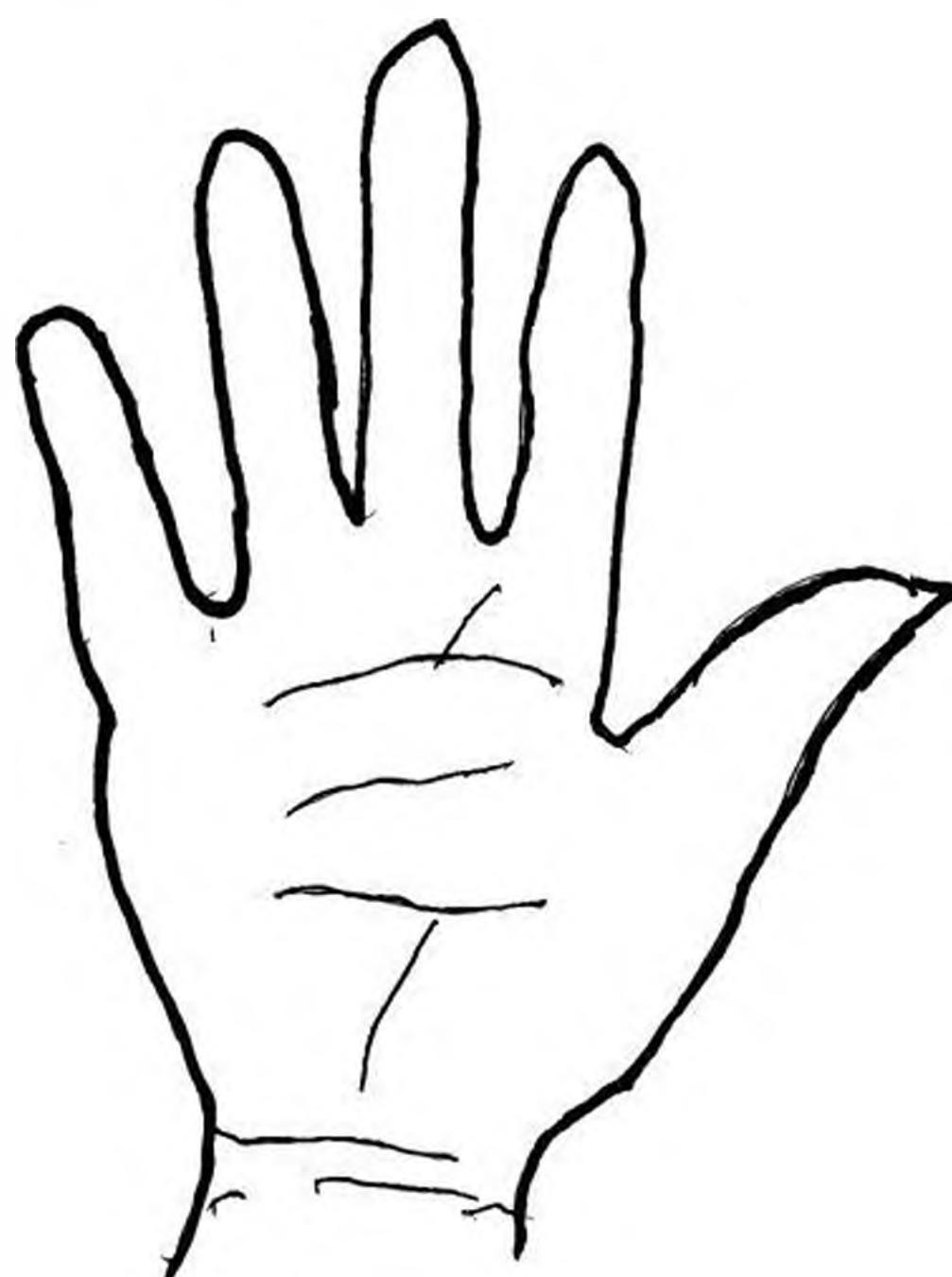


3. Lục Hoa Văn

Nhược nhân hữu thử lục hoa văn
Thu nhận thân chiêm vũ lộ ân
Khả hứa vi quan tu thị tòng
Khánh vai văn tuế dịu chu môn.

Tạm dịch:

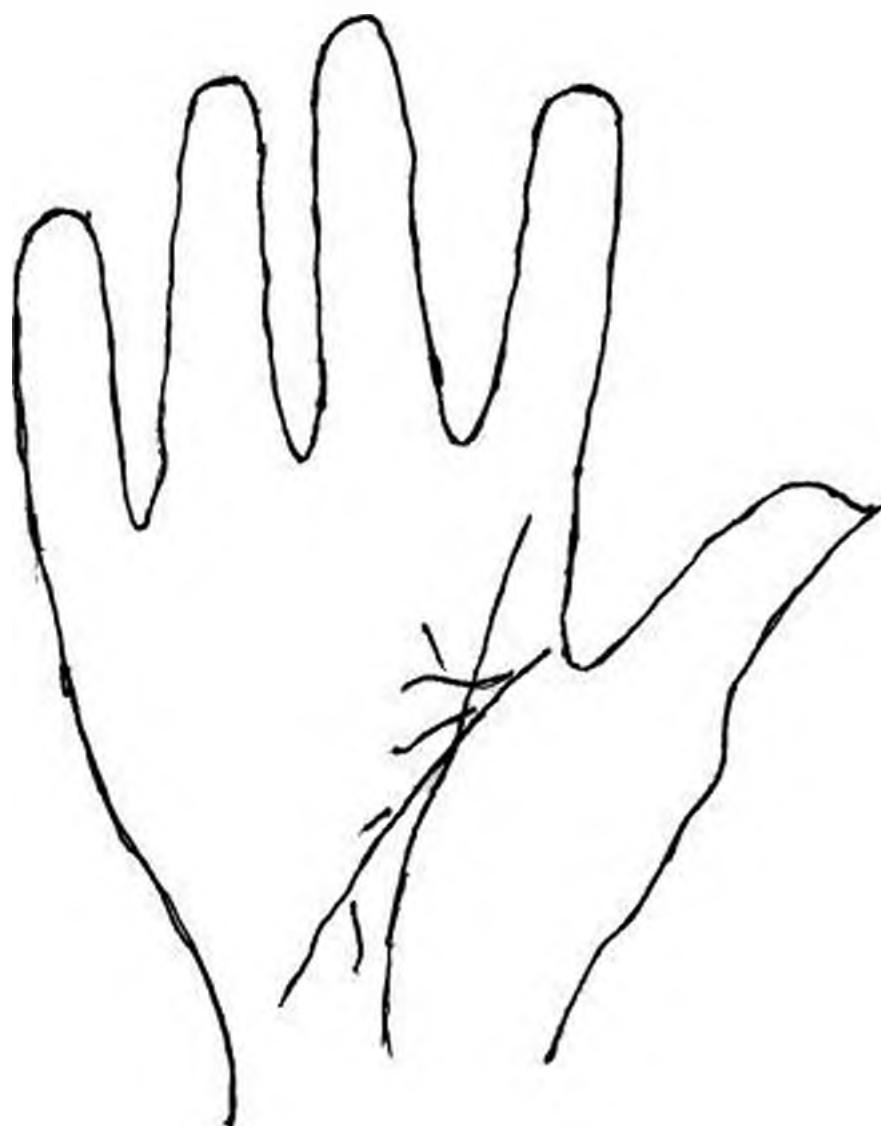
Đường chỉ sáu cánh hoa
Đường chỉ giống cánh hoa
Sẽ được hưởng ơn vua
Chức sẽ là khanh tướng
Hưởng phúc lành đến già.



Đường chỉ sao Hạ cái

Ân công nhiều, đời tốt lành phúc lớn may mắn suốt đời





Đường chỉ khắc ký cha

*Tinh thông nghề nghiệp khi nhỏ không hòa hợp với cha.
(Lưu ý: Chỉ về những chỉ đặc biệt trong các đường chỉ
có ở bàn tay)*

4. Khắc phụ Văn

Thiên văn phách sách triều trung chỉ
Thử thị khôi tinh thành khả hỷ
Cánh hưu công chi phùng trung tâm
Thiếu niên khắc phục vô sở truyền

Tạm dịch:

Đường chỉ khắc cha
Trí tuệ hướng ngón trỏ
Công danh ắt sẽ có
Nghề giỏi, có vợ giỏi
Khắc cha không lời truyền!





Đường chỉ khắc mẹ

Chỉ xung phá vùng Thái Âu: Mới ra đời đã mất mẹ.



Ba đường chỉ thảm sát

Hai vợ con, trung niên cô độc, vì ba chỉ song song

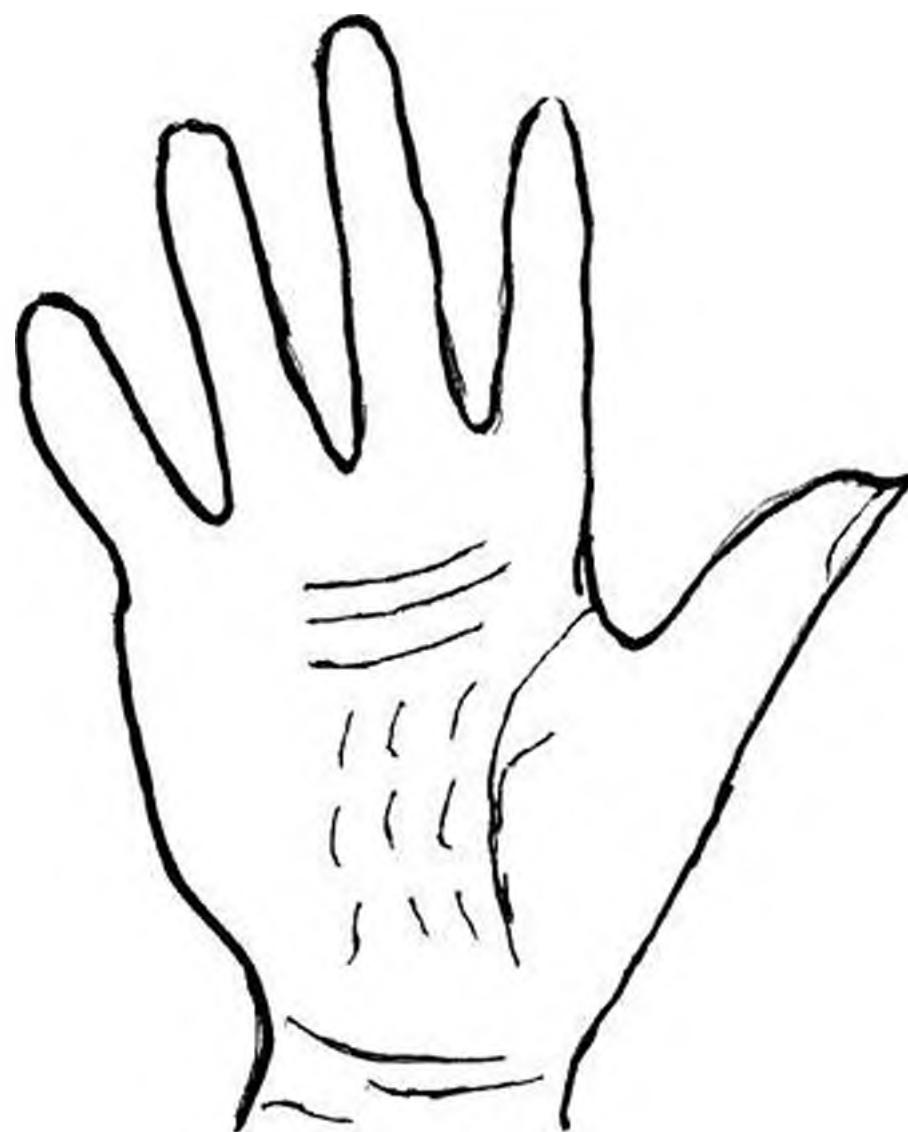


5. Tam Sát Văn

Tam Sát Văn xâm thê tử vị
Vị hai thê tử khôn thùy lệ
Nhược hoàn kiếm khắc hâu tu kinh
Miền chí trung niên cô độc thùy.

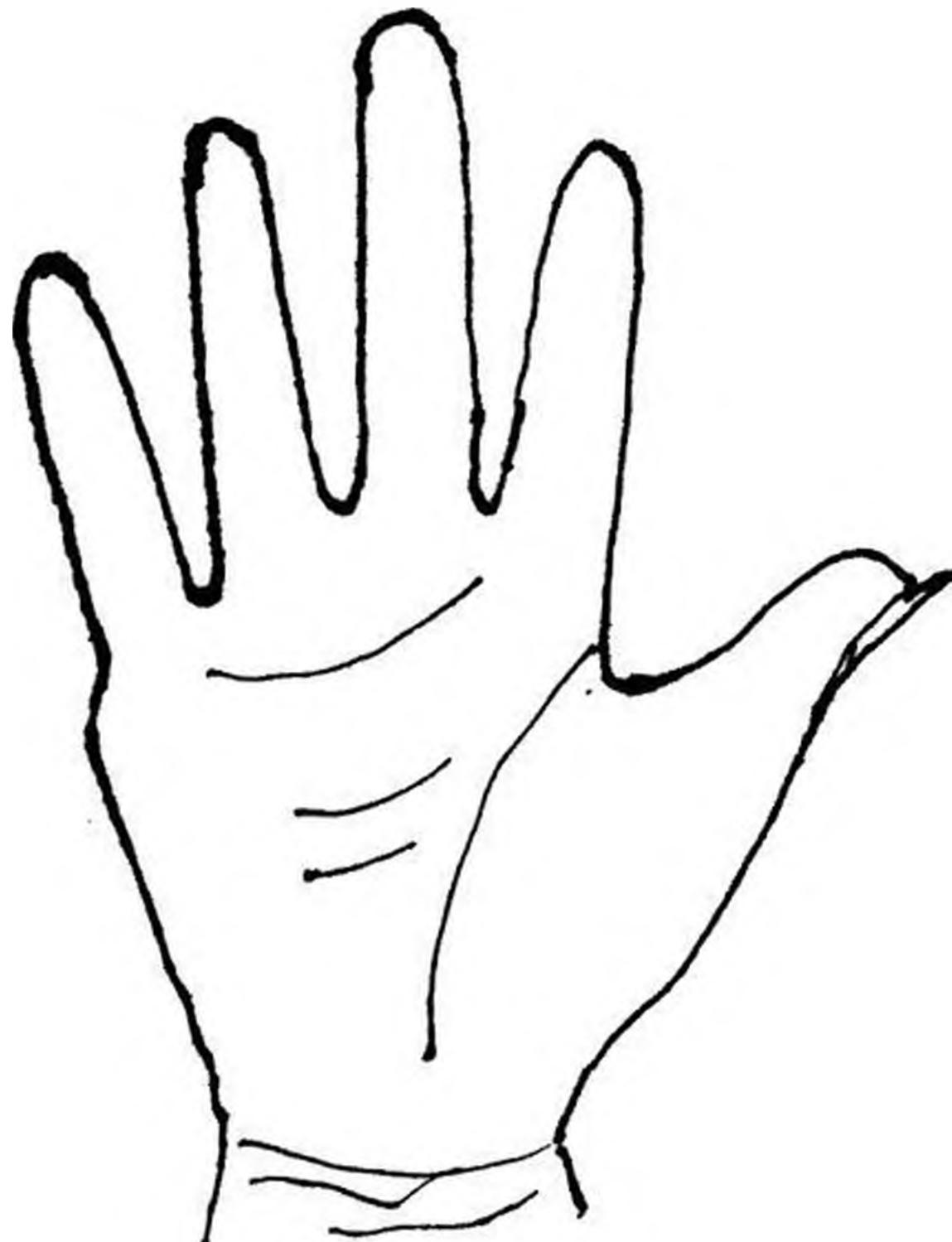
Tạm dịch:

Ba đường chỉ thảm sát
Ba chỉ song đứng, hai vợ con
Cuộc đời thê, tử lệ trào tuôn
Dẫu bớt giận hờn như không có
Trung niên vẫn phải sống cô đơn!



Đường chỉ hỗn loạn,
*ham thích lạc thú, xa hoa mê đắm sắc dục quên cả mẹ
cha nhà cửa.*





Đường chỉ đào hoa

Thích chè chén, sống xa hoa, cuộc đời cô độc.



PHẦN V:

TƯỚNG CHÂN VÀ THÔNG TIN

I. KHUÔNG HÌNH

Chân là trụ đỡ thân thể là cơ quan quan trọng để di chuyển. Trong tướng pháp là Hạ Đinh. Nó có những nét cơ bản để cung cấp thông tin.

Nhin chung chân phải vững chắc, cứng cáp sẽ tạo thành dáng thế đi, đứng của con người.

Chân mảnh khảnh, yếu oặt thì hèn kém rồi.

- Chân không có lông; số hèn mọn lao khổ “vô mao phi quân tử” con người nhỏ nhen, bần tiện, nhân cách tầm thường.

+ Có vừa lông: Người hoạt bát dễ thích nghi hoàn cảnh, tự tin và đại lượng, ôn hòa.

+ Chân rậm lông, cứng: Người lười hoạt động, tự kiêu, ngang bướng, nóng nảy, ít quan tâm tới người khác.

- Chân béo, bóng mẩy: Nhiều tham vọng vật chất.

- Chân khô gầy: Nghèo hèn, tần tiện.

- Chân suôn thẳng cân đối: Thùy my, có tâm đức.

- Chân dài: Kiêu kỳ, nhiều tham vọng vật chất.

II. BÀN CHÂN.

- Bàn chân to chắc vững trãi người có bản lĩnh.

- Bàn chân bé nhỏ: Người ủy mị, yếu ớt.



- Bàn chân đầy thịt: Người tham vọng vật chất.
- Bàn chân thon, gót hoa hồng: Phúc hậu, hiền dịu.
- Bàn chân mỏng quẹt: Nghèo hèn, lao khổ.
- Bàn chân xương sẩu: Nóng nảy.
- Bàn chân đầy lông, bàn chân hồng, mềm: Quý, nhàn hạ, giàu sang.
- Bàn chân có nốt ruồi dưới lòng quý tướng, người có mệnh số cao siêu.
- Bàn chân vẹo vẹo, gầy yếu: Người khổ ải, nghèo hèn.

III. NGÓN CHÂN.

1. Ngón chân đều ngay ngắn, móng đều, bóng: Tâm hồn luôn thư thái, sống thiện tâm.
 - + Nếu ngón gầy thì người có bản lĩnh.
 - + Nếu ngón béo thì nhàn hạ.
2. Ngón vẹo vẹo: Người luôn bận tâm, chịu khó làm lụng. Người nóng tính, hấp tấp.
 - + Nếu ngón xòe tòe ra: Vất vả, lao tâm, nghèo.
 - + Nếu ngón lại gãy, gót bè bẹt thì tính ti tiện, thiếu nhân cách.
3. Ngón chân cái ngắn dùi đục: Khổ ải.
4. Ngón thứ hai dài hơn ngón cái: Số mồ côi mẹ. Thuở thiếu thời long đong thiếu thốn, cô đơn.

IV. MÓNG CHÂN.

1. Móng chân thuộc “thường biến”. Nó thay đổi thường xuyên giống móng tay. Móng chân cũng có biểu tượng “duy biến” về hình móng: Còn “thường biến” có tính y biểu. Nghĩa



là về hình móng chân ít thay đổi. Nó chỉ thay đổi ít nhiều theo thời vận so với lúc mới sinh ra. Ô van, vuông, tròn...

2. “Thường biến” là do nghề nghiệp, do bệnh tật và thuốc uống lâu ngày làm tướng thay đổi sắc trạng.

Móng chân sẽ mỏng, dày, cứng, sần sùi hay bóng láng... đều tuỳ thuộc “thường biến”.

Vì vậy khi xem móng tay thì móng chân cũng tương tự. Chú ý là nói móng tự nhiên chứ không phải móng tu sửa, nhuộm v.v...

V. TƯỚNG ĐẦU GỐI.

1. Đầu gối nằm trong phần tướng chân và do tướng chân chi phối. Song trong tướng pháp có phần nghiên cứu riêng về nó.

Việc nghiên cứu riêng xuất phát từ quan niệm dân gian về đầu gối của mỗi người. Qua quan sát đầu gối mà có thể hiểu được bản tính của người nào đó.

Vì vậy có phái gọi là tướng đầu gối.

2. Các hình dạng đầu gối và thông tin:

- Đầu gối to đùng:

Tướng người thích nhàn nhã, không ham công việc, nhưng bản tính không đứng đắn, hay làm việc bậy bạ.

- Đầu gối cứng cáp, khô là người tráng kiệt, nhanh nhẹn. Bản tính rộng rãi, hảo tâm.

- Đầu gối tròn lẳn không lộ: Tướng không thích hoạt động nhưng người có lòng thiện.

- Đầu gối nổi trồi xương bánh chè ra: Tướng siêng năng. Bản tính ham dục vọng và tần tiện.

Phần trên chỉ là tướng đầu gối của nam giới.



3. Đầu gối của phái nữ chỉ có 2 loại: Tròn lắn và cứng thô.
- + Tròn lắn thì tốt, nhàn, có phúc.
 - + Cứng thô thì nghèo khổ, vất vả phái chịu phận hèn kém.



PHẦN VI:

CÁC NGÔI SAO L'ÉTOIL - STAR TRONG BÀN TAY VÀ CÁC Ý NGHĨA

I. CHÚNG TA BIẾT RẰNG trong lòng bàn tay không chỉ có các đường vân, các đường chỉ mà còn có hình đặc biệt của những vạch nhỏ như dạng sao (sáu cánh) dạng dấu thập, dạng dấu nhân, dạng vòng, dạng đảo, dạng dấu chấm (điểm).

Ngay cả những hình dạng đã cho ta thông tin dự báo mà các sắc khí thể hiện trên nó cũng cho ta những thông tin dự báo.

Như vậy tất cả những dấu hiệu có trong lòng bàn tay đều cần phải biết và cần thiết cho dự báo thông tin.

II. CÁC NGÔI SAO.

1. Ngôi sao đứng đầu đường sinh mệnh (số 1): Dấu hiệu cho thành công trong binh nghiệp.
2. Ngôi sao ở cuối đường trí tuệ (số 2): Dấu hiệu rất thông minh nhưng đồng thời có thể bị thần kinh, điên loạn.
3. Ngôi sao ở gò Sao Thổ - Thổ tinh (số 3): Dấu hiệu của sự bạo hành, độc quyền và sẽ bị huỷ hoại danh tiếng bất ngờ.
4. Ngôi sao ở cuối đường định mệnh (moulure saturn) (số 4): Dấu hiệu thất tình.
5. Ngôi sao ở gò Mặt trời - Thái dương (Le solei) dưới ngón



vô danh - ngón nhẫn (*l'annulaire*) (số 5): Dấu hiệu vô cùng may mắn về danh vọng và tiền tài, hạnh phúc.

6. Ngôi sao nằm trên gò Sao Kim - Kim tinh (Le Venus) gò ngón cái (số 6): Dấu hiệu thành danh về võ nghiệp, quân sự.

7. Ngôi sao nằm trong gò Sao Hỏa Dương - Hỏa tinh dương (Le Mars actif) (số 7) dưới ngón trỏ và cái: Dấu hiệu thành công trong khoa học, là thiên tài.

8. Ngôi sao đóng trên gò Sao Hỏa - Âm - Hỏa tinh âm (Le Mars ne'gatif) (số 8) dưới gò ngón út ở rìa bàn tay, ở trên gò Mặt Trăng - Thái Âm (La lune): Dấu hiệu sẽ có kết quả trong hoạt động văn hóa.

9. Ngôi sao đóng trên gò Mặt Trăng - Thái Âm (La lune): Dấu hiệu giàu tưởng tượng trong công nghệ, văn hóa văn học, hội họa. Và có thể có thủy nạn.

10. Ngôi sao đóng ở Sao Thủy - Thủy tinh (Le merure) (số 10) nằm dưới ngón út (*L'auriculaire*): Dấu hiệu may mắn về nghệ thuật.

11. Ngôi sao đóng ở đầu ngón út - *L'auriculaire*: Dấu hiệu thành công về lĩnh vực ngôn ngữ.

Người có tài hùng biện (nghề tuyên truyền, MC, luật sư, diễn giả).

12. Ngôi sao đóng trên gò Sao Mộc, Mộc tinh - La Juspiter (số 12) dưới ngón trỏ: dấu hiệu tham vọng và thành công trên chính trường.

13. Ngôi sao ở đầu các ngón trỏ, ngón giữa và ngón nhẫn - *L'index, Le nudius et l'annulaire* (số 13): Dấu hiệu thiện tâm, các mạnh Thường Quân - hảo tâm và đồng thời là người có khả năng ngoại cảm, thôi miện các nhà cảm xạ học.

14. Ngôi sao đóng ở Đồng Sao Hỏa - Đồng Hỏa tinh ở khu



giữa lòng bàn tay (số 14): Dấu hiệu có tài năng uyên bác của các nhà phát minh khoa học.

* *Lưu ý khi có những ngôi sao có đồng ý nghĩa như các số 13 và 14 thì chỉ cần có một ngôi sao ở một nơi là đủ. Không nhất thiết phải có đủ tất cả.*

- Ngoài những ngôi sao đóng ở các vị trí trên còn nhiều ngôi đóng ở chỗ khác của lòng bàn tay cũng có những giá trị khác nhưng thường bổ trợ cho những khu vực đó. Tức nó làm tăng giá trị khu vực đó.

- Cũng phải nói thêm rằng không phải có nhiều bàn tay có các sao. Ở đây chỉ nói đến những bàn tay nổi bật.

- Bàn tay còn có các kiểu dấu thập, nhân, chấm thì có nhiều. Đó là những dấu hiệu không tốt.

- Không chỉ trong lòng bàn tay có chỉ, vân và các dấu hiệu đặc biệt. Mà ngay ở mu bàn tay cũng có các vân rất linh nghiệm về thông tin. Vì vậy tướng pháp Trung Hoa có nói về “Ngũ Hòa” ở mu bàn tay, “Ngũ Hòa” là năm sự hòa hợp là tướng tốt: Giàu sang, phúc thọ, khang, minh, vinh, hiển.

Nếu năm thứ không hòa hợp thì: Nghèo, hèn, bạc, nhược, nhục, lao, đần, yếu.

Ví như mu bàn tay có nốt ruồi đen; có đường chỉ lạ - Minh Đường, hay đường chim bay. Đó là quý tướng là sự “Ngũ Hòa”.

III. CÁC DẠNG DẤU ĐẶC BIỆT CỦA ĐƯỜNG CHỈ LÒNG BÀN TAY.

1. Như đã nói các dạng đặc biệt khác ngoài các ngôi sao



may mắn thì các dấu thập chỉ sự bạo tàn còn các dấu nhân và dấu chấm chỉ sự ngăn trở đứt đoạn, giang dở. Các ốc tròn, các khung vuông, ám chỉ hiểm họa không lường.

* Trong thực tế có bàn tay Adolf Hitler - Trùm Đức Quốc xã có ngôi sao ở đầu định mệnh (Saturn) trên gò Sao Thổ - Thổ tinh. Đây là ngôi sao may mắn nắm giữ quyền cao chức lớn. Song sẽ bị ô danh. Lại có hai ốc đảo ở Đồng - Hỏa - Tinh là người tài ba làm khuynh đảo thế giới. Các chữ thập ngoặc ở cuối đường sinh mệnh (moulure de vie) là biểu tượng của ý tưởng. Vì vậy Adolf Hitler lấy chữ ngoặc làm phù hiệu cờ của Quốc xã để chế.

Điểm đặc biệt nữa là có tới hai đảo và vạch nhỏ thành cát ở gò Mặt Trăng - Gò Thái Âm - Tertre de Lune và một ốc ở gò Sao Kim, gò Kim Tinh (Tertre de venus).

Hơn nữa có một “bát sách” (Khung vuông bên cạnh một ốc ở đầu giáp Hỏa tinh - Dương và gò Kim tinh. Dấu hiệu của cái chết bí mật.

Bàn tay này đã được các nhà tướng pháp Châu Âu nghiên cứu kỹ những năm 1929 - 1931 với những dự báo ngầm ngầm của họ. Tuy họ không dám tiết lộ thời Adolf Hitler còn sống, nhưng sự thực đã diễn ra gần như vậy khi Adolf Hitler chết bí mật năm 1945.

Sự thực cuộc đời của Adolf Hitler đã minh chứng cho những dự báo trong bàn tay của ông ta theo “The Hand” của Joself Renald.



CHƯƠNG VI

CÁC TƯỚNG ĐỘNG VÀ TĨNH VỚI NHỮNG THÔNG TIN DỰ BÁO

Trong tướng pháp còn đề cập đến các động tướng như: Tướng tiếng nói (thanh tướng) tướng đi, tướng cười, tướng nhìn, tướng ăn và tĩnh tướng như: Tướng ngồi (tọa tướng), tướng nằm (ngoa tướng).

Con người qua các động, tĩnh tướng trên thể hiện bản chất và tính cách của mình. Vì vậy tướng pháp quan tâm nghiên cứu để từ đó rút ra những thông tin dự báo tham khảo.

PHẦN I:

TƯỚNG TIẾNG VÀ THANH (THANH TƯỚNG) - GIỌNG - ÂM

Ai cũng có thanh, còn không phải ai cũng có tiếng (người câm có thanh không có tiếng). Mặt khác thanh khác nhau ở



người khác nhau; tiếng khác nhau của dân tộc khác nhau và hạp hóa các bộ lạc, các tộc người, hạp hơn nữa là giữa người này và người khác cũng khác nhau.

Ở đây ta chỉ nghiên cứu thanh, tiếng người Việt Nam. Tướng pháp đơn cử một số kiểu thanh tiếng biểu hiện biểu tướng đặc trưng để nhận biết thông tin dự báo về từng loại thanh, tiếng đó với nhân cách.

I. THANH - GIỌNG - ÂM.

Ngày xưa tướng pháp Trung Hoa chỉ phân chia ra năm bậc âm (ngũ âm) áp Ngũ Hành: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ:

- Trầm: Thuộc thổ: Thanh trầm dày - BaP - Base.
- Thương: Thuộc Kim: Thanh cao - Hài hòa.
- Giác: Thuộc Mộc thanh vừa.
- Vi: Thuộc Hỏa nhỏ nhẹ.
- Vũ: Thuộc Thủy Thanh tròn trầm hùng.

Như vậy âm thanh cũng tuân thủ thuyết Âm Dương Ngũ Hành.

Cách phân chia như vậy phù hợp tương đối về âm vực của người. Do vậy Âu Châu muốn chính xác hơn đề ra 7 nốt âm cơ bản thêm 2 thăng (2 giáng) gồm: Đô, Rê, Mi, Pha, Son, La, Si, Đố và 2 thăng ví dụ Si thăng = Đô giáng hay la thăng = Si giáng v.v....

Song thực ra có 7 âm vực là đủ biểu hiện chính xác âm vực mà con người có thể hiểu rõ.

Trong lĩnh vực thanh tiếng không đề cập tất cả mà chỉ đơn cử:

1. Âm vang to: Quý tướng - bậc quan tướng.



(Thanh phát ra không bị cản trắc mà vang xa khí xuất ra từ Đan Diền (dưới rốn 2 thốn) mà âm vang ấm.

2. Âm nhỏ tắc: Tướng hèn yếu, kém cỏi.

3. Thanh trong và tròn: Quý tướng, giàu có, vui tươi (ấm, nặng, hài hòa, ngân vang) - Giọng của ca sỹ.

4. Thanh ngắn đứt (phát ra từ cổ họng và lưỡi tạo thành thanh gấp gáp rối loạn, nặng bình bịch: tướng hèn hạ, tiểu nhân.

5. Âm trung bậc dễ nghe: Người điềm đạm, nhân cách thiên tâm.

6. Âm cao ré (phát ra chát chúa, the thé): Tướng đanh đá, nhỏ nhen, ti tiện.

- Tóm lại âm thanh của người cũng như âm của chuông, trống... Nó phát ra càng to vang vọng càng quý. Ngược lại nhỏ tắc (không vọng) thì tồi. Người ta hay nhầm lẫn giữa âm thanh và tiếng nói. Hoặc đồng trộn hai lĩnh vực này.

Phải hiểu rằng tiếng nói là ngôn ngữ bên ngoài. Nhờ vào âm vực để thể hiện ngôn ngữ bên trong (ý nghĩ, tư tưởng và tình cảm ẩn). Âm là xác được phổ hồn ngôn ngữ bên trong để thành hiện diện biểu đạt tức tiếng nói, tiếng kêu của loài vật, tiếng hót của chim chóc.

II. NGÔN NGỮ BÊN NGOÀI - tiếng nói chứa đựng tất thảy ngôn ngữ bên trong của đồng loại (như loài người hay loài vật, chim chóc). Nhưng khi thành tiếng (lời) thì phụ thuộc chủng tộc, loài vật khác nhau thì khác biệt.

Quan niệm còn cho rằng tiếng nói là “tiếng của con tim” nên từ đó mà có thể biết được mệnh lộc. Quan niệm này đã thiếu



nhiều ẩn tính của tiếng nói (ở đây chỉ bàn đến tướng pháp chứ không nói về lĩnh vực ngôn ngữ học).

1. *Lời (tiếng) nói của người đức độ, phong nhã thi:*

Có lẽ nghi:

Không thô lỗ cục cằn.

Có thứ tự, mạch lạc.

Từ tốn với âm lượng bình hòa có nhạc điệu.

2. *Lời nói khiêm nhường lễ độ:* Người đứng đắn độ lượng, hiểu biết rộng phong độ, đĩnh đạc, đàng hoàng.

3. *Lời nói trầm tĩnh khúc triết từ tốn:* Tiếng nói của người luôn điềm tĩnh, tự tin, có trí tuệ.

4. *Lời nói huyễn hoang, nôn nóng, thô thiển.* Đây là tiếng nói của những người nhỏ mọn, tự cao tự đại, nhân cách vô học.

5. *Lời nói cằn nhặt:* Tâm tính khó khăn.

6. *Lời nói lộn xộn, gấp gáp:* Tính láu táu, trí tuệ kém cỏi.

7. *Lời nói lí nhí:* Bản tính yếu đuối, hèn kém, nhút nhát.

Những kiểu lời nói như trên mang tính bản chất không thể pha trộn, không đóng kịch, giả tạo thì nó thể hiện đúng thông tin đã nêu về bản tính.

Trong giao tiếp mà lời nói thường ngày như vậy thì bản tính người được thể hiện đúng như vậy.

Cuộc sống thay đổi, bản tính khó thay, lời nói cũng vậy. Nó bộc lộ tự nhiên. Không kệch cợm xã giao thì lời nói là thực. Mà thực thì mới gọi là “thanh túng” và tướng pháp mới xem xét đến.

Đánh giá thanh túng thì về phần âm vực dễ còn lời tiếng thì khó. Chỉ có thể quan sát từ xa và thường nhật mới định rõ được.



PHẦN II:

TƯỚNG ĐI VÀ THÔNG TIN

I. ĐI là động, thuộc dương thể hiện phong thái và tính cách của con người. Nội tâm, nghĩ suy thế nào thì bước đi sẽ đồng điệu như thế.

Vì vậy mà quan sát bước đi, dáng đi ta có thể phán đoán được tính cách sang, hèn của người đó. Người có phúc tướng đi như nước chảy không dừng. Nghĩa định dáng không giao động. Người tầm thường bước đi như cây gặp gió. Chân nặng, người nhẹ chao đảo ngả nghiêng.

Để cụ thể ta có thể phân các dáng đi tự nhiên sau đây:

II. DÁNG ĐI

1. *Dáng đi ung dung, uy nghi, bước dài, vững trãi, khoan thai, người và đầu thẳng, mắt nhìn thẳng*: Tướng vua quan uy quyền, cơ mưu.

2. *Bước đi điềm tĩnh, người và đầu không động đậy, không ngó nghiêng*: Mưu mô tâm địa khó lường, tướng quyền uy kiêu hanh, tự phụ hùng mạnh. Dáng vua, quan, tướng soái.

3. *Dáng đi thư thả, bình lặng*: Tính ôn hòa, cuộc đời no đủ, an nhàn.

4. *Đi chân không bén đất*: Phá gia sản tha hương, tính nôn nóng, gấp gáp, đời nghèò khổ không dừng, không thẹo.



5. *Dáng đi lấp sấp vội vã*: Tính tình bất ổn, suốt đời lo lắng, thiếu thốn.

6. *Đi đầu cúi gầm nhìn đất hay ngó lại phía sau*: Tướng tự ti, không bản lĩnh, bản chất lầm lỳ khó tiếp thu, thân phận hèn kém, xảo quyệt, thâm trầm.

7. *Dáng đi lắc lư uốn éo (dáng rắn bò)*: Tướng cô độc, gái sát phu (nhiều đời chồng); Bản chất người không thật thà, tham lam bẩn xỉn và không thọ.

8. *Dáng đi bình lặng nhưng hai bàn tay nắm chặt*: Tính khó đăm đăm, giữ cửa, tính toán chi ly.

9. *Đi mà hai bàn tay duỗi thẳng các ngón tay* thì là tướng hoang phí, tính xởi lởi, ít tính toán.

10. *Đi mà hai bàn tay khum tự nhiên* tướng: Căn cơ nhưng thiện tâm.

11. *Dáng đi đầu chuí về phía trước*: Tướng vất vả đủ đường (vật chất, hạnh phúc, công danh, nghề nghiệp).

12. *Đi mà đầu ngửa ra sau*: Tướng ngu đần, vũ phu.

13. *Dáng đi ưỡn thân ngực đầu cất cao*: Tướng tự phụ, cao ngạo, coi thường thiên hạ. Không bao giờ nhận ra lỗi của mình.

14. *Bước đi nặng nề*: Người suốt đời lo nghĩ, bất hạnh khổ đau.

15. *Bước đi hai chân song song người thẳng*: Tướng giàu bất chợt nhưng cuộc đời phải đeo dây.

16. *Bước đi hai tay lingleton xa quặt chéo về sau*:

- Nếu là con trai thì đồng tính, tầm thường.

- Nếu là con gái thì chua ngoa, nhưng dễ thõa dâm đãng.

17. *Bước đi hai tay lingleton xa quặt chéo phía trước*: Tính đóm dáng, xởi lởi, quan tâm mọi người.

18. *Bước đi chậm chạp*: Tính lười nhác, bất cần.



19. *Dáng đi nặng lè* (oạt đầu gối - lặc lè về sau) tướng khất khưởng, gian xảo, bần tiện, yếu tướng.

20. *Dáng đi lệch bên này, bên kia*: Tướng thiếu khiêm tốn, tâm tính mưu mẹo, luồn lách.

Hai mươi dáng đi rất đại diện đặc trưng những nhân cách khác nhau của động tướng người.

Muốn đánh giá dáng đi thì phải quan sát từ xa và khi người đó đi một mình tự nhiên mới không lầm.

III. TƯỚNG PHÁP TRUNG HOA cũng rất coi trọng động tướng để xem và dùng người. Tướng pháp Trung Hoa thường so sánh dáng đi của người với dáng đi của loài vật, từ đó mà áp vào tính cách của người, ví dụ:

1. Dáng đi của Rồng, Hổ, Sư tử thì quý, uy quyền.
2. Dáng đi của Rắn, Rùa, Chuột, Trâu, chim Hạc, chim Khổng Tước, dáng đi của Chó Sói v.v...

Thực ra cách so sánh này rất hạn chế và không đại chúng khó nắm bắt ví dụ: dáng đi của Chuột, của chim Khổng Tước chẳng hạn.

Việc định dáng đi với 20 kiểu trên thì đã được không chỉ các tướng gia, mà cả các nhà dân tộc học tổng kết qua nghiên cứu điều tra mà có.

Mặt khác, với cách thức như vậy thì ai đó tò mò cũng có thể nắm bắt dễ dàng kiểu “Tướng pháp đại chúng” mà áp dụng.

Tướng đi thuộc “duy biến”. Khi đứa bé đi vững vàng coi như đã định tướng; Khi định tướng rồi thì rõ tướng đi. Nghĩa là đến lúc đó (khoảng 9 tuổi thành niên đến 30 tuổi). Tướng đi đã rõ ràng bản tính.



PHẦN III:

TƯỚNG ĂN UỐNG (SỰC TƯỚNG)

I. ĂN cũng có tướng và đã được Tướng pháp nghiên cứu kỹ. Cách ăn của từng người thể hiện nhân tính. Tướng ăn thuộc “duy biến”. Nó hình thành sau và cũng thay đổi theo thời vận và bệnh tật. Khi thành niêm ăn khác, khi định tướng ăn khác, khi thành danh ăn khác và khi ăn thành bệnh sẽ thay đổi tính tình “Từ bệnh sinh mệnh”.

Vì vậy mà nói tướng ăn “duy biến” chứ không “bất biến và thường biến”.

Người xưa nói: “Ăn nhiều thì loạn” - “loạn” ở đây chưa nhiều nghĩa đều có nguyên nhân từ ăn mà ra.

Ăn uống là động tướng nó thể hiện tính tình và phong cách sang hèn, cuộc đời sướng khổ. Tất thảy cũng bộc lộ ra từ cách ăn uống.

II. KIỂU CÁCH ĂN UỐNG VÀ THÔNG TIN.

1. Ăn khoan thai, không phát ra tiếng, không hở răng: Tướng kín đáo, lịch lâm, tính thận trọng, hiểu biết rộng.
2. Ăn uống từ tốn: Tính ôn hòa, biết điều.
3. Ăn lấy ăn để, cặm cui ăn: Tính bần tiện, tham lam.
4. Ăn thong thả (uống như ăn): Người có phúc đức, giàu sang, nhàn nhã.



5. Ăn uống nhồm nhoàm: Bản tính bất nghĩa, vô tình.
6. Ăn nhanh nhưng không tiếng: Tính thiện tâm, hoạt bát.
7. Ăn như gặm nhấm (ăn như thỏ, chuột ăn) tướng suốt đời đói khát.
8. Ăn mà tâm không lặng (vội vã) nghèo khổ.
- Ăn phát tiếng bồm bộp, lép nhép: Tính bối chát, vô tướng.
9. Ăn dứt tĩa (ăn như dê ăn) đời được tôn quý.
10. Phàm ăn: Tướng quyền uy, võ lược.
11. Ăn lộ răng hết: Khổ hạnh và chết non.
12. Ăn khảnh dẻ nhóp nhép: Tướng keo kiệt, tần tiện, giữ của.

Còn nhiều kiểu ăn uống song không đại diện...

III. ĂN UỐNG TỪ TỐN LỊCH SỰ THÌ TÂM HỒN SẼ THƯ THÁI VÀ MẠNH KHOẺ.

Y học cũng có quan niệm rằng ăn tạp, không điều độ, không cẩn thận, không nhai kỹ sẽ sinh bệnh. Sinh bệnh thì tính tình đổi khác ví như: Ăn vội vã không nhai kỹ sẽ có bệnh ở tỳ vị (đạ dày ruột). Tỳ vị bị thương tổn Hỏa vượng dẫn đến con người nóng nảy. Như vậy từ ăn uống mà thay đổi tính cách. Ăn uống bậy bạ mất vệ sinh dẫn đến các hiểm bệnh mà chết. Như vậy ăn uống làm thay đổi mệnh số không phải trời. Đây là một trong ba cái chết không do số mệnh (trời định) mà do người tạo ra. (Khổng Tử trả lời Lỗ ái Công, trong Khổng Tử tập ngữ).

1. Quan sát ăn uống để biết tính cách. Muốn trường thọ thì cần “ăn như uống, mà uống như ăn” (Ăn chậm nhai kỹ nhuyễn. Uống từ từ từng hớp, ngum, ngậm lâu mới nuốt).



2. Ăn uống sẽ thay đổi khi thời vận đổi thay. Đó mới thuộc biểu tượng. Và ăn uống thuộc “duy biến” là thế.

3. Người sang thì dấu trong lao tù đói khát vẫn coi ăn uống là thứ yếu, vẫn ăn uống cốt cách.

- Người số giàu khi còn nghèo khổ, phong cách ăn khác: Bồn bã vội vàng. Khi giàu rồi thì ăn uống khảnh điệu, cầu kỳ.

- Người số nghèo nhưng khi đang giàu có: Ăn uống kiểu cách, thong thả. Đến khi nghèo thì ăn uống nhồm nhoặc, vội vã.

Song tóm lại, kiểu cách ăn thể hiện phong cách sang, hèn, thọ, yếu là thế và đó là Tướng pháp quan tâm và những thông tin có cơ sở.



PHẦN IV:

TƯỚNG CƯỜI - TIẾU TƯỚNG

I. KIỂU CÁCH CƯỜI VÀ TƯỚNG.

Cười được Tướng pháp đề cập bởi nội tâm và thể cách thế nào thì dẫn đến tiếng cười cũng khác nhau như vậy.

Cười chỉ có khi vui vẻ và ai vui cũng cười. Thế mà thực tế lại không thế. Cũng vui đấy thế mà người thì cười hô hố thoả mái, người lại chỉ mỉm cười, người cười mặn mà, người cười nhạt v.v...

Không phải chỉ lúc cả nhóm vui thì cười. Nhưng có người nghe chuyện cười thầm, cười gầm, cười khinh bỉ v.v... Đó chính là tính tình và bản chất phản ánh phản ứng lại một sự thế khách quan.

Vì vậy có tướng cười. Người Trung Hoa gọi tiểu tướng.

II. KIỂU CÁCH CƯỜI VÀ Ý NGHĨA.

1. Cười hô hố: tính người vô tư, không để tâm việc gì, cuộc sống vui vẻ, bình lặng, khỏe mạnh.

2. Cười nhở nhẹ: Người ý tứ hay giữ kẽ, ít hòa nhập.

3. Cười mỉm: Tính thận trọng, hiểu biết, ý nhị.

4. Cười nhạt: Người vô tình, mưu mô, hiềm độc.

5. Cười gầm: Bản tính thù vặt, chấp nhén, nhỏ mọn là một người nguy hiểm.



7. Cười mà biến sắc người hiềm ác.
8. Cười mà không biến sắc mặt: thì nham hiềm.
9. Người mà mắt cười thì tâm địa tốt, phúc đức, phú quý.

Tương cười là vậy: Qua tiếng cười mà hiểu tính người, qua tiếng cười mà dự báo điều lành, dữ sắp đến. Qua tiếng cười mà giao tiếp nhẹ nhàng...



PHẦN V:

TƯỚNG NHÌN - KHÚC TƯỚNG

Tướng nhìn được xem xét khi con người bình lặng. Tướng nhìn thuộc động tướng. Qua ánh mắt và cách nhìn mà thấy được bản chất con người.

I. ÁNH MẮT VÀ THÔNG TIN.

Ánh mắt thể hiện ý nghĩa, tình cảm một cách thầm kín. Ta thấy có một số ánh mắt khi nhìn vào.

1. Ánh mắt sáng long lanh: Thông minh, tâm hồn vui vẻ, hiền từ.
2. Ánh mắt đục trầm: Người nhiều suy tư, trí tuệ phong phú.
3. Ánh mắt mơ màng: Người mơ mộng, tình cảm nhạt.
4. Ánh mắt lơ đãng: Người không chủ đích gặp chǎng hay vậy.
5. Ánh mắt đỏ ngầu: Người nhiệt tình, nóng nảy.
6. Ánh mắt lờ đờ (không có thần): Người đần, không thạo.
7. Ánh mắt sắc lạnh: Người nguy hiểm, dã man.

II. CÁCH NHÌN VÀ THÔNG TIN.

Cách nhìn là “thường biến” nó thay đổi cho ta nhận định tức thời để có các thông tin bổ ích trong xử thế.



1. Nhìn soi mói: Người hiếu kỳ tò mò, lấm chuyện.
2. Nhìn thẳng: Người trung thực, đàng hoàng.
3. Nhìn trộm: Người mưu mô, thủ đoạn, không đoan chính.
4. Nhìn lầm lết: Người không đàng hoàng, nhỏ nhen, gian sảo.
5. Nhìn lơ đãng: Tính phớt dời, trí tuệ yếu.
6. Nhìn xa xăm: Người giàu ý tưởng, trí tuệ phong phú.
7. Nhìn trợn ngược lên: Cục cằn, yếu tướng.
8. Nhìn xuống: Dối trá, không dũng khí, thâm độc.
9. Mắt hay nhìn ngược lên: Tham vọng lớn lao, tâm đức tốt.

III. TƯỚNG NHÌN là từ tướng mắt, ấy vậy nhưng tướng nhìn là thần thái của mắt và là nhân cách của bộ mặt. Người ta không thể dấu được thiện ác trong khi nhìn vào ánh mắt và cách nhìn của mình.

Mạnh Tử (Trung Quốc), từng nói rằng: “Mắt là bộ phận quan trọng của con người. Con người không dấu nổi cái ác khi bị nhìn vào mắt”.

1. Người trung thực thì nhìn thẳng. Người không lễ độ thì nhìn trừng trừng. Người luôn láo to mắt nghìn không chớp, chăm chú thì ngoan cường, cố chấp. Người nhìn không chớp mi thì có tài thông thái.

Thế đấy nói “mắt là cửa sổ tâm hồn” trong ý nghĩa sâu xa thì qua đó người ta nhìn thấy “lòng” người.

2. Nhìn vào đó hoặc tức thời, hoặc cố hữu của ánh mắt, cách nhìn, mà thấy: Đức độ, kiêu căng, gian xảo, dâm đãng, hung bạo, hèn hạ, yếu tướng, thanh cao, thông minh, ngu đần, hèn nhát, cao thượng, cương quyết...



3. Cách nhìn nó là “thường biến” nhưng vẫn trên cơ sở “bất biến”. Sau những diễn biến tình cảm tức thời hiện ra ánh mắt, cách nhìn, thì ánh mắt, cách nhìn ấy lại trở về nguyên bản khi bình lặng một mình cá thể đó.



PHẦN VI:

TƯỚNG NGỒI - TỌA TƯỚNG

I. NGỒI thuộc tinh tướng, từ cách ngồi, thế ngồi mà các sách Tướng pháp cổ cũng đề cập, ta có thể biết được tâm tính của con người, bản lĩnh của người đó.

Ngồi chỉ đơn thuần, vậy mà quan sát ta cũng biết được nhiều thông tin. Ngồi được định hình từ khi đứa trẻ ở tuổi vị thành niên (đã đi học) và dáng ngồi ít thay đổi cho đến lớn. Ngồi thuộc “duy biến” nên ngồi thay đổi tư thế theo thời vận. Khi hèn ngồi khác, khi sang cùng một con người đó mà khi trẻ ngồi khác khi già.

Tuy vậy, xét tướng ngồi - tọa tướng là ứng xét (khi thấy). Nó cho phép ta nhận rõ được nhân cách tự tại của cá nhân đó.

II. TƯ THẾ NGỒI VÀ THÔNG TIN.

1. Ngồi vững trãi. Nhìn thế ngồi như quả núi định vị. Lưng thẳng, đầu mặt thẳng, nhìn thẳng.

Tướng: Quý, tâm địa tốt, có trí tuệ nhưng cũng mưu mô, có lý tưởng, tài năng.

2. Ngồi bệ vệ ngay thẳng, ít xoay dở.

Tướng: Định tâm, uy nghi, cơ mưu và nhiều tham vọng, dáng ngồi của người quyền quý, oai vệ, phong độ, giàu sang.

3. Ngồi lưỡng còng tự nhiên.

Tướng: Tận tụy, kiên trì.



4. Người ngồi không yên chỗ xoay dở luôn luôn.
Tướng: Nôn nóng, hèn kém, nghèo.
5. Dáng ngồi đĩnh đạc, nghiêm trang.
Tướng: Nhiều tham vọng, khoẻ mạnh và thọ.
6. Người ngồi vững, lưng thẳng (dáng thiền).
Tướng: Có trí tuệ thông đạt, tâm tính bình thản, thiện tâm, cô độc ưa tĩnh lặng.

III. TƯỚNG NGỒI KHÔNG NHIỀU VÀ KHÔNG KHÓ NHẬN BIẾT.

1. Tướng ngồi quý là vững như núi “Tọa vi sơn phú qui khả kỳ” thì phú quý tự đến không phải cầu.
2. Tướng ngồi không yên thì yếu kém, không thọ.
3. Tướng ngồi không ngay ngắn là người thường.

Như vậy tướng ngồi thể hiện phong cách vì vậy khi thời vận đến quý sang, thì bản thân người đó chú ý đến thế ngồi của mình trước cử tọa.

Người tầm thường thì ngồi tùy tiện, không ý tứ gì.



PHẦN VII:

TƯỚNG NẰM - NGOÀI TƯỚNG

Nằm đương nhiên cho ta thông tin về tâm trạng và tâm thế. Tướng nằm là “duy biến” và thể hiện ở hai trạng thái:

- Tướng nằm khi thức - nằm nghỉ ngơi.
- Tướng nằm khi ngủ.

Dù khi ngủ hay khi nghỉ thì bao giờ cũng có thể cố hữu của cách nằm phù hợp với cá thể.

I. TƯỚNG NẰM KHI THỨC - NẰM NGHỈ NGOI.

Khi thức thì người ta hay nằm tùy tiện. Nhưng rồi người nằm sẽ trở về thế quen thuộc của mình.

1. Nằm như thế núi, vững trãi (đầu cao, người nghiêng, chân hơi co, chân kia thẳng) thế nằm của Phật A Di lặc.

Tướng: Phúc thọ, giàu có, mưu mô, túc trí.

2. Nằm ngửa duỗi tay, duỗi chân: Không thọ.

3. Nằm nghiêng: Người kín đáo, kép nép.

II. TƯỚNG NẰM KHI NGỦ.

Sau khi ngủ say, người ta sẽ trở về thế nằm “bất biến” vì vậy mà khái quát tướng nằm là: Nằm yên tĩnh, tự nhiên thì phúc thọ, giàu sang. Nằm mà không yên tư thế gò bó thì xấu: khổ ải.



1. Nằm ngủ mà giang tay, giang chân: Tướng ngang tàng, phóng túng, tham vọng lớn. Không sợ hãi, là người dũng lược.
2. Nằm co quắp: Tướng yếu, hèn không có dũng khí, người mồm mép.
3. Nằm nghiêng, duỗi tay chân thoải mái: Tướng giàu có, sang trọng, sống lâu.
4. Nằm ngủ mà nghiến răng ken két: Tướng chết vì tai họa binh đao, chiến tranh.
5. Nằm ngủ mà miệng há hốc: Tướng chết non.
6. Nằm ngủ mà mở mắt (như Trương Phi): Tướng chết vì kíp nạn giữa đường.
7. Nằm ngủ mà nói mê sảng lung tung: Tướng hèn mọn, thân phận tôi đòn, làm thuê làm mướn.
8. Nằm ngủ úp mặt xuống gối: Tướng đói khát, khổ ải.
9. Nằm ngủ mà xoay tứ phía không định hướng: Tướng bần hèn, luôn lo lắng sinh nhai.
10. Nằm ngủ mà thở ra hôi hám: Tướng ngu đần.
11. Nằm ngủ mà thở ra ngắt quãng: Tướng chết non, đoản mệnh.
12. Nằm ngủ mà thoát ra tiếng “hừ hừ”: Tướng tử nạn.
13. Nằm ành ành (như lợn nằm): Tướng nghèo.
14. Ngủ mà thần thái sợ hãi: Tâm không an, trí suy kiệt.
15. Ngủ mà thở điều hòa thần thái bình lặng: Tướng thanh cao, thư thái, hiền lương.
16. Nằm ngủ mà nét mặt cau có: Tướng thô bạo, đời bất hạnh.
17. Nằm ngủ mà nét mặt dữ tợn: Tướng sát nhân và đoản mệnh.



18. Nằm ngủ mà thần thái bất an: Tướng yếu hèn, kinh khiếp.

III. TÓM LẠI.

1. Tướng ngủ - Ngoại tướng tốt quý là tư thế nằm tự nhiên, thoái mái. Hít thở điều hòa, êm dịu. Ngủ không phát ra tiếng ngáy, mê sảng, gầm gừ... Nằm ngủ yên tĩnh, ngay ngắn. Thần thái khi ngủ vẻ thư thái, lắng dịu. Người ngủ như vậy là thông thái, mẫn tiệp, thọ.

2. Nằm ngủ mà xoay dở lung tung, ầm ī, khí thở đoản, ô trọc (hối thối): thần thái hỗn loạn không yên.

Người ngủ mà như thế thì không ngu đần, nghèo, hèn, ti tiện, nô bộc cũng chết yếu, họa tai, kíp nạn, tù tội, chết chóc.

3. Ngủ là tĩnh thì phải thật tĩnh mới thuận là được.

- Ngủ là tĩnh mà lại động thì nghịch.

Vậy thì không hay.

Người xưa cho rằng: Khi ngủ thì hồn ở còng vía thì đi chu du. Vì vậy mới có mộng mị.



CHƯƠNG VII

CÁC TẠP TƯỚNG

PHẦN I:

TÂM TƯỚNG

I. Quan niệm người xưa cho rằng tình cảm và nhân cách đều xuất phát từ trái tim “Tâm”. Tướng là hình, còn Tâm là chất, là thứ không đập vào mắt ngay. Mà phải quan sát cách sống của cả thể mới thấy được “Tâm” của người đó.

Tướng mạo nhiều khi đánh lừa được ta. Tướng trông thì thiện mà “Tâm địa” lại không hành động thiện. Ta vẫn thường nghe câu rủa cửa miệng của dân gian như: “Người trông thế mà ác” hay “người trông hiền mà cục”. Cái “trông thế” là hình tướng. Hình tướng thì thể hiện rõ là hiền nhưng cái “thế mà ác” là từ “Tâm địa” đối xử ác độc người ta không chấp nhận được. Song suy cho cùng đều do hình tướng ẩn.

Chính vì lẽ đó mà người ta còn coi trọng cái gọi là “Tướng Tâm”. Ông Tuân Tử, nhà tướng pháp Trung Hoa cho rằng “tướng hình mà không xem đến chữ “Tâm” thì không có gì để bàn. Nếu tướng Hình không thắng tướng Tâm thì Tâm sẽ không



thắng Thuật (phương pháp thể hiện). Hình ác mà Tâm thiện thì hành động thiện. Hình thiện mà Tâm ác thì hành động (thuật) ác độc, có lợi cho kẻ tiểu nhân (kẻ giả nhân, giả nghĩa)".

Như vậy, theo quan niệm này thì tướng Hình chưa quan trọng mà tư tưởng, đạo đức thể hiện mới quan trọng của một con người. Tâm chính, mà Hình kém vẫn là quân tử "người trông xấu mà tốt bụng". Hình thể đẹp mà Tâm không chính thì vẫn là kẻ tiểu nhân. Điều này là chỉ riêng Diện tướng - tướng mặt mà thôi. Nhân tính còn nhiều loại tướng để biểu lộ như đầu, tay, dáng chứ một bộ phận thì không chỉnh. Quan điểm này của ông Tuân Tử chỉ để bổ sung đáng kể cho "Hình tướng" và được xem là "Tâm tướng" cần tham khảo.

II. Trong thực tế ông cho rằng có 7 thứ ứng xử mà Tâm thuật thể hiện và xử trí được đó là: Trung hiếu, bình đẳng, khoan dung, cương trực, ban ơn, giản dị và bình lặng.

Và cũng có 7 thứ ứng xử không xử trí được. Đó là ác, gian tà, ganh tị ám muội, lạnh nhạt, xét nét và cẩu thả.

Vì vậy Thánh nhân dạy: "... Đạo của trời đất rõ ràng. Con người muốn được hưởng vinh hiển, thọ trường thì chỉ có lấy tâm đức để xử sự. Hiếu thảo với người thân, thuận hòa với mọi người, trung với nước. Phải lấy đức làm đầu, thái độ đôn hậu mà đối xử. Trước mắt tuy chưa được gì nhưng sẽ được hậu hưởng. Nếu làm ngược lại những điều trên dẫu mình chưa bị hại thì con cháu cũng sẽ gánh chịu...".

Thực tiễn cũng cho thấy nhiều sự trái ngược giữa Hình tướng và Tâm tướng. Ví như người có tướng quý làm đến vua chúa quan tướng... nhưng "Tâm địa" lại tàn ác, thành những tên "Bạo chúa" hay "Quan tham". Tất nhiên nó phải có ẩn tướng!



III. Tất nhiên từ đó có 2 quan điểm: “Có Tâm mới có Hình” và “có Hình mới có Tâm”, quan điểm 2 đúng.

Ở đây phải lý giải Mệnh và Thân là quan hệ nhân quả. Nhưng Mệnh là tất yếu, là “Thiên định” và “Thân”. Hình tướng, thứ thể hiện Mệnh. Nó có thể lộ tướng và ẩn tướng. Nhưng nó phải có.

Thiên định, “Mệnh” một ai phải thế thì nhất định Hình tướng phải thế và ứng xử “Tâm tướng” phải vậy.

Quan điểm “Tâm tướng” được lan truyền và các Tướng pháp gia đã chú ý tổng kết thực tiễn để đưa ra “Tâm tướng” như một phần khi quan sát tướng mạo.

Nghĩa là sau tướng Hình phải xét thêm “Tâm tướng”.

1. Người thiện: Phải có “tướng thiện và đức thiện”.

2. Người ác: Dẫu tướng đẹp mà đức ác.

IV. Như vậy khi kết luận tướng cho một ai phải thận trọng. Để cụ thể hóa “Tâm tướng” tức khắc mà không có thời gian theo dõi thì quan niệm “Tâm tướng” căn cứ vào khí sắc. Từ suy nghĩ cho rằng: “... Đức là khí, Tài mà đẹp tốt thì trợ lực cho Đức. Khí không được trau dồi thì không có Khí tốt. Đức ra hình. Hình ra sau Đức...”. Họ đưa ra chín phép xét (Cửu thành chi thuật).

1. Tinh thần sắc thái rõ ràng.

2. Hồn phách thần trong con người khảng khái.

3. Hình dạng tướng mạo ổn định.

4. Khí sắc sáng sủa.

5. Cử chỉ hành động rõ ràng dứt khoát.

6. Nhìn thẳng.

7. Ứng đối nhanh.

8. Làm việc có nhân đức.



9. Xử thế thận trọng có suy nghĩ, cân nhắc.

Ông Quách Lâm Tông cho rằng “con người cần có 9 cái đức: vẻ mặt quý; vui vẻ lạc quan; làm nhiều điều tốt; đi vào lòng người; luôn giữ được bình lặng; không quên sót điều gì; cẩn thận không hấp tấp; yêu mọi người, mọi vật; khiêm tốn, nhường nhịn”. Qua đó ta thấy thực ra “Tâm tướng” là sự thể hiện của “Hình tướng”.



PHẦN II:

XÉT HÌNH TƯỚNG TỪ THÓI QUEN

I. QUAN SÁT THÓI QUEN của một người ta có thể biết nhân cách của người đó. Cách thức này đã đi đến khái niệm Hình tướng qua thói quen.

Những thói quen được coi là Hình tướng là thói quen đó lặp đi lặp lại thường xuyên. Tướng pháp từ đó mà suy ra tính cách và bản chất. Một phép suy luận ngược. Bởi lẽ từ bản tính tạo ra thói quen. Thói quen và bản tính là mối quan hệ nhân quả và rất biện chứng. Cái này là kết quả của nguyên nhân kia. Và từ nguyên nhân ấy mà có kết quả này.

Hình tướng qua thói quen tức đi từ kết quả mà suy ra nguyên nhân vậy. Việc nắm bắt được nguyên nhân không phải là để giải thích cho kết quả. Và đó không phải là mục đích của phần tướng hình này. Mà mục đích của Tướng pháp là để biết thông tin về nhân cách của người đó mà ứng xử hoặc để dùng người, để cảnh giác hay để có biện pháp ngăn chặn hệ quả hay giáo huấn phù hợp hơn. Đây là ý nghĩa ứng dụng.

II. CÁC KIỂU THÓI QUEN.

1. Khi nói chuyện hay lấy tay che miệng.

Tính cách: Cảnh giác mọi chuyện, luôn giữ kín, ít tiết lộ điều gì cho người khác biết về bản thân mình. Người có tính dò xét người khác, nhưng cũng có tư tưởng tự ti.



2. Thói quen nói không ngừng.

Tính cách: Tự cao, khoe khoang. Người thích giao tiếp, thích bắt chuyện, thích tò mò việc người khác. Nhưng là người tuyềnh toàng, vui tính.

3. Khi nói chuyện đối diện hay vuốt áo hay sờ mó một vật gần đó.

Tính cách: Đỏm dáng, e dè, ít tự tin vào bản thân mình. Con người thiếu tính quyết đoán hay ỉ lại cũng có thể là có nhiều điều không vừa ý, nội tâm căng thẳng.

4. Khi cầm vật gì mà ngón tay út trỏ thẳng vào người.

Tính cách: Tự đại cho mình là hơn cả, không thích tham gia ý kiến, và cũng không tham khảo ý kiến ai.

- Phụ nữ thì có thể độc thân hay lấy chồng muộn.

5. Nói chuyện với người hay đập vào vai họ.

Tính cách: Kẻ cả, nhưng tỏ vẻ thân thiện, cởi mở, chân tình. Người thích sống mạnh mẽ.

6. Thường vò nắn hai bàn tay khi nói chuyện.

Tính cách: Hèn kém, tự ti. Con người nhỏ nhen, yếu đuối, nịnh bợ.

7. Hay bẻ ngón tay kêu răng rắc.

Tính cách: Không thích ngao du giao thiệp. Người bất đắc ý (không thỏa nguyện), huyễn hoặc nhưng rõng tuếch.

8. Vừa nói vừa vặn ngón tay hay xé một thứ gì đó.

Tính cách: Thiếu kiên trì, nóng vội, gấp gáp. Đầu óc luôn có chuyện bận tâm, liên tưởng đủ thứ.

9. Hay sờ nắn đầu mũi.

Dấu hiệu: Thông minh, lanh lợi, hay suy xét.

10. Hay sờ trán.

Dấu hiệu: Nhiều tâm tư, ý tưởng, luôn đau đớn, nhiều mong



muôn. Người thận trọng, suy xét kỹ mọi thứ trước khi nói hay làm.

11. Hay móc lỗ mũi.

Tính cách: Tính tình tần tiệm và hay suy tính nhỏ nhen, không lịch lãm, luộm thuộm, lôi thôi lếch thêch.

12. Hay gãi đầu gãi tai.

Tính cách: Hay vòi vĩnh, nhưng không câu nệ công việc từ nhỏ nhặt đến lớn. Người dễ hòa hợp.

- Phụ nữ lại là người câu nệ điều nhỏ mọn, tính toán chí ly, hay thắc mắc.

13. Hay gãi má, cầm.

Tính cách: Hay cầu cạnh, nài nỉ. Người luôn suy nghĩ tìm cách thuyết phục để đạt mong muôn của bản thân, có lợi cho bản thân.

Người này cũng hay tính toán chí ly có đi có lại.

14. Thói quen cắn móng tay.

Dấu hiệu: Nhiều dục vọng và tính tình cô độc.

15. Nói chuyện hay nháy mắt.

Tính tình tế nhị, nhưng không đứng đắn. Người muốn chinh phục kẻ khác.

- Ở phụ nữ: Họ là người tự tin, tham danh vọng, nhưng lại là người nhu mì hòa thuận với mọi người.

16. Thói chau mày (nhíu lông mày).

Tính tình khó khăn, hay suy nghĩ. Người bị xáo trộn nội tâm hay bồn chồn, ít quyết đoán, lo âu, nhiều chuyện.

17. Hay liếm môi.

Tính tình đĩ thõa, lảng lơ, si muội trong tình cảm. Người thích làm dáng, thích ái tình, yếu đuối, bạc nhược.



18. Hay lè lưỡi.

Tính cách: Không tự nhận mình kém cỏi, bảo thủ, không chịu thất bại. Người nóng vội ít nghe hết lời người khác, ích kỷ không bao giờ thổ lộ.

19. Nói lấn lướt không muôn nghe người khác nói.

Dấu hiệu: Xảo biện, mưu mô, mồm mép, nói mà không làm, bảo thủ không bao giờ cho mình có sai lầm, có lỗi.

20. Hay rung đầu gối.

Dấu hiệu: Tự mãn, không thích học ai. Người âm thầm, suy tính.

21. Hay tự hỏi tự trả lời một mình.

Bản chất: Thâm thúy, nhiều mưu lược. Người tự chủ, tự lực cao và có nhiều ý tưởng, mưu mô.

22. Thay đổi kiểu tóc của mình.

Tính đóm dáng, thích phù phiếm. Người hèn kém.

23. Thói quen lê gót giày lẹp kẹp.

Bản tính: Rụt rè, dục vọng thấp hèn. Người thiếu nghị lực vươn lên.

24. Gót giày mòn phía ngoài do thói quen đi nặng bên ngoài.

Tính cách: Hay chống đối người thân, nhưng tâm thiện hay tốt với người ngoài. Người nóng vội trong công việc, muốn hơn người. Họ ít quan tâm tới tiền của lăm.

25. Gót giày mòn má trong.

Dấu hiệu: Có nhiều uẩn khúc, nặng nề nội tâm. Người hay câu nệ việc nhỏ, không hay thổ lộ, không tiếp thu ý kiến của người khác.



26. Gót giầy vẹt sau.

Tính cách: Tiêu cực, nhiều bất mãn, tham vọng nhỏ nhen.
Người không có ý thức vươn lên.

27. Hay cắn môi dưới.

Tính cách: Chịu đựng, uẩn khúc trong lòng, không muốn thổ lộ với ai. Người thích tự mình giải quyết vấn đề. Tính tình lỳ lợm, can trường.

28. Nói chuyện thì hoa chân múa tay.

Tính cách: Ba hoa, khoa trương bản thân. Người hơm hĩnh, dối trá sống không thật lòng “nói một đường, làm một nẻo”.



PHẦN III:

ĐỊNH TƯỚNG QUA CỦ CHỈ VÀ DÁNG ĐIỆU

Củ chỉ và dáng điệu cũng cho ta nhiều thông tin về tính cách.

Qua củ chỉ và dáng điệu của ai đó ta sẽ biết được sang hèn, thiện ác của người đó.

I. VỀ CỦ CHỈ VÀ THÔNG TIN.

1. Người mắt xếch và tròng mắt luôn đảo đi đảo lại.

Tính cách: Giảo hoạt, xoay xở trong cuộc sống.

2. Người đi đứng đàng hoàng, lúc nào cũng trầm mặc, đoan trang.

Tính cách: Tính tình kiên trì, nhẫn耐.

3. Củ chỉ luôn dè dặt, giữ ý tứ khi giao tiếp.

Tính cách: ích kỷ và cơ hội. Người hay đa nghi không thích người ta nhận xét về mình.

4. Củ chỉ tự nhiên rất bình thường mọi lúc.

Tính cách: Tính người ngay thẳng, khoan dung.

5. Củ chỉ có vẻ nhút nhát, rụt rè hay cúi đầu dáng sợ sệt, tự tin.

Tính cách: Bản chất không chính trực, mưu mô ngầm.

6. Người ngồi co rúm vai, đầu cúi, vểnh tai nghe ngóng.

Tính cách: Tính khiêm nhường và tận tụy trong công việc.



II. VỀ DÁNG ĐIỆU VÀ THÔNG TIN.

1. Dáng đi thong thả.

Tính cách: Con người có nghị lực, tính nóng nảy nhưng hay gặp may.

2. Dáng đi vội vã.

Tính cách: Người thiếu thận trọng, cơ cực suốt đời.

3. Dáng đi chậm chạp, nặng nề.

Tính cách: Người can đảm, nhiều suy tư, nhưng bộc trực.

4. Dáng đi nhún nhẩy.

Tính cách: Tính tình kiêu hanh, tự cao, tự đại nhưng kỵ bo.

5. Dáng khoan thai, chậm giãi.

Tính cách: Can trường, bản lĩnh. Người giàu nghị lực vượt mọi gian nguy và dễ thành công.

6. Dáng đi mà hay xòe các ngón tay ra.

Tính cách: Thiếu khôn ngoan.

7. Người hay quẹt mồm.

Tính cách: Tính tình thiếu trung thực, vong ân bội nghĩa.

8. Hay chắp tay sau lưng.

Tính cách: Bản chất lén mặt dạy đòn, quan trọng hóa.

9. Hay búng tay.

Tính cách: Tính hay dối trá. Người ưa phỉnh nịnh.

10. Khi giao tiếp chuyện trò mà hay đút ngón tay cái vào ngón tay khác.

Tính cách: Bẩn xỉn, keo kiệt.

11. Khi chào mà dáng cứng đờ.

Tính cách: Tính thiếu xét đoán.

12. Dáng hồ hởi cười không đâu.

Tính cách: Người thiếu thận trọng, ý tứ thân thiện.



13. Dáng lanh đạm hay cười ruồi.
Tính cách: Gian giảo, khinh người.
14. Dáng ngủ mà bàn tay xòe rộng.
Tính cách: Người phá gia chi tử, hoang toàng.
15. Dáng ngủ mà nắm hai tay.
Tính cách: Tính keo kiệt, không muốn bối thí thứ gì cho ai.
16. Dáng ngủ nắm tay hờ hững.
Tính cách: Tính tình đôn hậu, nhân ái.
17. Hay gãi tai, gãi cằm.
Tính cách: Tính tự phụ, khoe khoang, xấc xược.
18. Thỉnh thoảng thắt thêm dây lưng hay thọc tay vào thắt lưng.
Tính cách: Tính tình dâm ô, tục tiểu, khinh mạn ra bộ.
19. Thọc tay vào túi.
Tính cách: Thô lỗ, vụng về.



PHẦN IV:

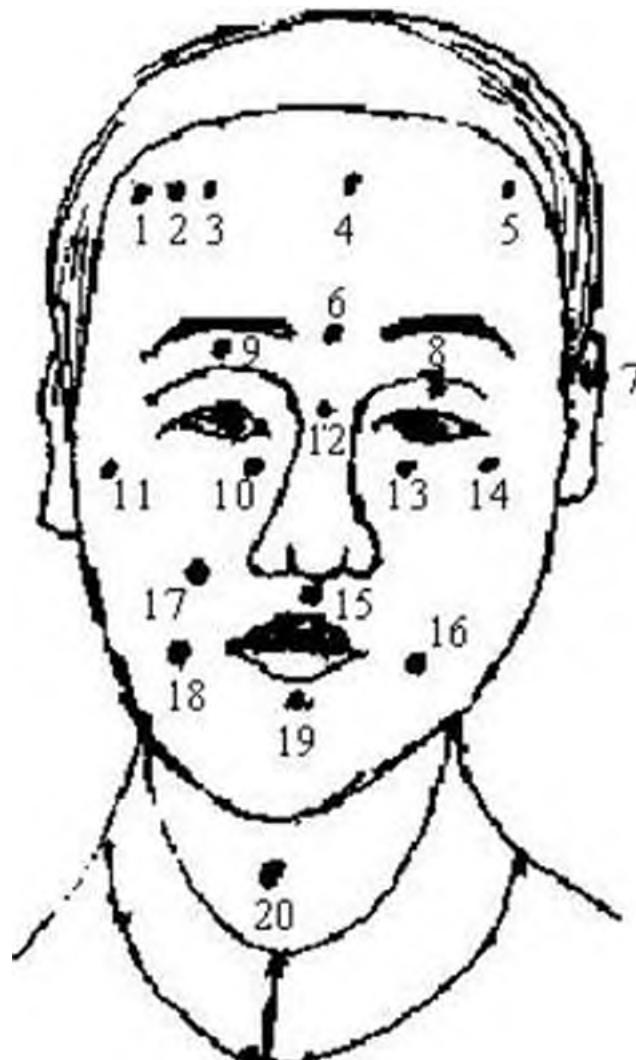
TƯỚNG NỐT RUỒI

I. Nốt ruồi ai cũng có nhưng nốt ruồi ở vào các vị trí “đắc địa” mới cho ta những thông tin giá trị. Không phải bất cứ nốt ruồi nào ở đâu cũng có ý nghĩa.

1. Có nốt ruồi màu đen, màu đỏ, màu vàng, xanh. Nốt ruồi phải nổi cao, chứ các điểm đen, bớt không có ý nghĩa trong phần Tướng nốt ruồi.

2. Nốt ruồi ở nữ giới có giá trị khác nốt ruồi ở nam giới về ý nghĩa.

1. Lấy chồng sang
2. Nhiều chồng
3. Chú ý khắc cha, mẹ
4. Có bạn quý
5. Nguy hiểm
6. Phòng chồng phản bội
7. Thông minh
8. Có con quý
9. Bỏ chồng
- 10, 13. Khóc chồng
11. Thông minh
12. Tai nạn
14. Thích ngao du
15. Sinh đôi



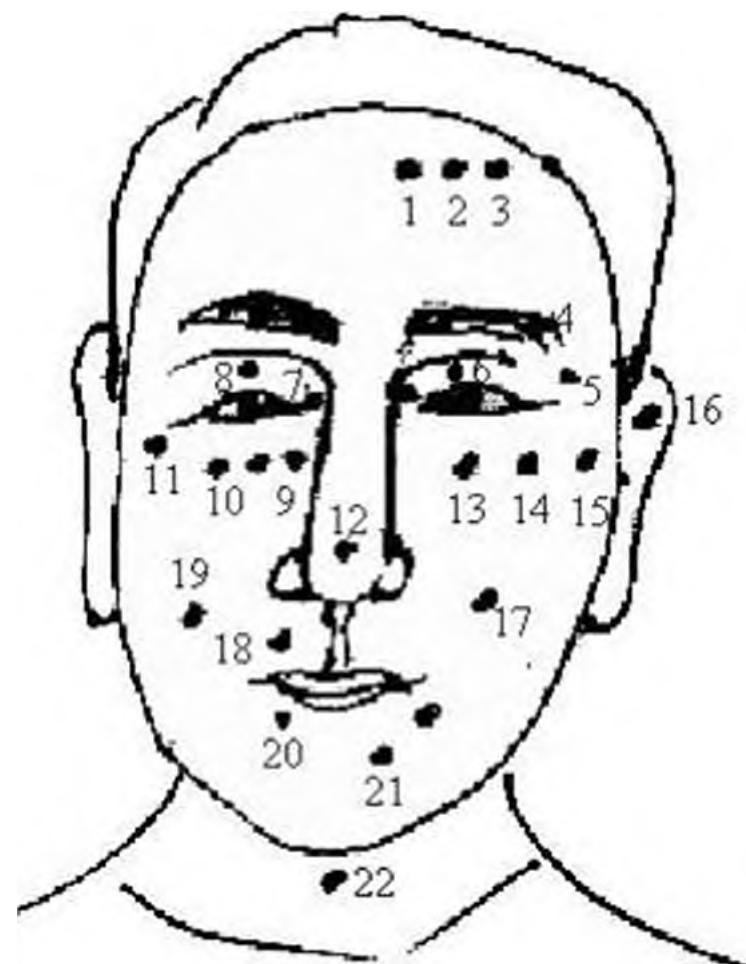
Hình 11

Nốt ruồi ở mặt nữ giới

16. Chiều chồng
17. Thuỷ nạn
18. Bệnh tật
19. ít xa quê
20. Sát chồng

Nam ở mặt nam giới

- 1, 2. Chú ý cha, mẹ
3. Quan chức
4. Thông minh đa tài
5. Tân gia sản
- 6, 7. Quan chức
9. Đại cát
10. Mau nước mắt
11. Dâm đãng
12. Không tốt
- 13, 14. Không con
15. Gian
16. Thông minh
17. Lộc tài tốt
18. Cô đơn
19. Không có người giúp việc tốt
20. Thông thái, hay ăn
21. Hay rượu chè
22. Quan to.



Hình 12

Nốt ruồi ở mặt nam giới

II. Nốt ruồi ở các vùng khác của cơ thể thì không phân biệt giới tính ở nam hay nữ. Nó có cùng thông tin.



1. Nốt ruồi thuộc “Duy biến”. Nó bắt đầu xuất hiện theo thời vận. Nốt ruồi không có ở trẻ sơ sinh. Tướng nốt ruồi cho rằng nốt ruồi tượng trưng cho một mô đất xấu. Vì thế nếu nó mọc chỗ kín thì được. Nó mọc chỗ lộ liễu thì không hay. Nó ở các đường giao tiếp các bộ phận của mặt là sự trở ngại.

2. Nốt ruồi mọc ở nơi khó thấy như: tóc, mày, râu, tóc mai (“những sơn lâm cùng cốc”). Như vậy thì “Mặt không có nốt ruồi thì tốt và trong người không có nốt ruồi thì xấu”. Bởi vì quan niệm rằng: Nốt ruồi như núi có cây, đất có gò. Núi tốt mới có cây xum xuê bộc lộ tú sắc đẹp. Đất xấu sinh cây cỏ dại để phô bày cái xấu, giống như viên ngọc có vết. Tốt thì ít mà có quá nhiều thì xấu.

3. Từ đó suy ra rằng người có tư chất tốt thì sinh ra nốt ruồi quý hiếm. Người mà tư chất không tốt thì sinh nhiều nốt ruồi xấu.

4. Mầu sắc nốt ruồi có nhiều kiến giải.

- Nốt ruồi đen thì phải như mụn sinh ở chỗ lộ liễu thì quá xấu. Nó đem đến điều chẳng lành. Nhưng nếu nó ở chỗ kín thì lại nhiều điều cát hơn hung. Nốt ruồi này mà ở mặt thì bất lợi.

- Nốt ruồi đỏ thì phải đỏ như son mới tốt. Và tất nhiên nó phải ở nơi kín bị lấp mới tốt.

- Nốt ruồi đen mà pha trắng thì hay có việc lo sợ tai ách.

+ Có pha màu đỏ: Thì sẽ gặp nhiều lời hay tranh biện.

+ Có pha màu vàng: Hay quên, bỏ mất đồ đạc.

5. Nốt ruồi ở mặt nhưng đóng ở nơi nhập miếu thì quý.

Ví dụ: Nốt ruồi giữa trán chủ phú quý. Ở ấn đường cực quý.

+ Nhưng ở “Thiên trung” thì lại hại cha (giữa tóc và trán).

+ Ở “Thiên đình” hại mẹ (phần trước trán dưới Thiên trung).



- + Ở “Tư không” thì hại cả phụ mẫu (chính giữa trán).
- + Ở vành tai thì thông minh.
- + Ở trong tai thì thọ.
- + Ở dài tai thì giàu.
- + Ở khoé mắt làm tướng cướp; có chức quyền sớm.
- + Ở trong lông mày: phú, quý, thông minh đa tài.
- + Ở chóp mũi: phòng chết vì binh đao, gươm giáo.
- + Ở nhân trung: dễ lấy vợ.
- + Ở lưỡi thì ngoa ngôn, mang vạ (hay phát ngôn bừa).
- + Ở dưới môi: phá sản.
- + Ở mép miệng: mất chức quyền có ngày.
- + Ở sống mũi: vất vả.
- + Ở dưới mắt: có lợi lộc, hay gặp may.
- + Ở trên mắt thì khốn cùng thiếu thốn.
- + Ở thừa tướng (môi dưới) chết vì say rượu.
- + Ở Thái dương có vợ hoặc chồng tốt.

6. Nốt ruồi trong thân người.

Ở thân người có nốt ruồi thì ít hại. Và nó ở vào các vị trí khác nhau cho ta thông tin khác nhau. Màu sắc của nốt ruồi cho ta những bản sắc khác nhau.

- Nốt ruồi đen, đǒ mà to ở lưng thì: có cửa mà nốt ruồi càng to thì càng giàu và nhàn hạ (“ăn dung ở nể”).
- Nốt ruồi đǒ ở hai vai thì có quan chức.
- + Nốt ruồi ở một bên vai thì: là con trưởng, hay dâu trưởng, phải đảm đương gia quyền hay họ quyền.
- Nốt ruồi ở cổ to mà đǒ thì có gia sản lớn.
- + Nốt ruồi ở yết hầu thì chết trận.
- + Nốt ruồi ở bụng có tài sản.
- Nốt ruồi ở dưới vú thì nhiều con gái.



- + Ở trên vú thì nhiều con trai.
- + Ở đầu vú (phụ nữ) thì sinh quý tử tài ba.
- + Ở bầu vú thì đong con.
- Nốt ruồi ở eo lưng mà đỏ, vàng thì làm công chức, tước vị cao sang, lệ thuộc số nốt ruồi (Võ Tắc Thiên, Trung Hoa có tới 7 nốt ruồi son ở eo lưng).
- Nốt ruồi ở dưới lòng bàn chân làm tướng.
- + Ở cả hai lòng bàn chân và nhiều là tướng cao quý.
- + Ở cả hai chân mà có nhiều nốt ruồi thì sinh con bạo ngược, bất hiếu bất trung.
- Nốt ruồi ở tay (cánh tay) thì thiếu thốn ("đi vay suốt đời").
- + Ở mu bàn tay: thông thạo tài ba.
- + Ở lòng bàn tay quý hiếm: rất uyên thâm nhiều lĩnh vực.
- + Ở ngón tay thì tùy thuộc vào tên ngón: trỏ tham vọng uy quyền, ngón giữa may mắn về trí tuệ, ở ngón nhẫn may mắn về nghệ thuật, ở ngón út thì hạnh phúc, ở ngón cái thì giỏi nghề.

III. Tướng nốt ruồi cho rằng nốt ruồi đen phải ở chỗ kín mà lộ thì xấu, điềm hung. Nốt ruồi đỏ phải đấu tranh bằng lời. Nốt ruồi trắng thì liên can hình sự. Nốt ruồi màu vàng sậm thì chết "bất đắc kỳ tử".



PHẦN V:

NHỮNG BỘ PHẬN CHÍNH ĐỂ THAM KHẢO THÔNG TIN CHỦ YẾU

I. PHÚC PHẬN MỘT NGƯỜI.

Người ta sống một đời đều phải trải dự phúc phận. Đó là: thọ hay yếu, giàu hay nghèo, tình thân sơ, con cái, hạnh phúc vợ chồng, bạn hữu, nhà cửa đất đai, chức tước, bệnh tật, phúc phần, di chuyển.

Theo Tướng pháp thì tất cả điều đó đều thể thiện ra mà ta có thể thấy rõ trên khuôn mặt và hình thể. Phúc phận đó thể hiện có thể là “bất biến”, là “duy biến” hay “thường biến”. Ta có khả năng nhận biết thì ta sẽ có những thông tin dự báo sơ bộ chuẩn xác.

II. CÁC PHÚC PHẬN CỤ THỂ TRÊN KHUÔN MẶT.

1. Về thọ yếu: Được thể hiện ở ấn đường. Nếu sáng láng như gương bằng phẳng đầy đặn thì sống lâu mà kiến thức rộng. Nếu được măt sáng (Thổ tinh) thì còn giàu có.

- Nếu ấn đường mà lõm và tối thì yếu tướng mà còn hèn kém.



2. Về giàu hay nghèo.

Giàu hay nghèo thể hiện ở mũi. Mũi mà đầy, thảng sáng, đầu mũi tròn đẹp, láng mượt thì không thể không giàu có. Mà không thiên lệch thì giàu có lâu dài.

- Nếu mũi cong keo gầy khô, sắc xám xỉn, thiên vẹo thì nghèo hèn. Mũi quặp nhọn thì phá sản.

- Nếu mũi hếch ngửa lộ lõi mũi thì không thể giàu mà không có ăn là chắc chắn.

3. Về tình thân sơ.

Tình thân là cha mẹ, anh em, họ hàng. Nó được thể hiện ở hai hàng lông mày.

- Nếu dài mượt thì đông anh em mà tình cảm thân thiện, cha mẹ song toàn, đức độ. Họ hàng đông đúc.

- Nếu hai lông mày ngắn, thưa (tức cung La hầu và Kế đô) khô héo thì ít anh em, cha mẹ kém.

- Lông mày dài quá mắt thì anh em họ hàng bình yên, sum họp vui vầy.

- Lông mày mà xoắn soáy thì anh em bất hòa.

- Lông mày giao nhau thưa vuông thì xấu: ít anh em.

- Lông mày ngắn mà xẻ thì anh em không yên vui.

4. Về hạnh phúc vợ chồng, đôi lứa.

Hạnh phúc lứa đôi lệ thuộc hai phía nhưng nếu tướng số đã có thì cả hai giới lấy nhau sẽ trùng hợp để thể hiện cuộc sống lứa đôi có hạnh phúc hay không.

- Nếu gian môn (ở gần lỗ tai ngang dái tai) còn gọi là Quan Ngũ vĩ mà sáng tươi không ngắn vắn thì vợ chồng đoan chính, thủy chung.

- Nếu gian môn ú sưng, đen, tối, vắn ngắn thì bất hạnh, gian dâm.



5. Về con cái.

Xem con cái nhìn vào Quan Luy Trưởng (dưới con mắt) còn gọi là ngọ tầm (nổi cao dưới mắt như con tầm dâu ngú).

- Nếu sáng tươi đầy cao thì con cái làm ăn khá giàu sang, danh giá.

- Nếu nơi đó sâu lõm, tối đen thì con cái bi lụy, khốn khó.

- Nếu sắc khí hồng hào tươi mượt sinh con quý tử (giàu sang vinh hiển).

6. Về nhà đất.

Nhìn vào đôi mắt ta biết người có nhà đất ruộng vườn.

- Đôi mắt thanh tú mượt có nhà hoặc đất đai nhiều.

- Mi mắt khô thô thì nhà tổ phụ để cho cung tan mất.

- Mắt tròn nhỏ, mắt to không lộ thì cửa nhà đầy đủ.

- Mắt bé híp thì vô gia, điền địa kém.

7. Về chức tước.

Nhìn thấy hai cung Nhật giác và Nguyệt giác (phía trên hai hàng lông mày phía trán).

- Nếu cao đầy sáng sủa ngay thẳng: Tài ba, tước vị.

- Nếu có ngắn đứt đoạn thì lận đận công danh; nếu ở đó lại bằng hay hõm sâu là thường dân.

8. Về phúc đức.

Trên khuôn mặt của con người đều thể hiện những nét đặc trưng phúc hậu hay hiềm ác.

- Gương mặt vuông vức, mặt trái xoan: thể hiện nét hiền từ, phúc hậu. Người có nhân đức, nhìn dễ mến, dễ gần.

- Gương mặt chuột (mặt choắt vuốt nhọn), mặt như mặt ngựa (mặt hẹp dài quá khổ) đôi mắt lúng liếng, lé (nhìn nghiêng ngó dọc): Người hiềm độc, mưu sâu hay lừa thầy phản bạch.



9. Về di trú.

Trong cuộc sống không mấy ai ở nguyên một nơi. Họ hoặc dời quê quán đi nơi khác, hoặc đi đây đi đó... Nhiều người suốt đời nay đây mai đó, không nhà cửa, bôn ba thì có người giàu nhưng cũng có người tay không vẫn hoàn tay không...

Tất cả thể hiện ở cung “Thiên thương” hay “Thiên ri” nằm cuối đuôi lông mày khoảng giữa với tóc mai:

- Nếu sáng sủa, đầy đặn thì đi xa có lợi, rời quê sinh sống thì tốt, có nhà cao cửa rộng được người quý trọng.
- Nếu nổi cao như bờm ngựa thì sang trọng có danh giá, đi lại bốn phương.
- Nếu thấp hâm đen thì đi xa bất lợi, vô gia cư.
- Nếu liền lông mày với tóc mai thì tha phượng cầu thực.

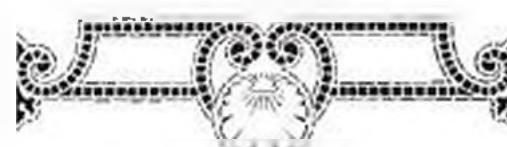
10. Về tật bệnh.

Con người phải trải qua “sinh, lão, bệnh, tử”. Đó là lẽ thường tình. Nhưng quá trình sống thì ai mà chẳng một đôi lần bệnh. Có người mang tật nguyên rất sớm. Có người mắc bệnh mạn tính, bệnh hiểm nghèo...

Bệnh tật tai ách đều được thể hiện trên gương mặt về biểu tượng. Đó thuộc “bất biến” và thuộc “duy biến”. Còn “thường biến” là thuộc y biểu (biểu hiện về mặt y-lý).

Về mặt biểu tượng thì bệnh tật thể hiện ở Sơn căn. (Cuồng mũi giáp chân mày).

- Nếu nơi ấy sáng láng đầy đặn thì ít bệnh tật oái oăm.
- Mũi dọc dừa thì ít bệnh hiểm nghèo.
- Mũi không cao không thấp thì ít bệnh tật.
- Sơn căn có đường “gân xanh” vắt ngang (thường thấy ở trẻ) thì bé hay ốm quặt quẹo, nuôi nấng, vất vả.



Về mặt y-biểu thì khi có bệnh sắc khí Sơn căn biến đổi trước rồi sắc khí mặt thay đổi sau.

Ví dụ: Sơn căn đỏ chót bị bêch nội tiết (rõ nhất ở khu đầu chóp mũi).

III. TÓM LẠI tùy “nhìn mặt mà bắt hình dong” nhưng không giản đơn như vậy. Đánh giá một con người phải hết sức thận trọng. Bởi “Tiên thiên” còn có “Hậu thiên” nghĩa là ngoài tướng sinh ra đã có nhưng “Hậu thiên” tốt, xấu cũng thay đổi nhân phẩm và cốt cách con người. Ví như: nuôi dưỡng tốt, người tập luyện thường xuyên sẽ khỏe (thay đổi cốt cách). Rèn luyện tu dưỡng thường xuyên sẽ thay đổi nhân cách. “... Người do giáo dưỡng mà nên”. Và “đại phú tại Thiên, tiểu phú tại Cầm”. Ý nói sinh ra thì phần lớn đều hiền, lớn lên do tác động ngoại cảnh tạo ra người lành, kẻ dữ. Và nữa nếu chịu khó làm lụng, tiết kiệm thì vẫn đủ ăn đủ mặc; không thể nghèo đói; không nghèo đói thì sống thiện lương, và ít ốm đau. Thánh nhân đã dạy “Đức nhân thắng số” là vậy.

1. Đừng thấy trán cao rộng đã cho là thông minh, quan tướng và là người thiện đức... Mà trán cao đẹp chỉ mới có cốt “Tiên thiên” đã cho anh “cái bình” đựng đẹp; còn anh đựng cái gì: thuốc quý, rượu ngon hay nước lã, thuốc độc là tùy “Hậu thiên” (dưỡng dục, rèn luyện bản thân, gấp môi trường gia đình, xã hội, đất nước tốt đẹp hay xấu kém).

Vậy khi xem tướng mạo cho người trưởng thành không thể tùy tiện phán bảo này nọ.

2. Trong con người bao giờ cũng có thiện tính và ác tính tàng chứa. Cái này lấn cái kia tùy lúc, cơ hội, thời cuộc.

- Người làm vua, quan không phải không có ác tâm...



- Người dân thường không phải không có đức cao...
 - Người ngu đần, hèn kém không phải không có tâm tốt...
- Đấy là điều nên lưu tâm của Tướng thuật gia.

3. Về Tướng pháp thì khi nói người giàu có, đại phú thì toàn thân con người: đầu, mặt, thân hình v.v... phần nào cũng biểu hiện của “sô” giàu có.

Người sang, vinh hiển thì ít ra phải có 70% bộ phận tướng chính đạo; có nghị lực tu dưỡng, rèn luyện nữa.

- Người ngu đần thì cũng vậy, phải có đầu mặt quá ngu.
- Người nghèo hèn thì 90% bộ phận phải là thuộc người nghèo hèn; kém ý chí vươn lên, lười nhác thêm vào.

IV. CÁC TƯỚNG GIA có thêm quan điểm về “năm bộ phận lớn”, “năm bộ phận nhỏ” Thuận và Nghịch: Thuận thì tốt quý mà Nghịch thì ngược lại.

Với cách quy nạp gọn lại để cho dễ thấy:

1. Năm cái to.

Là năm bộ phận đều lớn. Đó là đầu lớn, mắt lớn, tai to, miệng rộng, bụng to. Nhưng ở đây to lớn phải đi với đẹp chứ không thô kệch ví như: Đầu to phải tròn, bụng to nhưng không sệ, mắt to mà không lộ, lờ đờ. Tai to mà phải có thành vách và dái tai đẹp. Miệng rộng phải có môi dày, đẹp, hồng tươi.

Tướng như vậy mới gọi là quý được xác nhận. Nếu có to, lớn và rộng mà không phù hợp như vậy là phá cách thì xấu tướng.

2. Năm bộ phận nhỏ.

Năm bộ phận đều nhỏ bé tức là năm thứ vừa kể ở trên ngược lại về kích cỡ của năm cái to lớn trên.

Song cũng như năm bộ phận lớn thì năm thứ tuy nhỏ mà



phải chỉnh. Ví dụ: Đầu nhỏ tròn tóc mượt, tai bé mà thành quách, bụng nhỏ mà thon lắn, rốn đẹp. Mắt bé mà không ti hí mắt lươn và trắng đen rõ ràng, tinh anh. Miệng bé mà khuôn mẫu tươi tắn...

3. Có người còn thêm “6 bộ phận quý nhở”. Đó là năm thứ nhỏ chỉnh chu như trên còn thêm cái lưng lắn phẳng, eo tròn thắt đáy đẹp.

Đây là sáu thứ quý mà bé nhỏ. Bé nhỏ thì tất nhiên hợp với người nhỏ tướng quý là vậy.

Có các tướng “Ngũ đại”, “Ngũ tiểu” và “Lục phước tiểu” là quý tướng dễ thấy, dễ xác định: Phú bần và Quý tiệm.

Những thứ đó mà hắc lõm, phá cách thì xấu và dấu có rượu quý mà đựng vào bình xấu làm tâm lý uống như uống nước lã khác gì.

Phú quý là điều con người mong có được. Vì vậy các Tướng thuật gia cũng chú ý nghiên cứu tướng mạo của hai tiêu chí này. Người thì xem xét ba đìn: Ngũ nhạc, Tứ học đường, Bát học đường. Rồi phái Ngũ tinh, phái Tứ độc chỉ đi vào chi tiết của 4 phần của Ngũ quan: tai, mắt, miệng, mũi để khám phá cái xung chi tiết “mười cái đẹp” và “mười cái thanh”. Rồi dựa vào đó để đổi chiếu xem xét tướng mạo một người nào đó xem họ đã đạt được mấy tiêu chí (cái) đẹp.

V. VÍ DỤ VỀ MƯỜI TIÊU CHÍ ĐẸP VÀ MƯỜI TIÊU CHÍ THANH CỦA TƯỚNG GIẦU SANG.

- Mười cái đẹp làm tướng giàu sang gồm:

1. Lông tóc mềm mại như tơ, mắt thanh tú có thần. Miệng rộng có hình tròn đẹp.

2. Thân hình hài hòa cân đối (như châu ngọc).



3. Thân hình gầy, nhưng đầu tròn.
 4. Tai dày đứng thành vành tai rõ ràng.
 5. Khí sắc tươi nhuận. Hơi thở thơm tho.
 6. Thân đen, mặt trắng. Lưng đen, đầy bắng.
 7. Mắt có thần khí. Môi thì hồng tươi.
 8. Thân nhỏ mà tiếng vang ấm.
 9. Mắt thấy được vật trong đêm tối. Con ngươi mắt như có ánh sáng.
 10. Bé sinh ra đã anh tú, khôi ngô.
- Mười cái thanh gồm:
1. Tiếng nói thanh trong, càng nói càng to dần mà không nhỏ dần đi, yếu đi.
 2. Lông tóc không quá thô cứng.
 3. Răng nhỏ đều đặn màu trắng trong như ngọc, ngà.
 4. Tay dài, bàn tay có vân như tơ, mềm, dài, hồng.
 5. Tai trắng như mặt, sắc khí sáng tươi.
 6. Lông mày mượt đen. Đầu tóc gọn đẹp.
 7. Mắt thanh có thần. Môi miệng đỏ tươi. Đồng tử mắt to. Trắng đen phân minh.
 8. Người gầy mà không lộ xương, da hồng tươi nhuận.
 9. Người tuy gầy nhưng vùng vú đầy, vú tròn đẹp.
 10. Rốn sâu không nhìn thấy đáy của rốn.

Như vậy cho thấy ở đời ít hiếm người toàn mỹ, toàn thiện đủ 10 đẹp hay 10 thanh. Mà đạt được 3/4 tiêu chí trong những cái 10 ấy đã quý rồi, đã thỏa mãn điều mong: Phú, quý, thọ, sang, khang, minh đã là hạnh phúc lắm.



VI. BÊN CẠNH PHÚ QUÝ CÓ TIÊU CHÍ XẾP VÀO TƯỚNG NGHÈO HÈN.

Các Tướng thuật gia cho rằng các tiêu chí nghèo hèn thì đương nhiên trái ngược với tiêu chí quý phú: Địa vị xã hội không có, kinh tế túng quẫn thiếu đói...

- “Thần tướng toàn biên” đánh giá tướng nghèo hèn là:

1. Đầu nhỏ hóp nhọn, hoặc bằng tẹt, ghồ ghề.
 2. Trán hẹp, lõm, méo mó, vẹt, khuyết.
 3. Tai mỏng, không rõ vành tai, tai lộn, khuyết không dái tai.
 4. Da khô cứng.
 5. Miệng bé, môi khô, trợt.
 6. Thịt nhão.
 7. Hình dạng thô thiển, khiếm khuyết lệch lạc.
 8. Tiếng the thé, lanh lảnh.
 9. Chân dài đi như rắn (oàn bên nọ oặt bên kia).
 10. Ăn như chuột (ăn nhấm gặm).
 11. Lưng gầy, gù, lõm.
 12. Vai hẹp, suôi tuột, u, lõm.
- Có sách nói “Muôn biết tướng nghèo hèn yếu tiện” thì:
1. Mũi tẹt, hếch (lỗ mũi hứng mưa).
 2. Răng lộ sỉ, hô vàng, xỉn bẩn khập kềnh loạn xạ.
 3. Lưng gồ (lưng chim sẻ) hoặc lõm (vồng cong).
 4. Hai mày giao nhau.
 5. Ngực giô xương, vú bé lép, đầu vú như quả dưa chuột.
 6. Eo lưng rộng bè.
 7. Vai nhô xương sẩu.
 8. Mày ép xẹp xuống trán, cụp xuống mắt.



9. Mắt đen bẩn.
10. Thân người thô kệch, lệch lạc.
11. Tiếng nói nặng chịch (tiếng chì).

VII. NGOÀI RA CÒN CÓ TƯỚNG KẺ GIAN TÀ NÊN LUU Ý.

1. Mày cụp rủ che mắt.
 2. Tam đình (thân người) dài.
 3. Mũi ngắn, lỗ mũi rộng hoắc.
 4. Ăn uống chậm chạp như ngủ gật.
 5. Miệng vằn như rắn vằn.
 6. Lưng chét, eo bé tẹo gồng.
 7. Nói nhanh, tiếng thô ngắn.
 8. Thân hình khuyết.
 9. Sắc không tươi nhuận.
 10. Mắt xanh.
 11. Da khô.
 12. Mắt ti hí, nhìn gian giảo.
 13. Đi như rắn bò vặt vẹo.
 14. Mồm thở hôi hám.
 15. Mũi nhiều vằn nhăn.
- Đấy là các tướng nghèo hèn mà gian xảo nữa.

VIII. TƯỚNG HẠI NGƯỜI.

1. Mắt như mặt thằn lằn.
2. Người nghiêng bên trái.
3. Cười lộ hết răng lợi. Miệng hôi thối.
4. Đầu nhọn.



5. Vẻ mặt tiêu điều, sắc buồn.
6. Vẻ đầy oán giận.

IX. CÁC HẠNG TƯỚNG NÀY CẦN PHẢI CHÚ Ý CẢNH GIÁC VÌ LÀ 10 TƯỚNG GIẾT NGƯỜI (“THẬP SÁT TƯỚNG”).

1. Mặt như say rượu.
2. Tự nói một mình.
3. Thường cố ý khạc nhổ khi không có đờm.
4. Mắt vằn tia máu đỏ, sắc khí hung bạo.
5. Tinh thần mê muội, hỗn loạn.
6. Tiếng nói gầm gừ như hổ báo.
7. Miệng không có nếp.
8. Khi ăn luôn đổ mồ hôi.
9. Mũi khoặm, lỗ mũi trông hốc.
10. Hôi nách kinh khủng.

X. NGOÀI RA TƯỚNG PHÁP CÒN QUY NAP 12 TƯỚNG ÁC (NGƯỜI ĐỘC ÁC).

1. Đầu nhọn.
2. Cầm nhọn.
3. Thần sắc nhợt nhạt.
4. Ánh mắt không bình thường.
5. Môi mỏng.
6. Miệng to, rộng thô.
7. Lưỡi đầy mồm.
8. Tai lật lộn.
9. Lông mày vặn.



10. Mắt hình tam giác.
11. Mũi diều hâu.
12. Trán hẹp (kiểu chó Nhật Bản).

XI. TƯỚNG DÂM ĐĂNG CỦA ĐÀN BÀ.

1. Mắt phèn phẹt (to nhiều thịt).
2. Mũi nhỏ, mắt tròn, trắng dã, ướt át, lấm lét.
3. Cổ ngắn, ngực nhô, đầu vú tẹt.
4. Ngón chân ngắn.
5. Da nhầy mỡ, trắng bợt.
6. Chưa nói đã cười, ấp úng, lúng túng, hát lảm nhảm, môi mấp máy.
7. Đi hay quay đầu lại, tay ngoặt sau thái quá.
8. Cử chỉ mê muội, đắm đuối, len lét hay dấu mặt.
9. Lưng hơi gù trên, eo nhỏ, bụng nhỏ.

XII. LUU Ý.

Không phải ai cũng đủ bằng ấy tiêu chí mới gọi là tính thế này, thế khác. Con người bao giờ cũng có lẩn lộn tướng xấu và tướng đẹp “nhân vô thập toàn”. Vì vậy mà không xét kỹ sẽ rơi vào tình trạng “minh minh chi chung” khó quyết.

Cho nên khi nhìn tướng, cái gì là thắn đậm vào mắt mà nằm ở vài ba tiêu chí xấu thì xấu, tốt thì là tốt, ác thì là ác, dâm thì phải dâm và kẻ có tướng giết người thì khó tránh khỏi. Như vậy để xác định.



PHẦN VI:

QUAN NIỆM TƯỚNG THUẬT CỦA MA-Y TIÊN SINH

I. MA-Y TIÊN SINH là ẩn sĩ không được biết tên tuổi và thời đại mà ông sống. Chỉ biết các bài phú Tướng pháp của ông được học trò ông là Trần Đoàn sống thời Ngũ Đại (Trung Hoa) được phong hiệu Hy-Di tên tự là Đỗ Nam Khuyếch truyền trong dân gian.

1. Trần Đoàn - Hy Di cũng là một tướng thuật gia nổi tiếng tài học. Ông được ca ngợi về tài năng tướng pháp uyên thâm. Ông từng xem tướng cho Triệu Khuông Dẫn nói sau sẽ là một vị vua sáng và sau đó Triệu Khuông Dẫn trở thành một ông vua đức độ, Tống Thái Tổ. Người dựng cơ nghiệp nhà Tống, bình yên đất Tống, thời Ngũ Đại (966 - 979); tương ứng thời loạn 12 xứ quân (966- 968), 2 năm và sau đó là Đinh Tiên Hoàng lên làm vua Đại Cồ Việt (968 - 980), lịch sử Việt Nam cổ đại.

2. Phú “Thạch thất thần Di” của Ma-y tiên sinh nói rằng: “Tướng của người được định sẵn, phú quý, ngũ hiền, bần tiện, thọ yếu, họa phúc thể hiện ở tướng hình: Hình dạng, cốt cách, khí sắc đã được phân định sẵn rõ. Người trần không thể biết được và can dự vào”. Phú cho rằng: “Hình tướng chỉ sẵn suốt



đời (bất biến) khí sắc thể hiện trên hình tướng chỉ vận hành trong một năm thời vận (duy biến)".

II. MA-Y CHO RẰNG

1. Tam đinh mà bằng, thẳng thì suốt đời không thiếu cơm áo. Tam đinh gồm:

- Tam đinh trên mặt: Trán, mũi, cằm.
- Tam đinh trên thân: Đầu, lưng, chân.

Mà đều nhau bằng đầy, thẳng đẹp thì suốt đời sống no ấm.

2. Ngũ nhạc triều quy (chầu về nhau) thì cả đời nhiều tiền của.

Nghĩa là: Trán, 2 xương gò má, mũi và cằm mà đầy đặn không khuyết, lõm thì giàu. Ngược lại thì nghèo.

3. Chóp cằm là địa các cho biết quy mô tiền của.

Nghĩa là: Chóp cằm đầy rộng thì giàu, càng rộng càng nhiều của, mà nhọn là nghèo.

- Nơi đây thuộc hạ đinh thuộc Sao Thủy nếu được hình Kim Thủy thì đại phú.

4. Sông mũi rộng chỉ về tài tính lúc tuổi trung vận.

Nghĩa là: Đầy, rộng, ngay, thẳng thì quý hiền.

- Mũi tẹt, hếch lên hay cong vẹo thì tần tiệm.

- Cong vẹo sông mũi thì chết "bất đắc kỳ".

5. Trán vuông rộng, trẻ được vinh hoa.

Nghĩa là: Tuổi trẻ đỗ đạt, vinh hiển.

- Nếu bị u, nhọn, lõm hay trũng rõ thì tuổi trẻ lao đao trăm bể.

6. Mắt thanh, mày đẹp là người thông minh, tuấn tú.

Nghĩa là: Mắt đẹp, mày không che mắt thanh tú (thuộc La



hầu và Kế đô chỉ vận mệnh) nên phải thanh nhã. Không nghiêng lệch hơi ám.

7. Khí mà đục (tục trước) mà thần thì khô khan là tướng người bần khổ.

Nghĩa là: Thần khí của người toát ra nét mặt tươi nhuận, sáng sủa mà không được như vậy (tục trước) - đục thì không lúc nào thông thả, lúc nào cũng lo âu, phiền muộn.

8. Thiên đình cao rộng thì tiền vận phú quý rõ ràng.

Nghĩa là: Khu vực trán sát tóc và trên ấn đường mà cao rộng thanh tú không tì vết lỗi lõm thì tuổi trẻ đã thành đạt làm nên sự nghiệp.

9. Địa các vuông có hình tròn thì trung niên phát đạt.

Nghĩa là: Vùng dưới thừa tướng (môi dưới) đến chót cằm mà:

- Vuông hơi tròn thì vinh hiển đạt.
- Rộng thì giàu có.
- Dày sáng thì sang trọng.
- Nhọn thì nghèo.

10. Nhìn người ngay thẳng cương trực.

Nghĩa là: Nhìn ngó mà không né tránh, lầm lết là người cương trực ngay thẳng.

11. Cười nhạt vô tình: Người mưu mô thâm độc.

Nghĩa là: Người cười nhạt nhẽo là người có cơ mưu, thâm hiểm, độc địa.

12. Chóp mũi (chuẩn đầu) to rộng người tốt bụng.

Nghĩa là: Đầu mũi to rộng (mũi sư tử) là người thiện tâm, tính tốt, hiền lành.



13. Mặt có thớ thịt ngang, thì hung ác.

Nghĩa là: Thịt ở mặt, dưới gò má mà thớ thịt sinh ngang lộ rõ ra ngoài là người ác, bạo hành, cướp bóc.

14. Trí tuệ phô ra ở da, lông (bì phu).

Nghĩa là: Da lông mịn mượt, mềm mại tươi sáng là người nhu thuận, thông minh.

15. Xem sương khổ ở tay, chân.

Nghĩa là: Xem tướng tay, tướng chân thì biết sương khổ.

- Ngón tay dài đẹp, gót chân tròn lẳn hồng mập là người nhàn hạ, phú quý.

- Ngón, đốt ngón nhỏ thanh nhã: gót chân mập, lưng bàn chân đầy đặn là người nhàn nhã, tâm bình an.

16. Toàn thân cân đối đầy đặn tương xứng là đại phú.

Nghĩa là: Thể mạo cân đối, vạm vỡ, mượt mà thì không làm quan cũng là người giàu sang.

17. Người có Nam phuơng phong mãn ấy là thiên đình rộng rãi, đầy đặn.

Nghĩa là: Nam phuơng lấy đầu và trán làm chủ, Sao Hỏa mà không biến hâm thì được cao quý, hiển vinh.

18. Bắc phuơng phong mãn thì được công Hầu đại quý đều do Địa các phong mãn.

Nghĩa là: Bắc phuơng lấy Địa các làm chủ mà đầy đặn cân đối, phân minh thì là bậc công hầu, khanh tướng.

19. Môi dày, cầm đầy người phuơng Bắc, quý cường.

Nghĩa là: Người môi dày, cầm đầy cân xứng với gò má láng mượt là người can trường.

20. Mắt đường sông, miệng như biển phúc lộc vạn chung.

Nghĩa là: Mắt sáng mà không lộ, miệng vuông mà ngay thì hiển đạt, chức tước cao.



21. Mắt như sắt, mày như kiếm binh quyền to lớn.

Nghĩa là: Mắt đẹp ánh lạnh uy. Lông mày hình lưỡi kiếm thì làm quan quân sự lớn.

22. Phụ nữ mắt rồng, cổ phượng lấy chồng sang.

Nghĩa là: Phụ nữ có đôi mắt sáng rực và đẹp đẽ, cổ cao như cổ chim phượng hoàng (cao mà không nhông lên) đều lấy chồng vua chúa, thửa tướng hiển vinh một đời.

23. Cầm yến (chim én) trán hùm làm tướng soái.

Nghĩa là: Con trai mà cầm như ngực con chim én đầy đặn, bóng mượt thêm miệng rộng, trán vuông, no tròn. Mắt sáng rực dáng oai phong như hổ. Tướng quý làm nên sự nghiệp tướng soái vô cùng vang.

Nên nhớ tuy cốt cách đầy đủ mà chưa đến vận tốt. Khi đến thời vận giàu sang sẽ đẹp hơn, sinh trưởng thêm. Khi giàu có no nê bì phu thanh đổi, sắc mẫu phù hợp ngũ tạng. Bệnh tình sinh ra từ lạc thú thì khí sắc kém đi.

III. VỀ TƯỚNG THỌ YẾU (CHẾT SỚM).

Theo Ma-y thần tướng Quách Lâm Tông có đưa ra 8 hình tướng nói đến thọ yếu. Ông cho rằng Nhân trung là cung thọ yếu, song chưa đủ xác đáng mà còn phải xem thần khí là chủ nên phải xem xét kỹ thần sắc một người mới có thể nói thọ hay yếu.

1. Thần khí bức mà không sáng sủa dễ đến cõi u minh.

Nghĩa là: Đôi mắt lờ đờ khi nhìn không có tinh lực, sinh khí thì chết yếu.

2. Da mặt thường hư bạc sau ba mươi tuổi không còn.

Nghĩa là: Da mặt nhợt nhạt, vàng úa không thấy màu máu sau ba mươi tuổi khó sồng thêm.



3. Màu thịt kinh phù trước 49 tuổi khó sống.

Nghĩa là: Thịt không chắc, béo bệu do thần khí không bồi đắp đủ nên trước 50 tuổi sẽ chết.

4. Thường phải tai ách chỉ nhân trung gốc bị hơn trầm.

Nghĩa là: Sơn Căn gốc (dưới ấn đường) cùng với Miên, Thọ ba mươi ấy chỉ tật bệnh, nên thần sắc phải không tối hãm thì thọ. Nếu tối hãm thì không thọ.

5. Sắc mặt hồng tươi, vàng đẹp thì thọ, khoẻ mạnh.

Nghĩa là: Da mặt hồng, vàng tươi thuộc tứ quý thì khoẻ mạnh, sống lâu.

6. Đôi mắt không có thần, dù sống mũi cao (Sơn Căn cao) vẫn đoán mệnh.

Nghĩa là: Mắt không có thần dù mũi dọc dừa vẫn chết non.

7. Mày sắc như lưỡi dao thì tử vong nơi trận mạc.

Nghĩa là: Lông mày hình lưỡi dao sắc là người hiếu chiến nên đoán mệnh nơi chiến trận.

8. Sơn căn xanh đen trước sau 36 tuổi có tai ách.

Nghĩa là: Sơn căn (sống mũi) màu xanh sẫm khó sống ngoài 36 tuổi.

IV. VỀ TƯỚNG CÔ ĐƠN THEO MA-Y THẦN TƯỚNG.

Tướng Cô đơn chỉ con cháu hiếm hoi, vợ mất, chồng chết sớm. Kẻ hầu người dưới phản bội, cuộc đời dở dang cô quạnh.

1. Lụy đường sâu hõm, thịt mặt sinh ngang, đầu mũi nhọn quặp xuống, Nhân trung đầy bằng là khó có người nối dõi.

Nghĩa là: Dưới vành mắt rãnh sát dưới ngọ tầm là lụy đường (nước mắt chảy) nếu sâu hõm. Thịt sinh ngang. Đầu mũi nhọn quặp xuống như chẻ tre. Nhân trung đầy không có rãnh.



Nếu các thứ như thế thì sẽ khắc con cháu, người làm phản bội, bạn bè không trung, gia cảnh tiêu tan, sống đơn độc.

2. Không khóc mà mắt như khóc, nước chảy tràn ra. Lòng dạ đau đớn, trẻ không hình khắc, thì già cô độc.

Nghĩa là: Không khóc mà nước mắt tràn ra, mày chau nhíu đó là tướng khắc khổ, cô độc, trẻ không mồ côi thì già cô độc.

3. Mắt giống da quýt, rốt cuộc bị cô hìn.

Nghĩa là: Da mặt như có bụi bám chân lông nhìn như da quả cam thì cô hìn định sẵn sinh trai một đứa, vợ hai đời đổi thay.

4. Thần sắc màu hoa đào con cái sẽ muộn màng.

Nghĩa là: Thần sắc đẹp như màu hoa đào đẹp tươi ẻo lả là tà dâm sẽ sinh con muộn, trai nhiều vợ, gái lẳng lơ.

5. Mày xứng lên, mắt như khóc, không bần tiện thì cô đơn.

Nghĩa là: Không muốn dướn mày mà mày vẫn dướn lên cao, mắt không khóc mà đứng vững nước mắt đều là tướng cô độc, bần tiện trọn đời.

6. Giàu có mà chịu lao khổ bởi Hạ đình quá dài.

Nghĩa là: Người mà chân dài thì dù giàu có vẫn làm việc nhọc thân đến già.

7. Bần cùng cô độc đến già là do gân cốt thô lâu.

Nghĩa là: Người mà gân cốt thô lâu, thịt dọc, thớ ngang không cân đối thì suốt đời bần tiện cô độc.

V. VỀ TƯỚNG SANG GIÀU THEO MA-Y THẦN TƯỚNG.

Ma-y thần tướng cũng có quan điểm về các tiêu chí sang giàu từ cách đây gần ba nghìn năm. Ông cho rằng giàu sang có từ cốt cách sinh ra ngay thuở lọt lòng.



1. Tam quan vượng sáng của cải đến bởi trời phú.

Nghĩa là: Vùng Phúc đường (mắt, trán) với Chấn đầu (đầu mũi) sáng rõ đầy tròn, lưỡng quyền và hai má đầy đặn tươi nhuận thì không quý cũng đại phú.

2. Lục phủ cao mạnh nhất sanh phú túc.

Nghĩa là: Lục phủ: 2 má, 2 lưỡng quyền và 2 phủ thiên thương (góc trán phải, trái) cao, đầy thì cuộc đời giàu có đủ đầy.

3. Sắc mặt hồng vàng, bóng thì giàu và an khang.

Nghĩa là: Da mặt thu, đồng không trắng đen mà hồng vàng bóng thì giàu khỏe mạnh.

4. Mắt sáng đẹp mà đen trắng phân minh trung niên phú quý.

Nghĩa là: Hai mắt nhỏ dài cân đối, tròng đen, trắng rõ ràng trong sáng thì thông tuệ và đến trung niên thì giàu (nhỏ như mắt rùa).

5. Màu vàng phát ra tươi sáng sau một tuần sẽ phát triển thăng quan.

Nghĩa là: Màu vàng là màu thọ ở gần cao quảng (gần mày) hay biên địa (nếp trán) (bộ vị) và gần Túc đường (bộ vị). Những nơi ấy mà xuất hiện ánh sắc vàng thì là điềm tiến phát gần về quan lộc.

VI. VỀ TƯỚNG XẤU TAI ƯƠNG THEO MA-Y THẦN TƯỚNG.

1. Đàn bà mà cặp mắt ác thì hình phu.

Nghĩa là: Mắt tròn lồi là ác tướng, ăn hiếp chồng con.

2. Giọng nói sắc ác, mặt ngang: Ế chồng.

Nghĩa là: Đàn bà mà giọng như lệnh vỡ, thịt mặt thớ ngang thì ế chồng.



3. Trán nhọn, tai phản trật lộn thì nhiều đời chồng.

Nghĩa là: Đàn bà mà trán nhọn, tai lật ngửa thì khắc phu, nhiều đời chồng chết (sát chồng).

4. Trán nghiêng không ngay ngắn thì dâm đãng, nhưng bề ngoài khoan hòa dễ bị lầm tưởng tính tình.

Nghĩa là: Trán bị vẹt nghiêng, lệch thì chú ý tà dâm, song dáng ngoài tỏ vẻ bình thường khó phân.

5. Mắt lộ vẻ ác độc, mũi nhọn thì lòng hiểm sâu.

Nghĩa là: Mắt lồi, nhân tính khó hòa nhã. Mũi nhọn như mỏ chim ưng tâm tính thâm độc, lầm thủ đoạn.

6. Đi mà gót không bén đất thì tha phương vì phá sản.

Nghĩa là: Người đi chân không đặt gót thì phá sản mà tha hương đói nghèo.

7. Môi không che lấp răng thì ngồi lê mách lẻo.

Nghĩa là: Không cười mà lộ răng, môi không che lấp thì hay đem chuyện, đưa chuyện người khác làm quà. Môi mỏng nói điêu, hay hớt.

8. Không râu mép là người không có nghị lực.

Nghĩa là: Nhân trung không râu hoặc râu thưa trông thấy da là người thiếu nghị lực, lao đao.

9. Ấn đường quá hẹp thì con trễ, vợ muộn, không có công danh.

Nghĩa là: Ấn đường bé hẹp thì lấy vợ muộn, công danh không có gì.

10. Huyền bí hắc ám: Nhà phá, người vong.

Nghĩa là: Cung Nô bộc (hai bên mép) phải tươi nhuận, sáng sủa. Nếu hõm, sạm thì phá sản, chủ chết chóc.



11. Yết hầu lộ to, miệng hở thấy răng thì anh em phân ly.

Nghĩa là: Yết hầu cao lộ, răng nhô thì anh em mỗi người một nơi.

12. Xương thô, da dùm thì không thọ.

Nghĩa là: Xương thô lộ ra ngoài, da lông kém sắc, thịt nhão đều là yếu tướng.

13. Long cung thấp mà hảm sậm đen thì ít con mà con ngu muội.

Nghĩa là: Long cung (vành quanh con mắt- cung tử) nếu thấp và hắc ám thì hiếm con. Nếu có cũng ngu đần hoặc bất hiếu.

- Tam dương: Thái dương, hiếu dương, trung dương là 3 dương ở trên mắt bên trái và tam Âm là Thái Âm, trung Âm, thiếu Âm ở bên trên mắt phải. Đó là Âm dương ba thứ mà đầy, sáng tươi thì sinh con thông minh, dễ đỗ đạt.

14. Mặt lớn mà mũi nhỏ thì bình sinh gian khổ.

Nghĩa là: Chính diện (mặt) lớn mà mũi bé không tương xứng là tướng bôn ba, lao lý, khổ ải đó đây.

15. Mũi (xương) ốm mà mặt béo mập: Tiền của nửa đời hao tán hết.

Nghĩa là: Mặt béo thịt mà mũi xương gầy thì có cửa săn cũng tiêu tan, không giữ được nửa sau đời.

16. Pháp lệnh đâm vào miệng: Có ngày chết đói.

Nghĩa là: Pháp lệnh là đường chỉ ở 2 bên miệng, từ khoé mũi chạy xuống mà vòng cong, đầu đâm vào mồm thì có ngày phải chết đói mặc dù có thể giàu có trước đó.

- Đằng xà cũng là pháp lệnh nghĩa giống nhau và tính chất giống nhau.



17. Mắt như mắt cá: Người ít tuổi thọ.

Nghĩa là: Mắt tròn lộ ra vẻ ngây, dại giống mắt cá ấy là tướng không sáng đẹp, ít tuổi thọ.

18. Khí mà như khói bụi: Ách, tai sẽ xảy đến.

Nghĩa là: Khí sắc là yếu, điểm khí của bốn mùa. Khí sắc nên phải sáng rõ. Nếu như khói, bụi lại thêm hôi ám thì sẽ có tai ách xảy đến.

19. Hình mạo như tượng đất: Khó tránh mạng trời.

Nghĩa là: Hình thể khô khan giống như tượng đất mà không có sắc tươi thì sẽ có bệnh nặng đến vong mạng.

20. Thiên trụ thiên lệch: Xấu đến mạng vong.

Nghĩa là: Xương sau cổ (ót) và cổ mà nghiêng lệch và gục xuống không ngẩng lên thì bệnh nặng mà chết.

21. Tướng mạo như sắt thép: khí vận không thông.

Nghĩa là: Người cứng lạnh, ít vui vẻ, cảm thông. Khí sắc mà lạnh như sắt thép, kim loại ấy thì khí vận không thông đạt mà lao đao trong cuộc sống.

22. Văn bi trệ: Khó học hành do hai bên mi đầu có mầu xanh.

Nghĩa là: Mi đầu, mày đầu, khoé mắt (cung Thiên thương) nếu khí sắc xanh đen thì không làm quan Văn vì học hành không đỗ đạt được.

23. Khí vàng ít, khí đen nhiều: Công danh dù có cũng thành không.

Nghĩa là: Xanh đen thì mầu ngừng trệ mà nhiều, trong khi khí hồng vàng là mầu tiến phát lại ít thì dusk có công danh rồi cũng như không.

24. Dáng ăn như khỉ, chuột là người biển lận, giảo mưu, đáo để.



Nghĩa là: Dáng ăn mà rón rén như sợ, lắt chắt giống như chuột ăn. Ăn mà không nhai mà như nuốt ngốn giống khỉ ăn: Người ấy gian tà, biển lận, tiểu nhân, dáo dể. Không thể cho giữ của, giữ kho được.

25. Đầu chuí về phía trước, thì trước khá sau tàn.

Nghĩa là: Người đi đầu chuí về trước, trước khá, khi già thì lại nghèo khó.

26. Chết tha phương là do lợi răng nổi cao mà môi mỏng che không kín hết.

Nghĩa là: Răng lợi nổi cao lòi ra ngoài, môi không che lấp. Đó là tướng chết tha phương (không ở quê quán).

27. Hình dạng thần thái không phù hợp thì nghèo và yếu.

Nghĩa là: Hình dạng thì được, nhưng thần khí kém thì nghèo và không thọ.

28. Mắt sáng, mũi quặp, môi mỏng là tướng bất lương.

Nghĩa là: Tuy mắt sáng đẹp, nhưng mũi quặp như mỏ diều hâu và hai môi mỏng là người không lương thiện, tà dâm, hiểm ác, cướp bóc.

29. Nghiến răng, đầu gật là tính tham lam quá độ.

Nghĩa là: Người nói cứ xít hai hàm răng, đầu giật giống loài sói báo gầm thét là tướng tham và gian khôn lường.

30. Lúc 30 tuổi mà xem mũi thì biết hữu cựu.

Nghĩa là: 30 tuổi mà mũi hõm, tịt là phá tài.

31. Thập các tội hung đều do mắt đỏ, con ngươi vàng.

Nghĩa là: Đôi mắt luôn đỏ ngầu, vằn tia máu và con ngươi màu vàng: Tướng bị 1 trong 10 trọng tội thọ hình mà chết (treo cổ, bắn... tử hình).

32. Mắt có tam giác (ba góc) tướng người cô độc.

Nghĩa là: Mắt tạo thành ba góc giống hình tam giác (đỉnh



là đuôi mắt). Đó là tướng không lương thiện. Trai thì khắc vợ, gái khắc chồng con.

33. Đầu mũi hai bên lõm xuống: Phá tài, tật khổ.

Nghĩa là: Mũi là sao Thổ, cung vị niêm tho, nếu hai bên lõm xuống không phá sản thì cũng bị tật.

34. Da nhám không láng bóng là không an dật.

Nghĩa là: Bì phu (da lông) thô không bóng mượt thì không nhà.

35. Tiếng khàn thô, không có âm vận thì không phải kẻ vinh hoa.

Nghĩa là: Tiếng phải trong sáng có âm ấm. Nếu mà tiếng the thé hay như thanh la, khàn khàn thì không sang.

36. Mặt ngựa, mắt rắn: Sẽ bị hoành tử.

Nghĩa là: Mặt dài, mắt tròn lộ như mắt rắn có mầu hồng thì tính thô bạo, thâm độc, bất nghĩa với anh em, chết phi mạng (chết không toàn thây).

37. Cốt phát thô, tóc như cỏ rối: tướng bần hèn.

Nghĩa là: Xương đầu thô to, tóc dày cứng rối bù là người nghèo khổ.

38. Thân nhỏ mà nặng nề thì không thể giàu được.

Nghĩa là: Thân thể quý ở chỗ đầy đặn cân đối, chắc chắn. Nếu mà dáng đi ẻo lả như gió thổi cây liêu, sóng xô thuyền nhẹ thì chết sớm và nghèo khổ.

39. Mũi có ngấn: Không bán ruộng thì bán nhà.

Nghĩa là: Sống mũi có 3 ngấn ngang, không bằng phẳng thì khó giữ sản nghiệp làm ra.

40. Sông mũi bày xương: Tướng phá tổ, chống họ tộc.

Nghĩa là: Sống mũi mà xương sẩu, thô như lưỡi kiếm thì phá tổ nghiệp, chống đối họ hàng, gia tộc.



41. Lỗ mũi trống hoặc là kẻ bần hàn.

Nghĩa là: Hai lỗ mũi trống như cửa mở thì nghèo, vất cả đời.

42. Sơn Căn có điểm đen thì không bệnh cũng sát chồng.

Nghĩa là: Sông mũi có chấm hay nốt ruồi đen thì không tật bệnh cũng khắc (sát) chồng.

43. Thân hình như La Hán, diện mạo như Phán Quan: Già mới có con.

Nghĩa là: Thân hình cổ quái như Phật La Hán, mắt lạnh như chánh án đều là tướng muộn con.

44. Trẻ mà béo mập, thần khí ngắn: khó sống tới 50 tuổi.

Nghĩa là: Còn trẻ mà người béo mập thần khí kém thì khó sống đến 50 tuổi.

45. Môi căng mà thâm sì: Khó sống được 3 tuần.

Nghĩa là: Môi căng để lộ răng và môi thâm sì, thần khí ám muội thì khó sống ngoài 30 tuổi.

46. Hình hài cục súc, làm gì cũng qua loa, khí vũ hiên ngang: Tính người khoái lạc.

Nghĩa là: Hình hài loắt choắt, không thư thái, làm việc lấy lệ cho có. Người mà khí vũ hiên ngang đi đứng nghiêm trang. Đó là tướng vui vẻ, thích lạc thú.

47. Má lúm đồng tiền: Đẹp đẽ đa tình mà mệnh bạc.

Nghĩa là: Người cười có lúm đồng tiền ở má thì đẹp, nhưng là người hèn tiện và bạc mệnh (chết non).

48. Hai xương gò má nổi cao: Khắc chồng nhiều đời; Tai lật, mỏng, trắng: Không con thờ tự

Nghĩa là: Lưỡng quyền đàn bà mà cao quá thì khắc nhiều đời chồng.

- Tai lật ra sau, mỏng thì không con cái thờ tự.



49. Đàn bà tóc dày cứng, tóc mai rậm thêm ngó nghiêng là người đàn bà đa dâm.

Nghĩa là: Phụ nữ tóc đen nhánh, dày hay ngó nghiêng là người khoái lạc tình dục.

50. Con gái mà vai thăng: Cô hình mà tái giá.

Nghĩa là: Phụ nữ mà vai ngang thì tái giá (đi bước nữa).

- Đàn ông mà eo lưng nhỏ thì phúc kém.

51. Đàn bà mắt sáng, miệng rộng là người tham dâm, cầu thực.

Nghĩa là: Phụ nữ mắt sáng, miệng rộng tướng phàm ăn, thích ăn uống và dâm dục (thích làm tình).

52. Mắt tròn mà thần khí có vẻ gập là người cấp tháo.

Nghĩa là: Mắt tròn mà thần khí có vẻ vội vàng là người nóng tính, gấp gáp trong mọi việc làm.

53. Mũi nhọn trán hẹp (đầu thấp): Chỉ làm vợ bé, người hầu.

Nghĩa là: Mũi nhọn, trán thấp hẹp (tóc liếm trán) thì chỉ làm vợ bé hay nàng hầu.

- Đàn bà mà tay, chân, gót lớn, xấu thì chỉ làm bà mối mai, ma cô dắt gài mại dâm.

54. Đàn bà miệng rộng: Ăn hết gia sản đến đói nghèo.

Nghĩa là: Đàn bà mà mồm lớn không tương xứng với mặt thì phá sản và nghèo khổ "... Đàn bà miệng rộng tan hoang cửa nhà.".

55. Đầu lớn trán cao: Sát chồng, xương thô, tiếng thô là người góá bụa.

Nghĩa là: Đàn bà mà đầu, trán đều to cao thì sát chồng nhiều đời.

- Xương thô, tiếng ô ô thì sê góá chồng.



56. Tay vung, đầu rung liên tục: Tướng hình phu, khắc chồng.

Nghĩa là: Đàn bà mà tay hay vung múa, đầu hay lắc lư là người dâm dật và sát chồng.

57. Đàn bà mà đầu bé, bụng to lớn: Chỉ được ăn nhiều.

Nghĩa là: Phụ nữ mà đầu bé, bụng to thì phàm ăn tục tiếu.

- Xương ít, thịt nhiều thì chỉ thọ đến 30 tuổi.

58. Mắt sáng vẻ như say: Người trên dâu, dưới bộc.

Nghĩa là: Mắt sáng long lanh, láo liếng mà tinh thần như say, mơ mộng là người đa dâm, trai lơ, đĩ điếm.

59. Đầu con chương, mắt con chuột: Không làm quan.

Nghĩa là: Đầu xương u như đầu con hoẵng, mắt tròn thô lỗ như mắt chuột thì không có quan tước gì.

VII. VỀ TƯỚNG LÀM QUAN, TƯỚNG THEO MA-Y THẦN TƯỚNG

1. Ấn đường, tiếp Trung chính chung quy có quan quyền.

Nghĩa là: Ấn đường rộng rãi cao sáng tiếp Trung chính phía trên mà quang thuận thì bẩm lộc cao, quan chức lớn.

2. Quyền oai chỉ huy nhờ có lưỡng quyền cao như núi.

Nghĩa là: Hai gò lưỡng quyền cao (Đông nhạc và Tây nhạc cao đầy) tướng oai phong hô hoán tả hữu phải tuân theo đó là võ tướng.

3. Bối vai tròn đầy đặn là tướng làm quan lớn.

Nghĩa là: Lưng vai (phía trên ngang ngực) mà tròn mập cân đối, vai trên và vai lưng (vai sau) mà dày chắc là tướng làm quan lớn.

4. Cốt cách cao ráo, thần khí thanh tịnh là người oai quyền, trung tiết.



Nghĩa là: Các đốt xương cao vút lên như núi cao. Đôi mắt trong sáng mà phát tiết oai quyền. Nếu làm quan là người thanh liêm được người đời kính phục.

5. Phục Tê vuốt lên đỉnh đầu là tướng vương hầu.

Nghĩa là: Sống xương ở trán chạy thẳng lên chân tóc tới đỉnh đầu gọi là “Phục tê”. Đó là tướng đại quý có thể phát vương quyền giàu sang.

6. Phụ cốt liền với thiên, chỉ huy dũng tướng.

Nghĩa là: Đui mày nổi cao liền với Thiên đạo, Thiên thương (2 bộ vị) chỉ oai quyền tướng soái.

7. Mắt như mắt hổ chớ phạm oai nghiêm.

Nghĩa là: Mắt tròn, lớn mà có thần, nhìn không nháy mà toát oai nghiêm ra ngoài, tính tình nghiêm trang và uy nghi. Đó là mắt của vị tướng soái.

8. Thiên đình cao rộng, chẳng thiếu nô bộc ngựa xe.

Nghĩa là: Thiên đình (trên giữa trán) mà cao rộng vút lên. Thiếu thời đã phú quý đỗ đạt cao sang quyền chức.



CHƯƠNG VIII:

CÁCH NHẬN ĐỊNH VỀ TƯỚNG MẠO

Muốn nhận định về tướng mạo một ai đó trước hết phải uyên thâm tướng pháp, sâu rộng về hiểu biết nhiều lĩnh vực và phải có tâm đức, có luân ý nhân quần, có quan điểm xã hội, có ý thức thiên bí. Những vấn đề này sẽ diễn giải tiếp theo.

PHẦN I:

NHỮNG KIẾN THỨC CƠ BẢN CẦN CÓ

I. KIẾN THỨC TƯỚNG PHÁP.

1. Muốn xem tướng mạo để tìm thông tin thì điều trước tiên phải nắm vững kiến thức về tướng pháp. Như phải biết các loại tướng hình. Tướng hình nào là chính (đã cung cấp ở



chương 7 trên). Tất nhiên không thể một sớm một chiều mà nắm bắt và vận dụng được cả. Ta chỉ nên nắm ít phần chính cho thật vững để thử. Đó là muốn ứng dụng, phải nghiên cứu thì phải thấu hiểu sâu xa để chỉnh lý bổ xung hay rút bỏ, phê phán một phần nào nhằm hoàn thiện hơn khoa Tướng pháp giúp ích cho đời và xã hội.

2. Nói cụ thể về kiến thức Tướng pháp như phải biết đâu là Thiên Trung, Thiên Đìn, đâu là niêm thọ Sơn căn, đâu là gò, là phủ, là đìn, Tụng đài, Pha trì, Địa các, Địa khố, Kim lâu, Pháp lệnh. Chỗ nào gọi Ngọ tần thiên thượng, Nhật nguyệt giác. Nơi nào gọi Tiên phụ, Thực lộc thượng, Pha trì, Chuẩn đầu v.v... Nắm được vị trí hiểu được những cách gọi khác nhau để khỏi nhầm lẫn hay hoảng loạn nhận thức. Vì thực tế một vị trí trên mặt mà lúc gọi là Cung, lúc gọi Đìn, lúc gọi Hỏa tinh, Mộc tinh v.v... Không nắm được gốc sẽ rối loạn cả. Một khu nhỏ ở Hạ đìn thôi nhưng là Thừa tướng, Địa khố, Địa các, Pha trì, Nga áp, Tiên phụ, Pháp lệnh, Kim lâu... Thật khó phẩm định.

II. KIẾN THỨC VỀ THUYẾT ÂM DƯƠNG, NGŨ HÀNH.

1. Phát biểu tướng mạo mà không thông hiểu Thuyết Âm Dương, Ngũ hành. Một thuyết gắn kết nhiều lối tướng pháp. Hiểu Âm Dương, Ngũ hành mới rõ các gò tinh tú. Mới hiểu các hành và sự tương sinh, tương khắc giữa chúng. Sự chế khắc là có ý nghĩa mạnh lên hay yếu đi.

2. Ví dụ: Thủ thuộc hành Kim thì trắng sáng là hợp cách. Thuộc hành Hỏa thì sắc khí hồng tươi thì hay mà trái lại thì xấu v.v...



III. KIẾN THỨC DÂN TỘC HỌC.

1. Nghiên cứu về tướng pháp không chỉ có người Á Châu, người Âu Châu, Mỹ Châu, Trung Đông mà ngay ở các nước cũng đủ nhiều. Họ kế thừa, chắt lọc liên hệ với thực tế dân tộc mà tổng hợp để rút ra những tướng hình với thông tin dự báo hợp lý, sát đúng. Ở đây chỉ nói dự báo cho mang tính khoa học bởi lẽ một thực thể “tiên thiên” còn bị nhiều tác động của “hậu thiên” làm sai lệch.

2. Người Châu Á, Úc (dân bản địa) Nam Mỹ thì mũi không cao dài như người Âu Châu. Mắt người Việt Nam chủ yếu là đen, nâu đen chứ không xanh, đỏ.

Tóc người Úc, Nam Mỹ (dân bản địa) dày, cứng đen. Người Việt Nam thì đen đa phần, mềm, dày nữa v.v... Như vậy không thể lấy tướng pháp Trung Hoa, Nhật Bản (mắt một mí) mà áp dụng hoàn toàn khi xem xét tướng mạo người Việt Nam được.

IV. PHẢI BIẾT Y - LÝ VÀ SINH LÝ.

1. Kiến thức y lý và sinh lý là biểu khái lược. Vì Tướng pháp có nói đến bệnh lý. Từ Bệnh thành hình tướng và từ hình tướng mà có thêm nhận định về bệnh tình. Bác sỹ Joself Renald ở Châu Âu hay “tiết Quang Đao Thần tướng” của Trung Hoa cùng nói nhiều về tướng - y.

2. Ví dụ: Bì phu (da lông) hồng sạm, râu thưa v.v... đều do khí huyết lộ ra “mày nghiêng” thì “gan hỏng”, “mày cụp mắc chứng phong”, “mắt trắng, da nổi da gà bị can phê” v.v...

3. Khi Tướng pháp bàn về khung hình là nặng về hình cốt (khung xương) thuộc về sinh lý giải phẫu. Khi nói xương gò má liền thiên thương lộ vị, hay nói Sơn căn xương xẩu (mũi



xương gồ lên hình mũi kiếm). “Long cốt liền thiên” xương trán nổi sống kéo tận đỉnh đầu. Đấy đều từ giải phẫu mà minh chứng. Hay nói “xương sườn liền tảng” thì khái niệm sinh lý giải phẫu mà suy ra thông tin của Tướng pháp.

V. KIẾN THỨC TÂM LÝ.

1. Kiến thức tâm lý sẽ giúp Tướng thuật gia hiểu được sắc khí “duy biến” và “thường biến” ở mặt và ở mắt mỗi người. Trông mắt lộ rõ ác khí ta biết ngay người đang có điều lo nghĩ khổ tâm. Mắt như cười tươi sáng con người luôn hoan hỉ v.v...

2. Rồi nữa biết được tâm lý thì tướng thuật gia không bao giờ dùng lời lẽ thô thiển, bộc trực để nói về tướng xấu, điều hung với người nghe. Đôi khi chỉ nói một phần nhỏ mà phải dấu đi phần lớn điều không tốt. Phải biết rằng tâm lý người nghe thích điều tốt đẹp mà không thích điều nghịch lỗ tai sẽ gây điều bất lợi.

3. Một vấn đề “thiên cơ bất khả lộ” (về thiên bí) nghĩa không thể nói trọn vẹn hết thông tin mình thấy trên tướng mạo của một ai đó. Nó không chỉ phù hợp tâm lý người nghe mà “cơ bẩm mệnh số” không nên tiết lộ hết cho ai đó. Gây tâm lý ngay ngáy lo sợ, e ngại, chán trường, bi quan hay “há miệng chờ sung rụng”. Đấy là điều tối kỵ.

VI. VỀ MẶT XÃ HỘI.

1. Có kiến thức xã hội học, người biết Tướng pháp sẽ xử lý vấn đề tế nhị khi tuyển dụng, phong cấp, xử lý kỷ luật v.v... sẽ có nhiều tham khảo hữu ích cho xã hội, cho doanh nghiệp, cho đào tạo hướng nghiệp cho lớp trẻ.



2. Ví dụ: Không thể bố trí người giữ kho có tướng gian tà trộm cắp. Không thể giao dạy trẻ cho tướng ác độc ...

3. Một vấn đề ứng dụng cho xã hội là hướng nghiệp cho lớp trẻ. Người có tướng và nếu học khoa học cơ bản sẽ có lợi cho nghiên cứu sau này v.v...

4. Khoa hình sự mà có kiến thức Tướng pháp sẽ giúp cho phán đoán ban đầu về một vụ án giúp điều tra có hướng khả thi và hiệu quả. “Trông mặt mà bắt hình dong”, “nước suýt có béo thì lòng mới ngon” là một ứng dụng hữu ích vậy v.v...



PHẦN II:

CÁC PHƯƠNG PHÁP QUAN SÁT TƯỚNG NGƯỜI

I. QUAN SÁT TƯỚNG PHẢI TUÂN THỦ MỘT TRÌNH TỰ, NGUYÊN TẮC.

1. Không thể tùy tiện bạ đâu nói đấy. Tướng pháp học cho rằng quan sát là một khoa học. Vì vậy mà phải có phương pháp mới cho ta thông tin đáng tin cậy; Mới có được những suy luận lô-gíc và sự liên thông quan hệ không mơ hồ chung chung. Tướng pháp liên quan đến chẳng những hình mẫu, cử chỉ, vận động mà còn cả sắc khí, thần thái, ngôn ngữ, hành động.

2. Quan sát tướng mạo không bó hẹp một bộ phận mà phải xem xét tổng quát.

Ví dụ:

- Thần thái tươi nhuận hay bi thảm.
- Tay chân đầy mỏng, sắc khí sáng, hồng.
- Thân dài ngắn.
- Ngũ quan thiếu đủ.
- Ngôn ngữ sang sảng hay yếu ớt.
- Cốt cách sang, hèn.
- Lục phủ đủ đầy hay thiếu lõm.



- Đầu tròn, bằng, nhô.
- Tóc, râu, lông mày thưa rậm hay khô mượt v.v... người ta đưa ra 10 phép để quan sát.

II. ĐÓ LÀ PHẢI XEM XÉT TRƯỚC HẾT.

1. Đầu trán: Đầu tròn, trán cao, đỉnh đầu cao.
Hay: Đầu thấp, trán lệch; đầu lệch, trán thấp.
2. Ngũ nhạc và tam đình: Cao, dày, cân đối, sáng sủa. Hay: Nhọn, thô, thiên lệch, mất cân đối.
3. Ngũ quan lục phủ: Đẹp dài, mềm mại, thành quách trắng đen phân minh, sắc khí tươi hồng. Hay: Ngược lại thô kệch không thành quách, tai lật, mũi hìn, mắt cụp, mày đoán, thâm sạm, nhọn, lẹm...
4. Chân tay: Đầu đặn, béo mập đường vân rõ, đẹp.
Hay: Khô gầy, xanh sạm, vân lồng nhằng, mờ nhạt. Ngón tay, chân vẹo vọ, khẳng khiu.
5. Hình dạng với ngũ hành: Hình tượng hổ, voi, tê giác. Thổ được Thổ; Kim được Kim; Hỏa được Hỏa.
Hay: Hình ngựa, chó, dê, chuột, màu sắc trái ngược ví như hình Kim phải trắng trẻo mà lại đen thì nghịch v.v...
6. Eo hông: Dày tròn, kết hợp ngực dày, bụng to tròn.
Hay: Eo bé chét, ngực dơ xương, bụng bé xệ.
7. Tình thân: Trong sáng, thân mật, mặt sáng tươi.
Hay: U ám, lờ đờ, hôn ám.
8. Dáng, điệu bộ: Uy nghi cả thần thái lẫn cốt cách, đĩnh đạc, oai vệ.
Hay: Lấm lét, sợ sệt, khúm núm.
9. Cốt cách: Thanh nhã tươi đầy tự nhiên, tròn lẳn hài hòa.
Hay: Ô trọc, vụng về, sầu nã, béo bệu, gầy nhom, vẹo vọ.



10. Thanh âm: Trong trẻo, vang ấm, ngâm dội.

Hay: Chát chúa, đục, ngắc, ồm ồm, thé lạnh.

Tóm lại: Mỗi thứ bộ đều có chính tẮc và phá cách. Chính tẮc thì quý giàu sang, khang, minh, thọ. Nếu phá cách là xấu không bình thường thì nghèo, hèn, kém cỏi, và yếu vong.

III. XEM TƯỚNG NHƯ XEM PHONG THỦY.

1. Xem tướng suy diễn như xem phong thủy. Phong thủy tìm long điểm huyệt. Xem tướng ngược lại có điểm rồi tìm phò tá bồi trợ cho nó ở đâu.

Thầy phong thủy xem sai; chọn thủy; tìm thế rồi mới kiểm huyệt trận long.

Tướng pháp: Có ba đình làm vòng (cuộc) đó là Thượng đình là Thiên (trời). Hạ đình là Địa (đất) và Trung đình là Nhân (người).

2. Giá lấy vòng Thượng đình thì huyệt pháp ở đỉnh đầu (chung chánh) làm long thì hai gò Nhật giác và Nguyệt giác (hai gò nổi chân mày) làm hiệp hộ. Sơn lâm, Trung cơ (vùng chân tóc) làm ngoại vy (hàng rào); Lấy chẩm cốt (xương hậu chẩm) làm hậu lạc (phên đậu phía sau); Lấy Kim và Mộc (hai tai) làm Viễn triền (trạm quan từ xa); Lấy ấn đường làm án (bình phong trước để che chắn mặt tiền). Và lấy Chuẩn đầu (đầu mũi) làm Viễn triỀN (chầu từ xa) v.v... cứ thế suy ra các bộ vị khác. Nghĩa là có bộ vị chính tốt rồi phải xem các phần phò trợ tả hữu, trước sau, gần xa có được chính tẮc không thì mới đạt. Lấy ví dụ có trán đẹp rồi phải xem hai tai (tả phù, hữu bật), có khá không, phò trợ tốt không. Và Sơn lâm, Trung cơ, ấn đường là lên đậu trước sau thế nào đã. Rồi hãy nói đến



sang giàu và sang đến đâu, giàu đến đâu. Nghèo thế nào; thọ yếu ra sao.

Vì vậy mà tướng của bộ phận nào cũng có tốt, có xấu. Nếu lấy bộ phận chính tốt thì các bộ vị phò tá bổ trợ, bảo vệ cũng phải khá, tốt quý. Có như vậy mới kết luận được. Đầu tốt trán hay, tay đẹp v.v... Và mới nói được thông tin cần biết. Như thế sē ít sai, chung chung, mơ hồ.

IV. TRONG TƯỚNG PHÁP luôn nghĩ đến “Tiên thiên” là cái sinh ra đã có nó “Bất biến” không thay đổi hay nó “Duy biến” có thay đổi theo thời vận “bụng phát tướng” và “Thường biến” là điềm báo bất thường hay do nghề nghiệp bệnh tật mà có tướng hình sắc khí ấy.

1. Nếu không hiểu “Bất biến”, “Duy biến” và “Thường biến”, hay “Tiên thiên”, “Hậu thiên” (những tác động trong quá trình sống) thì mǎn Tướng pháp còn hổng, thiếu sē sai lầm nhiều lắm. Cái gì thuộc “Đột biến” phải biết.

2. Ví như người ta về hình thể có lúc béo, lúc gầy “Duy biến”. Lúc sắc khí xanh, hồng “Thường biến”. Nhưng với đôi bàn tay với các đường chỉ tay, vân tay, thì không thay đổi “Bất biến”. Cái “Bất biến” là định mệnh, con người không tham dự được, thay được về hữu hình (nguyên trạng). Song nên nhớ rằng còn nhiều thứ “Duy biến” và “Thường biến” sē làm thay đổi số mệnh theo vận niêm và đó là “đức nhân thắng số” hay đến lúc vận tốt, vận xấu. Con người được giáo dục, kèm cặp, rèn rũa và tự tu dưỡng phấn đấu. Môi trường gia đình, xã hội, đất nước, nghề nghiệp v.v... “Hậu thiên” tốt, xấu sē góp phần biến cải con người. Hạt giống tốt gieo vào đất tốt thì càng tốt. Hạt giống ấy mà gieo nơi cǎn cỗi cũng không phát triển như ý.



V. NHỮNG QUAN NIỆM KHÁC TRONG QUAN SÁT TƯỚNG MẠO.

1. Quan niệm 8 phép quan sát tướng của người xưa gồm:

Uy, Hậu, Thanh, Cổ, Cô, Bạc và Tục. Đó là với nam.

- Và tướng nữ thì có:

Kính, Trọng, Khinh, Hỷ (gian mê), Uy, Khủng (ác độc), ác (hủ lậu hình thù cổ quái).

2. Phép chia tướng 7 chữ gồm:

Thanh (tướng quý), Cổ (thân như cổ thụ lừng danh), Tú (đẹp đẽ), Quái (tướng kỳ quái khác người cũng là quý), Đoan (tướng đoan trang uy dũng), Dị (đặc biệt ví dụ này có 8 màu, mắt hai con người), Nợn (béo phì) cũng quý.

3. Tướng mặt có phân 10 điểm đặc biệt (10 chữ T.Q):

- Mặt tròn (chữ Viên): Đầy đặn, sáng sủa.

- Mặt vuông (chữ Điện): Rộng cương nghị.

- Mặt quả trứng (chữ Do): Dưới rộng trên hẹp, kém cỏi.

- Mặt da sần sùi (chữ Phong): Giàu có, bệnh lý.

- Mặt lệch (chữ Dụng): Không cân đối trái phải của mặt.

- Mặt dài (chữ Mục): Không thiên tâm (mặt ngựa).

- Mặt có 2 gò má cao (chữ Đồng): 4 góc vuông: Quý.

- Mặt có 2 gò má nhọn (chữ Vuông): Quý.

- Mặt có trán rộng nhô: Bướng bỉnh.

- Mặt có xương lưỡng quyền nhô cao phía dưới gầy (chữ Thân) có uy quyền.

4. Chín thuật quan sát tướng mạo của các tướng Thuật gia Trung Quốc cần xem xét:

- Tinh thần, Hồn phách, Khí sắc, Hành động, Cử chỉ, Mắt, Tài trí, Đức độ, những thể hiện bên trong.



- Chín thuật này được chi tiết:

Nhất thành (một cách biểu tinh thần minh mẫn).

Nhị thành (hai cách biểu hồn phách ổn định).

Tam thành (ba cách biểu hình dạng khoan thai).

Tứ thành (bốn cách biểu khí sắc trong sáng).

Ngũ thành (năm cách biểu hành động đúng cách).

Lục thành (sáu cách biểu hành động đàng hoàng).

Thất thành (bảy cách biểu đánh giá sự việc chính xác).

Bát thành (tám cách biểu thông minh, tài trí).

Cửu thành (chín cách biểu làm điều có đức).

“Cửu thành chi thuật” (chín cách thuật xem tướng) là căn cứ tướng hình xương và cách hành sự của người mà các tướng Thuật gia cần.

5. 36 phép nhận xét tướng mạo một người.

Bao gồm tướng: Đầu, Tóc, Mày, Mắt, Tai, Mũi, Nhân trung, Môi, Răng, Lưỡi, Râu, Não, Cổ, Vú, Bụng, Lưng, Rốn, Sườn, Vai, Bắp đùi, Chân, Ngọc kính, Âm nang, Cổ đạo, Long, Móng tay, Nốt ruồi, Bớt, Điểm, Da, Xương, Máu, Xương chẩm, Thanh âm, Bàn tay, Chỉ tay.

6. Quan điểm của “Tiết Quan Đạo Thần tướng” (Trung Quốc)

Quan điểm của “Tiết Quan Đạo” đưa vào Ngũ hành và Lục phủ ngũ tạng, vì cho rằng y-lý và sinh lý quan hệ mật thiết tới tướng mạo. Từ đó mà suy ra thông tin.

Ví như: Râu, Mày, Tóc, Lông đều liên quan hệ quả của tạng phủ và ngũ hành.

Điễn giải:

- Tóc thuộc tim, tim thuộc hành Hỏa. Hỏa vượng lên thì tóc ở đỉnh đầu xanh mượt, sinh tóc.



- Mày thuộc gan, gan thuộc hành Mộc tinh đi ngang nên sinh ra mày.
- Lông thuộc tỳ, tỳ là hành Thổ vượng bốn mùa nên sinh lông khắp người.
- Lông mũi thuộc phổi, phế hành Kim chủ liễu (Thổ) nên sinh ra ở lỗ mũi.
- Râu thuộc thận, thận hành Thủy nhuận xuống dưới nên sinh râu thẳng xuống. Trên ở miệng dưới ở bùi dái.
 - + Phụ nữ có nội thận nên hai bên âm đạo có âm mao, không có ngoại thận nên không có râu ở miệng, cầm. Buồn, vui, thèm, muôn, đau khổ... đều liên quan đến phổi, tim, gan, thận (Tân, Can, Phế, Thận) và phát sinh ra nước miếng, nước mắt, mồ hôi, tinh, khí, nhớt, nước tiểu. Tất thảy đều được sinh hóa từ lục phủ ngũ tạng theo hành Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ chủ Âm dương là thế.



PHẦN III

NHỮNG ĐIỂM CẤM KỴ KHI XEM TƯỚNG MẠO

I. QUAN ĐIỂM

Không chỉ những người chỉ nghiên cứu Tướng pháp mà ngay có những người thực hành Tướng pháp đều không nên tham biến qua quýt, hời hợt mà cần có ý thức nghiên ngẫm tướng lý thấu đáo.

Người xưa khuyên “... Tiên nhạc Nhi, Hậu giác Hạ...” Trước hết tự bản thân mình phải thấu triệt chu đáo. Sau đó mới bảo ban Thiên hạ được!

Và nữa “... Biết mà không nói là đại bất nhân.

Nói không hết đại bất nghĩa...”

Nếu thấy, biết mà không truyền đạt thì rất là không có tính người.

Đã nói thì phải nói rõ mới là người có nghĩa khí.

Điều “Nhân”, “Nghĩa” được coi trọng chứ không bí truyền hay chỉ nói vì vật chất tiền bạc.

II. NHỮNG ĐIỀU KỴ KHI XEM TƯỚNG.

1. Sau khi họ uống rượu. Lúc này men rượu làm thay đổi



sắc khí mắt, mặt không phân biệt điều lành, dữ. Cử chỉ, thái độ, hành vi bị rượu làm thay đổi khó phân người hiền, ngu.

2. Sắc dục quá độ. Khi đã có sắc dục quá độ thì thần thái thay đổi, khí sắc biến dị, khó rõ thực hư hình tướng.

3. Giận dữ, hung bạo có mưu mô thâm độc vì khi ấy chính, tà lẩn lộn.

4. Nhiều người ôn ào, lộn xộn họ không lộ rõ thần thái thực của người họ.

5. Lòng bồn chồn không yên sẽ khó thấy thần sắc.

III. NGƯỜI THỰC HÀNH TƯỚNG PHÁP CẦN LUU Ý.

1. Chỉ quan sát khi tâm trạng mình bình an, khỏe mạnh.

2. Tâm hồn thanh khiết không có mục đích riêng tư. Như vậy sẽ vô tư, thành thật và thận trọng.

3. Quan sát tốt nhất ở nơi tĩnh lặng.

4. Không nói những điều mà gây sợ hãi, làm họ nghĩ sai dẫn đến bi quan đi tìm cái chết.

Nghĩa là phải hiểu tâm lý có cân nhắc lợi, hại khi nói ra điều xấu.

5. Thấy tướng người hung bạo thì chớ nói bản chất thực của anh ta. Có thể gây hậu quả không mong muốn hơn là khoe mình tài giỏi mà chuốc họa vào thân.

6. Tướng sắp tàn thì không nói rõ chỉ bất lợi thôi. Những điều kỵ không ai trách và không thể trách cứ mình. Vả lại “Thiên cơ” không thể nói hết để giữ âm đức, phúc phần.

Nói như vậy thì chỉ nói điều vui, điều cát thoi sao? Không phải thế. Những điều xấu mà ít phương hại vẫn có thể lựa lời bộc bạch dưới dạng những lời khuyên tế nhị.



Những điều quá xấu thì hoặc yên lặng hoặc nói bồng gió
tùy họ ngầm hiểu.

Hướng nghiệp cho ai đó chỉ gợi ý để họ tự suy ngẫm.



SÁCH THAM KHẢO

1. Tiết Quan Đạo thần tướng (Văn hóa Thư cục Thượng Hải XB).
2. Phú Thạch Thất Thần Di của Ma-Y tiên sinh.
3. Khoa học nhận dạng (NXBVH Dân tộc) Lê Giảng.
4. Thiên Địa Nhân (NXB Mũi Cà Mau) Ngô Bạch.
5. Những bí ẩn cuộc đời (Sở VHTT Thừa Thiên Huế) Khánh Vân, Mai Hoàng.
6. Đoán vận mạng cuộc đời (Lịch cổ).
7. Số tiền định của Thiên Phúc - Nguyễn Phúc Ân.
8. Dự đoán theo Tứ trụ (N XBVHTT) Thiệu Vĩ Hoa.
9. Chu Dịch và dự đoán họa (NXBVN) Thiệu Vĩ Hoa.
10. Kinh dịch (Nhà XB Văn học) Nguyễn Hiến Lê.
11. Tạp chí Khoa học và Đời sống.
12. Tạp chí Sức khỏe và Đời sống (Cơ quan Ngôn luận Bộ Y tế).
13. Bản điện đồ của Chiêm Khí Sắc.
14. Thuật tướng toàn biên quyển 1 (Trần Chuyển).
15. Tìm hiểu cá tính qua tướng mạo và bàn tay (Nguyễn Vĩnh Phúc).
16. Les mains et coracteristique.Talexe.
17. The hand của Dr.Joself Renald.
18. Một số tác phẩm tử vi tướng pháp của nhiều tác giả khác.



MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	5
CHƯƠNG I: KHÁI LUẬN VỀ TƯỚNG PHÁP	7
CHƯƠNG II. CÁC BIỆT TƯỚNG VÀ NHỮNG THÔNG TIN DỰ BÁO	17
PHẦN I: Các biệt tướng - Khái niệm	17
PHẦN II: Các biệt tướng và những thông tin	19
CHƯƠNG III. HÌNH TƯỚNG VÀ NHỮNG THÔNG TIN DỰ BÁO TỪ HÌNH TƯỚNG	26
PHẦN I: Hình tướng còn gọi là khung tướng	26
PHẦN II: Khung hình và thông tin dự báo	32
PHẦN III: Khung xương, khung hình đầu điển hình đặc trưng	40
PHẦN IV: Một vài quan điểm của tướng thuật gia Trung Quốc và Tây Âu về tướng đầu	55
PHẦN V: Phần giữa - Trung đình	59



CHƯƠNG IV: TƯỚNG MẶT - DIỆN MẠO - DIỆN TƯỚNG

67

PHẦN I: Khuôn mặt và thông tin dự báo	67
PHẦN II: Tướng khu vực, ngũ nhạc, ngũ quan	76
PHẦN III: Cung vị trên khuôn mặt và thông tin	81
PHẦN IV: Năm giác quan - Ngũ quan	103

CHƯƠNG V. TƯỚNG TAY CHỈ TAY, CHÂN

PHẦN I: Tướng tay và những thông tin	138
PHẦN II: Những đường chỉ tay	148
PHẦN III: Các dấu hiệu khác	172
PHẦN IV: Những chỉ tay đặc biệt	198
PHẦN V: Tướng chân và thông tin	207
PHẦN VI: Các ngôi sao l'étoil - Star trong bàn tay và các ý nghĩa	211

CHƯƠNG VI. CÁC TƯỚNG ĐỘNG VÀ TĨNH VỚI NHỮNG THÔNG TIN DỰ BÁO

215

PHẦN I: Tướng tiếng và thanh - (Thanh tướng) - Giọng - Âm	215
PHẦN II: Tướng ăn uống (sức tướng)	219



PHẦN III: Tướng cười - Tiếu tướng	222
PHẦN IV: Tướng ngồi - Tọa tướng	225
PHẦN V: Tướng nhìn - Khúc tướng	227
PHẦN VI: Tướng nằm - Ngọa tướng	232
CHƯƠNG VII: CÁC TẠP TƯỚNG	235
PHẦN I: Tâm tướng	235
PHẦN II: Xét hình tướng từ thói quen	239
PHẦN III: Định tướng qua cử chỉ và dáng điệu	244
PHẦN IV: Tướng nốt ruồi	247
PHẦN V: Những bộ phận chính để tham khảo thông tin chủ yếu	252
PHẦN VI: Quan niệm tướng thuật của Ma-y tiên sinh	264
CHƯƠNG VIII. CÁCH NHẬN ĐỊNH VỀ TƯỚNG MẠO	281
PHẦN I: Những kiến thức cơ bản cần có	281
PHẦN II: Các phương pháp quan sát tướng người	286
PHẦN III: Những điểm cấm ky khi xem tướng mạo	293



NHÀ XUẤT BẢN HẢI PHÒNG

Số 5 Nguyễn Khuyến - Hải Phòng

TỔNG LUẬN VỀ TƯỚNG PHÁP

BIÊN SOẠN: THẠC SỸ VŨ ĐỨC HUYNH

- Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN THẾ BÌNH

GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP

- Biên tập:

THU BÌNH

- Thiết kế bìa:

XUÂN LÂM + HƯƠNG THỦY

- Trình bày:

HƯƠNG THỦY

- Sửa bản in:

THU HÀ

Liên kết xuất bản + Phát hành tại:

CÔNG TY VĂN HÓA HƯƠNG THỦY

NHÀ SÁCH HƯƠNG THỦY

Số 19 Đông Các, Phường Ô Chợ Dừa,

Quận Đống Đa, Thành Phố Hà Nội

ĐT: 04. 38569432 - Fax: 04.38569433

In 1.000 cuốn, khổ 14,5cm x 20,5 cm tại Công ty TNHH in - Thương mại Thuận Phát
Giấy phép xuất bản số 391 - 2008/CXB/15 - 29/HP

In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2009